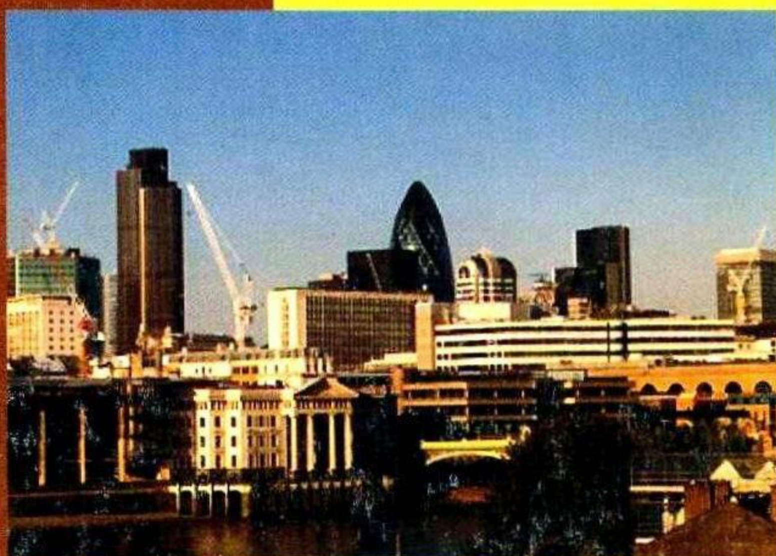
ThS. TRƯƠNG NGỌC THỚI
(Giáo viên trường chuyên Lê Khiết)

1260 CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Lịch sử 12

(Theo chương trình mới)







NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Thạc sĩ. TRƯƠNG NGỌC THƠI
GV Trường chuyên Lê Khiết

1260 CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM
LỊCH SỬ 12

(THEO CHƯƠNG TRÌNH MỚI)

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

LỜI NÓI ĐẦU

Bắt đầu từ năm học 2007-2008, theo lộ trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo có khả năng sẽ triển khai việc thi trắc nghiệm môn Lịch sử trong các kì thi tốt nghiệp và tuyển sinh đại học, cao đẳng như các môn Vật lí, Hóa học, Sinh học và Ngoại ngữ. Trong đó, chương trình Lịch sử lớp 12 có nhiều vấn đề mới và khó. Chính vì vậy, hiện nay đổi mới phương pháp dạy học là nhiệm vụ trọng tâm của ngành Giáo dục và Đào tạo. Một trong những nhiệm vụ quan trọng trong việc đổi mới phương pháp dạy học là việc đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá bằng hình thức trắc nghiệm khách quan. Trong các bài kiểm tra, các kì thi tốt nghiệp THCS, THPT và cả kì thi tuyển sinh đại học, hình thức này sẽ được áp dụng rộng rãi.

*Vì vậy, để giúp cho các em học sinh học tập, rèn luyện, các thầy cô giáo, các bậc phụ huynh tham khảo với phương pháp này, chúng tôi biên soạn cuốn sách **"1260 CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM LỊCH SỬ LỚP 12"**.*

Chúng tôi đã cố gắng biên soạn những câu hỏi trắc nghiệm, vừa phát huy được tính tích cực của học sinh trong việc học tập môn Lịch sử, vừa đảm bảo tính vừa sức đối với học sinh lớp 12 theo chương trình và SGK Lịch sử lớp 12 mới, bắt đầu thực hiện từ năm học 2008-2009.

*Chúng tôi hi vọng rằng cuốn **"1260 CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM LỊCH SỬ LỚP12"** này sẽ đến với các bạn đồng nghiệp, quý vị phụ huynh cùng các em học sinh như là một tài liệu để nghiên cứu, tham khảo, lần lượt tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong dạy, học và làm các bài tập trắc nghiệm, đáp ứng được yêu cầu đổi mới mà Bộ Giáo dục- Đào tạo đã ban hành.*

Tuy chúng tôi đã có nhiều cố gắng nghiên cứu, song quá trình biên soạn chắc sẽ không tránh khỏi những thiếu sót. Rất mong nhận được sự đóng góp của bạn đọc. Xin chân thành cám ơn!

TÁC GIẢ

PHẦN I
LỊCH SỬ THẾ GIỚI

Chương I
BỐI CẢNH QUỐC TẾ SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI

Câu 1. Hội nghị cấp cao của ba cường quốc Liên Xô, Mĩ, Anh từ ngày 4 đến ngày 12 - 2 - 1945 được tổ chức tại đâu?

A. Tại Oa-sinh-tơn (Mĩ)
B. Tại I-an-ta (Liên Xô)
C. Tại Pốt-xđam (Đức)
D. Tại Luân Đôn (Anh).

Câu 2. Ghi tên người đứng đầu ba nước tham dự Hội nghị cấp cao của ba cường quốc Liên Xô, Mĩ, Anh.

Ba cường quốc	*Tên đại biểu dự Hội nghị*
1) Liên Xô	A..
2) Mĩ	B..
3) Anh	C..

Câu 3. Để kết thúc nhanh chiến tranh ở châu Âu và châu Á-Thái Bình Dương, ba cường quốc đã thống nhất mục đích gì?

A. Sử dụng bom nguyên tử để tiêu diệt phát xít Nhật
B. Hồng quân Liên Xô nhanh chóng tấn công vào tận sào huyệt của phát xít Đức ở Bec-lin
C. Tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít Đức và quân phiệt Nhật
D. Tất cả các mục đích trên.

Câu 4. Hãy điền vào chỗ trống các câu sau đây:

A. Để nhanh chóng kết thúc chiến tranh ở châu Âu và châu Á-Thái Bình Dương và .... số tham chiến chống Nhật ở châu Á-Thái Bình Dương
B. Ba cường quốc thống nhất thành lập tổ chức ....dựa trên sự nhất trí của 5 cường quốc Liên Xô, Mĩ, Anh, Pháp và Trung Quốc
C. Hội nghị tiến đến thỏa thuận việc đóng quân tại các nước nhằm giải giáp quân đội phát xít và phân chia phạm vi ảnh hưởng ở ....

Câu 5. Theo quy định của Hội nghị I-an-ta,quân đội nước nào sẽ chiếm đóng các vùng lãnh thổ Tây Đức, I-ta-li-a, Nhật Bản, Nam Triều Tiên sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Liên Xô
B. Anh
C. Mĩ
D. Pháp.

Câu 6. Theo quy định của Hội nghị I-an-ta, quân đội nước nào sẽ chiếm đóng các vùng Đông Đức, Đông Âu, Đông Bắc Triều Tiên sau Chiến tranh thế giới thứ hai

A. Liên Xô
B. Anh
C. Mĩ
D. Pháp

Câu 7. Ba cường quốc Liên Xô, Mĩ, Anh thống nhất thành lập tổ chức Liên hợp quốc tại Hội nghị nào?

A. Hội nghị I-an-ta (Liên Xô): 9-2-1945
B. Hội nghị Xan-phơ-ran-xi-cô (Mĩ): 4-6-1945

C. Hội nghị Pôt-xdam (Đức): 7-8-1945

D. A, B đúng.

Câu 8. Nhiệm vụ chính là duy trì hòa bình và an ninh thế giới, phát triển mối quan hệ giữa các dân tộc trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền của các dân tộc và thực hiện hợp tác quốc tế về kinh tế, văn hóa, xã hội và nhân đạo là nhiêm vụ chính của:

A. Liên minh châu Âu
B. Hội nghị I-an-ta
C. ASEAN
D. Liên hợp quốc.

Câu 9. Hãy nối nội dung dưới đây cho phù hợp với mục đích và nguyên tắc hoạt động của tổ chức Liên hợp quốc.

	Nội dung
	A. Quyền bình đẳng giữa các quốc gia và quyền dân tộc tự quyết
1. Mục đích	B. Tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị của tất cả các nước
	C. Duy trì nền hòa bình và an ninh thế giới
2. Nguyên tắc	D. Giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng phương pháp hòa bình
	E. Thúc đẩy quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa các nước trên cơ sở tôn trọng quyền bình đẳng giữa các quốc gia và nguyên tắc dân tộc tự quyết
	F. Không can thiệp vào công việc nội bộ của bất cứ nước nào.

Câu 10. Ghi đúng (Đ) hoặc sai (S) vào các ô đặt trước những câu sau đây về việc giải quyết vấn đề các nước phát xít chiến bại sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

☐ A. Nội dung và tinh thần cơ bản của việc giải quyết vấn đề nước Đức là quy định những nguyên tắc và biện pháp nhằm dân chủ hóa và hòa bình hóa nước Đức.

☐ B. Ở Đông Đức và Tây Đức, Mĩ, Anh, Pháp đã dung túng, nuôi dưỡng lực lượng quân phiệt dưới nhiều hình thức khác nhau.

☐ C. Liên Xô đã giúp đỡ các lực lượng dân chủ ở Đông Đức tiến hành những cải cách dân chủ.

☐ D. Chủ quyền của Nhật Bản giới hạn trên đất Nhật chính thống.

☐ E. Nhật Bản không được phát triển công nghiệp hòa bình.

☐ F. Mĩ và các nước Đồng minh đã phải tổ chức tòa án Tô-ki-ô xét xử tội phạm chiến tranh.

☐ G. Từ sau hội nghị cấp cao I-an-ta đến Hòa ước Pa-ri, các nước Đồng minh đã thiết lập một trật tự thế giới mới sau chiến tranh.

Câu 11. Trật tự thế giới mới theo khuôn khổ thỏa thuận I-an-ta của những nước nào ?

A. Liên Xô, Anh, Pháp, Mĩ
B. Liên Xô, Mĩ, Anh
C. Liên Xô, Anh, Pháp, Mĩ, Trung Quốc
D. Anh, Pháp, Mĩ.

Câu 12. Tháng 3-1947, Tổng thống Tơ-ru-man của Mĩ chính thức phát động cuộc "chiến tranh lạnh" nhằm mục đích gì ?

A. Chống Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa

B. Giữ vững nền hòa bình, an ninh thế giới sau chiến tranh

C. Xoa dịu tinh thần đấu tranh của công nhân ở các nước tư bản chủ nghĩa

D. Chống phong trào giải phóng dân tộc ở Mĩ La - tinh.

Câu 13. Thế nào là "chiến tranh lạnh" do Mĩ phát động theo phương thức đầy đủ nhất?

A. Chuẩn bị gây ra một cuộc chiến tranh thế giới mới.

B. Dùng sức mạnh quân sự để đe dọa đối phương.

C. Thực tế chưa gây chiến tranh, nhưng chạy đua vũ trang làm cho nhân loại "luôn luôn ở trong tình trạng chiến tranh" thực hiện "chính sách đu đưa bên miệng hố chiến tranh"

D. Chưa gây chiến tranh nhưng dùng chính sách viện trợ để khống chế các nước.

Câu 14. Sự kiện nào dẫn đến sự tan vỡ mối quan hệ Đồng minh chống phát xít giữa Liên Xô và Mĩ?

A. Sự hình thành hệ thống XHCN sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

B. Sự ra đời của "Chủ nghĩa Tơ-ru-man" và "chiến tranh lạnh" (3-1947)

C. Việc Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử (1949).

D. Sự ra đời của khối NATO (9-1949).

Câu 15. Hội nghị Pốt-xđam được triệu tập vào thời gian nào? Ở đâu?

A. Tháng 7 năm 1945. Ở Liên Xô. B. Tháng 8 năm 1945. Ở Mĩ.

C. Tháng 10 năm 1945. Ở Đức. D. Tháng 7 năm 1945. Ở Đức.

Câu 16. Theo tinh thần của Hội nghi Pốt-xđam, quân đội Liên Xô chiếm đóng vùng nào ở nước Đức?

A. Vùng lãnh thổ phía Đông nước Đức. B. Vùng lãnh thổ phía Tây nước Đức.

C. Vùng lãnh thổ phía Nam nước Đức. D. Vùng lãnh thổ phía Bắc nước Đức.

Câu 17. Theo tinh thần Hội nghị Pốt-xđam, vùng Tây Bắc và vùng phía Nam nước Đức do nước nào chiếm đóng?

A. Anh chiếm vùng Tây Bắc, Mĩ chiếm vùng phía Nam.

B. Trung Quốc chiếm vùng Tây Bắc, Mĩ chiếm vùng phía Nam.

C. Liên Xô chiếm vùng Tây Bắc, Pháp chiếm vùng phía Nam.

D. Pháp chiếm vùng Tây Bắc, Liên Xô chiếm vùng phía Nam.

Câu 18. Nước Cộng hòa Liên bang Đức được thành lập vào thời gian nào?

A. Tháng 10 năm 1949. B. Tháng 9 năm 1949.

C. Tháng 12 năm 1948. D. Tháng 8 năm 1948.

Câu 19. Sự kiện nào dẫn đến thành lập nước Cộng hòa Liên bang Đức?

A. Nước Đức được hoàn toàn thống nhất.

B. Nước Đức đã tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít.

C. Mĩ, Anh, Pháp hợp nhất các vùng chiếm đóng.

D. Tất cả các sự kiện trên.

Câu 20. Nhà nước Cộng hòa Dân chủ Đức được thành lập vào thời gian nào?

A. Tháng 9 năm 1949. B. Tháng 12 năm 1949.

C. Tháng 10 năm 1949. D. Tháng 1 năm 1950.

Chương II

LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU (1945 – 1991)
LIÊN BANG NGA

Câu 1. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, các nước đế quốc do Mĩ cầm đầu đã thực hiện âm mưu cơ bản gì để chống lại Liên Xô?

A. Tiến hành bao vây kinh tế

B. Phát động "chiến tranh lạnh"

C. Đẩy mạnh chiến tranh tổng lực

D. Lôi kéo các nước đồng minh chống lại Liên Xô.

Câu 2. Từ năm 1946 – 1950, Liên Xô đã đạt được thắng lợi to lớn gì trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội?

A. Hoàn thành thắng lợi kế hoạch 5 năm khôi phục kinh tế.

B. Phóng thành công vệ tinh nhân tạo của Trái đất

C. Xây dựng cơ sở vật chất- kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội

D. Thành lập Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết.

Câu 3. Năm 1949 đã ghi dấu ấn vào lịch sử Liên Xô bằng sự kiện nổi bật nào?

A. Liên Xô phóng thành công vệ tinh nhân tạo.

B. Liên Xô đập tan âm mưu thực hiện cuộc "chiến tranh lạnh" của Mĩ.

C. Liên Xô thực hiện được nhiều kế hoạch dài hạn

D. Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử.

Câu 4. Trong các câu dưới đây, câu nào đúng (Đ), câu nào (S) khi nói đến thành tựu xây dựng CNXH ở Liên Xô (từ 1945 đến nửa đầu những năm 70):

TT	*Nội dung*	*Đ*	*S*
1.	Năm 1960, tổng sản lượng công nghiệp tăng 72% so với trước chiến tranh		
2.	Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết được thành lập vào năm 1922.		
3.	Trong những năm 1946 - 1950, Liên Xô trở thành cường quốc công nghiệp đứng thứ hai thế giới (sau Mĩ).		
4.	Liên Xô là nước đi đầu trong một số ngành công nghiệp mới: công nghiệp vũ trụ, công nghiệp điện nguyên tử.		
5.	Năm 1957, Liên Xô phóng con tàu vũ trụ đưa nhà du hành vũ trụ Ga-ga-rin bay vòng quanh Trái Đất		

Câu 5. Nối thời gian ở cột A cho phù hợp với sự kiện ở cột B sau đây khi nói về sự thành lập các nước dân chủ nhân dân Đông Âu:

A	*B*
1) 22 - 7 - 1944	A. Cộng hòa Nhân dân Bun-ga-ri
2) 23 - 8 - 1944	B. Cộng hòa Nhân dân An-ba-ni
3) 4 - 4 - 1945	C. Cộng hòa Nhân dân Ba Lan
4) 9 - 5 - 1945	D. Cộng hòa Nhân dân Ru-ma-ni

5) 29 - 11 - 1945	E. Cộng hòa Dân chủ Đức
6) 11 - 12 - 1945	F. Cộng hòa Nhân dân Hung-ga-ri
7) 15 - 9 - 1946	G. Cộng hòa Liên bang Nhân dân Nam Tư
8) 7 - 10 - 1949	H. Cộng hòa Tiệp Khắc

Câu 6. Hãy xác định khó khăn lớn nhất ở Liên Xô do Chiến tranh thế giới thứ hai để lại?

A. Hơn 32.000 xí nghiệp bị tàn phá. B. Hơn 70.000 làng mạc bị tiêu hủy.

C. Hơn 1710 thành phố bị đổ nát. D. Hơn 27 triệu người chết .

Câu 7. Liên Xô dựa vào thuận lợi nào là chủ yếu để xây dựng lại đất nước ?

A. Những thành tựu từ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trước chiến tranh.

B. Sự ủng hộ của phong trào cách mạng thế giới.

C. Tính ưu việt của CNXH và nhiệt tình của nhân dân sau ngày chiến thắng.

D. Lãnh thổ lớn và tài nguyên phong phú.

Câu 8. Thành tựu nào quan trọng nhất mà Liên Xô đạt được sau chiến tranh?

A. Năm 1949, Liên Xô chế tạo thành cong bom nguyên tử.

B. Năm 1957, Liên Xô là nước đầu tiên phóng thành công vệ tinh nhân tạo của trái đất.

C. Năm 1961, Liên Xô là nước đầu tiên phóng thành công tàu vũ trụ có người lái.

D. Đến thập kỉ 60 (thế kỉ XX), Liên Xô trở thành cường quốc công nghiệp đứng thứ hai thế giới (sau Mĩ).

Câu 9. Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử vào năm nào?

A. 1945. B. 1947. C. 1949. D. 1951.

Câu 10. Điểm khác nhau về mục đích trong việc sử dụng năng lượng nguyên tử của Liên Xô và Mĩ?

A. Mở rộng lãnh thổ. B. Duy trì nền hòa bình thế giới.

C. Ủng hộ phong trào cách mạng thế giới. D. Khống chế các nước khác.

Câu 11. Trong quá trình xây dựng CNXH ở Liên Xô (từ 1950 đến nửa đầu những năm 70 của thế kỉ XX), số liệu nào sau đây có ý nghĩa nhất ?

A. Nếu năm 1950, Liên Xô sản xuất được 27,3 triệu tấn thép thì đến năm 1970 sản xuất được 115,9 triệu tấn.

B. Năm 1950, tổng sản lượng công nghiệp của Liên Xô tăng 73% so với trước chiến tranh.

C. Từ năm 1951 đến 1975, mức tăng trưởng của Liên Xô hàng năm đạt 9,6%.

D. Từ giữa thập niên 70, sản xuất công nghiệp của Liên Xô đạt khoảng 20% sản lượng công nghiệp của toàn thế giới.

Câu 12. Nhà máy điện nguyên tử đầu tiên trên thế giới được xây dựng tại đâu?

A. Mĩ B. Đức. C. Liên Xô. D. Trung Quốc.

Câu 13. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Liên Xô chú trọng vào ngành kinh tế nào để đưa đất nước phát triển?

A. Phát triển nền công nghiệp nhẹ.

B. Phát triển nền công nghiệp truyền thống.

C. Phát triển kinh tế công-nông- thương nghiệp.

D. Phát triển công nghiệp nặng.

Câu 14. Liên Xô phóng thành công vệ tinh nhân tạo của Trái Đất vào năm nào?

A.1955. B.1957. C.1960. D.1961.

Câu 15. Năm 1961 là năm diễn ra sự kiện gì thể hiện việc chinh phục vũ trụ của Liên Xô?

A. Phóng thành công vệ tinh nhân tạo của Trái Đất.

B. Phóng con tàu đưa người đầu tiên bay vào vũ trụ.

C. Đưa con người lên Mặt Trăng.

D. Đưa con người lên Sao Hỏa.

Câu 16. Ga-ga-rin đã làm gì trong việc thực hiện chinh phục vũ trụ?

A. Người đầu tiên bay lên Sao Hỏa.

B. Người đầu tiên thử thành công vệ tinh nhân tạo.

C. Người đầu tiên bay vào vũ trụ.

D. Người đầu tiên đặt chân lên Mặt Trăng.

Câu 17. Đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX, Liên Xô đã đạt được thành tựu cơ bản gì thể hiện sự cạnh tranh với Mĩ và Tây Âu?

A. Thế cân bằng về sức mạnh kinh tế.

B. Thế cân bằng chiến lược về sức mạnh quân sự nói chung và sức mạnh về hạt nhân nói riêng

C. Thế cân bằng về sức mạnh quốc phòng.

D. Thế cân bằng về chinh phục vũ trụ.

Câu 18. Sắp xếp các sự kiện ở cột B cho phù hợp với cột A theo yêu cầu sau đây :

A	*B*
1. Liên Xô bước ra khỏi Chiến tranh thế giới thứ hai.	A. Hơn 27 triệu người chết
	B. Phóng thành công vệ tinh nhân tạo của Trái Đất.
2. Thành tựu Liên Xô đạt được trên lĩnh vực khoa học kĩ thuật	C. Đứng đầu thế giới về sản xuất công nghiệp.
	D. Bị các nước đế quốc yêu cầu chia lại lãnh thổ.
	E. Đưa nhà du hành vũ trụ Ga-ga-rin bay vòng quanh Trái Đất.
	G. Giàu có nhờ thu lợi nhuận sau chiến tranh.

Câu 19. Vào khoảng thời gian nào các nước Đông Âu lần lượt hoàn thành cách mạng dân chủ nhân dân và bước vào thời kì xây dựng CNXH ?

A. Khoảng những năm 1945 - 1946 B. Khoảng những năm 1946 - 1947

C. Khoảng những năm 1947 – 1948 D. Khoảng những năm 1948 - 1949.

Câu 20. Hãy điền tên nước ở Đông Âu vào chỗ trống các câu sau đây:

A. Năm 1970, ... đã hoàn thành công cuộc điện khí hóa cả nước.

B. Gần nửa dân số .... sống trong những ngôi nhà mới xây dưới chính quyền nhân dân

C. Ở ...., tổng sản phẩm công nông nghiệp năm 1975 tăng 55 lần so với năm 1939

D. Sau 20 năm xây dựng chế độ mới, ... đã trở thành một nước công nông nghiệp, có văn hóa và khoa học-kĩ thuật tiên tiến

E. .... đã được xếp vào hàng các nước công nghiệp trên thế giới; năm 1970, sản lượng công nghiệp chiếm 1,75% tổng sản lượng công nghiệp toàn thế giới.

Câu 21. Năm 1973 diễn ra sự biến gì có ảnh hưởng rất lớn đối với các nước?

A. Khủng hoảng kinh tế | B. Khủng hoảng năng lượng

C. Khủng hoảng chính trị | D. Tất cả các sự biến trên

Câu 22. Vào khoảng những năm 70 của thế kỉ XX, trên thế giới đã diễn ra sự kiện gì bất lợi và có lợi cho các nước?

A. Cuộc khủng hoảng năng lượng và sự phát triển vượt bậc của cách mạng khoa học-kĩ thuật.

B. Cuộc khủng hoảng năng lượng và sự bùng nổ dân số

C. Sự bùng nổ dân số và tài nguyên thiên nhiên ngày càng phong phú.

D. Sự bùng nổ dân số và sự đổi mới kinh tế, chính trị của các nước.

Câu 23. Trước những biến đổi của tình hình thế giới trong những năm 70, những người lãnh đạo Đảng, Nhà nước Liên Xô đã làm gì?

A. Ứng dụng thành tựu khoa học-kĩ thuật vào sản xuất.

B. Chậm thích ứng, chậm sửa đổi

C. Chuyển đổi cơ cấu kinh tế cho phù hợp với tình hình thế giới.

D. Giao lưu, hợp tác với các nước.

Câu 24. Dưới đây là một số biểu hiện của cuộc khủng hoảng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô từ nửa sau những năm 70 đến 1991. Hãy xác định đâu là công cuộc cải tổ, đâu là hậu quả của nó.

Nội dung	*Công cuộc cải tổ*	*Hậu quả*
1. Thực hiện đa nguyên, đa Đảng		
2. Đất nước Liên Xô đứng trước những khó khăn và thử thách nghiêm trọng chưa từng có		
3. Sự xung đột giữa các dân tộc, sắc tộc		
4. Chuyển nền kinh tế từ bao cấp sang cơ chế thị trường nhưng chưa làm được gì		
5. Cuộc đảo chính lật đổ tổng thống Gooc-ba-chốp vào ngày 19 - 8 - 1991		
6. Thành lập cộng đồng các quốc gia độc lập (SNG)		

Câu 25. Ba nước cộng hòa đầu tiên li khai khỏi Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết là:

A. U-crai-na, Ban tích, Môn-đô-va. | B. Ban tích, Gru-di-a, Môn-đô-va.

C. Ban tích, Ac-mê-ni-a, Môn-đô-va. | D. Bê-la-rút, Ca-dăc-xtan, Ac-mê-ni-a.

Câu 26. Đảng cộng sản Liên Xô bị đình chỉ hoạt động trong toàn Liên bang vào thời điểm nào?

A. Sau cuộc đảo chính lật đổ Gooc-ba-chốp.

B. Khi Gooc-ba-chốp lên làm Tổng thống.

C. Khi Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết bị giải tán.

D. Khi 11 nước cộng hòa tuyên bố độc lập.

Câu 27. Hãy nối sự kiện ở cột B cho phù hợp với thời gian ở cột A sau đây:

A	*B*
1) 19 - 8 - 1991	A. 11 nước cộng hòa trong Liên bang Xô viết cũ thành lập cộng đồng các quốc gia độc lập
2) 21 - 8 - 1991	B. Cuộc đảo chính lật đổ Tổng thống Gooc-ba-chốp
3) 21 - 12 - 1991	C. Cuộc đảo chính bị thất bại
4) 25 - 12 - 1991	D. Tổng thống Gooc-ba-chốp từ chức.

Câu 28. Cuộc khủng hoảng của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu diễn ra sớm nhất ở nước nào?

A. Ru-ma-ni. B. Hung-ga-ri. C. Ba Lan. D. Tiệp Khắc.

Câu 29. Nguyên nhân nào dưới đây làm cho Liên Xô và các nước Đông Âu bị "trì trệ", khủng hoảng rồi đi đến sụp đổ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội?

A. Do xây dựng mô hình chủ nghĩa xã hội chưa khoa học, chưa nhân văn.

B. Do chậm sửa chữa, thay đổi trước những biến động của tình hình thế giới.

C. Do hoạt động chống phá của các thế lực chống chủ nghĩa xã hội.

D. Tất cả các nguyên nhân trên.

Câu 30. Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV) được thành lập vào thời gian nào?

A. Ngày 8-1-1949. B. Ngày 1-8-1949.

C. Ngày 18-1-1950. D. Ngày 14-5-1955.

Câu 31. Mục đích của việc thành lập Hội đồng tương trợ kinh tế là gì?

A. Tạo ra mối quan hệ chặt chẽ về kinh tế giữa các nước Đông Âu với nhau.

B. Thúc đẩy sự hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau chặt chẽ hơn nữa về kinh tế, văn hóa và khoa học-kĩ thuật giữa Liên Xô với các nước Đông Âu và các nước XHCN khác.

C. Tạo ra một cộng đồng kinh tế của các nước xã hội chủ nghĩa giàu mạnh.

D. Tất cả các mục đích trên.

Câu 32. Ghi tên các nước gia nhập vào Hội đồng tương trợ kinh tế theo thời gian sau đây:

Năm	*Các nước gia nhập*
1) 1949	A ....
2) 1950	B ....
3) 1962	C ....
4) 1972	D ....
5) 1978	E ....

Câu 33. Từ lúc thành lập đến khi chấm dứt hoạt động, Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV) tồn tại được bao nhiên năm?

A. 45 năm. B. 55 năm. C. 43 năm. D. 60 năm.

Câu 34. Nguyên nhân nào là cơ bản nhất làm cho Hội đồng tương trợ kinh tế chấm dứt hoạt động?

A. Hoạt động "khép kín cửa".

B. Bị Mĩ và Tây Âu chèn ép.

C. Sự hợp tác không toàn diện.

D. Sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu.

Câu 35. Tổ chức hiệp ước Vác-sa-va được thành lập vào thời gian nào?

A. Ngày 8- 1-1949. B. Ngày 14- 5-1955.

C. Ngày 15-4-1955. D. Ngày 16- 7-1954.

Câu 36. Tổ chức hiệp ước Vác-sa-va mang tính chất gì?

A. Là một liên minh phòng thủ về quân sự-chính trị của Liên Xô và các nước Đông Âu nhằm chống lại âm mưu gây chiến của Mĩ và Tây Âu.

B. Là một liên minh quân sự của các nước xã hội chủ nghĩa nhằm chống lại cuộc "chiến tranh lạnh" của Mĩ.

C. Là một tổ chức quân sự-chính trị, kinh tế để bảo vệ thành trì chủ nghĩa xã hội.

D. Tất cả đều đúng.

Câu 37. Tổ chức hiệp ước Vác-sa-va trở thành một đối trọng với khối quân sự nào của Mĩ?

A. Khối SEATO. B. Khối CENTO.

C. Khối NATO. D. Khối Mac-san.

Câu 38. Hãy điền vào chỗ trống mệnh đề sau đây:

"Sau những biến động chính trị lớn ở các nước .....(A)...... và sau khi những người đứng đầu hai nhà nước ......(B)....... đã thỏa thuận với nhau về việc chấm dứt cuộc .....(C)..... việc tiếp tục tồn tại của tổ chức .....(D)...... không còn thích hợp với tình hình mới nữa".

Câu 39. "Hiệp ước hữu nghị liên minh tương trợ Xô-Trung" được kí kết vào thời gian nào?

A. Ngày 1-10-1949. B. Ngày 14-2-1950.

C. Ngày 12-4 -1950. D. Ngày 16-12- 1949.

Câu 40. Hãy nối các niên đại ở cột A phù hợp với sự kiện ở cột B

A	B
1- 1949	A. Hội đồng tương trợ kinh tế giải thể.
2- 1957	B. Công cuộc cải tổ ở Liên Xô bắt đầu.
3- 1991	C. Liên Xô phóng thành công vệ tinh nhân tạo.
4- 1985	D. Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử.
5- 1955	E. Thành lập tổ chức hiệp ước phòng thủ Vác-sa-va.

Câu 41. Hãy ghi đúng (Đ) hoặc sai (S) vào các câu dưới đây:

A. Juri Ga-ga-rin là người đầu tiên đặt chân lên Mặt trăng.

B. Sau chiến tranh thế giới, các nước Đông Âu xây dựng chế độ chủ nghĩa tư bản.

C. Tổ chức hiệp ước phòng thủ Vác-sa-va là tổ chức đối lập với khối Bắc Đại Tây Dương (NATO).

D. Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết tồn tại trong 73 năm.

E. Liên Xô là nước đầu tiên phóng thành công vệ tinh nhân tạo của Trái Đất (1957).

G. Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV) thành lập để hợp tác với các nước chủ nghĩa tư bản.

Câu 42. Hiểu các nước ở Đông Âu theo nghĩa lịch sử như thế nào cho đúng?

A. Vị trí địa lí phía Đông châu Âu.

B. Các nước xã hội chủ nghĩa ở châu Âu.

C. Các nước xã hội chủ nghĩa và các nước tư bản chủ nghĩa ở phía Tây Liên Xô.

D. Cả A và B đều đúng.

Câu 43. Trong tiến trình Chiến tranh thế giới thứ hai, Hồng quân Liên Xô tiến vào các nước Đông Âu nhằm mục đích gì ?

A. Xâm lược các nước này.

B. Tiêu diệt phát xít Đức, trả thù món nợ ở Liên Xô.

C. Giúp nhân dân các nước này tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít.

D. Giúp nhân dân các nước này nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền, thành lập chế độ dân chủ nhân dân.

Câu 44. Chính sách đối ngoại của Liên Xô từ năm 1945 đến nửa đầu những năm 70 thế kỉ XX là gì ?

A. Muốn làm bạn với tất cả các nước.

B. Chỉ quan hệ với các nước lớn.

C. Hòa bình và tích cực ủng hộ cách mạng thế giới.

D. Chỉ làm bạn với các nước xã hội chủ nghĩa.

Câu 45. Sự kiện nào dưới đây gắn với các nước nước Đông Âu trong những năm 1947-1948?

A. Xây dựng chủ nghĩa xã hội.

B. Tiến lên chủ nghĩa tư bản.

C. Hoàn thành cách mạng dân chủ nhân dân.

D. Đang chống chủ nghĩa phát xít Đức.

Câu 46. Nhiệm vụ chính trị của cách mạng dân chủ nhân dân ở các nước Đông Âu là gì?

A. Tiến hành hàn gắn vết thương chiến tranh.

B. Tiến hành cải cách ruộng đất.

C. Quốc hữu hóa những xí nghiệp lớn của tư bản.

D. Xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân, ban hành các quyền tự do dân chủ.

Câu 47. Nguyên nhân nào dưới đây không gắn với sự ra đời sự ra đời của các nước dân chủ nhân dân Đông Âu?

A. Do sự thỏa thuận của các nước đồng minh chống phát xít.

B. Do nghị quyết của hội nghị I-an-ta (2-1945).

C. Do thành quả đấu tranh của các lực lượng yêu nước chống phát xít ở Đông Âu và do Hồng quân Liên Xô truy kích thắng lợi quân phát xít Đức.

D. Do nhân dân các nước Đông Âu bị chiến tranh tàn phá.

Câu 48. Cách mạng dân chủ nhân dân ở các nước Đông Âu đã làm gì để xóa bỏ sự bóc lột của địa chủ phong kiến đối với nông dân?

A. Triệt phá âm mưu lật đổ chính quyền cách mạng của bọn phản động.

B. Cải cách ruộng đất.

C. Quốc hữu hóa xí nghiệp của tư bản.

D. Thực hiện các quyền tự do dân chủ cho nhân dân.

Câu 49. Lí do nào là chủ yếu nhất để chứng minh sự thắng lợi của cách mạng dân chủ nhân dân các nước Đông Âu có ý nghĩa quốc tế?

A. Cải thiện một bước đời sống nhân dân.

B. Thực hiện một số quyền tự do dân chủ cho nhân dân.

C. Tạo điều kiện để Đông Âu bước vào giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội.

D. Tăng cường sức mạnh bảo vệ hòa bình thế giới và góp phần hình thành hệ thống xã hội chủ nghĩa từ năm 1949.

Câu 50. Sau khi hoàn thành cách mạng dân chủ nhân dân, các nước Đông Âu xây dựng đất nước theo con đường nào?

A. Tiến lên chế độ xã hội chủ nghĩa.

B. Tiến lên chế độ tư bản chủ nghĩa.

C. Một số nước tiến lên xã hội chủ nghĩa, một số nước tiến lên tư bản chủ nghĩa.

D. Một số nước thực hiện chế độ trung lập.

Câu 51. Nước nào ở Đông Âu được mệnh danh là "Đất nước của triệu người khất thực" trong những năm đầu sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Cộng hòa dân chủ Đức. B. Tiệp Khắc.

C. Ru-ma-ni. D. Hung-ga-ri.

Câu 52. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, các nước Đông Âu phải trải qua khó khăn và thách thức lâu dài nhất?

A. Tàn dư lạc hậu của chế độ cũ.

B. Hậu quả của Chiến tranh thế giới thứ hai.

C. Cơ sở vật chất kĩ thuật lạc hậu so với các nước Tây Âu.

D. Sự bao vây của các nước đế quốc và sự phá hoại của các lực lượng phản động quốc tế.

Câu 53. Nguyên nhân chủ yếu nào làm cho các nước Đông Âu vững tin bước vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội?

A. Thành quả của cách mạng dân chủ nhân dân (1946 -1949) và nhiệt tình của nhân dân.

B. Sự hoạt động và hợp tác của Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV).

C. Sự giúp đỡ của Liên Xô.

D. Sự hợp tác giữa các nước Đông Âu.

Câu 54. Mục đích nào dưới đây không nằm trong việc thành lập Hội đồng tương trợ kinh tế của các nước xã hội chủ nghĩa?

A. Cần có sự hợp tác nhiều bên.

B. Sự phân công và chuyên môn hóa trong sản xuất giữa các nước XHCN nhằm nâng cao năng suất lao động và xóa bỏ tình trạng chênh lệch về trình độ.

C. Tăng thêm sức mạnh trong việc đối phó với chính sách bao vây kinh tế của các nước phương Tây.

D. Chạy đua vũ trang với Mĩ và Tây Âu.

Câu 55. Mục đích chính của sự ra đời liên minh phòng thủ Vác-sa-va (14-5-1955) là gì?

A. Để tăng cường tình đoàn kết giữa Liên Xô và các nước Đông Âu.

B. Để tăng cường sức mạnh của các nước XHCN.

C. Để đối phó với việc vũ trang lại Tây Đức của các nước thành viên khối NATO.

D. Để đảm bảo hòa bình và an ninh ở châu Âu .

Câu 56. Tổ chức Hiệp ước phòng thủ Vác-sa-va mang tính chất gì?

A. Một tổ chức kinh tế của các nước XHCN ở châu Âu.

B. Một tổ chức liên minh phòng thủ về quân sự của các nước XHCN ở châu Âu.

C. Một tổ chức liên minh chính trị của các nước XHCN ở châu Âu.

D. Một tổ chức liên minh phòng thủ về chính trị và quân sự của các nước XHCN ở châu Âu.

Câu 57. Đâu là mặt hạn chế trong hoạt động của khối SEV?

A. Thực hiện quan hệ hợp tác, quan hệ với các nước tư bản chủ nghĩa.

B. Phối hợp giữa các nước thành viên kéo dài sự phát triển kinh tế.

C. Ít giúp nhau ứng dụng kinh tế khoa học trong sản xuất.

D. "Khép kín cửa" không hòa nhập với nền kinh tế thế giới.

Câu 58. Bước sang những năm 80 của thế kỉ XX, tình hình kinh tế của Liên Xô như thế nào?

A. Phát triển tương đối ổn định.

B. Sản xuất công nghiệp kém phát triển.

C. Mức sống của nhân dân giảm sút.

D. Sản xuất trì trệ, lương thực, thực phẩm phải nhập từ phương Tây.

Câu 59. Vì sao Liên Xô tiến hành công cuộc cải tổ đất nước trong những năm 80 của thế kỉ XX ?

A. Đất nước lâm vào tình trạng "trì trệ" khủng hoảng.

B. Đất nước đã phát triển nhưng chưa bằng Tây Âu và Mĩ.

C. Phải cải tổ để sớm áp dụng thành tựu khoa học kĩ thuật đang phát triển của thế giới.

D. Tất cả các lí do trên.

Câu 60. Nội dung cơ bản của công cuộc "cải tổ" của Liên Xô là gì?

A. Cải tổ kinh tế triệt để, đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng về kinh tế.

B. Cải tổ hệ thống chính trị.

C. Cải tổ xã hội.

D. Cải tổ kinh tế và xã hội.

Câu 61. Trước ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng chung trên toàn thế giới trong những năm 70 của thế kỉ XX, Liên Xô đã làm gì ?

A. Tiến hành cải cách kinh tế, chịnh trị, xã hội cho phù hợp.

B. Kịp thời thay đổi để thích ứng với tình hình thế giới.

C. Không tiến hành những cải cách cần thiết về kinh tế và xã hội.

D. Có sửa đổi nhưng chưa triệt để.

Câu 62. Đâu là trở ngại chủ quan ảnh hưởng đến thắng lợi của XHCN ở Đông Âu ?

A. Sự phá hoại của các thế lực phản động.

B. Rập khuôn, giáo điều theo mô hình xây dựng XHCN ở Liên Xô.

C. Chưa đảm bảo đầy đủ sự công bằng xã hội và quyền dân chủ của nhân dân.

D. Sự trì trệ, thiếu năng động trước những biến động của tình hình thế giới.

Câu 63. Nguyên nhân cơ bản nào làm cho chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ?

A. Các thế lực chống CNXH trong và ngoài nước chống phá.

B. Chậm sửa chữa những sai lầm.

C. Nhà nước, nhân dân Xô viết nhận thấy CNXH không tiến bộ nên muốn thay đổi chế độ.

D. Xây dựng mô hình chủ nghĩa xã hội không phù hợp.

Câu 64. Nguyên nhân nào mang tính chất giáo điều đưa đến sự sụp đổ của CNXH ở Liên Xô và Đông Âu?

A. Xây dựng một mô hình về CNXH không phù hợp với sự biến đổi của thế giới và thực tế khách quan.

B. Sự tha hóa về phẩm chất chính trị và đạo đức của nhiều người lãnh đạo.

C. Rời bỏ những nguyên lý đúng đắn của chủ nghĩa Mác – Lê nin.

D. Sự chống phá của các thế lực thù địch với CNXH.

Câu 65. Công cuộc xây dựng XHCN của các nước Đông Âu đã mắc phải một số thiếu sót và sai lầm là :

A. Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng.

B. Tập thể hóa nông nghiệp.

C. Thực hiện chế độ bao cấp về kinh tế.

D. Rập khuôn, cứng nhắc mô hình xây dựng XHCN ở Liên Xô trong khi hoàn cảnh và điều kiện đất nước mình khác biệt.

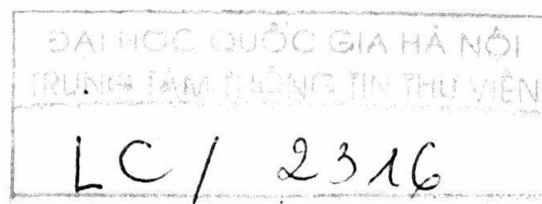
Câu 66. Sau khi Liên Xô sụp đổ, tình hình Liên bang Nga như thế nào?

A. Trở thành quốc gia độc lập như các nước cộng hòa khác.

B. Trở thành quốc gia kế tục Liên Xô.

C. Trở thành quốc gia nắm mọi quyền hành ở Liên Xô.

D. Trở thành quốc gia Liên bang Xô viết.



Chương III
CÁC NƯỚC Á, PHI, MĨ LA-TINH (1945 - 2000)

Câu 1. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, yếu tố nào là cơ bản nhất giúp cách mạng Trung Quốc có nhiều biến động khác trước?

A. Sự giúp đỡ của Liên Xô.

B. Lực lượng cách mạnh lớn mạnh nhanh chóng.

C. Ảnh hưởng của phong trào cách mạng thế giới.

D. Vùng giải phóng được mở rộng.

Câu 2. Trước sự lớn mạnh của Cách mạng Trung Quốc, tập đoàn Tưởng Giới Thạch thực hiện âm mưu gì?

A. Phát động cuộc nội chiến nhằm tiêu diệt Đảng cộng sản và phong trào cách mạng Trung Quốc.

B. Cấu kết với đế quốc Mĩ để tiêu diệt cách mạng Trung Quốc.

C. Đưa 50 vạn quân sang Mĩ để huấn luyện quân sự.

D. Huy động toàn bộ lực lượng quân đội chính quy tấn công vào vùng giải phóng do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

Câu 3. Nối sự kiện ở cột B cho đúng với thời gian ở cột A về diễn biến của cuộc nội chiến ở Trung Quốc.

A	*B*
1) 20 - 7 - 1946 2) Từ 7 - 1946 đến 6 - 1947 3) Từ 6 - 1947 đến 9 - 1948 4) 4 - 1949 5) 1 - 10 - 1949	A. Quân giải phóng và nhân dân Trung Quốc thực hiện chiến lược phòng ngự tích cực. B. Quân giải phóng vượt sông Trường Giang, giải phóng Nam Kinh. C. Nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa tuyên bố chính thức thành lập. D. Quân giải phóng chuyển sang thế phản công. E. Tưởng Giới Thạch huy động toàn bộ lực lượng chính quy tấn công vào vùng giải phóng do Đảng Cộng sản Trung Quốc lãnh đạo.

Câu 4. Dưới đây là ý nghĩa lịch sử thắng lợi của cách mạng Trung Quốc. Hãy xác định đâu là ý nghĩa đối với cách mạng Trung Quốc và đâu là ý nghĩa đối với cách mạng thế giới.

TT	*Ý nghĩa*	*Đối với CMTQ*	*Đối với CMTG*
1)	Chấm dứt thời kì Trung Quốc bị đế quốc phong kiến và tư sản mại bản nô dịch thống trị.		
2)	Tăng cường lực lượng của chủ nghĩa xã hội trên phạm vi thế giới.		
3)	Mở ra kỉ nguyên độc lập, tự do và tiến lên chủ nghĩa xã hội.		
4)	Ảnh hưởng sâu sắc đến phong trào giải phóng dân tộc.		

Câu 5. Từ năm 1950, Trung Quốc tiến hành những cải cách quan trọng về kinh tế, chính trị, văn hóa nhằm mục đích gì?

A. Thực hiện đường lối "ba ngọn cờ hồng".

B. Thực hiện cuộc "đại nhảy vọt" đưa Trung Quốc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.

C. Xây dựng đất nước đi lên con đường xã hội chủ nghĩa.

D. Phát triển kinh tế, ổn định chính trị, xây dựng nền văn hóa mới.

Câu 6. Ghi đúng (Đ) hoặc sai (S) vào các câu sau đây:

A. Dựa vào sự giúp đỡ của Liên Xô, Trung Quốc thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1953-1957) giành được thắng lợi.

B. Sau 10 năm xây dựng chế độ mới, nền kinh tế Trung Quốc gặp nhiều khó khăn to lớn do hậu quả chiến tranh để lại.

C. Vào tháng 7-1950, Trung Quốc kí kết với Liên Xô "Hiệp ước phòng thủ chung Xô-Trung".

D. Sau thập niên đầu sau khi cách mạng thắng lợi, địa vị Trung Quốc đã được nâng cao trên trường quốc tế.

E. Việc thực hiện đường lối "ba ngọn cờ hồng" đã tạo điều kiện đưa nền kinh tế Trung Quốc phát triển nhanh chóng .

F. Đường lối "ba ngọn cờ hồng" chủ trương xây dựng chủ nghĩa xã hội theo phương châm "nhiều, nhanh, tốt, rẻ".

G. Từ năm 1966 - 1968, Trung Quốc thực hiện cuộc "đại cách mạng văn hóa vô sản".

H. Từ năm 1968 - 1978, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Trung Quốc giành được thắng lợi to lớn.

I. Tháng 12-1978, diễn ra Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, vạch ra đường lối đổi mới.

Câu 7. Đại hội lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Trung Quốc họp vào thời gian nào?

A. Tháng 12-1978. B. Cuối năm 1978. C. Đầu năm 1980. D. Tháng 12-1989.

Câu 8. Từ năm 1987 trở đi, trong chính sách đối ngoại của mình, Trung Quốc bình thường hóa quan hệ với các nước nào?

A. Mĩ, Liên Xô, Mông Cổ.

B. Liên Xô, Mông Cổ, Lào, In-đô-nê-xi-a, Việt Nam.

C. Liên Xô, Mông Cổ, Việt Nam, Cu-ba.

D. Liên Xô, Anh, Pháp, Mĩ.

Câu 9. Hãy nối sự kiện ở cột B cho đúng với thời gian ở cột A về quá trình kháng chiến chống Pháp của nhân dân Lào.

A	*B*
1) 12 - 12 - 1945	A. Quân giải phóng Lào chính thức được thành lập.
2) 3 - 1946	B. Mặt trận Lào tự do và chính phủ kháng chiến Lào ra đời.
3) 20 - 1 - 1949	C. Thực dân Pháp trở lại xâm lược Lào.
4) 13 - 8 - 1950	D. Thực dân Pháp công nhận nền độc lập của Lào.
5) 7 - 1954	E. Nhân dân Viêng Chăn nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền.

Câu 10. Từ năm 1947, các chiến khu ở Lào dần dần được thành lập tại các vùng nào?

A. Tây Lào, Thượng Lào, Trung Lào.
B. Tây Lào, Thượng Lào, Đông Bắc Lào.
C. Tây Lào, Trung Lào, Hạ Lào.
D. Thượng Lào, Đông Bắc Lào, Hạ Lào.

Câu 11. Ngày 22-3-1955 ghi dấu ấn vào lịch sử Lào bằng sự kiện nổi bật nào?

A. Quân giải phóng Lào được thành lập.
B. Đại hội toàn quốc kháng chiến Lào triệu tập.
C. Mĩ thông qua chính sách "viện trợ" kinh tế đối với Lào.
D. Đảng Nhân dân Cách mạng Lào thành lập.

Câu 12. Năm 1946, Mĩ chính thức thực hiện loại hình chiến tranh gì ở Lào?

A. "Chiến tranh đơn phương".
B. "Chiến tranh đặc biệt".
C. "Chiến tranh cục bộ".
D. "Đông Dương hóa" chiến tranh.

Câu 13. Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào chính thức thành lập vào thời gian nào?

A. Ngày 21 - 2 – 1975.
B. Ngày 12 - 2 – 1976.
C. Ngày 2 - 12 – 1975.
D. Ngày 30 - 4 – 1975.

Câu 14. Ghi sự kiện ở cột B cho đúng với thời gian ở cột A về cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Cam-pu-chia:

A	*B*
1) 10 - 1945	A) ....
2) 7- 4 - 1946	B) ....
3) Từ 17 đến 19-4-1950	C) ....
4) 9-11-1953	D) ....

Câu 15. Ngày 18-3-1970, diễn ra sự kiện gì làm cho Cam-pu-chia rơi vào quỹ đạo cuộc chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới cũa Mĩ?

A. Thế lực tay sai Mĩ đảo chính lật đổ Xi-ha-núc.
B. Mĩ mang quân xâm lược Cam-pu-chia.
C. Mĩ dựng nên chế độ độc tài Pôn-pốt ở Cam-pu-chia.
D. Mĩ hất cẳng Pháp để xâm lược Cam-pu-chia.

Câu 16. Cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của nhân dân Cam-pu-chia kết thúc thắng lợi vào thời gian nào?

A. Ngày 2-12-1975.
B. Ngày 18-3-1975.
C. Ngày 17-4-1975.
D. Ngày 30-4-1975.

Câu 17. Hãy đánh dấu (X) vào ô cột dọc sao cho phù hợp với các sự kiện diễn ra ở Trung Quốc, Lào và Cam-pu-chia sau Chiến tranh thế giới thứ hai:

Nội dung sự kiện	*Trung Quốc*	*Lào*	*Cam-pu-chia*
1. Thành lập Đảng Nhân dân Cách mạng vào năm 1951.			
2. Sau khi kết thúc cuộc chiến tranh chống Nhật, đất nước diễn ra cuộc nội chiến.			

3. Quân giải phóng được thành lập vào năm 1949.			
4. Sau khi giành được thắng lợi đã đưa đất nước tiến lên xây dựng CNXH.			
5. Sau khi đánh bại đế quốc Mĩ xâm lược, đất nước rơi vào cuộc nội chiến đau thương.			
6. Nước Cộng hòa dân chủ nhân dân chính thức được thành lập vào ngày 2-12-1975.			

Câu 18. Nước nào ở Đông Nam Á sau khi đánh bại phát xít Nhật lại bị thực dân Hà Lan xâm lược?

A. Thái Lan. B. In-đô-nê-xi-a.

C. Phi-líp-pin. D. Ma-lai-xia-a.

Câu 19. Vào tháng 9 năm 1954, Mĩ đã lôi kéo nước nào gia nhập vào khối phòng thủ Đông Nam Á (SEATO)?

A. In-đô-nê-xi-a. B. Phi-lip-pin.

C. Thái Lan. D. Cam-pu-chia.

Câu 20. Nối sự kiện ở cột B cho phù hợp với thời gian ở cột A về In-đô-nê-xi-a sau Chiến tranh thế giới thứ hai sau đây:

A	*B*
1) 17-8-1945	A. Chính phủ In-đô-nê-xi-a đã kí với Hà Lan hiệp định La Hay, biến In-đô-nê-xi-a thành nước nửa thuộc địa của Hà Lan.
2) 18-8-1945	B. In-đô-nê-xi-a thông qua Tuyên ngôn độc lập.
3) 11-1945	C. Cuộc đảo chính của quân đội lật đổ tổng thống bị thất bại.
4) 1949	D. Hội nghị "Ủy ban trù bị độc lập In-đô-nê-xi-a" thông qua hiến pháp và bầu Xu-các-nô làm tổng thống.
5) 30-9-1965	E. Hà Lan xâm lược In-đô-nê-xi-a.

Câu 21. Hãy đánh dấu (X) vào ô cột dọc sao cho phù hợp với thời gian giành độc lập của một số nước ở Đông Nam Á dưới đây:

Thời gian giành độc lập	*In-đô-nê-xi-a*	*Mã Lai*	*Xin-ga-po*	*Miến Điện*	*Phi-líp-pin*
1) 7-1946					
2) 4-1-1948					
3) 17-1-1945					
4) 31-8-1957					
5) 1957					

Câu 22. Mĩ và các nước đồng minh của Mĩ đã kí kết thành lập "Tổ chức hiệp ước phòng thủ tập thể Đông Nam Á (SEATO)" tại đâu?

A. Tại Gia-cac-ta (In-đô-nê-xi-a). B. Tại Ma-ni-la (Phi-líp-pin).

C. Tại Băng Cốc (Thái Lan). D. Tại Oa-sinh-tơn (Mĩ).

Câu 23. Sự thất bại nặng nề của Mĩ ở đâu làm cho khối quân sự SEATO bị giải thể?

A. Thất bại ở khu vực Trung Đông. B. Thất bại ở Triều Tiên.

C. Thất bại ở Đông Dương. D. Thất bại ở Việt Nam.

Câu 24. Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập vào thời gian nào? Tại đâu?

A. Tháng 8-1967. Tại Gia-cac-ta (In-đô-nê-xi-a).

B. Tháng 9-1968. Tại Băng Cốc (Thái Lan).

C. Tháng 10-1967. Tại Ba-li (In-đô-nê-xi-a).

D. Tháng 8-1967. Tại Băng Cốc (Thái Lan).

Câu 25. Nối thời gian ở cột A cho phù hợp với sự kiện ở cột B về quá trình gia nhập tổ chức ASEAN của các nước Đông Nam Á.

A	B
1) Tháng 8 - 1967	A. Bru-nây.
2) Ngày 7 - 1 - 1984	B. In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-lip-pin, Xin-ga-po, Thái Lan.
3) Ngày 28 - 7 - 1995	C. Lào, Mi-an-ma.
4) Ngày 23 - 7 - 1997	D. Cam-pu-chia.
5) Ngày 30 - 4 - 1999	E. Việt Nam.

Câu 26. Ghi đúng (Đ) hoặc sai (S) vào ô dưới đây để xác định mục tiêu của "Hiệp hội các nước Đông Nam Á".

☐ A. Xây dựng mối quan hệ hợp tác giữa các nước trong khu vực.

☐ B. Xây dựng một cộng đồng Đông Nam Á hùng mạnh trên cơ sở tự cường khu vực và thiết lập một khu vực hòa bình, tự do, trung lập.

☐ C. Phát triển nhanh chóng nền kinh tế, ứng dụng thành tựu khoa học kĩ thuật hiện đại vào sản xuất nhằm biến Đông Nam Á thành trung tâm kinh tế-tài chính đủ sức cạnh tranh với Mĩ, Tây Âu và Nhật Bản.

☐ D. Đây là một tổ chức liên minh chính trị-kinh tế của khu vực Đông Nam Á.

Câu 27. Nối tên nước ở cột A cho phù hợp với tên thủ đô của các nước Đông Nam Á ở cột B dưới đây:

A (Tên nước)	*B (Tên thủ đô)*
1. Việt Nam	A. Phnôm-pênh
2. Lào	B. Hà Nội
3. Cam-pu-chia	C. Gia-cac-ta
4. Thái Lan	D. Viêng Chăn
5. In-đô-nê-xi-a	E. Ban-đa-xê-ri Bê-ga-oan
6. Ma-lai-xi-a	F. Ma-ni-la
7. Xin-ga-po	G. Xin-ga-po
8. Mi-an-ma	H. Đêli
9. Phi-lip-pin	I. Rănggun
10. Bru-nây	K. Cu-la lam-pua
11. Đông-ti-mo	L. Băng Cốc

Câu 28. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, phong trào giải phóng dân tộc ở Ấn Độ do giai cấp nào lãnh đạo?

A. Giai cấp tư sản. B. Giai cấp vô sản.

C. Giai cấp địa chủ phong kiến. D. Giai cấp nông dân.

Câu 29. Ấn Độ tuyên bố độc lập vào thời gian nào?

A. Ngày 25 - 12 - 1950. B. Ngày 26 - 1 - 1950.

C. Ngày 23 - 2 - 1950. D. Ngày 26 - 1 - 1951.

Câu 30. Hãy điền vào chỗ trống ở các câu dưới đây:

A. Ngày 19-2-1946, 2 vạn thủy binh khởi nghĩa ở cảng ....

B. Các hình thức đấu tranh đầu tiên của các tầng lớp nhân dân Ấn Độ ....

C. Các thành phố đã bãi công hưởng ứng cuộc khởi nghĩa ở Bom-bay ....

D. Ở nông thôn Ấn Độ diễn ra phong trào ....

E. Tháng 2-1947, diễn ra cuộc bãi công của công nhân thành phố ....

F. Trước sự lớn mạnh của phong trào cách mạng Ấn Độ buộc thực dân Anh phải thương lượng với hai Đảng Quốc đại và Liên đoàn Hồi giáo chia Ấn Độ thành hai quốc gia.

Câu 31. Hội nghị ngoại trưởng 5 cường quốc Liên Xô, Mĩ, Anh, Pháp, Trung Quốc họp tại Mat-xcơ-va (12 - 1945) giải quyết vấn đề Triều Tiên sau Chiến tranh thế giới thứ hai như thế nào ? Ghi dấu X vào các câu trả lời đúng sau đây:

☐ A. Xây dựng một nước Triều Tiên độc lập.

☐ B. Thành lập một chính phủ dân chủ Triều Tiên để đảm nhiệm việc phát triển công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải và văn hóa chung cho cả nước Triều Tiên.

☐ C. Quân đội Liên Xô đóng quân ở bắc vĩ tuyến 38^0.

☐ D. Ủy ban hỗn hợp gồm đại biểu của hai bộ Tổng tư lệnh quân đội Liên Xô và Mĩ đóng ở Triều Tiên sẽ giúp việc thành lập chính phủ lâm thời Triều Tiên.

☐ E. Ở miền Nam Triều Tiên, Mĩ phải thi hành nghiêm chỉnh những quy định của Hiệp nghị Ma-xcơ-va về vấn đề Triều Tiên.

Câu 32. Nước cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên được thành lập vào thời gian nào?

A. Tháng 12-1945. B. Tháng 8-1948.

C. Tháng 9-1948. D. Tháng 10-1945.

Câu 33. Năm 1946, dưới áp lực đấu tranh của nhân dân, đế quốc Pháp buộc phải công nhận nền độc lập của hai nước nào ở khu vực Trung Đông?

A. Xi-ri, Li-băng. B. I-ran, I-rắc.

C. Ap-ga-ni-xtan, Li-băng. D. I-ran, Xi-ri.

Câu 34. Biến đổi to lớn nhất của khu vực Trung Đông sau Chiến tranh thế giới thứ hai là gì?

A. Nhiều nước trở nên trù phú về kinh tế.

B. Hầu hết các nước Trung Đông giành lại độc lập (trừ Pa-let-xtin).

C. Các nước ở Trung Đông luôn trong tình trạng căng thẳng phức tạp.

D. Chiến tranh đã tàn phá nặng nề và gây ra nhiều hậu quả nghiêm trọng.

Câu 35. Hãy nối sự kiện ở cột B cho phù hợp với thời gian ở cột A về phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi sau Chiến tranh thế giới thứ hai:

A	*B*
1) 18 - 6 - 1953	A. Cộng hòa nhân dân Ăng-gô-la thành lập.
2) 1956	B. Pháp kí hiệp định Ê-vi-ăng, công nhận độc lập của An-giê-ri.
3) 1957	C. Tuy-ni-di giành lại độc lập.
4) 1958	D. Ga-na giành lại độc lập.
5) 3 - 1962	E. Ma-rốc, Xu-đăng giành độc lập.
6) 11 - 11 - 1975	F. Ghi-nê giành độc lập.
	G. Cộng hòa Ai Cập được thành lập.

Câu 36. Thắng lợi to lớn và gây ảnh hưởng sâu rộng đối với phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi trong giai đoạn 1960 - 1975 là thắng lợi của nhân dân nước nào?

A. Thắng lợi của nhân dân An-giê-ri.

B. Thắng lợi của nhân dân Mô-dăm-bich.

C. Thắng lợi của nhân dân Ăng-gô-la.

D. Thắng lợi của nhân dân Nam Phi.

Câu 37. Dưới đây là các giai đoạn phát triển của phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi. Hãy đánh dấu (X) vào các cột dọc cho phù hợp với từng giai đoạn.

Nội dung	*1945-1954*	*1954-1960*	*1960-1975*	*1975-nay*
1) 17 nước châu Phi giành độc lập, gọi là "Năm châu Phi"				
2) Hầu hết các nước ở Bắc Phi và Tây Phi giành được độc lập				
3) Phong trào giải phóng dân tộc nổ ra sớm nhất ở Bắc Phi với thắng lợi mở đầu của cách mạng Ai Cập				
4) Hoàn thành cuộc đấu tranh đánh đổ nền thống trị thực dân cũ				

Câu 38. Ghi đúng (Đ) hoặc sai (S) vào các □ sau đây nói về những khó khăn của châu Phi.

□ A. Sự xâm nhập của chủ nghĩa thực dân mới và sự vơ vét bóc lột về kinh tế của các cường quốc phát triển phương Tây.

□ B. Lãnh đạo phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc hầu hết là do giai cấp tư sản.

□ C. Nợ nước ngoài, đói rét, bệnh tật, mù chữ.

□ D. Sự bùng nổ về dân số .

☐ E. Sự phát triển không đồng đều giữa các nước sau khi giành được độc lập.

☐ F. Sự xung đột giữa các bộ tộc và phe phái khác nhau gây nên cục diện không ổn định.

Câu 39. Xác định các sự kiện có liên quan đến phong trào cách mạng ở An-giê-ri va Nam Phi theo yêu cầu sau đây:

Tên nước	*Sự kiện*
1) An-giê-ri 2) Nam Phi	A. Tháng 8 - 1954, Mặt trận dân tộc giải phóng được thành lập. B. Ngày 1 - 11 - 1954, mặt trận phát động nhân dân tiến hành cuộc khởi nghĩa vũ trang ở vùng rừng núi miền Đông Nam. C. Mục tiêu đấu tranh nhằm chống lại chủ nghĩa A-pac-thai. D. Lãnh đạo phong trào là Đại hội dân tộc Phi (ANC). E. Thực dân Pháp phải kí hiệp định Ê-vi-ăng công nhận độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ. F. Sau khi giành độc lập đã thi hành nhiều chính sách đối nội và đối ngoại tiến bộ.

Câu 40. Sự kiện nào được đánh giá là tiêu biểu nhất và là lá cờ đầu trong phong trào giải phóng dân tộc ở Mĩ La-tinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Thắng lợi của cách mạng Mê-hi-cô.
B. Thắng lợi của cách mạng Ê-cua-đo.
C. Thắng lợi của cách mạng Cu-ba.
D. Tất cả các sự kiện trên.

Câu 41. Hãy nối tên các nước ở Mĩ La-tinh gắn với hình thức đấu tranh giải phóng dân tộc trong thời gian từ 1945 đến 1959 cho phù hợp.

Tên nước	*Hình thức đấu tranh*
1) Cu-ba 2) Pê-ru 3) Ê-cua-đo 4) Mê-hi-cô 5) Bra-xin 6) Vê-nê-xu-ê-la 7) Pa-na-ma 8) Bô-li-vi-a 9) Goa-tê-ma-la 10) Ac-hen-ti-na 11) Chilê	A) Khởi nghĩa vũ trang B) Nổi dậy của nông dân C) Đấu tranh nghị viện D) Bãi công của công nhân

Câu 42. Ghi đúng (Đ) hoặc sai (S) vào các ☐ đứng trước các câu sau đây nói về cách mạng Cu-ba 1959.

☐ A. Để thực hiện âm mưu chủ nghĩa thực dân mới của mình, Mĩ đã thiết lập chế độ độc tài quân sự Ba-ti-xta ở Cu-ba.

☐ B. Lãnh đạo phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở Cu-ba là Đảng cộng sản Cu-ba do Phi đen cax-tơ-rô đứng đầu.

☐ C. Cuộc tấn công vào trại lính Môn-ca-đa đã mở đầu một giai đoạn phát triển mới của cách mạng Cu-ba.

☐ D. Năm 1955, Phi đen cax-tơ-rô được trả tự do và bị trục xuất sang Ac-hen-ti-na.

☐ E. Ngày 30-12-1958, Ba-ti-xta bỏ chạy ra nước ngoài.

☐ F. Cách mạng Cu-ba là "lá cờ đầu của phong trào giải phóng dân tộc" ở Mĩ La tinh.

Câu 43. Ngay sau khi Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, ở châu Á phong trào giải phóng dân tộc đã nổ ra mạnh mẽ nhất ở các nước nào?

A. In-đô-nê-xi-a, Việt Nam, Lào. B. Việt Nam, Mi-an-ma, Lào.

C. In-đô-nê-xi-a, Xin-ga-po, Thái Lan. D. Phi-lip-pin, Việt Nam, Ma-lai-xi-a.

Câu 44. Hãy nối các niên đại ở cột A phù hợp với sự kiện ở cột B.

A	*B*
1. 17-8-1945	A. Lào tuyên bố độc lập.
2. 2-9-1945	B. In-đô-nê-xi-a tuyên bố độc lập.
3. 12-10-1945	C. Việt Nam tuyên bố độc lập.
4. 1950	D. Ai Cập tuyên bố độc lập.
5. 1962	Đ. Ấn Độ tuyên bố độc lập.
6. 1952	E. An-giê-ri tuyên bố độc lập.
7. 1-1-1959	G. Irắc tuyên bố độc lập.
8. 1958	H. Cu-ba tuyên bố độc lập.

Câu 45. Vì sao năm 1960 đã đi vào lịch sử với tên gọi là "Năm châu Phi"?

A. Có nhiều nước ở châu Phi được trao trả độc lập.

B. Châu Phi là châu có phong trào giải phóng dân tộc phát triển sớm nhất, mạnh nhất.

C. Có 17 nước ở châu Phi tuyên bố độc lập.

D. Châu Phi là "Lục địa mới trỗi dậy".

Câu 46. Từ cuối những năm 70 của thế kỉ XX, chủ nghĩa thực dân chỉ còn tồn tại dưới hình thức nào?

A. Chủ nghĩa thực dân kiểu cũ. B. Chủ nghĩa thực dân kiểu mới.

C. Chế độ phân biệt chủng tộc. D. Chế độ thực dân.

Câu 47. Biến đổi lớn nhất của các nước châu Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai là gì?

A. Các nước châu Á đã giành độc lập.

B. Các nước châu Á đã gia nhập ASEAN.

C. Các nước châu Á đã trở thành trung tâm kinh tế tài chính thế giới.

D. Tất cả các câu trên.

Câu 48. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, tập đoàn Tưởng Giới Thạch âm mưu phát động cuộc nội chiến với Đảng Cộng sản Trung Quốc nhằm mục đích gì?

A. Tiêu diệt Đảng Cộng sản Trung Quốc.

B. Tiêu diệt phong trào Cách mạng Trung Quốc.

C. Xóa bỏ ảnh hưởng của Liên Xô ở Trung Quốc.

D. Cả A và B đều đúng.

E. Cả A, B, C đều đúng.

Câu 49. Cuộc nội chiến lần thứ tư (1946-1949) ở Trung Quốc nổ ra là do:

A. Đảng Cộng sản phát động.

B. Tập đoàn phản động Tưởng Giới Thạch phát động, có sự giúp đỡ của đế quốc Mĩ.

C. Đế quốc Mĩ giúp đỡ Quốc dân đảng.

D. Quốc dân đảng cấu kết với bọn phản động quốc tế.

Câu 50. Cuộc cách mạng dân tộc dân chủ Trung Quốc mang tính chất gì?

A. Một cuộc cách mạng tư sản do giai cấp vô sản lãnh đạo.

B. Một cuộc cách mạng vô sản do giai cấp vô sản lãnh đạo.

C. Một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc.

D. Một cuộc nội chiến.

Câu 51. Ý nghĩa quốc tế về sự ra đời của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa là gì?

A. Kết thúc hơn 100 năm nô dịch và thống trị của đế quốc đối với nhân dân Trung Hoa.

B. Báo hiệu sự kết thúc ách thống trị, nô dịch của chế độ phong kiến tư bản trên đất Trung Hoa.

C. Tăng cường lực lượng của chủ nghĩa xã hội thế giới và tăng cường sức mạnh của phong trào giải phóng dân tộc.

D. Đất nước Trung Hoa bước vào kỉ nguyên độc lập tự do, tiến lên chủ nghĩa xã hội

Câu 52. Trung Quốc bước vào thời kì xây dựng CNXH trên cơ sở tình hình đất nước như thế nào?

A. Quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa tương đối phát triển.

B. Quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa kém phát triển.

C. Có một nền nông nghiệp phát triển.

D. Có một nền kinh tế nghèo nàn, lạc hậu.

Câu 53. Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất của Trung Quốc tiến hành trong khoảng thời gian nào?

A. 1949-1953 B. 1953-1957 C. 1957-1961 D. 1961-1965

Câu 54. Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất của nhân dân Trung Quốc hoàn thành nhờ vào yếu tố nào?

A. Sự nỗ lực của nhân dân Trung Quốc.

B. Sự giúp đỡ của các nước chủ nghĩa xã hội.

C. Sự giúp đỡ của Liên Xô.

D. Sự lao động quên mình của nhân dân Trung Quốc và sự giúp đỡ to lớn của Liên Xô.

Câu 55. Mười năm đầu xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa (1949 - 1950), Trung Quốc đã thi hành chính sách đối ngoại như thế nào?

A. Chống Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.

B. Chống Mĩ và các nước tư bản chủ nghĩa.

C. Thi hành một chính sách đối ngoại tích cực nhằm củng cố hòa bình và thúc đẩy phong trào cách mạng thế giới.

D. Quan hệ thân thiện với Mĩ và các nước tư bản chủ nghĩa khác.

Câu 56. Chủ trương nào của Đảng Cộng sản Trung Quốc từ sau 1959 đã gây nên tình trạng khủng hoảng và trì trệ của xã hội Trung Quốc?

A. Xây dựng "Công xã nhân dân".

B. Thực hiện đường lối "Đại nhảy vọt".

C. Thực hiện cuộc "Đại cách mạng hóa vô sản".

D. Tất cả đều đúng.

Câu 57. Đường lối "Ba ngọn cờ hồng" do ai đề xướng ?

A. Mao Trạch Đông

B. Lưu Thiếu Kì

C. Lâm Bưu

D. Chu Ân Lai

Câu 58. Thực hiện đường lối "Ba ngọn cờ hồng" Trung Quốc đạt được những gì?

A. Nền kinh tế Trung Quốc có một bước phát triển nhảy vọt.

B. Đời sống nhân dân Trung Quốc được cải thiện.

C. Kinh tế phát triển nhưng đời sống nhân dân Trung Quốc khó khăn.

D. Nền kinh tế hỗn loạn, sản xuất giảm sút, đời sống nhân dân điêu đứng.

Câu 59. Cuộc "Đại cách mạng vô sản" ở Trung Quốc diễn ra vào thời gian nào?

A. 1966 - 1969

B. 1966 - 1971

C. 1967 - 1969

D. 1967 - 1970

Câu 60. Đường lối đổi mới trong chủ trương xây dựng chủ nghĩa xã hội mang màu sắc Trung Quốc có đặc điểm gì?

A. Lấy cải tổ chính trị làm trọng tâm.

B. Lấy phát triển kinh tế làm trọng tâm.

C. Lấy phát triển kinh tế, chính trị làm trọng tâm.

D. Lấy phát triển văn hóa làm trọng tâm.

Câu 61. Từ sau 1987, đường lối của Đảng Cộng sản Trung Quốc có gì mới so với trước?

A. Kiên trì con đường xã hội chủ nghĩa.

B. Kiên trì cải cách dân chủ nhân dận.

C. Kiên trì sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc.

D. Thực hiện cải cách mở cửa.

Câu 62. Hãy nối các sự kiện ở cột B cho phù hợp với niên đại ở cột A.

A	B
1. 1-10-1949	A. Bắt đầu kế hoạch 5 năm lần thứ nhất ở Trung Quốc.
2. 1979-1998	B. Đại Cách mạng văn hóa vô sản.
3. 12-1978	C. Nội chiến lần thứ 4 ở Trung Quốc.
4. 1946-1949	D. Nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa thành lập.
5. 1953-1957	E. Thời kì cải cách mở cửa ở Trung Quốc.
6. 5-1966	G. Đảng Cộng sản Trung Quốc đề ra đường lối đổi mới.

Câu 63. Hãy điền đúng (Đ) hoặc sai (S) vào các câu sau:

A. Trung Quốc chế tạo thành công bom nguyên tử năm 1949.

B. Trung Quốc cải cách mở cửa bắt đầu từ năm 1978.

C. Cuộc đại cách mạng văn hóa vô sản kéo dài từ năm 1968 đến năm 1978.

D. Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất của Trung Quốc từ 1953-1957.

E. Đặc điểm của chủ trương xây dựng chủ nghĩa xã hội mang màu sắc Trung Quốc là lấy kinh tế làm trọng tâm.

F. Từ 1965 đến 1975 Trung Quốc đã có chính sách đối ngoại sai lầm.

G. Sau 20 năm cải cách mở cửa, nền kinh tế Trung Quốc không phát triển được.

Câu 64. Hãy sắp xếp các sự kiện sau theo thứ tự thời gian:

A. Nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa thành lập.

B. Bắt đầu đường lối "Ba ngọn cờ hồng".

C. Cuộc đại cách mạng văn hóa vô sản.

D. Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất của Trung Quốc.

E. Mười năm đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội.

F. Bắt đầu đường lối mở cửa.

G. Hai mươi năm biến động.

Câu 65. Trước Chiến tranh thế giới thứ hai, hầu hết các nước Đông Nam Á (trừ Thái Lan) là thuộc địa của các nước nào?

A. Thuộc địa của Mĩ, Nhật.
B. Thuộc địa của Pháp, Nhật.
C. Thuộc địa của Anh, Pháp, Mĩ.
D. Thuộc địa của các thực dân phương Tây.

Câu 66. Đế quốc nào là lực lượng thù địch lớn nhất của phong trào giải phóng dân tộc ở khu vực Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Đế quốc Hà Lan.
B. Đế quốc Pháp.
C. Đế quốc Mĩ.
D. Đế quốc Anh.

Câu 67. Lí do cụ thể nào liên quan trực tiếp với việc giải thể khối SEANTO (9-1975)?

A. Các nước thành viên luôn xảy ra xung đột.

B. Nhân dân Đông Nam Á không đồng tình với sự tồn tại của SEANTO.

C. SEANTO không phù hợp với xu thế phát triển của Đông Nam Á.

D. Thất bại của đế quốc Mĩ trong chiến tranh xâm lược Việt Nam (1954-1975).

Câu 68. Biến đổi tích cực quan trọng đầu tiên của các nước Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai là gì?

A. Từ các nước thuộc địa trở thành các nước độc lập.

B. Nhiều nước có tốc độ phát triển khá nhanh.

C. Sự ra đời của khối ASEAN.

D. Ngày càng mở rộng đối ngoại, hợp tác với các nước Đông Á và EU.

Câu 69. Hãy nối các sự kiện ở cột B với các niên đại phù hợp ở cột A

A	B
1. 8-8-1967	A. Kháng chiến chống Mĩ của Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia thắng lợi.
2. 2-1976	B. Quân tình nguyện Việt Nam tiến vào Cam-pu-chia.
3. 12-1978	C. Hiệp ước các nước Đông Nam Á (ASEAN) thành lập.
4. 1975	D. Hiệp ước thành lập và hợp tác của các nước ASEAN.
5. 10-1991	E. Hiệp định hòa bình về Cam-pu-chia.

Câu 70. Hiệp ước Ba-li (2-1976) đã nêu ra nguyên tắc cơ bản trong quan hệ các nước ASEAN là gì?

A. Cùng nhau tôn trọng chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ.

B. Không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau.

C. Giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình.

D. Hợp tác phát triển có kết quả.

E. Cả bốn nguyên tắc nói trên.

Câu 71. Từ năm 1979 đến cuối những năm 80 của thế kỉ XX, quan hệ giữa Việt Nam với ASEAN như thế nào?

A. Quan hệ hợp tác song phương.

B. Quan hệ đối thoại.

C. Quan hệ đối đầu do bất đồng về quan hệ kinh tế.

D. Quan hệ đối đầu do vấn đề Cam-pu-chia.

Câu 72. Năm 1997, ASEAN đã kết nạp thêm các thành viên nào?

A. Lào, Việt Nam B. Cam-pu-chia , Lào

C. Lào, Mi-an-ma D. Mi-an-ma, Việt Nam

Câu 73. Từ những năm 90 của thế kỉ XX đến nay, ASEAN đã chuyển trọng tâm hoạt động sang lĩnh vực nào?

A. Hợp tác trên lĩnh vực du lịch. B. Hợp tác trên lĩnh vực kinh tế.

C. Hợp tác trên lĩnh vực quân sự. D. Hợp tác trên lĩnh vực giáo dục.

Câu 74. Từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi nổ ra sớm nhất ở nước nào?

A. Bắc Phi B. Nam Phi C. Đông Phi D. Tây Phi

Câu 75. Sự kiện nào đánh dấu mốc sụp đổ về căn bản chủ nghĩa thực dân cũ cùng hệ thống thuộc địa cũ nó ở châu Phi?

A. 1960 : "Năm châu Phi".

B. 1962 : An-giê-ri được công nhân độc lập.

C. 1994 : Nen-xơn Man-đê-la trở thành tổng thống da đen đầu tiên.

D. 11-1975 : Nước Cộng hòa nhân dân Angôla ra đời.

Câu 76. Kẻ thù chủ yếu trong cuộc cách mạng giải phóng dân tộc của người dân da đen ở Nam Phi là ai?

A. Chủ nghĩa thực dân cũ. B. Chủ nghĩa thực dân mới.

C. Chủ nghĩa A-pác-thai. D. Chủ nghĩa thực dân cũ và mới.

Câu 77. Sự kiện nào dưới đây gắn với tên tuổi của Nen-xơn Man-đê-la?

A. Chiến sĩ nổi tiếng chống ách thống trị của bọn thực dân.

B. Lãnh tụ của phong trào giải phóng dân tộc ở An-giê-ri.

C. Lãnh tụ của phong trào giải phóng dân tộc ở Ăng-gô-la.

D. Lãnh tụ của phong trào đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc ở Nam Phi.

Câu 78. Từ những thập niên đầu của thế kỉ XX nhiều nước Mĩ La-tinh đã thoát khỏi sự lệ thuộc của Tây Ban Nha nhưng lại rơi vào vòng lệ thuộc của nước nào?

A. Thực dân Anh B. Đế quốc Mĩ

C. Thực dân Pháp D. Đế quốc Nhật

Câu 79. Kẻ thù chủ yếu của nhân dân các nước Mĩ La-tinh là ai?

A. Chế độ phân biệt chủng tộc.

B. Chủ nghĩa thực dân cũ.

C. Chế độ tay sai phản động của chủ nghĩa thực dân mới.

D. Giai cấp địa chủ phong kiến.

Câu 80. Từ những năm 60 đến những năm 80 của thế kỉ XX, phong trào đấu tranh của nhân dân các nước Mĩ La-tinh diễn ra dưới hình thức nào?

A. Bãi công của công nhân. B. Đấu tranh chính trị.

C. Đấu tranh vũ trang. D. Sự nổi dậy của người dân.

Câu 81. Sự kiện lịch sử nào mở đầu cho cách mạng Cu-ba?

A. Cuộc đổ bộ của tàu "Gran-ma" lên đất Cu-ba (1956).

B. Cuộc tấn công vào trại lính Môn-Ca-đa (26-7-1953).

C. Nghĩa quân Cu-ba mở cuộc tấn công (1958).

D. Nghĩa quân Cu-ba chiếm lĩnh thủ đô La-ha-ba-na (1-1-1959).

Câu 82. Nước được mệnh danh là "Lá cờ đầu trong phong trào giải phóng dân tộc Mĩ La-tinh"?

A. Ac-hen-ti-na B. B-ra-xin C. Cu-ba D. Mê-hi-cô.

Chương IV

MĨ, TÂY ÂU, NHẬT BẢN (1945 – 2000)

Câu 1. Trong khoảng hai thập niên đầu sau Chiến tranh thế giới thứ hai, đã xuất hiện trung tâm kinh tế, tài chính nào?

A. Trung tâm kinh tế, tài chính Mĩ, Tây Âu.

B. Trung tâm kinh tế, tài chính Mĩ, Nhật Bản.

C. Trung tâm kinh tế, tài chính Mĩ, Tây Âu, Nhật Bản.

D. Mĩ là trung tâm kinh tế, tài chính duy nhất của thế giới.

Câu 2. Nguyên nhân nào dưới đây là cơ bản nhất đưa nền kinh tế của Mĩ phát triển mạnh mẽ sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Dựa vào những thành tựu khoa học-kĩ thuật của thế giới.

B. Nhờ tài nguyên thiên nhiên phong phú.

C. Nhờ trình độ tập trung sản xuất và tập trung tư bản cao.

D. Nhờ quân sự hóa nền kinh tế, thu được nhiều lợi nhuận trong chiến tranh.

Câu 3. Đặc điểm nổi bật nhất của nền kinh tế Mĩ sau Chiến tranh thế giới là gì?

A. Vị trí kinh tế của Mĩ ngày càng giảm sút trên toàn thế giới.

B. Mĩ bị các nước Tây Âu và Nhật Bản cạnh tranh quyết liệt.

C. Kinh tế phát triển nhanh, nhưng không ổn định vì thường xuyên xảy ra nhiều cuộc suy thoái.

D. Sự chênh lệch giàu nghèo ngày càng lớn.

Câu 4. Ghi thời gian diễn ra những vụ bê bối về chính trị và kinh tế ở Mĩ trong những năm 1960-1980 vào bảng dưới đây:

Thời gian	*Những vụ bê bối*
1)	A. Tổng thống Ken-nơ-đi bị ám sát.
2)	B. Tài liệu mật Lầu Năm góc, vụ Oa-tơ-ghết buộc Ních-xơn phải từ chức.
3)	C. Vụ Côn-tơ-ra-ghết và I-ran-ghết.

Câu 5. Ghi đúng (Đ) hoặc sai (S) vào các ô ☐ dưới đây nói về mục tiêu "chiến lược toàn cầu" của Mĩ.

☐ A. Lôi kéo các nước trong thế giới tư bản để chống Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.

☐ B. Ngăn chặn, đẩy lùi, rồi tiến tới tiêu diệt các nước xã hội chủ nghĩa.

☐ C. Đàn áp phong trào giải phóng dân tộc, phong trào công nhân và phong trào hòa bình dân chủ thế giới.

☐ D. Thành lập các khối quân sự ở khắp thế giới để chuẩn bị chiến tranh tổng lực, tiêu diệt các nước xã hội chủ nghĩa.

☐ E. Khống chế, nô dịch các nước đồng minh của Mĩ.

Câu 6. Thất bại nặng nề nhất của đế quốc Mĩ trong quá trình thực hiện "chiến lược toàn cầu" bởi:

A. Thắng lợi của cách mạng Trung Quốc năm 1949.

B. Thắng lợi của cách mạng Cu-ba năm 1959.

C. Thắng lợi của cách mạng Hồi giáo I-ran năm 1979.

D. Thắng lợi của cách mạng Việt Nam năm 1975.

Câu 7. Mĩ trở thành trung tâm kinh tế - tài chính duy nhất trong thời gian nào?

A. Từ 1945 đến 1975. B. Từ 1918 đến 1945.

C. Từ 1950 đến 1980. D. Từ 1945 đến 1950.

Câu 8. Nguyên nhân nào là cơ bản nhất thúc đẩy nền kinh tế Mĩ phát triển nhanh chóng sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Mĩ giàu lên nhờ buôn bán vũ khí cho các nước tham chiến.

B. Tài nguyên thiên nhiên phong phú.

C. Áp dụng các thành tựu của cách mạng khoa học - kĩ thuật.

D. Tập trung sản xuất và tư bản cao.

Câu 9. Thời điểm nào nền kinh tế Mĩ không còn chiếm ưu thế tuyệt đối trong nền kinh tế thế giới?

A. Những năm 60 (thế kỉ XX). B. Những năm 70 (thế kỉ XX).

C. Những năm 80 (thế kỉ XX). D. Những năm 90 (thế kỉ XX).

Câu 10. Nguyên nhân nào không tạo điều kiện cho nền kinh tế Mĩ phát triển trong và sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Không bị chiến tranh tàn phá.

B. Được yên ổn sản xuất và bán vũ khí cho các nước tham chiến.

C. Tập trung sản xuất và tư bản cao.

D. Tiến hành chiến tranh xâm lược và nô dịch các nước.

Câu 11. Từ sau Chiến tranh thế giới hai đến nay, Mĩ là trung tâm kinh tế tài chính duy nhất của thế giới. Đúng hay sai?

A. Đúng B. Sai

Câu 12. Nguyên nhân dẫn đến sự suy yếu của nền kinh tế Mĩ?

A. Sự vươn lên cạnh tranh của Tây Âu và Nhật Bản.

B. Kinh tế Mĩ không ổn định do vấp phải nhiều cuộc suy thoái, khủng hoảng.

C. Do đeo đuổi tham vọng bá chủ thế giới.

D. Sự giàu nghèo quá chênh lệch trong các tầng lớp xã hội.

E. Tất cả các nguyên nhân trên.

Câu 13. Nước nào khởi đầu cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ hai?

A. Anh B. Pháp C. Mĩ D. Nhật

Câu 14. Cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ hai bắt đầu vào khoảng thời gian nào?

A. Những năm đầu thế kỉ XX.

B. Giữa những năm 40 của thế kỉ XX.

C. Sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914-1918).

D. Sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai (1939 - 1945).

Câu 15. Nước nào đưa con người lên Mặt Trăng đầu tiên (7-1969)?

A. Mĩ B. Nhật C. Liên Xô D. Trung Quốc

Câu 16. Những thành tựu chủ yếu về khoa học - kĩ thuật của Mĩ là gì?

A. Chế ra công cụ sản xuất mới, các nguồn năng lượng mới, tìm ra những vật liệu mới.

B. Thực hiện "Cuộc cách mạng xanh" trong nông nghiệp, trong giao thông thông tin liên lạc, chinh phục vũ trụ, ...

C. Sản xuất được những vũ khí hiện đại.

D. A, B, C đúng

Câu 17. Mĩ đã ban hành hàng loạt đạo luật phản động trong đó có đạo luật Táp-Hác-Lây nhằm mục đích gì?

A. Thực hiện chế độ phân biệt chủng tộc.

B. Chống phong trào công nhân và Đảng Cộng sản Mĩ hoạt động.

C. Chống sự nổi loạn của thế hệ trẻ.

D. Đối phó với phong trào đấu tranh của người da đen.

Câu 18. Điểm giống nhau trong chính đối ngoại của các đời tổng thống Mĩ là gì?

A. Chuẩn bị tiến hành "Chiến tranh tổng lực".

B. "Chiến lược toàn cầu hóa".

C. Xác lập một trật tự thế giới có lợi cho Mĩ.

D. "Chủ nghĩa lấp chỗ trống".

Câu 19. Nội dung "Chiến lược toàn cầu" của Mĩ nhằm mục tiêu cơ bản nào?

A. Ngăn chặn, đẩy lùy rồi tiến tới tiêu diệt các nước xã hội chủ nghĩa.

B. Đàn áp phong trào giải phóng dân tộc, khống chế các nước đồng minh của Mĩ.

C. Thiết lập sự thống trị trên toàn thế giới.

D. A, B, C đúng

Câu 20. "Chính sách thực lực" của Mĩ là gì?

A. Chính sách xâm lược thuộc địa.

B. Chạy đua vũ trang với Liên Xô.

C. Chính sách dựa vào sức mạnh của Mĩ.

D. Thành lập các khối quân sự.

Câu 21. Đời tổng thống nào của Mĩ gắn liền với "Chiến lược toàn cầu" phản cách mạng?

A. Tơ-ru-man B. Ken-nơ-đi C. Ai-xen-hao D. Giôn-xơn

Câu 22. Trong các liên minh quân sự dưới đây, liên minh nào không phải do Mĩ lập nên?

A. Khối NATO

B. Khối VACSAVA

C. Khối SEATO

D. A, B, C đúng

Câu 23. Khối quân sự NATO do Mĩ cầm đầu còn gọi là khối gì?

A. Khối Nam Đại Tây Dương.

B. Khối Bắc Đại Tây Dương.

C. Khối Đông Đại Tây Dương.

D. Khối Tây Nam Đại Tây Dương.

Câu 24 "Chính sách thực lực" và "Chiến lược toàn cầu" của đế quốc Mĩ bị thất bại nặng nề nhất ở đâu ?

A. Triều Tiên B. Việt Nam C. Cu-ba D. Lào

Câu 25. Hãy sắp xếp các đời Tổng thống Mĩ theo đúng trình tự thời gian:

A. Tơ-ru-man B. Ri-gân C. Nich-xơn D. Ai-xen-hao

E. Ken-nơ-đi G. Giôn-xơn F. Bu-sơ H. B.Clin-tơn.

Câu 26. Thành công của Mĩ trong chính sách đối ngoại là gì?

A. Thực hiện nhiều chiến lược qua các đời Tổng thống.

B. Lập được nhiều khối quân sự (NATO, SEATO, CENTO, ...).

C. Thực hiện được một số mưu đồ góp phần quan trọng trong việc thúc đẩy sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô.

D. A, B, C đúng

Câu 27. Tổng thống Mĩ sang thăm Việt Nam đầu tiên vào năm nào?

A. 1990 B. 1991 C. 1992 D. 1993

Câu 28. Nguyên nhân cơ bản nhất đưa nền kinh tế Nhật Bản phát triển "thần kì" trong những năm 60-70 của thế kỉ XX là gì?

A. Biết lợi dụng vốn của nước ngoài để đầu tư vào những ngành công nghiệp then chốt.

B. Biết lợi dụng thành tựu khoa học-kĩ thuật để tăng năng suất, cải tiến kĩ thuật và hạ giá thành hàng hóa

C. Biết "len lách" xâm nhập thị trường các nước.

D. Nhờ những cải cách dân chủ.

Câu 29. Nguyên nhân chung của sự phát triển kinh tế Mĩ, Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai là gì?

A. Áp dụng thành tựu khoa học-kĩ thuật vào trong sản xuất.

B. Biết thâm nhập vào thị trường các nước.

C. Nhờ quân sự hóa nền kinh tế.

D. Tất cả các nguyên nhân trên.

Câu 30. Nối kinh tế của Mĩ, Nhật Bản với những nhược điểm, hạn chế của từng nước cho phù hợp.

Kinh tế	*Những nhược điểm, hạn chế*
1) Mĩ	A. Sự không cân đối trong nền kinh tế.
	B. Vị trí kinh tế ngày càng giảm sút trên toàn thế giới.
	C. Không ổn định, thường xuyên xảy ra suy thoái.
2) Nhật Bản	D. Những khó khăn về năng lượng, nguyên liệu, lương thực.
	E. Sự giàu nghèo quá chênh lệch giữa các tầng lớp trong xã hội.
	F. Sự cạnh tranh của trung tâm kinh tế Tây Âu.

Câu 31. Ngày 8-9-1951, Nhật Bản kí kết với Mĩ hiệp ước gì?

A. "Hiệp ước phòng thủ chung Đông Nam Á". B. "Hiệp ước an ninh Mĩ - Nhật".

C. "Hiệp ước liên minh Mĩ - Nhật". D. Hiệp ước chạy đua vũ trang".

Câu 32. Nhật Hoàng tuyên bố chấp nhận đầu hàng Đồng minh không điều kiện vào thời gian nào?

A.14-8-1945 B.15-8-1945 C.16-8-1945 D.17-8-1945

Câu 33. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Nhật Bản đã gặp khó khăn gì lớn nhất?

A. Bị quân đội Mĩ chiếm đóng theo chế độ quân quản.

B. Bị các nước đế quốc bao vây kinh tế.

C. Nạn thất nghiệp,thiếu lương thực,thực phẩm.

D. Bị mất hết thuộc địa, kinh tế bị tàn phá nặng nề.

Câu 34. Sau chiến tranh, Nhật Bản có khó khăn gì mà các nước tư bản Đồng minh chống phát xít không có?

A. Sự tàn phá nặng nề của chiến tranh.

B. Là nước bại trận, nước Nhật mất hết thuộc địa.

C. Thiếu thốn lương thực, thực phẩm.

D. Phải dựa vào viện trợ của Mĩ dưới hình thức vay nợ.

Câu 35. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Nhật Bản tiến hành nhiều cải cách trong đó cải cách nào là quan trọng nhất?

A. Cải cách hiến pháp. B. Cải cách ruộng đất.

C. Cải cách giáo dục. D. Cải cách văn hóa.

Câu 36. Sang những năm 50 của thế kỉ XX, kinh tế Nhật phát triển được do nguyên nhân cơ bản nào?

A. Nhờ những đơn đặt hàng của Mĩ khi Mĩ phát động chiến tranh xâm lược Triều Tiên và Việt Nam.

B. Nhật áp dụng những thành tựu khoa học kĩ thuật.

C. Vươn lên cạnh tranh với Tây Âu.

D. "Luồn lách"xâm nhập thị trường các nước.

Câu 37. Sự phát triển "thần kì" của nền kinh tế Nhật Bản bắt đầu trong khoảng thời gian nào?

A. Những năm 50 của thế kỉ XX. B. Những năm 60 của thế kỉ XX.

C. Những năm 70 của thế kỉ XX. D. Những năm80 của thế kỉXX.

Câu 38. Năm 1968, tổng sản phẩm quốc dân của Nhật đạt được:

A. 180 tỉ USD. B.181 tỉ USD. C. 182 tỉ USD. D.183 tỉ USD.

Câu 39. Năm 1961- 1970, tốc độ tăng trưởng bình quân về công nghiệp của Nhật hằng năm là bao nhiêu?

A.12,5% . B.13,5%. C.14,5%. D.15,5%.

Câu 40. Những năm 1967-1969, sản lượng lương thực của Nhật cung cấp:

A. 80% nhu cầu trong nước. B. 70% nhu cầu trong nước.

C. 60% nhu cầu trong nước. D. 50% nhu cầu trong nước.

Câu 41. Sự phát triển "thần kì của Nhật Bản" được biểu hiện rõ nhất ở điểm nào?

A. Năm 1968, tổng sản phẩm quốc dân đứng hàng thứ hai trên thế giới sau Mĩ (Nhật 183 tỉ USD, Mĩ 830 tỉ USD).

B. Trong khoảng hơn 20 năm (1950 - 1973), tổng sản phẩm quốc dân của Nhật Bản tăng 20 lần.

C. Từ thập niên 70 (thế kỉ XX), Nhật Bản trở thành một trong ba trung tâm kinh tế tài chính của thế giới tư bản (Mĩ, Tây Âu, Nhật Bản).

D. Từ nước chiến bại, hết sức khó khăn thiếu thốn, Nhật Bản vươn lên thành siêu cường kinh tế.

Câu 42. Trong sự phát triển "thần kì" của Nhật Bản có nguyên nhân nào giống với nguyên nhân phát triển kinh tế của các nước tư bản khác?

A. Lợi dụng vốn nước ngoài, tập trung đầu tư vào các ngành kĩ thuật then chốt.

B. Biết tận dụng và khai thác những thành tựu khoa học-kĩ thuật.

C. "Len lách" xâm nhập vào thị trường các nước, thực hiện cải cách dân chủ.

D. Phát huy truyền thống tự lực tự cường của nhân dân Nhật Bản.

Câu 43. Trong những nguyên nhân sau đây, nguyên nhân nào là nguyên nhân khách quan làm cho kinh tế Nhật Bản phát triển?

A. Truyền thống văn hóa tốt đẹp, con người Nhật Bản có ý chí vươn lên, được đào tạo chu đáo, cần cù lao động.

B. Nhờ cải cách ruộng đất.

C. Vai trò quan trọng của Nhà nước trong việc đề ra chiến lược phát triển, hệ thống quản lí có hiệu quả của các xí nghiệp, công ti.

D. Biết tận dụng thành tựu khoa học kĩ thuật thế giới.

Câu 44. Để phát triển khoa học kĩ thuật, ở Nhật Bản có hiện tượng gì ít thấy ở các nước khác?

A. Coi trọng và phát triển nền giáo dục quốc dân, khoa học kĩ thuật.

B. Đi sâu vào các ngành công nghiệp dân dụng.

C. Xây dựng nhiều công trình hiện đại trên mặt biển và dưới đáy biển.

D. Coi trọng việc nhập kĩ thuật hiện đại, mua bằng phát minh của nước ngoài.

Câu 45. Từ đầu năm 90 của thế kỉ XX, nền kinh tế Nhật Bản như thế nào?

A. Tiếp tục tăng trưởng với tốc độ cao.

B. Bị cạnh tranh gay gắt bởi các nước có nền công nghiệp mới.

C. Lâm vào tình trạng suy thoái kéo dài.

D. Là nước có nền kinh tế phát triển nhất.

Câu 46. Hiệp ước an ninh Mĩ - Nhật được kí kết nhằm mục đích gì?

A. Nhật Bản muốn lợi dụng vốn kĩ thuật của Mĩ để phát triển kinh tế.

B. Nhật Bản trở thành căn cứ chiến lược của Mĩ.

C. Hình thành một liên minh Mĩ-Nhật chống lại các nước XHCN và phong trào giải phóng dân tộc vùng Viễn đông.

D. Tạo thế cân bằng giữa Mĩ và Nhật.

Câu 47. Đặc điểm nào sau đây là đặc điểm nổi bật trong quan hệ đối ngoại của Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Không đưa quân đi tham chiến ở nước ngoài.

B. Kí hiệp ước an ninh Mĩ-Nhật (08-09-1951).

C. Cạnh tranh gay gắt với Mĩ và các nước Tây Âu.

D. Phát triển kinh tế đối ngoại, xâm nhập và mở rộng phạm vi thế lực bằng kinh tế ở khắp mọi nơi, đặc biệt là Đông Nam Á.

Câu 48. Nhật Bản bắt đầu đặt quan hệ ngoại giao với các nước ASEAN vào năm nào?

A. 1976. B. 1977. C. 1978. D. 1979

Câu 49. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 1950, Nhật Bản đã vươn lên đứng đầu thế giới?

A. Đúng B. Sai.

Câu 50. Chiến tranh thế giới thứ hai đã làm cho nền kinh tế nước nào bị giảm sút 3 lần về công nghiệp và 2 lần về nông nghiệp?

A. Nước Đức. B. Nước Anh. C. Nước Pháp. D. Nước Nhật.

Câu 51. Ghi đúng (Đ) hoặc sai (S) vào các ô ☐ dưới đây về nguyên nhân phát triển kinh tế của Pháp sau Chiến tranh thế giới thứ hai, nhất là từ năm 1950 đến năm 1973.

☐ A. Nhờ thu lợi nhuận trong Chiến tranh thế giới thứ hai.

☐ B. Nhờ cuộc cách mạng khoa học-kĩ thuật lần thứ hai.

☐ C. Giá nhập nguyên liệu từ các nước Tây Âu rẻ.

☐ D. Chính sách mở cửa của Nhà nước ra thị trường châu Âu và thế giới.

☐ E. Nhờ tài nguyên, thiên nhiên phong phú

☐ F. Vai trò điều tiết nền kinh tế của Nhà nước có hiệu quả.

Câu 52. Hãy nối sự kiện ở cột B cho phù hợp với thời gian ở cột A sau đây:

A	*B*
1) 9 - 1946	A. Quốc hội Pháp chuyển giao chính quyền vào tay tướng Đờ-Gôn.
2) 5 - 1947	B. Hiến pháp của nền Cộng hòa thứ năm ở Pháp được ban hành.
3) 5 - 1958	C. Nền Cộng hòa thứ tư của Pháp được thiết lập.
4) 1 - 6 - 1958	D. Những thế lực cứng rắn đã tiến hành cuộc đảo chính ở An-giê-ri, đòi thành lập ở Pháp một "chính quyền vững mạnh".
5) 10 - 1958	E. Những người cộng sản Pháp bị gạt ra khỏi chính phủ.

Câu 53. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, kinh tế Anh xếp sau các nước nào trong khối tư bản chủ nghĩa?

A. Mĩ, Nhật, Tây Đức, Pháp.
B. Mĩ, Nhật, Hà Lan, Pháp.
C. Mĩ, Nhật, Pháp, Liên Xô.
D. Mĩ, Nhật, Tây Đức, Trung Quốc.

Câu 54. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, hai đảng nào thay nhau cầm quyền ở Anh?

A. Đảng Cộng hòa và đảng Dân chủ.
B. Đảng Tự do và Đảng Bảo thủ.
C. Đảng Bảo thủ và Công đảng.
D. Đảng Quốc đại và Đảng Bảo thủ.

Câu 55. Nhờ đâu sau Chiến tranh thế giới thứ hai nền công nghiệp của Tây Đức được phục hồi và phát triển nhanh chóng?

A. Nhờ ứng dụng thành tựu khoa học-kĩ thuật.
B. Nhờ Mĩ cho vay và đầu tư vào Tây Đức hơn 50 tỉ mác.
C. Nhờ tập trung sản xuất và tập trung tư bản cao độ.
D. Nhờ quân sự hóa nền kinh tế sau chiến tranh.

Câu 56. Đánh dấu (X) vào cột dọc dưới đây cho phù hợp với các nước Pháp, Anh, Đức sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

Nội dung	*Pháp*	*Anh*	*Đức*
1) Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, hệ thống thuộc địa rộng lớn bị sụp đổ			
2) Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, đất nước bị chia cắt thành hai quốc gia đi theo chế độ kinh tế-xã hội khác nhau			
3) Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, nhận "viện trợ" kinh tế của Mĩ, đưa kinh tế phát triển nhanh			
4) Tháng 9 - 1946, Quốc hội lập hiến thông qua hiến pháp mới, thiết lập nền Cộng hòa thứ tư			

5) Thực hiện chính sách đối ngoại theo Mĩ như "hình và bóng"			
6) Cùng với Mĩ và Tây Âu thành lập khối liên minh chính trị-quân sự chống lại Liên Xô, các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu và phong trào công nhân châu Âu			

Câu 57. Xác định chính sách đối nội và đối ngoại của Thụy Điển trong các câu dưới đây:

A. Giữ vững chính sách hòa bình trung lập tích cực, phản đối các cuộc đấu tranh phi nghĩa.

B. Thực hiện rộng rãi các quyền tự do dân chủ trong khuôn khổ chế độ dân chủ tư sản.

C. Mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật.

D. Khước từ việc gia nhập khối NATO.

E. Tích cực ủng hộ nhân dân Việt Nam chống Mĩ cứu nước .

Câu 58. Hiệp ước hữu nghị hợp tác Phần Lan-Liên Xô được kí kết vào thời gian nào?

A. Ngày 19 - 9 - 1944 B. Ngày 6 - 4 - 1948

C. Ngày 4 - 6 - 1948 D. Ngày 9 - 6 - 1945

Câu 59. Hãy điền dữ liệu vào chỗ trống các câu sau đây nói về Khối thị trường chung châu Âu:

A. Thời gian thành lập ....

B. Số thành viên khi mới thành lập

C. Mục tiêu kinh tế ....

D. Tên gọi hiện nay ....

Câu 60. Nhật Bản và Tây Âu trở thành trung tâm kinh tế, tài chính vào thời kì nào?

A. 1945 đến 1950 B. 1950 đến 1973

C. 1973 đến 1991 D. 1991 đến nay

Câu 61. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, chủ nghĩa tư bản còn gọi là gì?

A. Chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh. B. Chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước.

C. Chủ nghĩa tư bản hiện đại. D. Chủ nghĩa tư bản độc quyền.

Câu 62 . "Kế hoạch Mác-san" (1948) còn được gọi là:

A. Kế hoạch khôi phục châu Âu.

B. Kế hoạch phục hưng kinh tế các nước Tây Âu.

C. Kế hoạch phục hưng châu Âu.

D. Kế hoạch phục hưng kinh tế châu Âu.

Câu 63. Để nhận được viện trợ của Mĩ sau Chiến tranh thế giới lần hai, các nước Tây Âu phải tuân theo những điều kiện nào do Mĩ đặt ra?

A. Tiến hành quốc hữu hóa các xí nghiệp tư bản, hạ thuế quan đối với hàng hóa của Mĩ.

B. Không được tiến hành quốc hữu hóa các xí nghiệp,hạ thuế quan đối với hàng hóa Mĩ, gạt bỏ những người cộng sản ra khỏi chính phủ.

C. Để hàng hóa Mĩ tràn ngập thị trường Tây Âu.

D. Đảm bảo các quyền tự do cho người lao động.

Câu 64. Khối quân sự Bắc Đại Tây Dương (NATO) do Mĩ lập ra 4-1949 nhằm:

A. Chống lại phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

B. Chống lại Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu.

C. Chống lại Liên Xô, Trung Quốc và Việt Nam.

D. Chống lại các nước XHCN và phong trào giải phóng dân tôc trên thế giới.

Câu 65. Sau khi nước Đức phát xít đầu hàng, bốn nước nào sau đây đã phân chia lãnh thổ nước Đức thành bốn khu vực để chiếm đóng và kiểm soát?

A. Mĩ, Anh, Pháp, Nhật. B. Liên Xô, Mĩ, Anh, Pháp.

C. Mĩ, Liên Xô, Trung Quốc, Nhật Bản. D. Liên Xô, Trung Quốc, Mĩ, Anh.

Câu 66. Với sự ra đời của khối quân sự Bắc Đại Tây Dương (NATO) 4-1949 tình hình châu Âu như thế nào?

A. Ổn định và có điều kiện để phát triển.

B. Có sự đối đầu gay gắt giữa các nước với nhau.

C. Căng thẳng dẫn đến sự chạy đua vũ trang và thiết lập nhiều căn cứ quân sự.

D. Dễ xảy ra môt cuộc chiến tranh mới.

Câu 67. Lí do nào là chủ yếu khiến Mĩ và các nước phương Tây dồn sức "viện trợ" cho Tây Đức nhanh chóng phục hồi và phát triển kinh tế sau chiến tranh?

A. Để thúc đẩy quá trình hòa bình hóa nước Đức.

B. Để Tây Đức có ưu thế so với Đông Đức.

C. Để biến Tây Đức thành một "Lực lượng xung kích" của khối NATO, chống Liên Xô và các nước XHCN.

D. A, B, C đúng.

Câu 68. Cộng hòa Liên bang Đức gia nhập NATO năm nào?

A. 1954. B.1955. C. 1956. D.1957.

Câu 69. Cộng hòa dân chủ Đức sáp nhập vào Cộng hoà Liên bang Đức vào thời gian nào?

A. 03-09-1990. B. 03-10-1990. C. 03-11-1990. D. 03-12-1990.

Câu 70. Khối thị trường chung châu Âu (EEC) ra đời vào năm nào?

A.1954 B.1955 C.1956 D.1957

Câu 71. Các thành viên đầu tiên của Khối thị trường chung châu Âu (EEC) gồm:

A. Anh, Pháp, Đức, Bỉ, I-ta-li-a, Hà Lan

B. Anh, Pháp, Đức, Hà Lan, Bỉ, Tây Ban Nha

C. Pháp, Đức, I-ta-li-a, Bỉ, Hà Lan, Luc-xem-bua

D. Pháp, Đức, Bỉ, Hà Lan, I-ta-li-a, Bồ Đào Nha

Câu 72. Tên gọi khác của Khối thị trường chung châu Âu (EEC) là gì?

A. Cộng đồng kinh tế châu Âu. B. Liên minh châu Âu.

C. A, B đúng. D. A, B sai.

Chương V
QUAN HỆ QUỐC TẾ (1945 – 2000)

Câu 1. Liên Xô và Mĩ trở thành hai thế lực đối đầu nhau rồi đi đến "chiến tranh lạnh" vào thời điểm nào?

A. Trước Chiến tranh thế giới thứ hai.

B. Trong Chiến tranh thế giới thứ hai.

C. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

D. Trong và sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

Câu 2. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai mưu đồ bao quát của Mĩ là:

A. Tiêu diệt Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.

B. Tiêu diệt phong trào giải phóng dân tộc ở Á, Phi, Mĩ La-tinh.

C. Tiêu diệt phong trào công nhân ở các nước tư bản chủ nghĩa.

D. Làm bá chủ toàn thế giới.

Câu 3. Để thực hiện mưu đồ làm bá chủ thế giới, trước hết Mĩ lo ngại đến vấn đề gì?

A. Ảnh hưởng của Liên Xô cùng những thắng lợi của cuộc cách mạng dân chủ nhân dân các nước Đông Âu.

B. Thắng lợi của cách mạng Trung Quốc và sự ra đời của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa.

C. Chủ nghĩa xã hội trở thành hệ thống thế giới.

D. Tất cả các ý trên.

Câu 4. Bản thông điệp mà Tổng thống Tơ-ru-man gửi Quốc hội Mĩ ngày 12 - 3 – 1947 được xem là sự khởi đầu cho:

A. Chính sách thực lực của Mĩ sau chiến tranh.

B. Mưu đồ làm bá chủ thế giới của Mĩ.

C. Chính sách chống Liên Xô gây nên tình trạng chiến tranh lạnh.

D. Chính sách chống các nước xã hội chủ nghĩa.

Câu 5. Vì sao học thuyết Tơ-ru-man vừa mới ra đời đã vấp phải sự phản kháng của thế giới?

A. Vì bản chất phi nghĩa của nó.

B. Vì bản chất chống cộng của nó.

C. Vì bản chất bành trướng của nó.

D. Vì bản chất đe doạ nền hòa bình của nó đối với nhân loại.

Câu 6. Tháng 6 – 1947 diễn ra sự kiện gì ở Mĩ có liên quan đến các nước Tây Âu?

A. Mĩ thành lập khối quân sự NATO. B. Mĩ thành lập khối CENTO.

C. Mĩ thành lập khối SEATO. D. Mĩ đề ra "Kế hoạch Mác-san"

Câu 7. Nước nào dưới đây không có trong 11 nước gia nhập khối NATO năm 1949 do Mĩ cầm đầu?

A. Đan Mạch, Na Uy, Bồ Đào Nha. B. Anh, Pháp, Hà Lan.

C. Đức, Tây Ban Nha, Hi Lạp. C. I-ta-li-a, Bỉ, Lúc-xăm-bua.

Câu 8. Sự phân chia đối lập về kinh tế, chính trị và quân sự giữa các nước Tây Âu tư bản chủ nghĩa và Đông Âu xã hội chủ nghĩa được tạo nên bởi:

A. Học thuyết Tơ-ru-man của Mĩ.

B. "Kế hoạch Mác-san" và sự ra đời của khối quân sự NATO.

C. Chiến lược toàn cầu phản cách mạng của Mĩ.

D. Sự thành lập khối quân sự NATO.

Câu 9. Hiệp ước Vác-sa-va, một liên minh chính trị - quân sự giữa Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu được thành lập vào thời gian nào và mang tính chất gì?

A. Thành lập vào tháng 5 – 1955, mang tính chất phòng thủ của các nước xã hội chủ nghĩa.

B. Thành lập vào tháng 7 – 1955, mang tính chất chạy đua vũ trang với Mĩ và Tây Âu.

C. Thành lập vào tháng 5 – 1955, mang tính chất cạnh tranh về quân sự với Mĩ và Tây Âu.

D. Thành lập vào tháng 5 – 1950, mang tính chất phòng thủ của các nước xã hội chủ nghĩa.

Câu 10. Sự kiện nào chứng tỏ rằng đã đến lúc chiến tranh lạnh bao trùm cả thế giới?

A. Mĩ thông qua "Kế hoạch Mác-san".

B. "Kế hoạch Mác-san" và sự ra đời của khối quân sự NATO.

C. Sự ra đời của khối quân sự NATO và Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va.

D. Sự ra đời và hoạt động của Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va.

Câu 10. Sau khi cách mạng Trung Quốc thành công (10 – 1949), cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam có những điều kiện thuận lợi gì?

A. Được sự ủng hộ và giúp đỡ của Trung Quốc.

B. Được sự ủng hộ và giúp đỡ của Trung Quốc, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.

C. Được sự ủng hộ và giúp đỡ của Trung Quốc và các nước châu Á.

D. Buộc thực dân Pháp phải chấm dứt chiến tranh xâm lược ở Việt Nam.

Câu 11. Thực dân Pháp buộc phải công nhận độc lập chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của ba nước Đông Dương vào thời gian nào?

A. Ngày 5 – 7 – 1954.

B. Ngày 21 – 9 – 1954.

C. Ngày 21 – 7 – 1954.

D. Ngày 20 – 9 – 1954.

Câu 12. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, theo thỏa thuận của các nước Đồng minh, quân đội nước nào chiếm đóng ở Triều Tiên?

A. Liên Xô ở miền Bắc Triều Tiên, Mĩ ở Nam Triều Tiên.

B. Mĩ ở miền Bắc Triều Tiên, Liên Xô ở Nam Triều Tiên.

C. Anh, Mĩ ở miền Bắc Triều Tiên, Liên Xô ở Nam Triều Tiên.

D. Liên Xô các nước xã hội chủ nghĩa ở Bắc Triều Tiên, Mĩ và các nước Tây Âu ở Nam Triều Tiên.

Câu 13. Cuối năm 1948 diễn ra sự kiện gì ở Nam Bắc Triều Tiên?

A. Nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên được thành lập ở phía bắc.

B. Nước Đại Hàn dân quốc được thành lập ở phía nam.

C. Quân đội Triều Tiên vượt vĩ tuyến 38 mở cuộc tấn công xuống phía nam.

D. Câu A và B là phương án đúng.

Câu 14. Tháng 10 – 1950, Quân chí nguyện Trung Quốc tiến vào Triều Tiên để làm gì?

A. Xâm lược Triều Tiên. B. Kháng Mĩ, viện Triều Tiên.

C. Cùng với Mĩ xâm lược Triều Tiên. D. Tranh chấp vùng đất Triều Tiên với Mĩ.

Câu 15. Ngày 17 – 7 – 1953, Hiệp định đình chiến được kí kết giữa các thế lực nào để giải quyết vấn đề về Triều Tiên và Hàn Quốc?

A. Giữa Trung Quốc – Triều Tiên với Mĩ – Hàn Quốc.

B. Giữa Nam Triều Tiên với Bắc Triều Tiên.

C. Giữa Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên với Đại Hàn dân quốc.

D. Giữa Liên Xô với Mĩ để phân chia khu vực ảnh hưởng ở Nam - Bắc Triều Tiên.

Câu 16. Trước sự đe doạ của Mĩ đối với Cu-ba, mùa hè năm 1962, chính phủ Liên Xô và Cu-ba đã thoả thuận điều gì?

A. Liên Xô đưa quân đội sang Cu-ba, giúp nhân dân Cu-ba chống Mĩ.

B. Liên Xô và Cu-ba thoả thuận hợp tác chống Mĩ đến cùng.

C. Liên Xô xây dựng căn cứ tên lửa đạn đạo tầm trung trên lãnh thổ Cu-ba.

D. Tất cả các thoả thuận trên.

Câu 17. Lấy cớ gì mà ngày 22 – 10 – 1962, Tổng thống Mĩ Ken-nơ-đi lên án những hoạt động quân sự của Liên Xô tại Cu-ba?

A. Lấy cớ Liên Xô xâm lược Cu-ba. B. Lấy cớ an ninh nước Mĩ bị đe dọa.

C. Lấy cớ châu Mĩ là của người Mĩ. D. Lấy cớ Cu-ba là sân sau êm đềm của Mĩ.

Câu 18. Sau Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 về Đông Dương, Mĩ đã nhanh chóng hất cẳng Pháp dựng nên chính quyền tay sai ở miền Nam, đó là:

A. Chính quyền Bảo Đại. B. Chính quyền Nguyễn Văn Thiệu.

C. Chính quyền Ngô Đình Diệm. D. Chính phủ Trần Trọng Kim.

Câu 19. Âm mưu của Mĩ trong việc xâm chiếm miền Nam Việt Nam là:

A. Chia cắt lâu dài Việt Nam.

B. Biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mĩ.

C. Biến miền Nam Việt Nam thành trung tâm của chiến lược toàn cầu cầu của Mĩ.

D. Câu A và B đúng.

Câu 20. Hiệp định về những cơ sở của quan hệ giữa Đông Đức và Tây Đức vào thời gian nào?

A. Ngày 9 – 11 - 1972. B. Ngày 27 – 1 – 1973.

C. Ngày 20 – 1 – 1973. D. Ngày 28 – 2 – 1972.

Câu 21. Hiệp ước hạn chế vũ khí tiến công chiến lược Liên Xô và Mĩ kí vào thời gian nào? gọi tắt là gì?

A. Vào ngày 26 – 5 – 1972, gọi tắt là SALT-1.

B. Vào ngày 25 – 6 – 1974, gọi tắt là SALT-2.

C. Vào ngày 15 – 5 – 1972, gọi tắt là ABM.

D. vào ngày 26 – 3 – 1973, gọi tắt là ABM1.

Câu 22. Đầu tháng 8 – 1975, 35 nước châu Âu cùng với những nước nào kí kết Định ước Hen-xin-ki?

A. Cùng với Mĩ và Liên Xô. B. Cùng với Mĩ và Pháp.

C. Cùng với Mĩ và Anh. D. Cùng với Mĩ và Ca-na-đa.

Câu 23. Đầu tháng 12 – 1989 đã diễn ra cuộc gặp gỡ không chính thức giữa Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô và Tổng thống Mĩ Bu-sơ ở đâu?

A. Ở Luân Đôn (Anh). B. Ở I-an-ta (Liên Xô).

C. Ở Man-ta (Địa Trung Hải). D. Ở Oa-sinh-tơn (Mĩ).

Câu 24. Trong cuộc gặp gỡ không chính thức đó Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô và Tổng thống Mĩ Bu-sơ đã cùng tuyên bố vấn đề gì?

A. Vấn đề chấm dứt việc chạy đua vũ trang.

B. Vấn đề hạn chế vũ khí hạt nhân huỷ diệt.

C. Vấn đề chấm dứt chiến tranh lạnh.

D. Vấn đề giữ gìn hòa bình, an ninh cho nhân loại.

Câu 25. Những năm 1989 – 1991 đã diễn ra sự kiện gì gắn với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu?

A. Liên Xô và các nước Đông Âu cắt đứt quan hệ với nhau.

B. Liên Xô và các nước Đông Âu lâm vào tình trạng trì trệ.

C. Chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu bước vào thời kì ổn định.

D. Chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước Đông Âu và Liên bang Xô viết bị tan rã.

Câu 26. Ngày 28 – 6 – 1991 diễn ra sự kiện gì gắn với các nước xã hội chủ nghĩa?

A. Liên Xô và các nước Đông Âu bị sụp đổ trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

B. Hội đồng Tương trợ kinh tế tuyên bố giải thể.

C. Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va tuyên bố chấm dứt hoạt động.

D. Liên Xô tuyên bố cắt đứt quan hệ với các nước Đông Âu.

Câu 27. Năm 1991, diễn ra sự kiện gì có liên quan đến quan hệ quốc tế?

A. Mĩ và Liên Xô chấm dứt chiến tranh lạnh.

B. Trật tự hai cực I-an-ta bị xói mòn.

C. Trật tự hai cực I-an-ta bị sụp đổ.

D. Xô – Mĩ tuyên bố hợp tác trên mọi phương diện.

Câu 28. Hãy nối thời gian ở cột A cho phù hợp với sự kiện ở cột B về quan hệ quốc tế (1945 – 2000) theo yêu cầu sau đây:

A	*B*
1) 6 - 1947	A. Hiệp định đình chiến lược được kí kết giữa Trung Quốc - Triều Tiên với Mĩ - Hàn Quốc.
2) 4 – 4 - 1949	B. Liên Xô và các nước Đông Âu thành lập Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va.
3) 5 - 1955	C. Mĩ đề ra "Kế hoạch Mác-san"
4) 12 - 1946	D. Hiệp định Giơ-ne-vơ về vấn đề Đông Dương được kí kết.
5) 21 - 7 - 1954	E. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp lan rộng trên toàn cõi Đông Dương.
6) 25 - 6 - 1950	F. Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va chấm dứt hoạt động.
7) 27 - 7 - 1953	G. Cuộc gặp gỡ không chính thức giữa Tổng Bí thư Liên Xô Goóc-ba-chốp và Tổng thống Mĩ Bu-sơ.
8) 9 - 11 - 1972	H. Mĩ thành lập khối quân sự NATO.
9) 12 - 1989	I. Quân đội Triều Tiên vượt vĩ tuyến 38 tấn công xuống phía nam.
10) 1 - 7 - 1991	K. Cộng hòa Dân chủ Đức và Cộng hòa Liên bang Đức kí Hiệp định về những cơ sở của quan hệ giữa Đông Đức và Tây Đức.

Chương VI
CÁCH MẠNG KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ VÀ XU HƯỚNG TOÀN CẦU HOÁ

Câu 1. Nối các nội dung sau đây cho phù hợp với nguồn gốc và đặc điểm của cách mạng khoa học-kĩ thuật lần thứ hai.

Tiểu mục	*Nội dung*
1) Nguồn gốc 2) Đặc điểm	A. Mọi phát minh về kĩ thuật đều được bắt nguồn từ nghiên cứu khoa học. B. Cách mạng khoa học - kĩ thuật đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của con người. C. Khoa học-kĩ thuật trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. D. Chiến tranh bùng nổ cần ứng dụng khoa học - kĩ thuật. E. Hậu quả của công tác nghiên cứu khoa học ngày càng cao. F. Sự bùng nổ dân số, tài nguyên thiên nhiên ngày càng cạn kiệt.

Câu 2. Ghi tiếp nội dung vào chỗ trống sau đây nói về thành tựu của cách mạng khoa học-kĩ thuật sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

A. Khoa học cơ bản ....

B. Nhiều ngành khoa học mới ....

C. Những ngành khoa học mới kết hợp giữa khoa học tự nhiên với khoa học-kĩ thuật ....

D. Hiện nay các nhà khoa học đang nghiên cứu để giải quyết những vấn đề cấp bách về khoa học kĩ thuật phục vụ cuộc sống con người như: ....

Câu 3. Ghi đúng (Đ) hoặc sai (S) vào các ô ☐ dưới đây nói về những mặt tích cực của cách mạng khoa học - kĩ thuật.

☐ A. Làm thay đổi cơ bản các yếu tố của sản xuất, tạo ra bước nhảy vọt chưa từng thấy của lực lượng sản xuất và năng xuất lao động.

☐ B. Phóng thành công vệ tinh nhân tạo, đưa con người bay vào vũ trụ.

☐ C. Năng lượng nguyên tử, năng lượng nhiệt hạch, năng lượng mặt trời, năng lượng thủy triều được sử dụng.

☐ D. Đưa tới những thay đổi lớn lao về cơ cấu dân cư với xu hướng dân số lao động trong nông nghiệp giảm đi, dân số trong các ngành dịch vụ tăng lên.

☐ E. Đưa loài người chuyển sang nền văn minh mới.

☐ F. Làm cho sự giao lưu kinh tế, văn hóa, khoa học - kĩ thuật ngày càng được quốc tế hóa cao.

☐ G. Công cụ sản xuất mới, máy tính điện tử, máy tự động, người máy (rôbốt) và hàng loạt những công cụ mới với chức năng hết sức hiện đại.

Câu 4. Nước khởi đầu cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ hai là nước nào trong hệ thống tư bản chủ nghĩa?

A. Anh B. Nhật C. Mĩ D. Liên Xô

Câu 5. Hai cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật mà nhân loại đã trải qua là những cuộc cách mạng nào, diễn ra vào thời gian nào?

A. Cuộc cách mạng công nghiệp thế kỉ XVIII và cách mạng khoa học kĩ thuật thế kỉ XX.

B. Cuộc cách mạng kĩ thuật thế kỉ XVIII và cách mạng khoa học - kĩ thuật thế kỉ XX.

C. Cuộc cách mạng kĩ thuật và cách mạng công nghiệp thế kỉ XVIII - XIX và cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật đang diễn ra từ những năm 40 của thế kỉ XX đến nay.

D. Cuộc cách mạng công nghiệp thế kỉ XVIII - XIX và cuộc cách mạng công nghệ thế kỉ XX.

Câu 6. Đặc trưng cơ bản của cách mạng kĩ thuật là gì?

A. Cải tiến việc tổ chức sản xuất.

B. Cải tiến, hoàn thiện những phương tiện sản xuất (công cụ, máy móc, vật liệu).

C. Cải tiến việc quản lí sản xuất.

D. Cải tiến việc phân công lao động.

Câu 7. Điểm khác nhau cơ bản của khoa học khác với kĩ thuật là gì?

A. Khoa học cơ bản đi trước kĩ thuật.

B. Khoa học phát minh, phát hiện các quy luật trong các lĩnh vực Toán, Lí, Hóa, Sinh.

C. Khoa học tạo điều kiện để kĩ thuật phát triển.

D. A, B, C đúng.

Câu 8. Nguồn gốc sâu xa chung của hai cuộc cách mạng: cách mạng công nghiệp thế kỉ XVIII - XIX và cách mạng khoa học công nghệ thế kỉ XX là gì?

A. Do sự bùng nổ dân số.

B. Nhằm đáp ứng nhu cầu vật chất và tinh thần ngày càng đòi hỏi của cuộc sống con người.

C. Yêu cầu của việc cải tiến vũ khí, sáng tạo vũ khí mới.

D. Yêu cầu chuẩn bị cho một cuộc chiến tranh hạt nhân.

Câu 9. Điểm nào dưới đây không có trong cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ nhất và là đặc trưng của cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ hai?

A. Mọi phát minh về kĩ thuật đều bắt nguồn từ nghiên cứu khoa học.

B. Mọi phát minh về kĩ thuật đều bắt nguồn từ thực tiễn.

C. Mọi phát minh về kĩ thuật đều dựa vào các ngành khoa học cơ bản.

D. Khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.

Câu 10. Thời gian từ phát minh khoa học đến ứng dụng vào sản xuất ngày càng rút ngắn. Đó là đặc điểm của cuộc cách mạng nào?

A. Cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ nhất.

B. Cách mạng công nghiệp.

C. Cách mạng văn minh tin học.

D. Cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ hai.

Câu 11. Cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ hai diễn ra theo những phương hướng nào?

A. Đẩy mạnh các phát minh cơ bản.

B. Đẩy mạnh tự động hóa công cụ lao động, chế tạo công cụ mới.

C. Tìm những nguồn năng lượng mới.

D. A, B, C đúng.

Câu 12. Loại công cụ lao động nào do cuộc cách mạng khoa học kĩ thuật lần thứ hai tạo nên đã được xem như "trung tâm thần kinh" kĩ thuật, thay con người trong toàn bộ quá trình sản xuất liên tục?

A. "Người máy" (Rô-bốt). B. Máy tính điện tử.

C. Hệ thống máy tự động. D. Máy tự động.

Câu 13. Phát minh khoa học trong lĩnh vực nào góp phần quan trọng trong việc sản xuất ra những công cụ mới, vật liệu mới, nguồn năng lượng mới?

A. Toán học. B. Vật lí học. C. Hóa học. D. Sinh học.

Câu 14. Thành tựu quan trọng nào của cách mạng khoa học - kĩ thuật đã tham gia tích cực vào việc giải quyết vấn đề lương thực cho loài người?

A. Phát minh sinh học. B. Phát minh hóa học.

C. "Cách mạng xanh". D. Tạo ra công cụ lao động mới.

Câu 15. Máy tính điện tử đầu tiên ra đời ở nước nào?

A. Mĩ. B. Nhật. C. Liên Xô. D. Anh.

Câu 16. Người máy rôbốt lần đầu tiên ra đời ở nước nào?

A. Mĩ. B. Nhật C. Anh. D. Đức.

Câu 17. Cuộc "cách mạng xanh" trong nông nghiệp bắt nguồn từ nước nào?

A. Mĩ B. Ấn Độ. C. Nhật. D. Mê-hi-cô.

Câu 18. Nước nào mở đầu kỉ nguyên chinh phục vũ trụ?

A. Mĩ. B. Liên Xô. C. Nhật. D. Trung Quốc.

Câu 19. Sự phát triển nhanh chóng của cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật hiện đại dẫn đến hiện tượng gì ?

A. Sự đầu tư và khoa học cho lãi cao.

B. Sự bùng nổ thông tin.

C. Nhiều người đầu tư vào việc phát minh sáng chế.

D. Chảy máu chất xám.

Câu 20. Ý nghĩa then chốt, quan trọng nhất của cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ hai?

A. Tạo ra một khối lượng hàng hoá đồ sộ.

B. Đưa loài người chuyển sang nền văn minh trí tuệ.

C. Thay đổi một cách cơ bản các nhân tố sản xuất.

D. Sự giao lưu quốc tế ngày càng được mở rộng.

Câu 21. Hãy điền vào chỗ trống những từ thích hợp để hoàn chỉnh trích đoạn dưới đây về ý nghĩa và tác động tích cực của cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ hai.

"Cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật có ý nghĩa vô cùng to lớn như một cột mốc...(A)... của loài người, đã mang lại những tiến bộ...(B)...,...(C)...và những thay đổi to lớn trong cuộc sống con người.

Cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật đã cho phép con người thực hiện ...(D)....và năng suất lao động, nâng cao.

Câu 22. Đâu là hạn chế cơ bản nhất trong quá trình diễn ra cuộc cách mạng khoa học- kĩ thuật lần thứ hai ?

A. Cách mạng khoa học - kĩ thuật chế tạo vũ khí đặt nhân loại trước nguy cơ một cuộc chiến tranh mới.

B. Nguy cơ của một cuộc chiến tranh hạt nhân.

C. Chế tạo các loại vũ khí và phương tiện có tính chất tàn phá, hủy diệt. Nạn ô nhiễm môi trường, tai nạn, bệnh tật.

D. Nạn khủng bố, gây nên tình hình căng thẳng.

Câu 23. Hãy nối sự kiện ở cột B phù hợp với niên đại ở cột A.

A	*B*
1. 1949.	A. Đặt chân lên Mặt Trăng.
2. 1945.	B. Máy tính điện tử ra đời.
3. 1969.	C. Con người bay vào vũ trụ.
4. 1946.	D. Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử.
5. 1961.	E. Bom nguyên tử ra đời.
6. 1957.	F. Phóng thành công vệ tinh nhân tạo đầu tiên.
7. 04-2003.	G. "Máy tính mô phỏng thế giới".
8. 03-2002.	H. "Bản đồ gien người" được giải hoàn chỉnh.

Câu 24. Cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật diễn ra từ những năm 40 đến nay có điểm nào khác nhau cơ bản với cách mạng khoa học - kĩ thuật trước đây?

A. Nó đã kết hợp chặt chẽ giữa cách mạng khoa học và cách mạng kĩ thuật.

B. Nó đã đạt được những thành tựu rất cao.

C. Nó đã có những phát minh, sáng chế mới.

D. Nó đã đưa loại người bước vào nền văn minh công nghiệp.

Câu 25. Hai yếu tố khoa học và kĩ thuật không tách rời nhau, đó là đặc điểm của cách mạng khoa học – kĩ thuật lần thứ mấy?

A. Lần thứ nhất. B. Lần thứ hai.

C. Lần thứ ba. D. Lần thứ tư.

Câu 26. Giai đoạn thứ nhất của cách mạng khoa học –kĩ thuật lần thứ hai diễn ra trong khoảng thời gian nào?

A. Từ những năm 40 đến những năm 80 của thế kỉ XX.

B. Từ những năm 30 đến những năm 70 của thế kỉ XX.

C. Từ những năm 40 đến những năm 70 của thế kỉ XX.

D. Từ những năm 50 đến những năm 80 của thế kỉ XX.

Câu 27. Giai đoạn thứ hai của cách mạng khoa học – kĩ thuật lần thứ hai diễn ra trong khỏang thời gian nào?

A. Từ những năm 70 đến những năm 80 của thế kỉ XX.

B. Từ những năm 40 đến những năm 80 của thế kỉ XX.

C. Từ cuộc khủng hỏang năng lượng năm 1973 đến nay.

D. Từ những năm 80 đến nay.

Câu 28. Từ năm 1973 đến nay cuộc cách mạng nào được nâng lên vị trí hàng đầu?

A. Cách mạng xanh trong nông nghiệp. B. Cách mạng trắng trong nông nghiệp.

C. Cách mạng công nghiệp. D. Cách mạng công nghệ.

Câu 29. Muốn sản xuất ra được nhiều của cải, con người cần:

A. Dựa vào bản thân sức lao động của mình.

B. Tìm cách để không ngừng cải tiến kĩ thuật, hoàn thiện những phương tiện sản xuất.

C. Câu A và B đều đúng.

D. Câu A và B đều sai.

Câu 30. Kĩ thuật muốn tiến bộ, trước hết phải dựa vào:

A. Sự phát triển của khoa học cơ bản.

B. Sự văn minh của nhân loại.

C. Sự phát triển của văn hóa.

D. Sự phát minh và cải tiến công cụ sản xuất.

Câu 31. Những yếu tố nào đã trở thành nguồn gốc sâu xa dẫn tới cuộc cách mạng công nghiệp thế kỉ XVIII – XIX và cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện nay?

A. Yêu cầu của kĩ thuật và đời sống xã hội.

B. Yêu cầu của chiến tranh và sự gia tăng dân số.

C. Yêu cầu của sự văn minh nhân loại.

D. Yêu cầu của kĩ thuật và sản xuất.

Câu 32. Khi dân số bùng nổ, tài nguyên thiên nhiên ngày càng cạn kiệt, nhân loại đang cần đến những yếu tố nào?

A. Những công cụ sản xuất mới, có kĩ thuật cao.

B. Nguồn năng lượng mới và vật liệu mới.

C. Tài nguyên thiên nhiên được tái tạo lại.

D. Câu A và B đều đúng.

TỔNG KẾT LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI
TỪ SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI ĐẾN NĂM 2000)

Câu 1. Nội dung chủ yếu của lịch sử thế giới hiện đại là các cuộc chiến tranh nào?

A. Đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp.

B. Đấu tranh giữa các nước đế quốc.

C. Đấu tranh của công nhân ở các nước chính quốc.

D. Đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít.

Câu 2. Trong lịch sử thế giới hiện đại, phong trào giải phóng dân tộc diễn ra chủ yếu ở khu vực nào?

A. Châu Á, châu Phi và châu Âu. B. Châu Á, châu Phi và châu Mĩ la-tinh.

C. Châu Á, châu Âu và châu Mĩ la-tinh. D. Trên tất cả các lục địa.

Câu 3. Trong lịch sử thế giới hiện đại đã hình thành chủ nghĩa phát xít. Vậy quê hương của chủ nghĩa phát xít bắt nguồn từ nước nào?

A. Nước Nhật. B. Nước Pháp. C. Nước Đức. D. Nước I-ta-li-a.

Câu 4. "Hệ thống Vec-xai và Oa-sinh-tơn" được thiết lập vào thời điểm lịch sử nào?

A. Sau Cách mạng tháng Mười Nga.

B. Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất.

C. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

D. Cùng lúc với Chiến tranh thế giới thứ nhất.

Câu 5. "Trật tự thế giới hai cực I-an-ta" sau Chiến tranh thế giới thứ hai bị chi phối bởi hai cường quốc nào?

A. Mĩ và Trung Quốc. B. Mĩ và Anh.

C. Mĩ và Đức. D. Mĩ và Liên Xô.

Câu 6. Ghi đúng (Đ) hoặc sai (S) vào ô ☐ các câu dưới đây nói về đặc điểm của lịch sử thế giới hiện đại trong thời kì từ 1917 đến 1945.

☐ A. Mặc dầu trong vòng vây của chủ nghĩa chủ nghĩa tư bản và đế quốc, nhà nước xã hội chủ nghĩa Liên Xô vẫn đứng vững và không ngừng lớn mạnh về mọi mặt.

☐ B. Cách mạng thế giới đã giành được hoàn toàn thắng lợi, tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa đế quốc và phát xít.

☐ C. Chủ nghĩa tư bản ở trong thời kì ổn định tạm thời.

☐ D. Sự xuất hiện chủ nghĩa phát xít đã dẫn tới Chiến tranh thế giới lần thứ nhất.

☐ E. Cuộc Chiến tranh thế giới lần thứ hai là cuộc đụng đầu giữa hai thế lực tiến bộ và phản động trên phạm vi toàn thế giới .

☐ F. Kết thúc Chiến tranh thế giới thứ hai đã mở ra một thời kì mới của lịch sử thế giới hiện đại

Câu 7. Cuộc cách mạng khoa học-kĩ thuật với những thành tựu to lớn đã dẫn tới những chuyển biến quan trọng trong cục diện thế giới. Đó là một trong những đặc điểm của thời kì nào?

A. Từ năm 1917 đến năm 1945.

B. Từ năm 1945 đến nửa đầu những năm 70.

C. Từ nửa sau những năm 70 đến năm 1991.

D. Tất cả các thời kì trên.

Câu 8. Hãy nối một số đặc điểm của lịch sử thế giới hiện đại cho phù hợp với từng thời kì sau đây:

Thời kì	*Đặc điểm*
1) 1917 - 1945 2) 1945 đến nửa đầu những năm 70 3) Nửa sau những năm 70 đến 1991	A. Cuộc cách mạng khoa học-kĩ thuật với những thành tựu to lớn dẫn tới những biến chuyển quan trọng trong cục diện thế giới. B. Sau nhiều năm khủng hoảng kinh tế, chính trị các nước tư bản chủ nghĩa nhờ cải cách kinh tế, đi sâu vào cách mạng khoa học-công nghệ thích nghi về chính trị xã hội, đã đạt được bước phát triển mới về kinh tế, ổn định về chính trị và mức sống của người dân được nâng cao. C. Chủ nghĩa tư bản đã lâm vào một số cuộc khủng hoảng kinh tế, chính trị và xuất hiện chủ nghĩa phát xít đã dẫn tới Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ.

Câu 9. Liên Xô đạt được những thành tựu quan trọng trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội vào khoảng thời gian nào?

A. Từ năm 1945 đến 1991.

B. Từ nửa đầu những năm 70 đến 1991.

C. Từ nửa sau những năm 70 đến 1991.

D. Từ năm 1945 đến nửa đầu những năm 70.

Câu 10. Trong những thập niên 50, 60 nền công nghiệp ở Liên Xô như thế nào?

A. Bị giảm sút nghiêm trọng.

B. Là cường quốc công nghiệp đứng thứ hai trên thế giới.

C. Là cường quốc công nghiệp đứng thứ hai ở châu Âu.

D. Phát triển với tốc độ bình thường.

Câu 11. Các nước Đông Âu bước vào thời kì xây dựng chủ nghĩa xã hội vào khỏang thời gian nào?

A. Những năm 1948-1949. B. Những năm 1949-1950.

C. Từ năm 1950. D. Từ năm 1970.

Câu 12. Từ những năm 70 trở đi, tình hình kinh tế Liên Xô như thế nào?

A. Khủng hoảng trầm trọng. B. Lâm vào tình trạng "trì trệ".

C. Đang đạt mức tăng trưởng. D. Vẫn giữ mức phát triển bình thường.

Câu 13. Các nước Đông Âu lâm vào tình trạng khủng hoảng trong thời gian nào?

A. Đầu năm 1980 đến 1990. B. Cuối năm 1980 đến 1991.

C. Cuối năm 1988 đến 1991. D. Cuối những năm 70 đến đầu những năm 80.

Câu 14. Nguyên nhân chung có tính chất quyết định đến sự khủng hỏang và sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu:

A. Xây dựng một mô hình về chủ nghĩa xã hội chưa đúng đắn.

B. Chậm sửa chữa, thay đổi trước những biến động của tình hình thế giới.

C. Sự tha hóa, biến chất của một số người lãnh đạo Đảng và Nhà nước.

D. Do hoạt động chống phá của các thế lực phản cách mạng.

Câu 15. Năm 1949 gắn liền với sự nào dưới đây?

A. Khối NATO được thành lập.

B. Khối Vác-sa-va ra đời.

C. Hội đồng tương trợ kinh tế được thành lập.

D. Liên Xô phóng thành công vệ tinh nhân tạo của Trái Đất.

Câu 16. Tháng 2-1950 gắn liền với sự kiện nổi bật nào ở Trung Quốc?

A. Hiệp ước liên minh và tương trợ Trung - Xô được kí kết.

B. Trung quốc thực hiện đường lối "ba ngọn cờ hồng".

C. Trung Quốc xây dựng chủ nghĩa xã hội theo hướng "đại nhảy vọt".

D. Trung Quốc lâm vào tình trạng hỗn loạn.

Câu 17. Công cuộc cải cách ở Trung Quốc bắt đầu vào năm nào?

A. Năm 1968. B. Năm 1987. C. Năm 1988. D. Năm 1978.

Câu 18. Sau khi giành được độc lập, nước Lào tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, đúng hay sai?

A. Đúng. B. Sai.

Câu 19. Liên minh chính trị - quân sự do Mĩ cầm đầu ở Đông Nam Á viết tắt là gì?

A. Khối NATO. B. Khối SEATO.

C. Tổ chức ASEAN. D. Tổ chức EU.

Câu 20. Khu vực nào trên thế giới thường diễn ra tranh chấp về sắc tộc và chiến tranh?

A. Khu vực Đông Nam Á. B. Khu vực Bắc Đại Tây Dương.

C. Khu vực Trung Đông. D. Khu vực Mĩ La-tinh.

Câu 21. Nước nào ở châu Á tuyên bố độc lập và thành lập nước cộng hòa vào ngày 26-1-1950?

A. Lào. B. Cam-pu-chia. C. In-đô-nê-xi-a. D. Ấn Độ.

Câu 22. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, châu lục nào được mệnh danh là "lục địa mới trỗi dậy"?

A. Châu Á. B. Châu Mĩ La-tinh.

C. Châu Âu. D. Châu Phi.

Câu 23. Nước cộng hòa nào ở châu Phi được thành lập vào ngày 18-6-1953?

A. Ai Cập. B. Tuy-ni-di. C. An-giê-ri. D. Ma-rốc.

Câu 24. Hình thức đấu tranh giành độc lập chủ yếu thông qua đấu tranh chính trị hợp pháp, đó là đặc điểm của phong trào giải phóng dân tộc ở:

A. Châu Á. B. Châu Phi.

C. Châu Mĩ La-tinh. D. Châu Á và châu Phi.

Câu 25. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, châu lục nào được mệnh danh là "lục địa bùng cháy"?

A. Châu Á. B. Châu Âu.

C. Châu Phi. D. Châu Mĩ Latinh.

Câu 26. Nước nào ở châu Mĩ Latinh được xem là "lá cờ đầu" của phong trào giải phóng dân tộc?

A. Mê-hi-cô. B. Ác-hen-ti-na.

C. Cu-ba. D. Tất cả các nước trên.

Câu 27. Đặc điểm nào dưới đây là đặc điểm chung của nền kinh tế Mĩ, Nhật sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Là nước khởi đầu cách mạng khoa học - kĩ thuật.

B. Áp dụng thành tựu khoa học-kĩ thuật đang phát triển của thế giới.

C. Tập trung sản xuất và tập trung tư bản cao độ.

D. Đều thực hiện quân sự hóa nền kinh tế.

Câu 28. Nước nào trong những năm 60 của thế kỉ XX có tốc độ phát triển kinh tế "thần kì"?

A. Nước Mĩ. B. Nước Pháp. C. Nước Anh. D. Nước Nhật.

Câu 29. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, nước nào được mệnh danh là "đế quốc kinh tế"?

A. Nước Mĩ. B. Nước Pháp. C. Nước Đức. D. Nước Nhật.

Câu 30. Trong nhiều thập niên liền, Liên minh Thiên chúa giáo cầm quyền ở nước nào?

A. Nước Đức. B. Nước Anh. C. Nước Pháp. D. Nước Hà Lan.

Câu 31. Ngày 6-4-1948, một hiệp ước hữu nghị và hợp tác của các nước nào dưới đây được kí kết?

A. Anh- Liên Xô. B. Liên Xô-Mĩ.

C. Phần Lan- Liên Xô. D. Anh-Pháp.

Câu 32. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, chủ nghĩa tư bản còn gọi là gì?

A. Chủ nghĩa phân biệt chủng tộc. B. Chủ nghĩa tư bản độc quyền.

C. Chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước. D. Chủ nghĩa tư bản hiện đại.

Câu 33. Trong Chiến tranh thế giới thứ hai đã diễn ra hội nghị nào ở Liên Xô của các nước Đồng minh?

A. Hội nghị Pốt-xđam. B. Hội nghị I-an-ta.

C. Hội nghị Mát-xcơ-va. D. Hội nghị Man-ta.

Câu 34. Ba nước tư bản trong Hội đồng bảo an Liên hiệp quốc là những nước:

A. Mĩ, Anh, Đức. B. Mĩ, Anh, Nhật.

C. Mĩ, Anh, Pháp. D. Mĩ, Pháp, Tây Ban Nha.

Câu 35. Trật tự thế giới theo khuôn khổ thỏa thuận I-an-ta là của ba nước nào?

A. Liên Xô, Trung Quốc, Mĩ. B. Mĩ, Anh, Pháp.

C. Liên Xô, Anh, Pháp. D. Liên Xô, Mĩ, Anh.

Câu 36. Yếu tố nào sẽ còn tiếp tục tạo ra sự "đột phá" và biến chuyển trong cục diện thế giới?

A. Sự hợp tác Xô- Mĩ.

B. Sự vươn lên của Nhật Bản và Tây Âu.

C. Sự chạy đua vũ trang của Mĩ và Liên Xô.

D. Sự phát triển của cách mạng khoa học-kĩ thuật.

PHẦN HAI
LỊCH SỬ VIỆT NAM

Chương 1
VIỆT NAM TỪ NĂM 1919 ĐẾN NĂM 1930

Câu 1. Vì sao thực dân Pháp tiến hành khai thác thuộc địa lần thứ hai ở Việt Nam?

A. Để Bù vào những thiệt hại trong cuộc khai thác lần thứ nhất.

B. Để bù đắp những thiệt hại do Chiến tranh thế giới lần thứ nhất gây ra.

C. Để thúc đẩy sự phát triển kinh tế- xã hội ở Việt Nam.

D. Tất cả các ý trên.

Câu 2. Tổng số vốn mà pháp đầu tư vào Đông Dương để thực hiện chương trình khai thác lần thứ hai từ (1924 - 1929) bao nhiêu?

A. Gấp 20 lần so với 20 năm trước chiến tranh.

B. Gấp 10 lần so với 6 năm trước chiến tranh.

C. Gấp 6 lần so với 20 năm trước chiến tranh.

D. Gấp 8 lần so với 20 năm trước chiến tranh.

Câu 3.Trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai thực dân Pháp đầu tư vốn nhiều nhất vào các ngành nào?

A. Công nhiệp chế biến.

B. Nông nghiệp và khai thác mỏ.

C. Nông nghiệp và thương nghiệp.

D. Giao thông vận tải.

Câu 4. Diện tích trồng cao su của Pháp ở Việt Nam từ năm 1918-1930 tăng lên bao nhiêu?

A. Từ 20 ngàn héc ta tăng lên120 ngàn héc ta.

B. Từ 15 ngàn héc ta tăng lên 150 ngàn héc ta.

C. Từ 15 ngàn héc ta tăng lên 140 ngàn héc ta.

D. Từ 15 ngàn héc ta tăng lên 120 ngàn héc ta.

Câu 5. Thủ đoạn thâm độc nhất của thực dân Pháp trong lĩnh vực nông nghiệp ở Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất là gì?

A. Đánh thuế nặng vào các mặt hàng nông sản.

B. Tước đoạt ruộng đất của nông dân.

C. Bắt nông dân đi phu phen, tạp dịch.

D. Không cho nông dân tham gia sản xuất.

Câu 6. Vì sao tư bản Pháp chú trọng đến việc khai thác mỏ than ở Việt Nam?

A. Ở Việt Nam có trữ lượng than lớn.

B. Than là nguyên liệu chủ yếu phục vụ cho công nghiệp chính quốc.

C. Để phục vụ cho nhu cầu công nghiệp chính quốc.

D. Tất cả các ý trên.

Câu 7. Vì sao trong quá trình khai thác thuộc địa lần thứ hai, tư bản Pháp hạn chế phát triển công nghiệp nặng ở Việt Nam?

A. Nhằm cột chặt nền kinh tế Việt Nam lệ thuộc vào kinh tế Pháp.

B. Biến Việt Nam thành thị trường tiêu thụ hàng hóa do nền công nghiệp Pháp sản xuất.

C. Biến Việt Nam thành căn cứ quân sự và chính trị của Pháp.

D. Câu a và b đều đúng.

Câu 8. Để độc chiếm thị trường Đông Dương, Pháp đóng thuế rất nặng vào hàng hóa của các nước nào khi nhập vào thị trường Đông Dương?

A. Hàng hóa của Ấn Độ.
B. Hàng hóa củaTrung Quốc, Nhật Bản.
C. Hàng hóa của Thái Lan, Xin-ga-po.
D. Hàng hóa của Triều Tiên, Mông Cổ.

Câu 9. Chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp ở Việt Nam làm cho nền kinh tế Việt Nam có những chuyển biến như thế nào?

A. Nền kinh tế phát triển theo hướng tư bản chủ nghĩa.

B. Nền kinh tế mở cửa.

C. Nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, què quặt, lệ thuộc vào pháp.

D. Nền kinh tế thương nghiệp và công nghiệp phát triển.

Câu 10. Chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp bắt đầu vào năm nào?

A. 1914
B. 1918
C. 1919
D. 1920

Câu 11. Điểm mới trong chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai của Pháp là gì?

A. Vừa thai thác vừa chế biến.
B. Đầu tư phát triển công nghiệp nhẹ.
C. Đầu tư phát triển công nghiệp nặng.
D. Tăng cường đầu tư thu lãi cao.

Câu 12. Số vốn mà Pháp đầu tư vào nông nghiệp lên tới 400 triệu phơrăng gấp 10 lần trước chiến tranh được thực hiện vào năm nào?

A. 1926
B. 1927
C. 1928
D. 1929

Câu 13. Trong chính sách thương nghiệp, Pháp đã đánh thuế nặng các hàng hóa nước ngoài vì:

A. Tạo sự cạnh tranh giữa hàng hóa các nước nhập vào Đông Dương.

B. Cản trở sự xâm nhập của hàng hóa nước ngoài.

C. Muốn độc quyền chiếm thị trường Việt Nam và Đông Dương.

D. Tạo điều kiện cho thương nghiệp Đông Dương phát triển.

Câu 14. Nhằm độc quyền chiếm thị trường Đông Dương, tư bản độc quyền Pháp đã làm gì?

A. Ban hành đạo luật đánh thuế nặng các hàng hóa nước ngoài nhập vào Đông Dương.

B. Cản trở hoạt động của tư bản Trung Quốc, Nhật Bản.

C. Lập ngân hàng Đông Dương.

D. Chỉ nhập hàng hóa Pháp vào thị trường Đông Dương.

Câu 15. Chính sách khai thác lần thứ hai của thực dân Pháp về căn bản không thay đổi vì:

A. Không xây dựng các ngành công nghiệp nặng ở nước ta.

B. Tăng cường đánh thuế nặng.

C. Hạn chế phát triển công nghiệp đặc biệt là công nghiệp nặng, biến Đông Dương thành thị trường độc chiếm của tư bản Pháp.

D. Bỏ vốn nhiều vào nông nghiệp và khai thác mỏ.

Câu 16. Tác động của chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai của Pháp đến nền kinh tế Việt Nam là gì?

A. Nền kinh tế Việt Nam phát triển độc lập.

B. Nền kinh tế Việt Nam vẫn bị lạc hậu, què quặt.

C. Nền kinh tế Việt Nam phát triển thêm một bước nhưng bị kìm hãm lệ thuộc Pháp.

D. Nền kinh tế Việt Nam lệ thuộc hoàn toàn vào Pháp.

Câu 17. Thực dân Pháp thi hành chính sách chuyên chế triệt để ở Việt Nam, chính sách đó được biểu hiện như thế nào?

A. Mọi quyền hành nắm trong tay người Pháp.

B. Mọi quyền hành nắm trong tay vua quan Nam triều.

C. Mọi quyền hành vừa nắm trong tay người Pháp vừa nắm trong tay vua quan Nam triều.

D. Tất cả các câu trên đều đúng.

Câu 18. Những thủ đoạn nào của thực dân Pháp về chính trị và văn hóa giáo dục nhằm nô dịch lâu dài nhân dân ta sau Chiến tranh thế giới thứ nhất?

A. Lôi kéo, mua chuộc người Việt Nam thuộc tầng lớp trên của xã hội.

B. Thâu tóm quyền lực vào tay người Pháp.

C. "Chia để trị" và thực hiện có văn hóa nô dịch, ngu dân.

D. Mở trường dạy tiếng Pháp để đào tạo bọn tay sai.

Câu 19. Chính sách "chia để trị" mà bọn thực dân Pháp áp dụng ở Việt Nam được biểu hiện như thế nào?

A. Nam Kì: thuộc Pháp, Trung Kì : nửa bảo hộ, Bắc Kì: bảo hộ.

B. Nam Kì: bảo hộ, Trung Kì: thuộc Pháp, Bắc Kì: nửa bảo hộ.

C. Nam Kì: Nửa bảo hộ, Trung Kì: bảo hộ, Bắc Kì: thuộc Pháp.

D. Tất cả các câu trên đều sai.

Câu 20. Chính sách văn hóa, giáo dục mà Pháp thực hiện ở Việt Nam nhằm mục đích gì?

A. Đào tạo đội ngũ trí thức ở Việt Nam để đưa sang Pháp.

B. "Khai hóa" văn minh cho dân tộc ta.

C. Nô dịch, đồi trụy nhân dân ta.

D. Tất cả các câu trên đều sai.

Câu 21. Những giai cấp cũ trong xã hội Việt Nam, có từ trước cuộc khai thác thuộc địa của Pháp, đó là giai cấp nào?

A. Nông dân, địa chủ phong kiến.

B. Nông dân, địa chủ phong kiến, thợ thủ công.

C. Nông dân, địa chủ phong kiến, tư sản dân tộc.

D. Nông dân, địa chủ phong kiến, công nhân.

Câu 22. Giai cấp nào mới ra đời do hậu quả của việc khai thác của Pháp sau chiến tranh?

A. Công nhân, nông dân, tư sản dân tộc.

B. Công nhân, tiểu tư sản, tư sản dân tộc.

C. Công nhân, tư sản dân tộc, địa chủ phong kiến.

D. Công nhân, nông dân, tư sản dân tộc, tiểu tư sản, địa chủ phong kiến.

Câu 23. Trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp, thái độ chính trị của giai cấp đại địa chủ phong kiến như thế nào?

A. Sẵn sàng thỏa hiệp với nông dân để chống tư sản dân tộc.

B. Sẵn sàng phối hợp với tư sản dân tộc để chống Pháp.

C. Sẵn sàng thỏa hiệp với Pháp để hưởng quyền lợi.

D. Sẵn sàng đứng lên chống thực dân để giải phóng dân tộc.

Câu 24. Giai cấp tư sản Việt Nam được thực dân Pháp đối xử như thế nào?

A. Được thực dân Pháp dung dưỡng.

B. Bị thực dân pháp chèn ép, kiềm hãm.

C. Bị thực dân Pháp bóc lột nặng nề nhất.

D. Được thực dân Pháp cho hưởng đặc quyền, đặc lợi.

Câu 25. Sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất, ngoài thực dân Pháp, còn có giai cấp nào trở thành đối tượng của cách mạng Việt Nam ?

A. Giai cấp nông dân. B. Giai cấp công nhân.

C. Giai cấp đại địa chủ phong kiến. D. Giai cấp tư sản dân tộc.

Câu 26. Trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp ở Việt Nam, giai cấp tư sản phân hóa như thế nào?

A. Tư sản dân tộc và tư sản thương nghiệp.

B. Tư sản dân tộc và tư sản công nghiệp.

C. Tư sản dân tộc và tư sản mại bản.

D. Tư sản dân tộc và tư sản công thương.

Câu 27. Trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp ở Việt Nam, thái độ chính trị của giai cấp tư sản dân tộc như thế nào?

A. Có thái độ kiên quyết trong việc đấu tranh chống Pháp.

B. Có thái độ không kiên định, dễ thỏa hiệp, cải lương khi đế quốc mạnh.

C. Có tinh thần đấu tranh cách mạng triệt để trong sự nghiệp giải phóng dân tộc.

D. Tất cả các câu trên đều đúng.

Câu 28. Vì sao tầng lớp tiểu tư sản trở thành những bộ phận quan trọng của cách mạng dân tộc, dân chủ ở nước ta?

A. Bị thực dân Pháp chèn ép, bạc đãi, khinh rẻ.

B. Đời sống bấp bênh, dễ bị xô đẩy vào con đường phá sản thất nghiệp.

C. Câu A đúng, câu B sai.

D. Cả câu A, B đều đúng.

Câu 29. Giai cấp nào có số lượng tăng nhanh nhất trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai?

A. Nông dân. B. Tư sản dân tộc. C. Địa chủ. D. Công nhân.

Câu 30. Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, lực lượng nào hăng hái và đông đảo nhất của cách mạng Việt Nam?

A. Công nhân. B. Nông dân. C. Tiểu tư sản. D. Tư sản dân tộc.

Câu 31. Trong các đặc điểm sau đây, đặc điểm nào là cơ bản nhất của giai cấp công nhân Việt Nam?

A. Bị ba tầng áp bức bóc lột của đế quốc, phong kiến, tư sản dân tộc.

B. Có quan hệ tự nhiên gắn bó với giai cấp nông dân.

C. Kế thừa truyền thống yêu nước anh hùng và bất khuất của dân tộc.

D. Vừa lớn lên đã tiếp thu ngay được ảnh hưởng mạnh mẽ của phong trào cách mạng thế giới, nhất là cách mạng tháng mười Nga và chủ nghĩa Mác – Lênin.

Câu 32. Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, giai cấp hoặc tầng lớp nào có đủ khả năng nắm lấy ngọn cờ lãnh đạo cách mạng Việt Nam?

A. Giai cấp nông dân. B. Giai cấp tư sản dân tộc.

C. Giai cấp công nhân. D. Tầng lớp tiểu tư sản.

Câu 33. Giai cấp công nhân Việt Nam xuất thân chủ yếu từ đâu?

A. Giai cấp tư sản bị phá sản.

B. Giai cấp nông dân bị tước đoạt ruộng đất.

C. Tầng lớp tiểu tư sản bị chèn ép.

D. Thợ thủ công bị thất nghiệp.

Câu 34. Sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất, mâu thuẫn nào trở thành mâu thuẫn cơ bản, cấp bách hàng đầu của cách mạng Việt Nam?

A. Giữa công nhân và tư sản.

B. Giữa nông dân và địa chủ.

C. Giữa nhân dân Việt Nam với chủ nghĩa thực dân Pháp.

D. Tất cả các câu trên đều đúng.

Câu 35. Trong cuộc khai thác thuộc địa lần hai của thực dân Pháp ở Việt Nam, mâu thuẫn nào là mâu thuẫn giai cấp cơ bản của cách mạng Việt Nam?

A. Mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân với giai cấp tư sản.

B. Mâu thuẫn giữa giai cấp nông dân với địa chủ.

C. Mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân với đế quốc Pháp.

D. Mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân, nông dân với đế quốc Pháp.

Câu 36. Những thủ đoạn thâm độc nhất của tư bản Pháp về chính trị sau Chiến tranh thế giới thứ nhất nhằm nô dịch lâu dài nhân dân Việt Nam là gì?

A. Thâu tóm quyền hành trong tay người Pháp.

B. Cấu kết với vua quan Nam triều để đàn áp nhân dân.

C. "Chia để trị".

D. Khủng bố, đàn áp nhân dân ta.

Câu 37. Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, chính sách chính trị của Pháp ở Việt Nam là gì?

A. Mua chuộc, lôi kéo địa chủ và tư bản người Việt.

B. Vua quan Nam Triều chỉ là bù nhìn, quyền lực trong tay người Pháp.

C. Thẳng tay đàn áp, khủng bố nhân dân ta.

D. A, B, C, đúng.

Câu 38. Giai cấp nào trở thành tay sai, làm chỗ dựa cho thực dân Pháp tăng cường chiếm đoạt, bóc lột kinh tế, đàn áp chính trị đối với người nông dân sau chiến tranh thế giới thứ nhất?

A. Giai cấp địa chủ phong kiến. B. Tầng lớp đại địa chủ.

C. Tầng lớp tư sản mại bản. D. Giai cấp tư sản dân tộc.

Câu 39. Thái độ chính trị của giai cấp đại địa chủ phong kiến đối với thực dân Pháp như thế nào?

A. Sẵn sàng thoả hiệp với Pháp để chống tư sản dân tộc.

B. Sẵn sàng phối hợp với tư sản dân tộc để chống Pháp khi bị chèn ép.

C. Sẵn sàng thoả hiệp với Pháp để hưởng quyền lợi.

D. Sẵn sàng đứng lên chống thực dân Pháp khi bị cắt xén quyền lợi về kinh tế.

Câu 40. Giai cấp tư sản Việt Nam vừa mới ra đời đã:

A. Được thực dân Pháp dung dưỡng.

B. Bị thực dân Pháp chèn ép, kìm hãm.

C. Bị thực dân Pháp bóc lột nặng nề nhất.

D. Được thực dân Pháp sử dụng làm tay sai đắc lực cho chúng.

Câu 41. Trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp ở Đông Dương, có hai giai cấp bị phân hoá thành hai bộ phận, đó là các giai cấp nào?

A. Giai cấp nông dân và giai cấp công nhân.

B. Giai cấp công nhân và giai cấp tư sản.

C. Giai cấp đại địa chủ phong kiến và giai cấp tư sản.

D. Giai cấp tư sản dân tộc và tầng lớp tiểu tư sản.

Câu 42. Có tinh thần dân tộc dân chủ, chống đế quốc, phong kiến nhưng thái độ không kiên định, dễ thỏa hiệp đó là đặc điểm của giai cấp nào?

A. Giai cấp địa chủ phong kiến. B. Giai cấp tư sản.

C. Tầng lớp tư sản dân tộc. D. Tầng lớp tư sản mại bản.

Câu 43. Giai cấp công nhân Việt Nam có những đặc điểm riêng đó là gì?

A. Đại diện cho lực lượng sản xuất tiến bộ.

B. Có tinh thần yêu nước chống giặc ngoại xâm.

C. Bị ba tầng lớp áp bức bóc lột, có quan hệ tự nhiên với giai cấp nông dân kế thừa truyền thống yêu nước của dân tộc.

D. Điều kiện lao động và sinh sống tập trung.

Câu 44. Giai cấp nào có tinh thần cách mạng triệt để, có ý thức tổ chức kỉ luật gắn với nền sản xuất hiện đại, có quan hệ mật thiết với giai cấp nông dân?

A. Tiểu tư sản. B. Công nhân. C. Tư sản. D. Địa chủ.

Câu 45. Vì sao tầng lớp tiểu tư sản trở thành bộ phận quan trọng của cách mạng dân tộc dân chủ ở nước ta?

A. Vì bị thực dân Pháp chèn ép, bạc đãi, khinh rẻ.

B. Vì đời sống bấp bênh, dễ bị xô đẩy vào con đường phá sản thất nghiệp.

C. Câu A đúng, câu B sai.

D. Câu A, B đều đúng.

Câu 46. Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, xã hội Việt Nam tồn tại nhiều mâu thuẫn, trong đó mâu thuẫn nào là cơ bản nhất?

A. Mâu thuẫn giữa nông dân và địa chủ.

B. Mâu thuẫn giữa công nhân và tư bản.

C. Mâu thuẫn giữa nhân dân Việt Nam và chủ nghĩa thực dân Pháp.

D. Mâu thuẫn giữa tư sản và địa chủ.

Câu 47. Những sự kiện nào trên thế giới có ảnh hưởng lớn đến cách mạng Việt Nam từ sau Chiến tranh thế giới nhất?

A. Sự thành công của Cách mạng tháng Mười Nga (11 - 1917).

B. Nguyễn Ái Quốc đưa yêu sách đến Hội nghị Véc-xai (6 - 1919).

C. Nguyễn Ái Quốc tham dự Đại hội Tua của Đảng Xã hội Pháp (12 - 1920).

D. Nước Pháp bị khủng hoảng kinh tế.

Câu 48. Khi Đệ tam quốc tế (Quốc tế Cộng sản) thành lập ở Mát-xcơ-va vào tháng 2-1919. Lúc đó Nguyễn Ái Quốc đang ở đâu?

A. Ở Anh. B. Ở Pháp. C. Ở Liên Xô. D. Ở Trung Quốc.

Câu 49. Những sự kiện nào sau đây tạo điều kiện thuận lợi cho sự truyền bá chủ nghĩa Mác-Lê-nin vào Việt Nam?

A. Quốc tế Cộng sản được thành lập (2-1919).

B. Đảng Cộng sản Pháp ra đời (1920).

C. Đảng Cộng sản Trung Quốc ra đời (1921).

D. Tất cả các sự kiện trên.

Câu 50. Vì sao sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản phát triển mạnh mẽ?

A. Chủ nghĩa Mác – Lê-nin được truyền bá sâu rộng vào Việt Nam.

B. Do ảnh hưởng tư tưởng Tam dân của Tôn Trung Sơn.

C. Giai cấp công nhân đã chuyển sang đấu tranh tự giác.

D. Thực dân Pháp đang trên đà suy yếu.

Câu 51. Phong trào đấu tranh đầu tiên do giai cấp tư sản dân tộc khởi xướng, đó là:

A. Chống độc quyền cảng Sài Gòn.

B. Chống độc quyền xuất khẩu lúa gạo ở Nam kì.

C. Phong trào " Chấn hưng nội hóa" " Bài trừ ngoại hóa".

D. Thành lập đảng Lập hiến để tập hợp lực lượng quần chúng.

Câu 52. Ai là người đứng ra thành lập Đảng Lập hiến ở Việt Nam năm 1923?.

A. Nguyễn Phan Long, Bùi Quang Chiêu.

B. Nguyễn Thái Học, Phạm Tuấn Tài.

C. Nguyễn Khắc Nhu, Phó Đức Chính.

D. Bùi Quang Chiêu, Phạm Hồng Thái.

Câu 53. Những tổ chức chính trị như: Việt Nam nghĩa đoàn, Hội Phục Việt, Hội Hưng Nam, Đảng Thanh niên là tiền thân của tổ chức nào?

A. Hội Việt Nam cách mạng thanh niên. B. Việt Nam Quốc dân đảng.

C. Tân Việt Cách mạng đảng. D. Đông Dương Cộng sản đảng.

Câu 54. Những tờ báo tiến bộ của tầng lớp tiểu tư sản trí thức xuất bản trong phong trào yêu nước dân chủ công khai (1919 - 1926) là:

A. *"Chuông rè", "An Nam trẻ", "Nhành lúa".*

B. *"Tin tức", "Thời mới", "Tiếng dân".*

C. *"Chuông rè", " Tin tức", "Nhành lúa".*

D. *"Chuông rè", " An Nam trẻ", "Người nhà quê".*

Câu 55. Trong phong trào yêu nước dân chủ công khai (1919 - 1926) có hai sự kiện trong nước tiêu biểu nhất, đó là sự kiện nào?

A. Phong trào đấu tranh của công nhân Ba Son và công nhân Phú Riềng.

B. Cuộc đấu tranh đòi nhà cầm quyền pháp thả Phan Bội Châu và đám tang Phan Châu Trinh.

C. Tiếng bom của Phạm Hồng Thái vang nổ tại Sa Diện và Nguyễn Ái Quốc gởi yêu sách đến Hội Nghị Véc-xai.

D. Tiếng bom của Phạm Hồng Thái và phong trào đấu tranh đòi thả Phan Bội Châu.

Câu 56. Trần Dân Tiên viết: *"việc đó tuy nhỏ nhưng nó báo hiệu bắt đầu thời đại đấu tranh dân tộc như chim én nhỏ báo hiệu mùa xuân"*. Sự kiện nào sau đây phản ánh điều đó?

A. Cuộc bãi công của công nhân Ba Son.

B. Cuộc đấu tranh đòi nhà cầm quyền Pháp thả Phan Bội Châu (1925).

C. Phong trào để tang Phan Châu Trinh (1926).

D. Tiếng bom Phạm Hồng Thái tại Sa Diện- Quảng Châu (6-1924).

Câu 57. Trong những nguyên nhân sau đây, nguyên nhân nào là nguyên nhân chủ quan làm cho phong trào yêu nước dân chủ công khai (1919 - 1926) cuối cùng bị thất bại?

A. Hệ tư tưởng dân chủ tư sản đã trở nên lỗi thời, lạc hậu.

B. Thực dân Pháp còn mạnh đủ khả năng đàn áp phong trào.

C. Giai cấp tư sản dân tộc do yếu kém về kinh tế nên ươn hèn về chính trị; tầng lớp tiểu tư sản do điều kiện kinh tế bấp bênh nên không thể lãnh đạo phong trào cách mạng.

D. Do chủ nghĩa Mác – Lê-nin chưa được truyền bá sâu rộng vào Việt Nam.

Câu 58. Mục tiêu đấu tranh của phong trào công nhân trong những năm 1919 - 1924 chủ yếu là:

A. Đòi quyền lợi về kinh tế.

B. Đòi quyền lợi về chính trị.

C. Đòi quyền lợi về kinh tế và chính trị.

D. Chống thực dân Pháp để giải phóng dân tộc.

Câu 59. Chọn địa danh đúng để điền vào câu sau đây:

Sang năm 1924, có nhiều cuộc bãi công của công nhân các nhà máy dệt, rượu, xay gạo ở ....

A. Hà Nội, Huế, Sài Gòn. B. Nam Định, Nà Nội, Hải Dương.

C. Hải Phòng, Nam Định, Vinh. D. Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hoá.

Câu 60. Sự kiện nào đánh dấu giai cấp công nhân Việt Nam đi vào đấu tranh tự giác?

A. Cuộc bãi công của công nhân thợ nhuộm ở Chợ Lớn (1922).

B. Cuộc tổng bãi công của công nhân Bắc Kì (1922).

C. Bãi công của thợ máy xưởng Ba Son cảng Sài Gòn ngăn tàu chiến Pháp đi đàn áp cách mạng ở Trung Quốc (8 - 1925).

D. Cuộc bãi công của 1000 công nhân nhà máy sợi Nam Định (1926).

Câu 61. Sự kiện nào thể hiện: *"Tư tưởng Cách mạng tháng Mười Nga đã thấm sâu hơn vào giai cấp công nhân và bắt đầu biến thành hành động của giai cấp công nhân Việt Nam"*.

A. Bãi công của thợ máy xưởng Ba Son cảng Sài Gòn (8-1925).

B. Nguyễn Ái Quốc đọc sơ thảo Luận cương của Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa (7-1920).

C. Tiếng bom của Phạm Hồng Thái vang dội ở Sa Diện (Quảng Châu) (6-1924).

D. Nguyễn Ái Quốc gởi yêu sách đến Hội nghị Vécxai (1919).

Câu 62. Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước vào ngày tháng năm nào? Tại đâu? Đầu tiên Bác đến nước nào?

A. Ngày 6-5-1911, tại Sài Gòn, đầu tiên Bác đến nước Trung Quốc.

B. Ngày 5-6-1911, tại Phan Thiết, đầu tiên Bác đến nước Pháp.

C. Ngày 5- 6-1911, tại Sài Gòn, đầu tiên Bác đến nước Pháp.

D. Tất cả các câu trên đều đúng.

Câu 63. Vì sao Nguyễn Ái Quốc bỏ phiếu tán thành Quốc tế thứ III?

A. Quốc tế này bênh vực cho quyền lợi của các nước thuộc địa.

B. Quốc tế này giúp nhân dân ta đấu tranh chống thực dân Pháp.

C. Quốc tế này đề ra đường lối cho cách mạng Việt Nam.

D. Quốc tế này chủ trương thành lập Mặt trận giải phóng dân tộc ở Việt Nam.

Câu 64. Cách mạng tháng Mười Nga thành công (1917), Bác Hồ đi từ nước nào đến nước nào để nghiên cứu, học tập Cách mạng tháng Mười Nga.

A. Từ Mĩ sang Nga. B. Từ Pháp sang Trung Quốc.

C. Từ Anh sang Nga. D. Từ Anh sang Pháp.

Câu 65. Sự kiện nào đánh dấu Nguyễn Ái Quốc bước đầu tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn?

A. Nguyễn Ái Quốc đưa yêu sách đến Hội nghị Véc xai (18-6-1919).

B. Nguyyễn Ái Quốc tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp (12-1920).

C. Nguyễn Ái Quốc đọc sơ thảo Luận cương của Lê-nin về vấn đề dân tộc và thuộc địa (7-1920).

D. Nguyễn Ái Quốc thành lập tổ chức Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên (6-1925).

Câu 66. Để nghiên cứu, học tập chủ nghĩa Mác- Lê-nin và Cách mạng tháng Mười Nga, từ năm 1920 đến 1923, Nguyễn Ái Quốc hoạt động chủ yếu ở nước nào?

A. Ở Liên Xô. B. Ở Pháp. C. Ở Trung Quốc. D. Ở Anh.

Câu 67. *Đứng trước chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa đế quốc, quyền lợi của chúng ta là thống nhất, các bạn hãy nhớ lời kêu gọi của Các Mác: " Vô sản tất cả các nước đoàn kết lại ;"*. Hãy cho biết đoạn văn trên của ai, viết trong tác phẩm nào?

A. Của Lê-nin, trong sơ thảo Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa.

B. Của Mác - Ăn-ghen trong Tuyên ngôn Đảng Cộng sản.

C. Của Nguyễn Ái Quốc trong Tuyên ngôn của Hội Liên hiệp thuộc địa.

D. Tất cả đều sai.

Câu 68. Vào thời gian nào, Nguyễn Ái Quốc rời Pari đi Liên Xô, đất nước mà từ lâu Người mơ ước đặt chân tới?

A. Tháng 6 - 1924. B. Tháng 6 - 1922.

C. Tháng 12 - 1923. D. Tháng 6 - 1923.

Câu 69. Sự kiện ngày 17-6-1924 gắn với hoạt động của Nguyễn Ái Quốc ở Liên Xô, đó là:

A. Người dự Đại hội nông dân Quốc tế.

B. Người dự Đại hội lần thứ V của Quốc tế Cộng sản.

C. Người dự Đại hội Quốc tế phụ nữ.

D. Người dự Đại hội lần thứ VII của Quốc tế Cộng sản.

Câu 70. Đặc điểm của quá trình hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1919 đến năm 1925 là gì?

A. Quá trình chuẩn bị về tư tưởng chính trị và tổ chức cho sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3-2- 1930).

B. Quá trình truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam.

C. Quá trình thành lập ba tổ chức Cộng sản ở Việt Nam.

D. Quá trình chuẩn bị thực hiện chủ trương " vô sản hóa" để truyền bá chủ nghĩa Mác – Lê-nin vào Việt Nam.

Câu 71. Từ năm 1920 đến 1925, Nguyễn Ái Quốc hoạt động chủ yếu ở các nước.

A. Pháp, Liên Xô, Trung Quốc. B. Pháp, Thái Lan, Trung Quốc.

C. Pháp, Liên Xô, Trung Quốc, Thái Lan. D. Câu A và câu C đúng.

Câu 72. Trong những năm 1919 - 1925 có sự kiện lịch sử nào tiêu biểu gắn với hoạt động của Nguyễn Ái Quốc?

A. Nguyễn Ái Quốc tìm đến Cách mạng tháng Mười Nga.

B. Nguyễn Ái Quốc đến với chủ nghĩa Mác – Lênin tìm ra con đường cứu nước đúng đắn.

C. Nguyễn Ái Quốc đưa yêu sách đến Hội nghị Vecxai.

D. Nguễn Ái quốc thành lập Hội liên hiệp thuộc địa.

Câu 73. Sự kiện nào dưới đây gắn liền với hoạt động của Nguyễn Ái Quốc ở Liên Xô trong những năm 1923-1924?

A. Tham dự Đại hội lần thứ V của Quốc tế Cộng sản.

B. Thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.

C. Thành lập Hội liên hiệp thuộc địa.

D. Viết *"Bản án chế độ thực dân Pháp"*.

Câu 74. Công lao đầu tiên to lớn nhất của Nguyễn Ái Quốc trong những năm 1911-1930 là gì?

A. Từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa Mác – Lênin, tìm ra con đường cứu nước đúng đắn.

B. Thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.

C. Hợp nhất ba tổ chức cộng sản.

D. Khởi thảo Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Câu 75. Chọn sự kiện ở cột A cho phù hợp với cột B sau đây:

A	*B*
1. Phan Bội Châu	A. Bản án chế độ thực dân Pháp.
2. Phan Châu Trinh	B. Mưu sát tên toàn quyền Méc-lanh
3. Phạm Hồng Thái	C. Khởi xướng phong trào Đông Du.
4. Nguyễn Ái Quốc	D. Thực hiện chủ trương cải cách dân chủ. E. Lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Yên Bái. G. Tìm con đường cứu nước sang phương Tây H. Bị bắt ở Trung Quốc

Câu 76. Xác định mối quan hệ cặp đôi giữa các niên đại và sự kiện sau đây:

Niên đại	*Sự kiện*
1. 5 - 6 - 1911 2. 7 - 1920 3. 6 - 1925 4. 3 - 2 - 1930	A. Nguyễn Ái Quốc thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên B. Nguyễn Ái Quốc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. C. Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước. D. Nguyễn Ái Quốc đọc sơ thảo luận cương của Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa.

Câu 77. Con đường đi tìm chân lí cứu nước của Nguyễn Ái Quốc khác với con đường cứu nước của lớp người đi trước là:

A. Đi sang phương Tây tìm đường cứu nước.

B. Đi sang châu Mĩ tìm đường cứu nước.

C. Đi sang châu Phi tìm đường cứu nước.

D. Đi sang phương Đông tìm đường cứu nước.

Câu 78. Sự kiện đánh dấu bước ngoặt trong cuộc đời hoạt động của Nguyễn Ái Quốc là:

A. Ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 đến tư tưởng cứu nước của Nguyễn Ái Quốc

B. Đưa yêu sách đến Hội nghị Vécxai (18-6-1919).

C. Đọc luận cương của Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa (7-1920).

D. Bỏ phiếu tán thành việc gia nhập Quốc tế III và tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp (12-1920).

Câu 79. Vạch trần chính sách đàn áp bóc lột dã man của chủ nghĩa đế quốc nói chung và đế quốc Pháp nói riêng, thức tỉnh các dân tộc bị áp bức nổi dậy. Đó là nội dung của tờ báo nào của Nguyễn Ái Quốc?

A. Đời sống công nhân. B. Nhân đạo.

C. Người cùng khổ. D. Tạp chí Thư tín quốc tế.

Câu 80. Câu thơ sau đây của nhà thơ Chế Lan Viên phù hợp với sự kiện nào trong cuộc đời hoạt động của Nguyễn Ái Quốc: "Phút khóc đầu tiên là phút Bác Hồ cười"

A. Khi sáng lập ra Hội liên hiệp thuộc địa ở Pa-ri.

B. Khi đọc luận cương của Lê-nin về vấn đề dân tộc và thuộc địa.

C. Khi viết bài và làm chủ nhiệm tờ báo *"Người cùng khổ"*.

D. Khi dự Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ V (1924).

Câu 81. Nguyễn Ái Quốc trình bày lập trường, quan điểm của mình về vị trí chiến lược của cách mạng ở các nước thuộc địa, về mối quan hệ giữa phong trào công nhân ở các nước đế quốc với phong trào cách mạng ở các thuộc địa, về vai trò và sức mạnh to lớn của giai cấp nông dân ở các nước thuộc địa trong:

A. Đại hội Đảng xã hội Pháp họp ở Tua (12-1920).

B. Hội nghị Quốc tế nông dân (6-1923).

C. Đại hội Quốc tế Cộng sản lần V (1924).

D. Đại hội đại biểu lần thứ nhất Hội VNCM Thanh niên (5-1929).

Câu 82. Năm 1922, Nguyễn Ái Quốc làm chủ nhiệm kiêm chủ bút báo:

A. *Đời sống công nhân.* B. *Người cùng khổ (Le Paria).*

C. *Nhân đạo.* D. *Sự thật.*

Câu 83. Thời gian tháng 6-1924 gắn với hoạt động của Nguyễn Ái Quốc ở Liên Xô, đó là sự kiện nào?

A. Người dự Hội nghị Quốc tế nông dân.

B. Người dự Đại hội lần thứ V Quốc tế Cộng sản.

C. Người dự Đại hội quốc tế phụ nữ.

D. Người dự Đại hội VII Quốc tế Cộng sản.

Câu 84. Trong quá trình hoạt động để chuẩn bị cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, hoạt động nào sau đây của Nguyễn Ái Quốc đã diễn ra tại Quảng Châu (Trung Quốc)?

A. Dự Hội nghị quốc tế nông dân.

B. Dự Đại hội Quốc tế Cộng sản.

C. Ra báo *"Thanh niên"*.

D. Xuất bản tác phẩm *"Bản án chế độ thực dân Pháp"*.

Câu 85. Tác phẩm của Nguyễn Ái Quốc được xuất bản năm 1922 là:

A. *"Bản án chế độ thực dân Pháp"*. B. *"Đường kách mệnh"*.

C. Báo *"Thanh niên"*. D. Tất cả cùng đúng.

Câu 86. Thời gian ở Liên Xô 1923-1924, Nguyễn Ái Quốc đã viết bài cho các tờ báo:

A. Đời sống công nhân. B. Báo Nhân đạo, Báo Sự thật.

C. Tạp chí Thư tín quốc tế, Báo Sự thật. D. Tạp chí Thư tín quốc tế.

Câu 87. Nguyễn Ái Quốc tham gia Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ V (1924) tại Liên Xô vào năm bao nhiêu tuổi?

A. 33 tuổi B. 34 tuổi C. 35 tuổi D. 36 tuổi

Câu 88. Cuối 1924 đã diễn ra sự kiện gì gắn liền với hoạt động của Nguyễn Ái Quốc?

A. Nguyễn Ái Quốc rời Pháp sang Liên Xô dự Hội nghị Quốc tế nông dân.

B. Nguyễn Ái Quốc về Quảng Châu - Trung Quốc.

C. Nguyễn Ái Quốc xuất bản tác phẩm *"Đường kách mệnh"*.

D. Nguyễn Ái Quốc dự Đại hội đại biểu lần thứ nhất Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên.

Câu 89. Những sự kiện nào dưới đây thúc đẩy quá trình phổ biến chủ nghĩa Mác – Lê-nin vào Việt Nam?

A. Tác phẩm *"Đường kách mệnh"* và *"Bản án chế độ thực dân Pháp"* được đưa vào Việt Nam.

B. Báo "Người cùng khổ", báo "Thanh niên" được phổ biến ở Việt Nam.

C. Chủ trương "Vô sản hóa" của Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên.

D. A, B và C đúng.

Câu 90. Những hoạt động nào của Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên gắn bó mật thiết với vai trò của Nguyễn Ái Quốc:

A. Mở lớp tập huấn chính trị đào tạo cán bộ tại Quảng Châu – Trung Quốc, ra báo *"Thanh niên"*.

B. Bí mật chuyển các tác phẩm của Nguyễn Ái Quốc về nước.

C. Chủ trương phong trào "Vô sản hóa".

D. Phong trào bãi công của công nhân nhà máy sợi Nam Định, nhà máy diêm và cưa Bến Thủy.

Câu 91. Ý nghĩa của những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong những năm 1919-1925?

A. Nguyễn Ái Quốc tiếp nhận tư tưởng chủ nghĩa Mác - Lênin.

B. Chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho sự ra đời của chính đảng vô sản ở Việt Nam.

C. Xây dựng mối quan hệ liên minh giữa công nhân và nông dân trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.

D. Cách mạng Việt Nam trở thành một bộ phận của cách mạng thế giới.

Câu 92. Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên được thành lập vào thời gian nào? Ở đâu?

A. Tháng 5 - 1925 ở Quảng Châu (Trung Quốc).

B. Tháng 6 - 1925 ở Hương Cảng (Trung Quốc).

C. Tháng 7 - 1925 ở Quảng Châu (Trung Quốc).

D. Tháng 6 - 1925 ở Quảng Châu (Trung Quốc).

Câu 93. Cơ quan ngôn luận của Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên là:

A. Báo Thanh niên. B. Tác phẩm *"Đường kách mệnh"*.

C *"Bản án chế độ thực dân Pháp"*. D. Báo *"Người cùng khổ"*.

Câu 94. Ba tư tưởng sau đây được trình bày trong tác phẩm nào của Nguyễn Ái Quốc?

- Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng.

- Cách mạng phải do đảng theo chủ nghĩa Mác - Lênin lãnh đạo.

- Cách mạng Việt Nam phải gắn bó và đoàn kết với cách mạng thế giới.

A. Tạp chí Thư tín quốc tế. B. "Bản án chế độ thực dân Pháp".

C. "Đường kách mệnh". D. Tất cả đều đúng.

Câu 95. Vừa về tới Quảng Châu (Trung Quốc) và trước khi thành lập Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên, Nguyễn Ái Quốc đã thành lập tổ chức chính trị nào?

A. Hội Liên hiệp thuộc địa.

B. Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông.

C. Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam.

D. Tân Việt cách mạng đảng.

Câu 96. Hãy nêu rõ thành phần và địa bàn hoạt động của Tân Việt cách mạng đảng?

A. Công nhân và nông dân, hoạt động ở Trung Kì.

B. Tư sản dân tộc, công nhân, hoạt động ở Bắc Kì.

C. Trí thức trẻ và thanh niên tiểu tư sản, hoạt động ở Trung Kì.

D. Tất cả các giai cấp và tầng lớp, hoạt động ở Nam Kì.

Câu 97. Tân Việt cách mạng đảng đã phân hóa như thế nào dưới tác động của Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên?

A. Một số đảng viên tiên tiến chuyển sang Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên.

B. Một số tiên tiến còn lại tích cực chuẩn bị tiến tới thành lập một chính đảng kiểu mới theo chủ nghĩa Mác - Lênin.

C. Một số gia nhập vào Việt Nam Quốc dân đảng.

D. Câu A và B đều đúng.

Câu 98. Việt Nam Quốc dân đảng được thành lập vào năm nào? Địa bàn hoạt động chính ở đâu?

A. 25-12-1925, địa bàn hoạt động chủ yếu ở Bắc Kì

B. 25-12-1926, địa bàn hoạt động chủ yếu ở Trung Kì.

C. 25-12-1927, địa bàn hoạt động chủ yếu ở Bắc Kì.

D. 25-12-1927, địa bàn hoạt động chủ yếu ở Trung Kì.

Câu 99. Việt Nam Quốc dân đảng là một đảng chính trị theo xu hướng nào?

A. Dân chủ vô sản.

B. Dân chủ tư sản.

C. Dân chủ tiểu tư sản.

D. Dân chủ vô sản và tư sản.

Câu 100. Mục tiêu của Việt Nam Quốc dân đảng là gì?

A. Đánh đuổi thực dân Pháp, xóa bỏ ngôi vua.

B. Đánh đuổi thực dân Pháp, thiết lập dân quyền.

C. Đánh đuổi giặc Pháp, đánh đổ ngôi vua, thiết lập dân quyền.

D. Đánh đổ ngôi vua, đánh đuổi giặc Pháp, lập nên nước Việt Nam độc lập.

Câu 101. Cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quốc dân đảng nổ ra đêm 9-2-1930 ở Yên Bái, sau đó nổ ra ở các tỉnh nào?

A. Ở Phú Thọ, Hải Dương, Hà Tĩnh.

B. Ở Hòa Bình, Lai Châu, Sơn La.

C. Ở Vĩnh Yên, Phúc Yên, Yên Thế.

D. Ở Phú Thọ, Hải Dương, Thái Bình.

Câu 102. Khởi nghĩa Yên Bái (9-2-1930) thất bại do nguyên nhân khách quan nào?

A. Giai cấp tư sản dân tộc lãnh đạo.

B. Tổ chức Việt Nam Quốc dân đảng còn non yếu.

C. Khởi nghĩa nổ ra hoàn toàn bị động.

D. Đế quốc Pháp còn mạnh.

Câu 103. Quá trình phân hóa của Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên đã dẫn đến sự thành lập các tổ chức cộng sản nào trong năm 1929?

A. Đông Dương Cộng sản đảng, An Nam Cộng sản đảng.

B. Đông Dương Cộng sản đảng, An Nam Cộng sản đảng và Đông Dương Cộng sản liên đoàn.

C. Đông Dương Cộng sản đảng, Đông Dương Cộng sản liên đoàn.

D. An Nam Cộng sản đảng, Đông Dương Cộng sản liên đoàn.

Câu 104. Báo" Búa liềm" là cơ quan ngôn luận của tổ chức cộng sản nào được thành lập năm 1929 ở Việt Nam?

A. Đông Dương Cộng sản liên đoàn.

B. Đông Dương Cộng sản đảng.

C. An Nam Cộng sản đảng.

D. Đông Dương Cộng sản đảng và An Nam Cộng sản đảng.

Câu 105. Sự phân hóa của Tân Việt cách mạng đảng đã dẫn đến thành lập tổ chức cộng sản nào ở Việt Nam năm 1929?

A. Đông Dương cộng sản đảng.

B. An Nam cộng sản đảng.

C. Đông Dương cộng sản liên đoàn.

D. Đông Dương cộng sản đảng và Đông Dương cộng sản liên đoàn.

Câu 106. Bằng cách đánh số thứ tự, hãy sắp xếp các sự kiện lịch sử sau đây theo thứ tự biên niên sử.

Số thứ tự	*Các sự kiện lịch sử*
	A. Thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên. B. Nguyễn Ái Quốc đưa yêu sách đến Hội nghị Vécxai. C. Thành lập Tân Việt cách mạng đảng. D. An Nam cộng sản đảng được thành lập. E. Nguyễn Ái Quốc đọc sơ thảo Luận cương của Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa. G. Đông Dương cộng sản đảng ra đời. H. Việt Nam quốc dân đảng thành lập. I. Tác phẩm *"Đường kách mệnh"* của Nguyễn Ái Quốc xuất bản ở Trung Quốc. K. Đông Dương cộng sản liên đoàn thành lập. L. Khởi nghĩa Yên Bái của Việt Nam quốc dân đảng.

Câu 107. Các yếu nhân trong tổ chức Việt Nam quốc dân đảng:

A. Nguyễn Thái Học, Phạm Tuấn Tài, Nguyễn Khắc Nhu, Tôn Trung Sơn.

B. Nguyễn Thái Học, Phạm Tuấn Tài, Nguyễn Khắc Nhu, Phó Đức Chính.

C. Nguyễn Thái Học, Phạm Tuấn Tài, Nguyễn Khắc Nhu, Nguyễn Phan Long.

D. Nguyễn Thái Học, Nguyễn Phan Long, Bùi Quang Chiêu, Phó Đức Chính.

Câu 108. Các sách báo nào sau đây gắn liền với hoạt động của Ngıyễn Ái Quốc từ năm 1919 đến năm 1925?

A. *"An Nam trẻ", "Người cùng khổ", "Thanh niên", "Bản án chế độ thực dân Pháp", "Đường kách mệnh".*

B. *"Người cùng khổ", "Người nhà quê", "Thanh niên", "Bản án chế độ thực dânPháp".*

C. *"Người cùng khổ", "Thanh niên", "Bản án chế độ thực dân Pháp", "Đường kách mệnh", "Nhân đạo".*

D. Tất cả đều đúng.

Câu 109. Câu nào dưới đây là ý nghĩa của sự thành lập ba tổ chức cộng sản năm 1929?

A. Chấm dứt thời kì khủng hoảng về đường lối của cách mạng Việt Nam.

B. Mở ra một bước ngoặt lịch sử vô cùng to lớn cho cách mạng Việt Nam.

C. Là bước chuẩn bị trực tiếp cho sự thành lập đảng Cộng sản Việt Nam.

D. Là kết quả tất yếu của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác – Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước ở Việt Nam.

Câu 110. Nối các cột A, B, C cho phù hợp với tên tổ chức, khuynh hướnh tư tưởng và hướng phát triển của các tổ chức chính trị trước khi thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

A	*B*	*C*
1. Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên.	A. Cách mạng dân tộc, dân chủ- cải lương.	D. Cách mạng vô sản – thành lập đảng cộng sản.
2. Tân Việt cách mạng đảng.	B. Cách mạng vô sản.	E. Thành lập Đảng cộng sản.
3. Việt Nam quốc dân đảng	C. Cách mạng dân chủ tư sản.	F. Phá sản.

Câu 111. Nối tên các tổ chức cộng sản gắn với các địa danh cho sẵn sau đây:

Các tổ chức cộng sản	*Địa danh*
1. Đông Dương cộng sản đảng.	A. Nam Kì.
2. An Nam cộng sản đảng.	B. Trung Kì.
3. Đông Dương cộng sản liên đoàn.	C. Bắc Kì.
	D. Quảng Châu - Trung Quốc.

Câu 112. Quan hệ giữa Tân Việt cách mạng đảng và Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên là:

A. Tân Việt cử người sang dự các lớp huấn luyện của thanh niên.

B. Tân Việt vận động hợp nhất với thanh niên.

C. Hội Việt Nam cách mạng thanh niên vận động hợp nhất với Tân Việt.

D. Tân Việt cử người sang dự các lớp huấn luyện của thanh niên và vận động hợp nhất với thanh niên.

Câu 113. Vì sao trong nội bộ của Tân Việt cách mạng đảng phân hóa?

A. Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên phát triển mạnh, lý luận và tư tưởng cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin có ảnh hưởng đến số đảng viên trẻ của Tân Việt.

B. Nội bộ Tân Việt không thống nhất.

C. Tác động của tình hình thế giới vào Việt Nam.

D. Sự vận động hợp nhất của Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên.

Câu 114. Dưới tác động của hệ tư tưởng nào làm cho Tân Việt cách mạng đảng bị phân hoá?

A. Chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn. B. Tư tưởng dân chủ tư sản.

C. Chủ nghĩa Mác – Lênin. D. Hệ tư tưởng phong kiến.

Câu 115. Tư tưởng của Việt Nam Quốc dân đảng chịu ảnh hưởng của tư tưởng nào?

A. Chủ nghĩa dân tộc. B. Chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn.

C. Chủ nghĩa Mác – Lênin. D. Chủ nghĩa dân sinh.

Câu 116. Đảng viên của Việt Nam quốc dân đảng bao gồm những thành phần nào?

A. Học sinh, sinh viên, tiểu tư sản, trí thức trẻ.

B. Học sinh, sinh viên, công nhân, nông dân, thợ thủ công, những người buôn bán nhỏ.

C. Sinh viên, học sinh, công chức, tư sản lớp dưới, nông dân khá giả, thân hào địa chủ, binh lính, hạ sĩ quan người Việt trong quân đội Pháp.

D. Học sinh, sinh viên, công nhân, nông dân, địa chủ, phong kiến.

Câu 117. Sự non yếu của tổ chức Việt Nam quốc dân đảng được biểu hiện ở những điểm nào?

A. Thành phần đảng viên của đảng phức tạp.

B. Tổ chức thiếu chặt chẽ, lỏng lẻo.

C. Cơ sở quần chúng ít, hoạt động chủ yếu ở Bắc Kì.

D. A, B và C đúng.

Câu 118. Nguyên nhân trực tiếp của cuộc khởi nghĩa Yên Bái (9-2-1930)?

A. Thực dân Pháp tổ chức nhiều cuộc vây ráp.

B. Nhiều cơ sở của đảng bị phá vỡ.

C. Bị động trước tình thế thực dân Pháp khủng bố sau vụ giết chết Ba danh (9-2-1929) - trùm mộ phu cho các đồn điền cao su.

D. Thực hiện mục tiêu của đảng: Đánh đuổi giặc Pháp, thiết lập dân quyền.

Câu 119. Địa điểm nổ ra cuộc khởi nghĩa Yên Bái (9-2-1930)?

A. Yên Bái, Hải Phòng, Hà Nội.

B. Yên Bái, Hà Nội , Phú Thọ.

C. Yên Bái, Phú Thọ, Hải Dương, Thái Bình.

D. Yên Bái.

Câu 120. Nguyên nhân chủ quan nào là cơ bản làm cho khởi nghĩa Yên Bái thất bại?

A. Thực dân Pháp còn mạnh.

B. Tổ chức Việt Nam quốc dân đảng non yếu.

C. Khởi nghĩa nổ ra bị động.

D. Khởi nghĩa nổ ra chậm so với yêu cầu.

Câu 121. Ý nghĩa lịch sử lớn nhất của cuộc khởi nghĩa Yên Bái?

A. Góp phần cổ vũ lòng yêu nước và chí căm thù của nhân dân ta đối với lũ cướp nước và tay sai.

B. Chấm dứt vai trò lãnh đạo cách mạng của giai cấp tư sản dân tộc đối với cách mạng Việt Nam.

C. Đánh dấu sự khủng hoảng của huynh hướng cách mạng dân chủ tư sản.

D. Việt Nam quốc dân đảng đáp ứng một phần yêu cầu của nhiệm vụ dân tộc của nhân dân ta.

Câu 122. Nhân vật nào là chủ yếu của Việt Nam quốc dân đảng?

A. Phan Bội Châu. B. Phan Chu Trinh.

C. Tôn Đức Thắng. D. Nguyễn Thái Học.

Câu 123. Những địa danh: Phú Thọ, Hải Dương, Thái Bình có quan hệ với sự kiện lịch sử nào?

A. Phong trào công nhân trong những năm 20 của thế kỉ XX.

B. Sự ra đời của công hội (Bí mật) ở Sài Gòn- Chợ Lớn 1920.

C. Khởi nghĩa Yên Bái (9-2-1930).

D. Vụ ám sát Ba-danh - tên trùm mộ phu (9-2-1929).

Câu 124. Vì sao cuối năm 1928 đầu năm 1929, những người cộng sản Việt Nam thấy cần thiết phải thành lập một Đảng Cộng sản để lãnh đạo phong trào đấu tranh giành độc lập, tự do cho dân tộc?

A. Do phong trào dân tộc dân chủ ở nước ta phát triển mạnh.

B. Do phong trào dân tộc và dân chủ, đặc biệt là phong trào công nông theo con đường cách mạng Việt Nam phát triển mạnh.

C. Trước sự thất bại của cuộc khởi nghĩa Yên Bái, Việt Nam quốc dân đảng tan rã.

D. Sự phát triển mạnh của hai tổ chức Thanh niên và Tân Việt.

Câu 125. Số nhà 5D phố Hàm Long (Hà Nội) là nơi diễn ra sự kiện nào?

A. Chi bộ cộng sản đầu tiên ở Việt Nam ra đời (3-1929).

B. Đại hội toàn quốc lần thứ nhất của Việt Nam cách mạng thanh niên (5-1929).

C. Thành lập Đông Dương cộng sản đảng (6-1929).

D. Thành lập An Nam cộng sản đảng (7- 1929).

Câu 126. Chi bộ cộng sản đầu tiên ở Việt Nam ra đời vào thời gian nào?

A. Tháng 1- 1929. B. Tháng 2- 1929.

C. Tháng 3- 1929. D. Tháng 4- 1929.

Câu 127. An Nam Cộng sản đảng được ra đời từ tổ chức nào?

A. Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.

B. Cac hội viên tiên tiến trong Hội Việt Nam cách mạng thanh niên ở Trung Quốc và Nam Kì.

C. Các hội viên tiên tiến trong Tân Việt cách mạng đảng.

D. Số còn lại của Việt Nam quốc dân đảng.

Câu 128. Đông Dương Cộng sản đảng thành lập vào thời gian nào?

A. Tháng 7-1929. B. Tháng 8-1929.

C. Tháng 9- 1929. D. Tháng 10-1929.

Câu 129. Trong ba tổ chức cộng sản được thành lập năm 1929, tổ chức nào ra đời sớm nhất?

A. Đông Dương cộng sản liên đoàn.

B. Đông Dương cộng sản đảng.

C. An Nam cộng sản đảng.

D. Đông Dương cộng sản đảng và An Nam cộng sản đảng.

Câu 130. Ý nghĩa của việc thành lập ba tổ chức cộng sản đối với sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam là gì?

A. Thể hiện sự phát triển mạnh mẽ của phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam.

B. Dẫn đến sự trưởng thành của giai cấp công nhân Việt Nam.

C. Là bước chuẩn bị trực tiếp cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

D. A, B, C đúng.

Câu 131. Sự xuất hiện ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam vào năm 1929 có sự hạn chế gì?

A. Nội bộ những người cộng sản Việt Nam chia rẽ, mất đoàn kết, ngăn cản sự phát triển của cách mạng Việt Nam.

B. Phong trào cách mạng Việt Nam có nguy cơ tụt lùi.

C. Phong trào cách mạng Việt Nam phát triển chậm lại.

D. Kẻ thù lợi dụng để đàn áp cách mạng.

Câu 132. Hãy nối nhân vật ở cột (A) phù hợp với sự kiện ở cột (B)

A	*B*
1. Nguyễn Ái Quốc	A. Việt Nam Quốc dân Đảng.
2. Ngô Gia Tự	B. Sa Diện (Quảng Châu, Trung Quốc).
4. Tôn Đức Thắng	C. Đảng Lập hiến.
5. Phạm Hồng Thái	D. Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.
6. Bùi Quang Chiêu	E. Chi bộ Cộng sản đầu tiên ở Việt Nam.
7. Phan Bội Châu	G. Phong trào Đông du.
	H. Công hội (bí mật) ở Sài Gòn - Chợ Lớn

Câu 133. Sách giáo khoa nêu tên nhiều tờ báo, tên sách: *"Chuông rè"*, " *An Nam trẻ"*, *"Người nhà quê"*, *"Người cùng khổ"*, *"Nhân đạo"*, *"Đời sống nhân dân"*, *"Bản án chế độ thực dân"*, " *"Sự thật"*, *"Thư tín quốc tế"*, *"Thanh niên"*, *"Đường cách mệnh"*. Hãy sắp xếp các tên sách, báo theo các nhóm:

A. Sách báo nước ngoài.

B. Sách báo của các phong trào yêu nước dân chủ công khai.

C. Sách báo gắn liền với hoạt động của Nguyễn Ái Quốc.

Câu 134. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là sự kết hợp giữa các yếu tố nào?

A. Chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân.

B. Chủ nghĩa Mác - Lênin với tư tưởng Hồ Chí Minh.

C. Chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước.

D. Chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào tư sản yêu nước.

Câu 135. Từ ngày 3 đến ngày 7-2-1930, Hội nghị hợp nhất ba tổ chức cộng sản đã họp ở đâu?

A. Quảng Châu (Trung Quốc). B. Ma Cao (Trung Quốc).

C. Cửu Long – Hương Cảng (Trung Quốc). D. Câu A và B đúng.

Câu 136. Tại Hội nghị hợp nhất ba tổ chức cộng sản, có sự tham gia của các tổ chức cộng sản nào?

A. Đông Dương cộng sản đảng, An Nam cộng sản đảng.

B. Đông Dương cộng sản đảng, An Nam cộng sản đảng, Đông Dương cộng sản liên đoàn.

C. Đông Dương cộng sản đảng, Đông Dương cộng sản liên đoàn.

D. An Nam cộng sản đảng, Đông Dương cộng sản liên đoàn.

Câu 137. Vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong Hội nghị hợp nhất ba tổ chức cộng sản (3- 2- 1930) thể hiện như thế nào?

A. Thống nhất các tổ chức cộng sản để thành lập một đảng duy nhất lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam.

B. Soạn thảo Cương lĩnh chính trị đầu tiên để Hội nghị thông qua.

C. Truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam.

D. Câu A và B đúng.

Câu 138. Con đường cách mạng Việt Nam được xác định trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên do đồng chí Nguyễn Ái Quốc khởi thảo, đó là:

A. Làm cách mạng tư sản dân quyền và cách mạng ruộng đất để tiến lên chủ nghĩa cộng sản.

B. Thực hiện cách mạng ruộng đất cho triệt để.

C. Tịch thu hết sản nghiệp của bọn đế quốc.

D. Đánh đổ địa chủ phong kiến, làm cách mạng thổ địa sau đó làm cách mạng dân tộc.

Câu 139. Lực lượng cách mạng để đánh đổ đế quốc và phong kiến được nêu trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng do đồng chí Nguyễn Ái Quốc khởi thảo là lực lượng nào?

A. Công nhân và nông dân.

B. Công nhân, nông dân và các tầng lớp tiểu tư sản, trí thức, trung nông.

C. Công nhân, nông dân, tiểu tư sản, tư sản và địa chủ phong kiến.

D. Công nhân, nông dân, tư sản.

Câu 140. Điểm giống nhau giữa Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng do đồng chí Nguyễn Ái Quốc khởi thảo và Luận cương chính trị do đồng chí Trần Phú soạn thảo?

A. Cách mạng Việt Nam phải trải qua hai giai đoạn: cách mạng tư sản dân quyền và cách mạng xã hội chủ nghĩa.

B. Nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam là Đảng của giai cấp vô sản lãnh đạo.

C. Nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam là đánh đế quốc trước, đánh phong kiến sau.

D. Câu A và B đúng.

Câu 141. Sách giáo khoa Lịch sử lớp 12, trang 25, có viết: *"Nhiệm vụ của cách mạng tư sản dân quyền ở nước ta là đánh đổ bọn đế quốc, bọn phong kiến và giai cấp tư sản phản cách mạng, làm cho nước Việt Nam độc lập..."*. Đó là một trong những nội dung của văn kiện nào?

A. Luận cương chính trị tháng 10 năm 1930 của Đảng do đồng chí Trần Phú soạn thảo.

B. Lời kêu gọi Hội nghị hợp nhất thành lập Đảng (2-1930).
C. Cương lĩnh chính trị của Đảng do đồng chí Nguyễn Ái Quốc khởi thảo.
D. Chính cương vắn tắt do Nguyễn Ái Quốc khởi thảo.

Câu 142. Ban chấp hành Trung ương lâm thời của Đảng Cộng sản Việt Nam đã họp Hội nghị toàn thể lần thứ nhất vào thời gian nào? Ở đâu?
A. 2-3-1930, tại Hương Cảng (Trung Quốc).
B. 10-1930, tại Hương Cảng (Trung Quốc).
C. 3-1935, tại Ma Cao (Trung Quốc).
D. 10-1930, tại Quảng Châu (Trung Quốc).

Câu 143. Trong các nội dung sau đây, nội dung nào không thuộc Luận cương chính trị tháng 10 - 1930?
A. Cách mạng Việt Nam phải trải qua hai giai đoạn: cách mạng tư sản dân quyền và cách mạng xã hội chủ nghĩa.
B. Cách mạng do Đảng của giai cấp vô sản theo chủ nghĩa Mác Lênin lãnh đạo.
C. Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới.
D. Lực lượng để đánh đuổi đế quốc và phong kiến là công- nông. Đồng thời "phải biết liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông... để kéo họ vào phe vô sản giai cấp".

Câu 144. Đảng Cộng sản Việt Nam đổi tên thành Đảng Cộng sản Đông Dương vào thời gian nào?
A. Tháng 3 năm 1930.
B. Tháng 5 năm 1930.
C. Tháng 10 năm 1930.
D. Tháng 12 năm 1930.

Câu 145. Ý nghĩa lớn nhất về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là gì?
A. Là sự kết hợp tất yếu của quá trình đấu tranh dân tộc và giai cấp ở Việt Nam.
B. Mở ra một bước ngoặt lịch sử vô cùng quan trọng trong lịch sử Việt Nam.
C. Chấm dứt thời kì khủng hoảng đường lối của cách mạng Việt Nam.
D. Là bước chuẩn bị đầu tiên cho thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Câu 146. Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam được triệu tập (3-2-1930) tại Hương Cảng vì nhiều lí do? Lí do nào sau đây là đúng?
A. Chấm dứt sự chia rẽ giữa các tổ chức cộng sản.
B. Yêu cầu bức thiết của cách mạng Việt Nam lúc đó.
C. Yêu cầu của Quốc tế cộng sản.
D. Để thay thế vai trò của Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên.

Câu 147. Nội dung nào dưới đây gắn liền với Hội nghị thành lập Đảng (3-2-1930)?
A. Thông qua Luận cương chính trị của Đảng.
B. Thông qua Chính cương, Sách lược vắn tắt, Điều lệ của Đảng và chỉ lịnh Ban chấp hành Trung ương lâm thời
C. Bầu ban chấp hành Trung ương lâm thời
D. Quyết định lấy tên Đảng là Đảng Cộng sản Đông Dương

Câu 148. Tổ chức nào không dưới đây tham gia Hội nghị thành lập Đảng?
A. Đông Dương cộng sản đảng.
B. An Nam cộng sản đảng.
C. Đông Dương cộng sản liên đoàn.
D. Hội Việt Nam cách mạng thanh nên.

Câu 149. Đảng Cộng sản ra đời do tác động của nhiều yếu tố, yếu tố nào sau đây không đúng?

A. Sự phát triển của phong trào yêu nước Việt Nam.

B. Sự thất bại của Việt Nam quốc dân đảng.

C. Sự phổ biến chủ nghĩa Mác- Lênin vào Việt Nam.

D. Sự phát triển tự giác phong trào công nhân Việt Nam.

Câu 150. Hội nghị thành lập Đảng 3-2-1930 đã thông qua:

A. Chính cương vắn tắt do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo.

B. Sách lược vắn tắt và Điều lệ vắn tắt do Nguyễn Ái Quốc dự thảo.

C. Luận cương chính trị do Trần Phú soạn thảo.

D. Chính cương, Sách lược và Điều lệ vắn tắt do Nguyễn Ái Quốc khởi thảo.

Câu 151. Tư tưởng cốt lõi của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo là gì?

A. Độc lập dân tộc và tự do.

B. Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

C. Độc lập dân tộc và dân chủ.

D. Độc lập dân tộc và mọi người sống sung sướng tự do.

Câu 152. Điều gì chứng tỏ Cương lĩnh đầu tiên do Nguyễn Ái Quốc khởi thảo là đúng đắn, sáng tạo, thấm đượm tính dân tộc và nhân văn?

A. Nêu cao vấn đề dân tộc lên hàng đầu.

B. Đánh giá đúng khả năng cách mạng của các giai cấp trong xã hội Việt Nam.

C. Thấy được khả năng liên minh có điều kiện với giai cấp tư sản dân tộc, khả năng phân hóa, lôi kéo một bộ phận giai cấp địa chủ trong cách mạng giải phóng dân tộc.

D. Cả ba ý trên đều đúng.

Câu 153. Tính chất của cách mạng Đông Dương lúc đầu là một cuộc cách mạng tư sản dân quyền, sau khi cách mạng tư sản dân quyền thắng lợi sẽ tiếp tục phát triển, bỏ qua thời kì tư bản mà tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội. Đó là nội dung của:

A. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng do đồng chí Nguyễn Ái Quốc khởi thảo.

B. Điều lệ của Đảng do đồng chí Nguyễn Ái Quốc dự thảo.

C. Chính cương vắn tắt do Nguyễn Ái Quốc khởi thảo.

D. Luận cương chính trị 1930 do Trần Phú khởi thảo.

Câu 154. Nhiệm vụ cốt yếu của cách mạng tư sản dân quyền ở Việt Nam là gì?

A. Đánh đổ phong kiến địa chủ, giành đất cho dân cày.

B. Đánh đổ đế quốc Pháp giành độc lập dân tộc.

C. Đánh đổ thế lực phong kiến, đánh đổ cách bóc lột theo lối tư bản thực hành cách mạng thổ địa triệt để và đánh đổ chủ nghĩa đế quốc Pháp làm cho nhân dân hoàn toàn độc lập.

D. Đánh đổ giai cấp tư sản và địa chủ phong kiến.

Câu 155. Những điểm hạn chế của Luận cương chính trị 1930?

A. Chưa vạch rõ được mâu thuẫn chủ yếu của một xã hội thuộc địa.

B. Đánh giá không đúng khả năng cách mạng của giai cấp tiểu tư sản.

C. Không thấy được khả năng phân hóa và lôi kéo một bộ phận giai cấp địa chủ trong cách mạng giải phóng dân tộc.

D. Cả ba ý đều đúng.

Câu 156. Viết cho đầy đủ phần còn lại của những câu sau:

A. Chi bộ Đảng đầu tiên ở Việt Nam ra đời ở nhà số 5D phố Hàm Long, Hà Nội có các Đảng như...

B. Đông Dương cộng sản đảng ra đời sau khi...

C. An Nam cộng sản đảng do các..thành lập.

D. Đông Dương cộng sản liên đoàn do ....thành lập.

Câu 157. Đúng hay sai?

A. Luận cương chính trị do đồng chí Trần Phú soạn thảo được thông qua tại Hội nghị lần thứ nhất của Đảng tại Hương Cảng (Trung Quốc) tháng 10-1930.

B. Hội nghị tháng 10-1930 của Đảng quyết định đổi tên Đảng Cộng sản Việt Nam.

C. Hội nghị tháng 10-1930 chỉ định ban chấp hành TW lâm thời.

D. Đồng chí Trần Phú được bầu làm Tổng Bí thư của Đảng.

Câu 158. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời ngày 3-2-1930 là kết quả tất yếu của:

A. Phong trào dân tộc dân chủ trong những năm 1919-1926.

B. Cuộc đấu tranh dân tộc và giai cấp ở Việt Nam trong thời đại mới.

C. Phong trào công nhân trong những năm 1925-1927.

D. Phong trào công nhân trong những năm 1919-1925.

Câu 159. Đánh dấu một bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử của giai cấp công nhân và của cách mạng Việt Nam, đó là ý nghĩa lịch sử của sự kiện nào?

A. Thành lập Đông Dương cộng sản đảng.

B. Thành lập An Nam cộng sản đảng.

C. Thành lập Đông Dương cộng sản liên đoàn.

D. Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Chương II
VIỆT NAM TỪ NĂM 1930 ĐẾN NĂM 1945

Câu 1. Trong các nguyên nhân sau đây, nguyên nhân nào là cơ bản nhất, quyết định sự bùng nổ phong trào cách mạng 1930 - 1931?

A. Ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933.

B. Thực dân Pháp tiến hành khủng bố trắng sau khởi nghĩa Yên Bái.

C. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, kịp thời lãnh đạo công nhân và nông dân đứng lên chống đế quốc và phong kiến.

D. Địa chủ phong kiến cấu kết với thực dân Pháp đàn áp, bóc lột thậm tệ đối với nông dân.

Câu 2. Hai khẩu hiệu mà Đảng ta vận dụng trong phong trào cách mạng 1930 - 1931 là khẩu hiệu nào?

A. "Độc lập dân tộc" và "Ruộng đất dân cày".

B. "Tự do dân chủ" và "Cơm áo hòa bình".

C. "Tịch thu ruộng đất của đế quốc Việt gian" và "Tịch thu ruộng đất của địa chủ phong kiến".

D. "Chống đế quốc" "Chống phát xít".

Câu 3. Từ tháng 2 đến tháng 4 năm 1930, phong trào nổ ra mạnh nhất ở đâu?

A. Ở Trung Kì. B. Ở Bắc Kì. C. Ở Nam Kì. D. Trong cả nước.

Câu 4. Các số liệu sau đây, số liệu nào đúng nhất:

A. Riêng trong tháng 5-1930, cả nước có 50 cuộc đấu tranh của nông dân, 20 cuộc đấu tranh của nông dân, 8 cuộc đấu tranh của học sinh và dân nghèo thành thị.

B. Riêng trong tháng 5-1930, cả nước có 30 cuộc đấu tranh của nông dân, 40 cuộc đấu thanh của công nhân, 4 cuộc đấu tranh của học sinh và dân nghèo thành thị.

C. Riêng trong tháng 5-1930, cả nước có 34 cuộc đấu tranh của nông dân, 16 cuộc đấu tranh của công nhân và 4 cuộc đấu tranh của học sinh và dân nghèo thành thị.

D. Riêng trong tháng 5-1930, cả nước có 16 cuộc đấu tranh của nông dân, 34 cuộc đấu tranh của công nhân và 4 cuộc đấu tranh của học sinh và dân nghèo thành thị.

Câu 5. Từ tháng 5 đến tháng 8 - 1930, trung tâm của phong trào cách mạng chủ yếu diễn ra ở đâu?

A. Ở miền Trung. B. Ở miền Bắc.

C. Ở miền Nam. D. Trong cả nước.

Câu 6. Điều gì đã chứng tỏ rằng: Từ tháng 9-1930 trở đi phong trào cách mạng 1930-1931 dần dần đạt tới đỉnh cao?

A. Phong trào diễn ra khắp cả nước.

B. Sử dụng hình thức vũ trang khởi nghĩa và thành lập chính quyền Xô viết Nghệ - Tĩnh.

C. Vấn đề ruộng đất của nông dân được giải quyết triệt để.

D. Đã thực hiện liên minh công- nông vững chắc.

Câu 7. Trong các sự kiện sau đây, sự kiện nào đúng?

A. Tháng 2-1930, 3000 công nhân đồn điền Phú Riềng bãi công.

B. Ngày 1-5-1930, 3000 công nhân huyện Thanh Chương nổi dậy phá đồn điền Trí Viễn.

C. Ngày 12-9-1930, hơn 2 vạn nông dân Hưng Nguyên, Nam Đàn, Nghệ An nổi dậy biểu tình.

D. Tất cả các sự kiện trên đều đúng.

Câu 8. Chính quyền Xô viết Nghệ - Tĩnh đã tỏ rõ bản chất cách mạng của mình. Đó là chính quyền của dân, do dân và vì dân. Tính chất đó được thể hiện ở những điểm cơ bản nào?

A. Thực hiện các quyền tự do dân chủ.

B. Chia ruộng đất cho dân nghèo, bãi bỏ các thứ thuế vô lí.

C. Xóa bỏ các tập tục lạc hậu, xây dựng đời sống mới.

D. Tất cả đều đúng.

Câu 9. Hãy chọn cụm từ thích hợp để điền vào chỗ trống trong câu sau: "Phong trào cách mạng 1930-1931 với đỉnh cao là Xô viết Nghệ- Tĩnh là một sự kiện lịch sử trọng đại trong lịch sử cách mạng nước ta. Phong trào đã......................".

A. Đánh bại hoàn toàn bọn thực dân Pháp và bọn phong kiến.

B. Giáng một đòn quyết liệt vào bè lũ đế quốc, phong kiến tay sai.

C. Để lại nhiều bài học kinh nghiệm cho Cách mạng tháng Tám năm 1945.

D. Làm lung lay tận gốc chế độ phong kiến ở nông thôn.

Câu 10. Qua thực tế lãnh đạo phong trào cách mạng 1930 - 1931, Đảng ta được trưởng thành nhanh chóng. Do đó, tháng 4-1931 Đảng ta được Quốc tế cộng sản công nhận:

A. Là một chi bộ của Quốc tế cộng sản.

B. Là một Đảng trong sạch vững mạnh.

C. Là một Đảng đủ khả năng lãnh đạo cách mạng.

D. Là một Đảng của giai cấp công nhân Việt Nam.

Câu 11. Trong thời kì đấu tranh để phục hồi lực lượng cách mạng, tại nhà tù Hỏa Lò (Hà Nội) các chi bộ đã ra những tờ báo nào để bồi dưỡng lí luận chủ nghĩa Mác - Lênin cho đảng viên.

A. "Ý kiến chung", "Đuốc đưa đường".

B. "Đuốc đưa đường", "Con đường chính nghĩa".

C. "Tiếng dân", "Nhành lúa".

D. Tất cả các tờ báo trên.

Câu 12. Hệ thống tổ chức Đảng trong nước nói chung đã được khôi phục vào thời gian nào?

A. Đầu năm 1932. B. Đầu năm 1933.

C. Cuối năm 1935. D. Cuối năm 1934 đầu 1935.

Câu 13. Điểm nổi bật nhất trong phong trào cách mạng 1930 - 1931 là gì?

A. Vai trò lãnh đạo của Đảng và liên minh công- nông.

B. Thành lập được đội quân chính trị của đông đảo quần chúng.

C. Đảng được tập dượt trong thực tiễn lãnh đạo đấu tranh.

D. Quần chúng được tập dượt đấu tranh dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Câu 14. Hai khẩu hiệu "Độc lập dân tộc" và " Ruộng đất dân cày" được thể hiện rõ nét nhất trong thời kì cách mạng nào?

A. 1930-1931. B. 1932-1935. C. 1936-1939. D. 1939-1945.

Câu 15. Tính chất cách mạng triệt để của phong trào cách mạng 1930 - 1931 được thể hiện như thế nào?

A. Phong trào thực hiện sự liên minh công - nông vững chắc.

B. Phong trào đấu tranh liên tục từ Bắc đến Nam.

C. Phong trào đã giáng một đòn quyết liệt vào bọn thực dân, phong kiến.

D. Phong trào đã sử dụng hình thức vũ trang khởi nghĩa, đã giành được chính quyền ở một số địa phương thuộc Nghệ - Tĩnh và thành lập chính quyền cách mạng Xô viết Nghệ - Tĩnh.

Câu 16. Phong trào cách mạng 1930 -1931 đạt đến đỉnh cao trong thời điểm lịch sử nào?

A. Từ tháng 2 đến tháng 4 - 1930. B. Từ tháng 5 đến tháng 8 - 1930.

C. Từ tháng 9 đến tháng 10 - 1930. D. Từ tháng 1 đến tháng 5 - 1931.

Câu 17. Công nhân không có việc làm, nông dân tiếp tục bị bần cùng hóa, các tầng lớp tiểu tư sản thành thị bị điêu đứng, các nghề thủ công bị phá sản nặng nề. Đó là đặc điểm của tình hình xã hội Việt Nam trong thời kì?

A. 1929-1930. B. 1930-1931. C. 1931-1932. D. 1932-1933.

Câu 18. Vì sao cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929-1933) ở các nước tư bản lại ảnh hưởng đến tất cả các lĩnh vực kinh tế của Việt Nam?

A. Vì Việt Nam phụ thuộc Pháp.

B. Vì kinh tế Việt Nam chịu ảnh hưởng kinh tế Pháp.

C. Vì Việt Nam là thuộc địa của Pháp, nền kinh tế Việt Nam hoàn toàn phụ thuộc Pháp.

D. Vì Việt Nam là thị trường của tư bản Pháp.

Câu 19. Để giải quyết hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế (1929-1933) thực dân Pháp đã làm gì ?

A. Tăng cường bóc lột công nhân Pháp.

B. Tăng cường bóc lột nhân dân Đông Dương.

C. Tăng cường bóc lột các nước thuộc địa.

D. Vừa bóc lột công nhân và nhân dân lao động chính quốc vừa bóc lột các nước thuộc địa.

Câu 20. Cuộc khủng hoảng kinh tế (1929-1933) đã ảnh hưởng lớn nhất đến nền kinh tế Việt Nam trên lĩnh vực nào:

A. Nông nghiệp. B. Công nghiệp.

C. Xuất khẩu. D. Thủ công nghiệp.

Câu 21. Lần đầu tiên nhân dân lao động Việt Nam kỉ niệm ngày Quốc tế lao động vào thời gian nào?

A. 1-5-1929. B. 1-5-1930. C. 1-5-1931. D. 1-5-1933.

Câu 22. Năm 1930, Nghệ - Tĩnh là nơi có phong trào cách mạng phát triển mạnh nhất vì:

A. Là nơi bị thực dân Pháp khủng bố tàn khốc nhất.

B. Là quê hương của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc.

C. Là nơi có đội ngũ cán bộ đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam đông nhất.

D. Là nơi có truyền thống đấu tranh anh dũng chống giặc ngoại xâm, là nơi có chi bộ Đảng hoạt động mạnh.

Câu 23. Lần đầu tiên truyền đơn, cờ đỏ búa liềm của Đảng Cộng sản đã xuất hiện trên các đường phố Hà Nội và những địa phương khác trong phong trào đấu tranh của công nhân, nông dân Việt Nam vào thời gian nào?

A. Tháng 2-1930. B. Tháng 2, 3, 4- 1930.

C. 1-5-1930. D. 12-9-1930.

Câu 24. Lần đầu tiên công nhân, nông dân và quần chúng lao động Đông Dương tỏ dấu hiệu đoàn kết với vô sản thế giới và biểu dương lực lượng của mình:

A. Kéo lá cờ trên chiến hạm Hắc Hải phản đối chính phủ Pháp tấn công nhà máy nước xuyên Việt (1919).

B. Kỉ niệm ngày Quốc tế lao động 1-5-1930.

C. Phản đối thực dân Pháp bắt lính người Việt sang tham chiến ở Pháp trong chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918).

D. Cả 3 ý trên.

Câu 25. Cuộc biểu tình trong phong trào cách mạng 1930-1931 ở Nghệ - Tĩnh có gần 2 vạn nông dân tham gia diễn ra ở đâu?

A. Anh Sơn. B. Hưng Nguyên.

C. Thanh Chương. D. Can Lộc.

Câu 26. Trước khí thế đấu tranh của quần chúng công nông, bộ máy chính quyền của đế quốc và phong kiến tay sai ở nhiều địa phương thuộc Nghệ - Tĩnh bị tan rã. Các tổ chức Đảng ở địa phương đã kịp thời lãnh đạo nhân dân thực hiện quyền làm chủ, tự đứng ra quản lí đời sống của mình đó là kết quả của phong trào đấu tranh nào?

A. Phong trào cách mạng 1930-1931.

B. Biểu tình 1-5-1930 trên toàn quốc.

C. Biểu tình 12-9-1930 của nông dân huyện Hưng Nguyên, Nghệ An.

D. Đấu tranh vũ trang của nông dân, công nhân... tháng 9-10-1930.

Câu 27. Chính quyền cách mạng ở Nghệ - Tĩnh được gọi là chính quyền Xô viết vì:

A. Chính quyền đầu tiên của công nông.

B. Chính quyền do giai cấp công nhân lãnh đạo.

C. Hình thức của chính quyền theo kiểu Xô viết (Nga).

D. Hình thức chính quyền theo kiểu nhà nước mới.

Câu 28. Tổ chức nào đứng ra quản lí mọi mặt đời sống chính trị, xã hội ở nông thôn Nghệ - Tĩnh

A. Ban chấp hành nông hội.
B. Ban chấp hành công hội.
C. Hội phụ nữ giải phóng.
D. Đoàn thanh niên phản đế.

Câu 29. Chính quyền Xô viết Nghệ - Tĩnh tồn tại trong khoảng thời gian bao lâu?

A. Từ 2 đến 3 tháng.
B. Từ 3 đến 4 tháng.
C. Từ 4 đến 5 tháng.
D. Từ 5 đến 6 tháng.

Câu 30. Cách mạng Việt Nam bước vào thời kì vô cùng khó khăn. Đế quốc Pháp và phong kiến tay sai thẳng tay thi hành một chính sách khủng bố cực kì tàn bạo. Các cơ sở của Đảng lần lượt bị phá vỡ. Đó là đặc điểm của lực lượng cách mạng Việt Nam giai đoạn:

A. 1930-1931.
B. 1931-1932.
C. 1933-1934.
D. 1934-1935.

Câu 31. Hệ thống tổ chức của Đảng nói chung được phục hồi vào thời gian nào?

A. Đầu năm 1932.
B. Đầu năm 1933.
C. Cuối năm 1935.
D. Cuối năm 1934 đầu 1935.

Câu 32. Thời kì cách mạng từ 1930 đến 1935 là thời kì:

A. Đảng ta ra hoạt động công khai.
B. Đảng ta hoạt động mạnh mẽ.
C. Đảng ta hoạt động nửa công khai, nửa bí mật.
D. Đảng ta hoạt động bí mật.

Câu 33. Đại hội lần thứ nhất của Đảng diễn ra vào thời gian nào, ở đâu?

A. Ngày 3-1935 ở Ma Cao- Trung Quốc.
B. Ngày 3-1935 ở Hương Cảng- Trung Quốc.
C. Ngày 3-1935 ở Xiêm - Thái Lan.
D. Ngày 3-1935 ở Cao Bằng- Việt Nam.

Câu 34. Lãnh tụ nào của Đảng Cộng sản Việt Nam đã hi sinh trong nhà tù đế quốc trong thời kì 1930-1935?

A. Trần Phú.
B. Trần Đức Cảnh.
C. Nguyễn Phong Sắc.
D. Ngô Gia Tự.

Câu 35. Trong thời kì cách mạng 1930-1931, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc bị giam trong nhà tù nào?

A. Nhà tù Hỏa Lò (Hà Nội).
B. Nhà tù Hương Cảng (Trung Quốc).
C. Nhà tù Côn Sơn.
D. Nhà tù Côn Đảo.

Câu 36. Hãy điền đúng (Đ) sai (S) vào các câu sau đây:

A. Phong trào cách mạng 1930-1931 diễn ra ở Bắc, Trung, Nam.
B. Phong trào cách mạng 1930-1931 diễn ra ở tỉnh Nghệ An.
C. Xô viết Nghệ - Tĩnh là đỉnh cao của cao trào 1930-1931.
D. Lực lượng quan trọng nhất tham gia phong trào cách mạng 1930-1931 là tiểu tư sản, nông dân.

E. Ngày 12-9-1930 là cuộc biểu tình của nông dân Hưng Nguyên - Nam Đàn - Nghệ An.

F. Xô viết Nghệ Tĩnh là hình thức chính quyền cách mạng theo kiểu Xô viết Nga.

G. Tháng 3-1935 Đại hội Đảng lần thứ nhất họp ở Ma Cao (Trung Quốc).

H. Cuối năm 1931 các cơ sở của Đảng đã được phục hồi.

Câu 37. Sau những cuộc khủng hoảng kinh tế 1929-1933, chủ nghĩa phát xít đã nắm được chính quyền ở đâu?

A. Ở Đức, Pháp, Nhật. B. Ở Đức, Tây Ban Nha, Ý.

C. Ở Đức, Italia, Nhật. D. Ở Đức, Áo- Hung.

Câu 38. Chủ nghĩa phát xít có đặc điểm nào để phân biệt với chủ nghĩa tư bản?

A. Độc tài tàn bạo nhất, sô vanh nhất.

B. Bóc lột thậm tệ đối với công nhân.

C. Đế quốc chủ nghĩa nhất của bọn tư bản tài chính.

D. Câu A và C đúng.

Câu 39. Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ VII họp vào thời gian nào? Ở đâu?

A. Tháng 6-1934 tại Ma Cao (Trung Quốc).

B. Tháng 7-1935 tại Mátxcơva (Liên Xô).

C. Tháng 3-1935 tại Ma Cao (Trung Quốc).

D. Tháng 7-1935 tại Ianta (Liên Xô).

Câu 40. Đại hội lần thứ VII của Quốc tế Cộng sản đã xác định kẻ thù nguy hiểm trước mắt của nhân dân thế giới là bọn nào?

A. Chủ nghĩa đế quốc, thực dân.

B. Chủ nghĩa quân phiệt và chủ nghĩa đế quốc.

C. Không phải là chủ nghĩa đế quốc nói chung mà là chủ nghĩa phát xít.

D. Chủ nghĩa phân biệt chủng tộc.

Câu 41. Tại Đại hội lần thứ VII của Quốc tế Cộng sản, đoàn đại biểu Đảng cộng sản Đông Dương do ai dẫn đầu đến dự đại hội?

A. Nguyễn Ái Quốc. B. Phạm Văn Đồng.

C. Nguyễn Văn Cừ. D. Lê Hồng Phong.

Câu 42. Trong năm 1936, mặt trận nhân dân nước nào làm nòng cốt, thắng cử vào nghị viện và lên cầm quyền.

A. Nước Đức. B. Nước Pháp. C. Nước Anh. D. Nước Tây Ban Nha.

Câu 43. Một số tù chính trị ở Việt Nam được thả ra đã nhanh chóng tìm cách hoạt động trở lại. Đó là nhờ chính sách của tổ chức nào?

A. Mặt trận nhân dân Pháp. B. Mặt trận nhân dân Liên Xô.

C. Quốc tế Cộng sản. D. Thực dân Pháp.

Câu 44. Những sự kiện nào sau đây có liên quan đến cuộc vận động dân chủ 1936 - 1939?

A. Nghị quyết Đại hội lần thứ VII của Quốc tế Cộng sản.

B. Thực dân đàn áp dã man Xô viết Nghệ-Tĩnh.

C. Thắng lợi của Mặt trận nhân dân Pháp năm 1936.

D. Câu A và C đúng.

Câu 45. Căn cứ vào tình hình thế giới, trong nước và tiếp thu đường lối của Quốc tế Cộng sản, Đảng Cộng sản Đông Dương nhận định kẻ thù trước mắt của nhân dân Đông Dương là bọn nào?

A. Thực dân Pháp.

B. Bọn phản động thuộc địa cùng bè lũ tay sai không chịu thi hành chính sách của Mặt trận nhân dân Pháp.

C. Bọn phong kiến.

D. Câu A và B đúng.

Câu 46. Nhiệm vụ cách mạng được Đảng ta xác định trong thời kì 1936 - 1939 là gì?

A. Đánh đuổi đế quốc Pháp, Đông Dương hoàn toàn độc lập.

B. Tịch thu ruộng đất của địa chủ phong kiến chia cho dân cày.

C. Chống phát xít, chống chiến tranh đế quốc, chống bọn phản động thuộc địa, đòi tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình.

D. Tất cả đều đúng.

Câu 47. Ngay từ năm 1936, Đảng ta đề ra chủ trương thành lập mặt trận với tên gọi là gì?

A. Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương.

B. Mặt trận nhân dân phản đế Đông Dương.

C. Mặt trận dân chủ Đông Dương.

D. Mặt trận Việt Minh.

Câu 48. Đến tháng 3-1938, tên gọi của mặt trận ở Đông Dương là gì?

A. Mặt trận dân chủ thống nhất Đông Dương.

B. Mặt trận thống nhất phản đế Đông Dương.

C. Mặt trận nhân dân phản đế Đông Dương.

D. Mặt trận Việt Minh.

Câu 49. Hình thức và phương pháp đấu tranh trong thời kì 1936 - 1939 diễn ra như thế nào?

A. Hợp pháp và nửa hợp pháp, công khai và nửa công khai.

B. Kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang.

C. Lợi dụng tình hình thế giới và trong nước đấu tranh công khai đối mặt với kẻ thù.

D. Đấu tranh trên lĩnh vực nghị trường là chủ yếu.

Câu 50. Phong trào Đông Dương đại hội diễn ra trong thời gian nào?

A. Từ năm 1936 đến năm 1939.

B. Từ cuối năm 1936 đến cuối năm 1937.

C. Từ giữa năm 1936 đến tháng 3 năm 1938.

D. Từ giữa năm 1936 đến tháng 9 năm 1936.

Câu 51. Qua các cuộc mít tinh biểu tình, đưa "dân nguyện", lực lượng nào tham gia đông đảo và hăng hái nhất?

A. Công nhân và nông dân.

B. Học sinh và thợ thủ công.

C. Trí thức và dân nghèo thành thị.

D. Câu A và C đúng.

Câu 52. Cuộc mít tinh lớn nhất trong cuộc vận động dân chủ 1936 - 1939, diễn ra vào thời gian nào? Ở đâu?

A.Vào ngày 1-8-1936, tại Quảng trường Ba Đình (Hà Nội).

B. Vào ngày 1-5-1938, tại Bến Thủy, Vinh.

C. Vào ngày 1-5-1939, tại Hà Nội.

D.Vào ngày 1-5-1938, tại nhà Đấu Xảo - Hà Nội.

Câu 53. Tác phẩm "*Vấn đề dân cày*" của Qua Ninh và Vân Đình được in và phát hành rộng rãi trong cuộc vận động dân chủ 1936-1939. Vậy Qua Ninh và Vân Đình là ai?

A. Sóng Hồng và Xuân Thủy. B. Nguyễn Ái Quốc và Phạm Văn Đồng.

C. Trường Chinh và Võ Nguyên Giáp. D. Trần Phú và Hà Huy Tập.

Câu 54. Trong những năm 1937 - 1938, Đảng Cộng sản Đông Dương lợi dụng khả năng hợp pháp đưa người của Đảng và của Mặt trận vào Hội đồng Quản hạt ở Nam Kì và Viện dân biểu ở Bắc- Trung Kì nhằm mục đích gì?

A. Vận động bọn tay sai của thực dân Pháp đứng về phía cách mạng để đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ.

B. Mở rộng địa bàn hoạt động trong cả nước, gây cơ sở cách mạng trong toàn quốc.

C. Nắm bắt tình hình để đối phó với kẻ thù trong bất cứ tình huống nào đồng thời chuẩn bị tiến đến thực hiện cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.

D. Tất cả đều sai.

Câu 55. Trong cuộc vận động dân chủ 1936 - 1939, có hai sự kiện tiêu biểu nhất, đó là hai sự kiện nào?

A. Phong trào Đại hội Đông Dương và phong trào đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ.

B. Phong trào đấu tranh trên lĩnh vực báo chí và nghị trường.

C. Phong trào đón Gôđa và đấu tranh nghị trường.

D. Phong trào báo chí và đòi dân sinh dân chủ.

Câu 56. Nét nổi bật nhất của cuộc vận động dân chủ 1936 - 1939 là gì?

A. Uy tín và ảnh hưởng của Đảng được mở rộng và ăn sâu trong quần chúng nhân dân.

B. Tư tưởng và chủ trương của Đảng được phổ biến, trình độ chính trị và công tác của đảng viên được nâng cao.

C. Tập hợp được một lực lượng công – nông hùng mạnh.

D. Đảng đã tập hợp được một lực lượng chính trị của quần chúng đông đảo và sử dụng hình thức, phương pháp đấu tranh phong phú.

Câu 57. Đại hội Quốc tế cộng sản lần thứ VII (7-1935) đã có những chủ trương gì?

A. Thành lập Đảng Cộng sản ở mỗi nước.

B. Thành lập Mặt trận nhân dân ở các nước.

C. Thành lập Mặt trận nhân dân ở các nước tư bản.

D. Thành lập Mặt trận nhân dân ở các nước thuộc địa.

Câu 58. Mặt trận nhân Pháp do Đảng Cộng sản làm nòng cốt, thắng cử vào nghị viện và lên cầm quyền vào năm nào?

A. 1935. B. 1936. C. 1937. D. 1938.

Câu 59. Đảng ta chuyển hướng chỉ đạo sách lược trong thời kì 1936-1939 dựa trên cơ sở nào?

A. Đường lối nghị quyết của Quốc tế Cộng sản.

B. Tình hình thực tiễn của Việt Nam.

C. Tình hình thế giới và trong nước có sự thay đổi.

D. Đảng Cộng sản Đông Dương phục hồi và hoạt động mạnh.

Câu 60. Khẩu hiệu đấu tranh của thời kì cách mạng 1936-1939 là gì?

A. "Đánh đổ đế quốc Pháp- Đông Dương hoàn toàn độc lập".

B. "Tịch thu ruộng đất của địa chủ chia cho dân cày".

C. "Độc lập dân tộc" "Người cày có ruộng".

D. "Chống phát xít chống chiến tranh, đòi tự do dân chủ, cơm áo hòa bình".

Câu 61. Tháng 8-1936, Đảng chủ trương phát động phong trào gì?

A. Đông Dương Đại hội.

B. Phong trào đòi dân sinh dân chủ.

C. Vận động người của Đảng vào Viện dân biểu.

D. Mít tinh diễn thuyết thu thập "dân nguyện".

Câu 62. Mít tinh biểu tình đưa "dân nguyện" đó là hình thức đấu tranh của phong trào nào?

A. Đông Dương Đại hội.

B. Phong trào đón đoàn phái viên của chính phủ Pháp và toàn quyền mới xứ Đông Dương.

C. A và B đúng.

D. A và B sai.

Câu 63. Phong trào Đông Dương Đại hội diễn ra trong thời gian nào?

A. Từ năm 1936 đến năm 1939.

B. Từ cuối năm 1936 đến cuối năm 1937.

C. Từ giữa năm 1936 đến tháng 3-1938.

D. Từ giữa năm 1936 đến tháng 9-1936.

Câu 64. Cuộc đấu tranh công khai, hợp pháp trong những năm 1936-1939 thực sự là một cuộc cách mạng gì?

A. Một cao trào cách mạng dân tộc dân chủ.

B. Một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc.

C. Một cuộc đấu tranh giai cấp.

D. Một cuộc tuyên truyền vận động chủ nghĩa Mác – Lênin.

Câu 65. Điều nào không phải chính sách của chính phủ Mặt trận nhân dân Pháp năm 1936 đối với các thuộc địa?

A. Cho phép lập Hội ái hữu.

B. Giải quyết vấn đề ruộng đất cho nhân dân.

C. Trả tự do cho một số tù chính trị.

D. Cho phép xuất bản báo chí.

Câu 66. Cuộc mít tinh khổng lồ của 2 vạn rưỡi người diễn ra tại khu Đấu Xảo – Hà Nội vào ngày nào?

A. 1-5-1930 B. 1-5-1935 C. 1-5-1938 D.1-5-1939

Câu 67. Hình thức đấu tranh chủ yếu của phong trào Đông Dương đại hội là gì?

A. Tuần hành. B. Mít tinh.

C. Đưa dân nguyện. D. Diễn thuyết.

Câu 68. Kết quả lớn nhất của phong trào cách mạng dân chủ 1936-1939 là gì?

A. Chính quyền thực dân phải nhượng bộ, cải thiện một phần quyền dân sinh, dân chủ.

B. Quần chúng được tập dượt đấu tranh dưới nhiều hình thức.

C. Thành lập Mặt trận dân chủ nhân dân đoàn kết rộng rãi các tầng lớp xã hội.

D. Quần chúng được tổ chức và giác ngộ, Đảng được tôi luyện, tích lũy kinh nghiệm xây dựng mặt trận thống nhất.

Câu 69. Vì sao cao trào dân chủ 1936-1939 được xem là cuộc tổng diễn tập lần thứ hai chuẩn bị cho thắng lợi của Cách mạng tháng 8-1945?

A. Uy tín và ảnh hưởng của Đảng được mở rộng, trình độ của Đảng viên được nâng cao.

B. Tư tưởng và chủ trương của Đảng được phổ biến rộng rãi.

C. Tập dượt cho quần chúng đấu tranh chính trị, thành lập một đội quân chính trị rộng lớn tập hợp chung quanh Đảng.

D. Tất cả đều đúng.

Câu 70. Hãy điền đúng(Đ) sai (S) vào các câu sau đây:

A. Cuộc khủng hoảng kinh tế 1929-1933 đã làm cho mâu thuẫn xã hội trong các nước tư bản chủ nghĩa trở nên sâu sắc.

B. Chủ nghĩa phát xít xuất hiện ở Anh, Pháp, Italia.

C. Chủ nghĩa phát xít xuất hiện ở Đức, Italia, Nhật.

D. Năm 1936, Mặt trận nhân dân Pháp do Đảng Cộng sản làm nòng cốt thắng cử vào nghị viện.

E. Tháng 3-1938, Mặt trận dân chủ thống nhất Đông Dương đổi thành Mặt trận nhân dân phản đế Đông Dương.

F. Gôđa là toàn quyền xứ Đông Dương năm 1935.

G. Kẻ thù trước mắt của nhân dân Đông Dương (1936-1939) là bọn phản động thuộc địa và tay sai của chúng.

Câu 71. Hãy nối niên đại ở cột A phù hợp với sự kiện ở cột B

A	B
1. 7-1935	A. Mặt trận nhân dân Pháp lên cầm quyền.
2. 3-1938	B. Phong trào Đông Dương đại hội.
3. 8-1936	C. Đón phái viên chính phủ Pháp.
4. 1936	D. Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ VII.
5. 11-1936	E. Mặt trận nhân dân phản đế Đông Dương đổi thành Mặt trận dân chủ thống nhất.
6. 1937	G. Mít tinh tại khu Đấu xảo – Hà Nội.
7. 1-5-1938	H. Tổng bãi công của công ti than Hòn Gai.

Câu 72. Hãy chỉ ra câu không đúng sau đây:

A. Trong những năm 1936-1939, phong trào đấu tranh cách mạng là kết hợp khả năng hợp pháp và nửa hợp pháp, công khai nửa công khai.

B. Nhiệm vụ cách mạng được Đảng xác định trong thời kì 1936-1939 là đánh đổ đế quốc giành độc lập, đánh đổ phong kiến thực hiện người cày có ruộng.

C. Tên gọi của mặt trận thống nhất thời kì 1936-1939 là Mặt trận dân chủ Đông Dương.

D. Ngày 1-5-1938, Tổng bãi công của công nhân công ti than Hòn Gai.

Câu 73. Đảng ta xác định kẻ thù trong giai đoạn cách mạng 1939-1945 là bọn nào?

A. Bọn phản động thuộc địa và tay sai của chúng.

B. Bọn đế quốc và phát xít.

C. Bọn thực dân và phong kiến.

D. Bọn phát xít Nhật.

Câu 74. Hội nghị lần 6 (11 - 1939) của Ban chấp hành Trung ương Đảng đã xác định nhiệm vụ của cách mạng Đông Dương lúc này là gì?

A. Đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp lên hàng đầu.

B. Chống chủ nghĩa phát xít và chống chiến tranh.

C. Đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu và cấp bách.

D. Tất cả các nhiệm vụ trên.

Câu 75. Đến tháng 11 - 1939, tên gọi của Mặt trận ở Đông Dương là gì?

A. Mặt trận nhân dân phản đế Đông Dương.

B. Mặt trận dân chủ Đông Dương.

C. Mặt trận phản đế, phản phong.

D. Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương.

Câu 76. Mối quan hệ giữa hai khẩu hiệu: "Độc lập dân tộc" và "Ruộng đất cho dân cày" được giải quyết như thế nào trong thời kì 1939 - 1945?

A. Tạm gác lại khẩu hiệu cách mạng ruộng đất.

B. Tạm gác lại khẩu hiệu cách mạng giải phóng dân tộc.

C. Tiếp tục thực hiện hai khẩu hiệu trên một cách đồng bộ.

D. Cả câu A và B đều đúng.

Câu 77. Hội nghị Trung ương lần thứ 6 của Đảng ta diễn ra vào ngày tháng năm nào? Tại đâu?

A. Ngày 19-5-1941 tại Bà Điểm - Hóc Môn.

B. Ngày 15-9-1939 tại Pắc Bó - Cao Bằng.

C. Ngày 6-11-1939 tại Bà Điểm - Hóc Môn.

D Ngày 10-5-1940 tại Đình Bảng.

Câu 78. Hội nghị Trung ương lần thứ 6 đã đánh dấu sự chuyển hướng đúng đắn và chỉ đạo chiến lược cách mạng như thế nào?

A. Kịp thời giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân.

B. Xác định đúng kẻ thù là phát xít Nhật.

C. Mở rộng vấn đề dân chủ trên toàn cõi Đông Dương.

D. Giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc.

Câu 79. Việc nêu khẩu hiệu thành lập "Chính phủ Cộng hoà dân chủ" là khẩu hiệu của Nghị quyết nào trong thời kì cách mạng 1939 - 1945?

A. Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 6.

B. Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8.

C. Hội nghị quân sự Bắc Kì.

D. Tất cả đều sai.

Câu 80. Trong các thời điểm sau đây, thời điểm nào bùng nổ khởi nghĩa Bắc Sơn?

A. Ngày 22-9-1940. B. Ngày 27-9-1940.

C. Ngày 23-11-1940. D. Ngày 20-10-1940.

Câu 81. Nguyên nhân khác nhau của khởi nghĩa Bắc Sơn và khởi nghĩa Nam Kì là gì?

A. Mâu thuẫn sâu sắc giữa dân tộc ta với đế quốc Pháp và phát xít Nhật.

B. Binh lính người Việt trong quân đội Pháp bị bắt làm bia đỡ đạn ở mặt trận Thái Lan.

C. Pháp đầu hàng Nhật khi Nhật vào Đông Dương.

D. Câu B và câu C đúng.

Câu 82. Lá cờ đỏ sao vàng lần đầu tiên xuất hiện trong cuộc khởi nghĩa nào?

A. Khởi nghĩa Bắc Sơn. B. Khởi nghĩa Nam Kì.

C. Khởi nghĩa Ba Tơ. D. Binh biến Đô Lương.

Câu 83. Những người con ưu tú của Đảng như: Nguyễn Văn Cừ, Hà Huy Tập, Nguyễn Thị Minh Khai bị thực dân Pháp xử bắn sau cuộc khởi nghĩa nào?

A. Khởi nghĩa Yên Bái. B. Khởi nghĩa Bắc Sơn.

C. Khởi nghĩa Nam kì. D. Binh biến Đô Lương.

Câu 84. Lực lượng nào tham gia vào cuộc binh biến Đô Lương (13-1-1941)?

A. Đông đảo quần chúng nhân dân.

B. Chủ yếu là công nhân và nông dân.

C. Chủ yếu là nông dân.

D. Chỉ có binh lính người Việt trong quân đội Pháp, không có quần chúng tham gia.

Câu 85. Nguyên nhân chung làm cho ba sự kiện: khởi nghĩa Bắc Sơn, khởi nghĩa Nam Kì và binh biến Đô Lương bị thất bại?

A. Quần chúng chưa được tham gia vào khởi nghĩa và binh biến.

B. Kẻ thù còn mạnh, lực lượng cách mạng chưa được tổ chức và chuẩn bị đầy đủ.

C. Lực lượng vũ trang còn non yếu.

D. Lệnh tạm hoãn khởi nghĩa về không kịp.

Câu 86. Ý nghĩa chung của ba sự kiện: khởi nghĩa Bắc Sơn, khởi nghĩa Nam Kì và binh biến Đô Lương là gì?

A. Giáng một đòn phủ đầu chí tử vào thực dân Pháp đồng thời nghiêm khắc cảnh cáo phát xít Nhật.

B. Để lại nhiều bài học kinh nghiệm về khởi nghĩa vũ trang.

C. Giáng một đòn quyết liệt vào bọn thực dân, phong kiến.

D. Câu A và B đúng.

Câu 87. Với "Hiệp ước phòng thủ chung Đông Dương" giữa Pháp và Nhật kí vào ngày 23-7-1941, Pháp đã thừa nhận Nhật có quyền gì ở Đông Dương?

A. Có quyền chỉ huy kinh tế.

B. Có quyền đóng quân trên toàn cõi Đông Dương.

C. Có quyền độc chiếm ba sân bay Cát Bi, Gia Lâm, Phủ Lạng Thương.

D. Có quyền đưa 6000 quân đóng ở phía Bắc sông Hồng.

Câu 88. Nguyên nhân dẫn đến hậu quả làm cho hơn 2 triệu đồng bào ta ở miền Bắc chết đói trong mấy tháng đầu năm 1945 là gì?

A. Thực dân Pháp bắt nhân dân ta bán thóc theo diện tích cày cấy.

B. Phát xít Nhật bắt nhân dân ta nhổ lúa, phá hoa màu để trồng đay, thầu dầu.

C. Ngăn chặn không cho vận chuyển lương thực từ miền Nam ra miền Bắc.

D. Tất cả các nguyên nhân trên.

Câu 89. Sách giáo khoa Lịch sử lớp 12, tập II trang 52 có viết: *"Cuộc sống của người nông dân thời đó thật sự khốn quẫn. Bị tước đoạt đến hạt gạo mà họ năm nắng, mười sương mới kiếm được, hay may mảnh vải mà họ phải thức khuya, dậy sớm mới dệt thành, họ sống cầm hơi với bát cháo cám nhạt, và trần mình chịu rét lúc đêm đông"*. Đó là tình cảnh của người nông dân Việt Nam được mô tả trong thời kì nào?

A. Trước khi có Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời.

B. Trong thời kì 1930 - 1931.

C. Trong thời kì 1936 - 1939.

D. Không phải các thời kì trên.

Câu 90. Nhà thơ Tố Hữu Viết:

"Ba mươi năm chân không mỏi
Mà đến bây giờ mới tới nơi."

Đó là hai câu thơ nói về quá trình ra đi tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc và đến khi Người quay về Tổ quốc. Vậy, Nguyễn Ái Quốc về nước vào thời gian nào? Ở đâu?

A. Ngày 25-1-1941, tại Pắc Bó - Cao Bằng.

B. Ngày 28-1-1941, tại Tân Trào - Tuyên Quang.

C. Ngày 28-1-1941, tại Pắc Bó - Cao Bằng.

D. Ngày 28-2-1941, tại Hà Nội.

Câu 91. Từ ngày 10 đến 19-5-1941 ở Việt Nam diễn ra sự kiện lịch sử gì quan trọng có liên quan đến Cách mạng tháng Tám?

A. Đức mở cuộc tấn công vào lãnh thổ Liên Xô.

B. Nguyễn Ái Quốc mới đặt chân về Tổ quốc.

C. Quá trình diễn ra Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8.

D. Câu A và C đúng.

Câu 92. Đoạn văn sau đây được Nguyễn Ái Quốc trình bày lúc nào? *"Nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận giai cấp đến vạn năm sau cũng không đòi được".*

A. Trong Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 6 (11- 1939).

B. Trong Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 (5-1941).

C. Trong thư gửi đồng bào toàn quốc sau Hội nghị TW lần thứ 8.

D. Trong Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.

Câu 93. Tại Hội nghị TW Đảng lần thứ 8, Nguyễn Ái Quốc chủ trương thành lập mặt trận nào?

A. Mặt trận Liên Việt.

B. Mặt trận Đồng minh.

C. Mặt trận Việt Minh.

D. Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương.

Câu 94. Vì sao Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 có tầm quan trọng đặc biệt đối với Cách mạng tháng Tám 1945?

A. Chủ trương giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc.

B. Hoàn chỉnh việc chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Hội nghị Trung ương lần thứ 6.

C. Giải quyết được vấn đề ruộng đất cho nông dân.

D. Củng cố được khối đoàn kết toàn dân.

Câu 95. Trình bày xuất xứ của đoạn văn sau đây: *"Trong lúc này quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy. Chúng ta hãy đoàn kết lại đánh đổ bọn đế quốc và bọn Việt gian đặng cứu giống nòi ra khỏi nước sôi, lửa nóng".*

A. Trong thư của Nguyễn Ái Quốc gửi đồng bào cả nước.

B. Trong Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8.

C. Trong lời hịch của Mặt trận Việt Minh.

D. Trong Quân lệnh số 1 của Mặt trận Việt Minh.

Câu 96. Đội Cứu quốc quân ra đời đó là sự hợp nhất giữa hai tổ chức vũ trang nào?

A. Đội du kích Bắc Sơn và đội du kích Ba Tơ.

B. Đội du kích Bắc Sơn và đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân.

C. Đội du kích Bắc Sơn và đội Việt Nam giải phóng quân.

D. Đội du kích Bắc Sơn và đội du kích Thái Nguyên.

Câu 97. Việc gây dựng cơ sở chính trị trong quần chúng tại các tỉnh Thái Nguyên, Tuyên Quang, Lạng Sơn là việc làm của tổ chức nào?

A. Đội du kích Bắc Sơn.

B. Đội Cứu quốc quân.

C. Đội du kích Thái Nguyên.

D. Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân.

Câu 98. Năm 1942, tỉnh nào được coi là nơi thí điểm của cuộc vận động xây dựng các Hội Cứu quốc quân trong mặt trận Việt Minh?

A. Cao Bằng. B. Bắc Cạn. C. Lạng Sơn. D. Tuyên Quang.

Câu 99. Những sách báo nào của Đảng trong thời kì 1939 - 1945, đã góp phần quan trọng vào việc tuyên truyền đường lối chính sách của Đảng?

A. *"Tiếng dân", "Tin tức", "Thời mới".*

B. *"Giải phóng", "Cờ giải phóng", "Chặt xiềng", "Cứu quốc", "Việt Nam độc lập", "Kèn gọi lính".*

C. *"Tin tức", "Thời mới", "Nhành lúa".*

D. Câu A và C đúng.

Câu 100. Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân do ai làm đội trưởng, lúc mới thành lập có bao nhiêu người ?

A. Do đồng chí Võ Nguyên Giáp - Có 36 người.

B. Do đồng chí Trường Chinh - Có 34 người.

C. Do đồng chí Phạm Hùng - Có 35 người.

D. Do đồng chí Hoàng Sâm - Có 34 người.

Câu 101. Đội Việt Nam giải phóng quân ra đời, đó là sự hợp nhất của của các tổ chức nào?

A. Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân với đội du kích Bắc Sơn.

B. Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân với Cứu quốc quân.

C. Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân với du kích Ba Tơ.

D. Cứu quốc quân với du kích Thái Nguyên.

Câu 102. Ngay trong đêm 9-3-1945, khi Nhật đảo chính Pháp, Ban thường vụ Trung ương Đảng họp và nhận định tình hình như thế nào?

A. Cuộc đảo chính Nhật - Pháp gây ra một cuộc khủng hoảng chính trị đối với Nhật, làm cho tình thế cách mạng xuất hiện.

B. "Nhật- Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta".

C. Pháp sẽ ra sức chống lại Nhật.

D. Tất cả đều đúng.

Câu 103. Khẩu hiệu "Đánh đuổi Nhật – Pháp" được thay bằng khẩu hiệu "Đánh đuổi phát xít Nhật" được nêu ra trong:

A. Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng (9-3-1945).

B. Chỉ thị "Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta".

C. Hội nghị toàn quốc của Đảng (từ 13 đến 15-8-1945).

D. Đại hội quốc dân Tân Trào.

Câu 104. Quyết định Tổng khởi nghĩa trong cả nước, giành chính quyền trước khi Đồng minh vào Việt Nam. Đó là nội dung thể hiện trong Nghị quyết nào của Đảng?

A. Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8.

B. Nghị quyết của Đảng tại Hội nghị toàn quốc (13 đến 15-8-1945).

C. Nghị quyết của Đại hội quốc dân Tân Trào.

D. Nghị quyết của Ban thường vụ Trung ương Đảng họp ngay trong đêm 9-3-1945.

Câu 105. Phương pháp đấu tranh cơ bản trong Cách mạng tháng Tám 1945 là gì?

A. Đấu tranh vũ trang.

B. Đấu tranh bạo lực.

C. Đấu tranh chính trị.

D. Đấu tranh ngoại giao.

Câu 106. Nối thời gian ở cột A cho phù hợp với sự kiện ở cột B sau đây:

A	*B*
1- Từ 6 đến 8-11-1939	A. Nhật nhảy vào Đông Dương.
2- Ngày 22- 9-1940	B. Nguyễn Ái Quốc về nước.
3- Ngày 27- 9-1940	C. Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 6, tại Bà Điểm - Hóc Môn.
4- 28-1-1941	D. Khởi nghĩa Bắc Sơn bùng nổ.
5- 13-1-1941	E. Cuộc binh biến ở Đô Lương.
6- 19-5-1941	F. Nhật đảo chính Pháp.
7- 22-12-1944	G. Thành lập Mặt trận Việt Minh.
8- 9-3-1945	H. Đại hội quốc dân Tân Trào.
9- Từ 13 đến 15-8-1945	I. Thành lập đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân.
10- Từ 16 đến 18-8-1945	J. Hội nghị toàn quốc của Đảng.

Câu 107. Tháng 6 -1945 diễn ra sự kiện gì tiêu biểu nhất?

A. Chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ.

B. Quân đội phát xít Đức kéo vào nước Pháp.

C. Nhật kéo vào Lạng Sơn Việt Nam.

D. Nhật đánh chiếm Trung Quốc.

Câu 108. Ở Đông Dương năm 1940 thực dân Pháp đứng trước hai nguy cơ nào?

A. Đầu hàng Nhật đàn áp nhân dân Đông Dương.

B. Đánh bại Nhật đàn áp nhân dân Đông Dương.

C. Ngọn lửa cách mạng giải phóng dân tộc của nhân dân Đông Dương sớm muộn sẽ bùng nổ, phát xít Nhật vào Đông Dương hất cẳng Pháp.

D. Cấu kết với Nhật khủng bố nhân dân Đông Dương.

Câu 109. Thực dân Pháp ở Đông Dương thẳng tay đàn áp phong trào cách mạng Đông Dương và thỏa hiệp với phát xít Nhật, phát xít Nhật lôi kéo, tập hợp tay sai truyên truyền lừa bịp để dọn đường hất cẳng Pháp. Đó là đặc điểm tình hình Việt Nam trong thời kì:

A. 1930-1931.

B. 1932-1933.

C. 1936-1939.

D. 1939-1940.

Câu 110. Nhật xâm lược Đông Dương, Pháp đầu hàng Nhật, Nhật lấn dần từng bước để:

A. Biến Đông Dương thành thuộc địa của Nhật.

B. Để độc quyền chiếm Đông Dương.

C. Biến Đông Dương thành thuộc địa và căn cứ chiến tranh của Nhật.

D. Làm bàn đạp tấn công nước khác.

Câu 111. Hiệp ước "Phòng thủ chung Đông Dương" được kí giữa Nhật và Pháp ngày nào?

A. 23-7-1941 B. 29-7-1941 C. 7-12-1941 D. 10-12-1941

Câu 112. Để đối phó với tình hình mới, thực dân Pháp đã thực hiện chính sách gì?

A. Mở cửa cho Nhật vào Đông Dương.

B. Thẳng tay đàn áp phong trào cách mạng, thỏa hiệp với Nhật để đàn áp nhân dân ta.

C. Thi hành chính sách " Kinh tế chỉ huy".

D. Tăng các loại thuế gấp 3 lần.

Câu 113. Dưới hai tầng áp bức bóc lột nặng nề của Pháp - Nhật, giai cấp nào bị khốn khổ nhất, tổn thất nhiều nhất trong nạn đói 1944-1945?

A. Trong tổng số gần 2 triệu người chết đói cuối năm 1944 đầu năm 1945 đa số là nông dân.

B. Trong tổng số gần 2 triệu người chết đói cuối năm 1944 đầu năm 1945 đa số là công nhân.

C. Trong tổng số gần 2 triệu người chết đói cuối năm 1944 đầu năm 1945 đa số là thợ thủ công.

D. Trong tổng số gần 2 triệu người chết đói cuối năm 1944 đầu năm 1945 đa số là thợ mỏ.

Câu 114. Hiệp ước phòng thủ chung của Đông Dương (23-7-1941) được kí giữa Pháp và Nhật thừa nhận:

A. Pháp cam kết hợp tác với Nhật về mọi mặt.

B. Nhật có quyền đóng quân trên toàn cõi Đông Dương.

C. Nhật có quyền sử dụng tất cả các sân bay và cửa biển ở Đông Dương vào mục đích quân sự.

D. Pháp phải bảo đảm hậu phương an toàn cho quân đội Nhật.

Câu 115. Nguyên nhân trực tiếp làm hơn 2 triệu người miền Bắc chết đói trong mấy tháng đầu năm 1945?

A. Nhật bắt nhân dân ta nhổ lúa trồng đay.

B. Tăng thuế để vơ vét bóc lột nhân dân ta.

C. Thu mua thực phẩm chủ yếu là lúa gạo theo lối cường bách với giá rẻ mạt.

D. Nhật bắt Pháp phải vơ vét của nhân dân ta cung đốn cho Nhật.

Câu 116. Sự áp bức, bóc lột dã man của Nhật - Pháp đã dẫn đến hậu quả gì?

A. Mâu thuẫn giữa toàn thể nhân dân Việt Nam, với phát xít Nhật sâu sắc.

B. Mâu thuẫn giữa toàn thể nhân dân Việt Nam với thực dân Pháp sâu sắc.

C. Mâu thuẫn giữa toàn thể các dân tộc Đông Dương với Nhật – Pháp sâu sắc.

D. Mâu thuẫn giữa toàn thể các dân tộc Đông Dương với Nhật sâu sắc.

Câu 117. Mục đích của Nhật bắt nhân dân ta nhổ lúa trồng đay là gì?

A. Phá hoại nền nông nghiệp của ta.

B. Phát triển trồng cây công nghiệp.

C. Lấy nguyên liệu cần thiết phục vụ chiến tranh.

D. Phát triển công nghiệp.

Câu 118. Cuộc khởi nghĩa đã để lại cho Đảng ta những bài học bổ ích về khởi nghĩa vũ trang, xây dựng lực lượng, chiến tranh du kích là cuộc khởi nghĩa nào?

A. Khởi nghĩa Bắc Sơn (9-1940).
B. Khởi nghĩa Nam Kì (11-1940).
C. Binh biến Đô Lương (1-1941).
D. Cả ba cuộc khởi nghĩa.

Câu 119. Điểm giống nhau về ý nghĩa của ba sự kiện: Bắc Sơn, Nam Kì và Binh biến Đô Lương là gì?

A. Các lực lượng vũ trang cách mạng ra đời phát triển từ ba cuộc khởi nghĩa.
B. Giáng đòn chí tử vào thực dân Pháp, nghiêm khắc cảnh cáo phát xít Nhật, là những phát súng đầu tiên báo hiệu một cao trào cách mạng mới.
C. Để lại những bài học kinh nghiệm về xây dựng lực lượng về khởi nghĩa vũ trang.
D. Mở ra một thời kì đấu tranh mới.

Câu 120. Ba cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, Nam Kì, Binh biến Đô Lương đã để lại bài học kinh nghiệm lớn nhất nào?

A. Bài học kinh nghiệm về khởi nghĩa vũ trang, về xây dựng lực lượng vũ trang và chiến tranh du kích.
B. Bài học về thời cơ trong khởi nghĩa giành chính quyền.
C. Bài học về xây dựng lực lượng vũ trang để chuẩn bị khởi nghĩa.
D. Bài học về sự phát triển chiến tranh du kích.

Câu 121. Là một cuộc nổi dậy tự phát của binh lính, không có sự lãnh đạo của Đảng và không có sự phối hợp của quần chúng. Đó là đặc điểm của sự kiện lịch sử nào?

A. Khởi nghĩa Bắc Sơn (9-1940).
B. Khởi nghĩa Nam Kì (11-1940).
C. Binh biến Đô Lương (1-1941).
D. Khởi nghĩa nông dân Yên Bái (2-1930).

Câu 122. Hãy nối các niên đại ở cột A với các sự kiện của cột B

A	*B*
1. 9-1939	A. Chính phủ Pháp đầu hàng phát xít Đức.
2. 8-1940	B. Hiệp ước phòng thủ chung Đông Dương.
3. 6-1940	C. Chiến tranh thế giới 2 bùng nổ.
4. 27-9-1940	D. Hiệp ước Pháp-Nhật thừa nhận Nhật có đặc quyền ở Đông Dương.
5. 23-11-1940	E. Hai triệu đồng bào miền Bắc chết đói.
6. 23-7-1940	F. Khởi nghĩa Bắc Sơn.
7. Cuối 1944 đầu 1945	G. Khởi nghĩa Nam Kì.
8. 13-1-1941	H. Binh biến Đô Lương.

Câu 123. Tình hình thế giới tháng 6-1941 diễn ra như thế nào?

A. Chiến tranh thế giới bùng nổ.
B. Phát xít Đức tấn công Liên Xô.
C. Phát xít Đức tấn công Pháp.
D. Phát xít Đức tấn công Bỉ, Hà Lan.

Câu 124. Hội nghị ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ 8 tổ chức tại đâu?

A. Pắc Bó (Cao Bằng).

B. Bắc Cạn.

C. Bắc Sơn (Lạng Sơn).

D. Tân Trào (Tuyên Quang).

Câu 125. Hội nghị Ban chấp hành TW Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ VIII tổ chức trong khoảng thời gian nào?

A. Từ 10 đến 15-5-1941.

B. Từ 10 đến 19-5-1941.

C. Từ 10 đến 25-5-1941.

D. Từ 10 đến 29-5-1941.

Câu 126. Từ 15 đến 19- 5-1941, ở Việt Nam đã diễn ra sự kiện lịch sử nào?

A. Hội nghị lần thứ 7 của Ban chấp hành Trung ương Đảng.

B. Nguyễn Ái Quốc mới đặt chân về Tổ quốc.

C. Quá trình diễn ra Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8.

D. Câu A và C đúng.

Câu 127. Hội nghị ban chấp hành TW Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ VIII đã xác định mâu thuẫn cơ bản trong lòng xã hội Việt Nam là gì?

A. Mâu thuẫn giữa nhân dân ta với thực dân Pháp.

B. Mâu thuẫn giữa nhân dân ta với phát xít Pháp - Nhật.

C. Mâu thuẫn giữa nhân dân ta với thực dân Pháp và phong kiến tay sai.

D. Mâu thuẫn giữa nhân dân ta với phát xít Nhật và phong kiến tay sai.

Câu 128. Hội nghị ban chấp hành TW Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ 8 quyết định tạm gác khẩu hiệu nào?

A. "Tịch thu ruộng đất của đế quốc và Việt gian chia cho dân cày".

B. "Đánh đổ địa chủ chia ruộng đất cho dân cày".

C. "Giảm tô, giảm tức chia lại ruộng đất".

D. Thực hiện " Người cày có ruộng".

Câu 129. Hội nghị ban chấp hành TW Đảng Cộng sản Đông Dương lần 8 đề ra khẩu hiệu gì?

A. "Tịch thu ruộng đất của đế quốc và Việt gian chia cho dân cày nghèo"

B. "Người cày có ruộng".

C. Giảm tô, giảm tức.

D. "Đánh đổ địa chủ chia ruộng đất cho dân cày".

Câu 130. *"Liên hiệp hết thảy với các giới đồng bào yêu nước, không phân biệt giàu nghèo, già trẻ gái trai, không phân biệt tôn giáo và xu hướng chính trị, để cùng nhau mưu cuộc dân tộc giải phóng và sinh tồn"*, đó là chủ trương của Đảng Cộng sản Đông Dương khi thành lập:

A. Mặt trận dân tộc thống nhất Đông Dương.

B. Mặt trận dân chủ Đông Dương.

C. Mặt trận dân chủ thống nhất Đông Dương.

D. Mặt trận Việt minh.

Câu 131. Mặt trận Việt Minh chính thức thành lập ngày nào?

A. 10-5-1941 B. 15-5-1941 C. 19-5-1941 D. 29-5-1941

Câu 132. Đội du kích đầu tiên của cách mạng Việt Nam có tên gọi là gì?

A. Đội du kích Bắc Sơn. B. Đội du kích Ba Tơ.

C. Đội du kích Võ Nhai. D. Đội du kích Đình Bảng.

Câu 133. Đội du kích Bắc Sơn - Vũ Nhai hợp nhất với đội du kích Thái Nguyên thành:

A. Việt Nam giải phóng quân. B. Cứu quốc quân.

C. Việt Nam truyên truyền giải phóng quân. D. Quân đội nhân dân.

Câu 134. Đội Cứu quốc quân ra đời đó là sự hợp nhất giữa:

A. Đội du kích Bắc Sơn và đội du kích Ba Tơ.

B. Đội du kích Bắc Sơn và đội Việt Nam truyên truyền giải phóng quân.

C. Đội du kích Bắc Sơn và đội Việt Nam giải phóng quân.

D. Đội du kích Bắc Sơn và đội du kích Thái Nguyên.

Câu 135. Việc gây dựng cơ sở chính trị trong quần chúng tại các tỉnh Thái Nguyên, Tuyên Quang, Lạng Sơn là việc làm của tổ chức cách mạng nào?

A. Đội du kích Bắc Sơn. B. Đội Cứu quốc quân.

C. Đội du kích Thái Nguyên. D. Đội Việt Nam truyên truyền giải phóng quân.

Câu 136. Bản chỉ thị " Sửa soạn khởi nghĩa" và kêu gọi nhân dân "Sắm vũ khí đuổi thù chung" là của:

A. Ban chấp hành Đảng Cộng sản Đông Dương. B. Hồ Chí Minh.

C. Tổng bộ Việt Minh. D. Cứu quốc quân.

Câu 137. Nhiều tờ báo của Đảng và Mặt trận Việt Minh đã xuất bản là:

A. Tiền phong, Dân chúng, Lao động.

B. Bạn dân, Tin tức.

C. Thanh niên, Nhành lúa.

D. Giải phóng, Chặt xiềng, Cứu quốc, Việt Nam Độc lập.

Câu 138. Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân do ai làm đội trưởng, lúc mới thành lập có bao nhiêu người?

A. Đồng chí Võ Nguyên Giáp; có 36 người.

B. Đồng chí Trường Chinh; có 34 người.

C. Đồng chí Phạm Hùng; có 35 người.

D. Đồng chí Hoàng Sâm; có 34 người.

Câu 139. Vì sao Nhật tiến hành đảo chính lật đổ Pháp vào đêm 9-3-1945?

A. Nhật đang khốn đốn trước các đòn tấn công dồn dập của Anh – Mĩ.

B. Phe phát xít đang thua to.

C. Để độc chiếm Đông Dương.

D. Nước Pháp đã được giải phóng.

Câu 140. Chỉ thị "Nhật- Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta" là của:

A. Tổng bộ Việt Minh.

B. Hồ Chí Minh.

C. Ban thường vụ TW Đảng.

D. Đội Việt Nam truyên truyền giải phóng quân.

Câu 141. Sau khi Nhật đảo chính Pháp, kẻ thù chính cụ thể trước mắt và duy nhất của nhân dân Đông Dương lúc này là:

A. Thực dân Pháp.

B. Phát xít Nhật.

C. Phát xít Pháp - Nhật.

D. Phát xít Nhật và đồng minh của Nhật.

Câu 142. Chỉ thị " Nhật- Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta" có nội dung cơ bản là gì?

A. Kêu gọi sửa soạn khởi nghĩa.

B. Kêu gọi đứng dậy khởi nghĩa.

C. Phát động cao trào "Kháng Nhật cứu nước".

D. Khởi nghĩa giành chính quyền.

Câu 143. Hội nghị quân sự Bắc Kì (15-4-1945) quyết định những vấn đề gì?

A. Thành lập đội Việt Nam truyên truyền giải phóng quân.

B. Thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam.

C. Thống nhất các lực lượng vũ trang thành Việt Nam giải phóng quân.

D. Thành lập khu giải phóng Việt Bắc.

Câu 144. Ủy ban quân sự Bắc Kì được thành lập có nhiệm vụ cơ bản là gì?

A. Chỉ huy các chiến khu mật miền Bắc và giúp đỡ toàn quốc về quân sự.

B. Thành lập Việt Nam giải phóng quân.

C. Thành lập khu giải phóng Việt Bắc.

D. Thành lập ủy ban lâm thời khu giải phóng.

Câu 145. Cao trào kháng Nhật cứu nước diễn ra trong khoảng thời gian nào?

A. Từ 9-3-1945 đến 13-8-1945.

B. Từ 9-3-1945 đến 30-8-1945.

C. Từ 9-3-1945 đến 2-9-1945.

D. Từ14-8-1945 đến 2-9-1945.

Câu 146. Sự kiện nào sau đây không thuộc thời kì Cao trào kháng Nhật cứu nước?

A. Khởi nghĩa Ba Tơ.

B. Thành lập khu giải phóng Việt Bắc.

C. "Phá kho thóc Nhật giải quyết nạn đói".

D. Chỉ thị "Sửa soạn khởi nghĩa" của Tổng bộ Việt Minh.

Câu 147. Sự kiện nào có liên quan đến việc quyết định thống nhất các lực lượng vũ trang cách mạng thành "Việt Nam giải phóng quân".

A. Hội nghị TW Đảng lần thứ 8 (5-1941).

B. Hội nghị quân sự Bắc Kì (15-4-1945).

C. Chỉ thị của Tổng bộ Việt Minh (7-5-1944).

D. Chỉ thị của lãnh tụ Hồ Chí Minh (12-1944).

Câu 148. Nối niên đại ở cột A với sự kiện ở cột B cho phù hợp:

A	*B*
1. 28-1-1941	A. Hội nghị BCH TW Đảng lần thứ 8.
2. 9-3-1945	B. Đội Việt Nam truyên truyền giải phóng quân thành lập.
3. 15-4-1945	C. Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về nước.
4. 10-19-5-1945	D. Việt Minh ra chỉ thị "Sắm vũ khí đuổi thù chung".
5. 22-12-1944	E. Mặt trận Việt Minh thành lập.
6. 7-5-1944	F. Nhật đảo chính Pháp.
7. 19-5-1941	G. Thống nhất các lực lượng vũ trang thành lập Việt Nam giải phóng quân.

Câu 149. Ở châu Âu, phát xít Đức đã bị tiêu diệt hoàn toàn và buộc phải đầu hàng không điều kiện với Đồng minh vào thời gian nào?

A. 8-4-1945 B. 8-51945 C. 8-6-1945 D. 8-7-1945

Câu 150. Ở châu Á, quân phiệt Nhật đã đầu hàng Đồng minh không điều kiện vào:

A. 13-8-1945 B. 14-8-1945 C. 15-8-1945 D. 16-8-1945

Câu 151. Phát xít Nhật đầu hàng thì quân Nhật ở Đông Dương cũng bị tê liệt, chính phủ tay sai thân Nhật- Trần Trọng Kim hoang mang cực độ. Đây là thời cơ ngàn năm có một cho nhân dán ta giành độc lập. Đó là hoàn cảnh vô cùng thuận lợi cho:

A. Hưởng ứng chỉ thị " Nhật- Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta".

B. Phá kho thóc Nhật giải quyết nạn đói.

C. Cao trào kháng Nhật cứu nước.

D. Đảng ta đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh kịp thời phát lệnh Tổng khởi nghĩa trong cả nước.

Câu 152. Tháng 8-1945 điều kiện khách quan bên ngoài rất thuận lợi, tạo thời cơ cho nhân dân ta vùng lên giành lại độc lập, đó là:

A. Sự thất bại của phe phát xít ở chiến trường châu Âu.

B. Sự đầu hàng của phát xít Itali và phát xít Đức.

C. Sự tan rã của phát xít Đức và sự đầu hàng vô điều kiện của phát xít Nhật.

D. Sự thắng lợi của phe Đồng minh.

Câu 153. Hội nghị toàn quốc của Đảng Cộng sản Đông Dương họp từ ngày 13 đến 15-8-1945 ở đâu?

A. Pắc Bó (Cao Bằng). B. Tân Trào (Tuyên Quang).

C. Bắc Sơn (Vũ Nhai). D. Phay Khắt (Cao Bằng).

Câu 154. Hội nghị toàn quốc của Đảng họp từ ngày 13 đến 15-8-1945 đã quyết định vấn đề gì?

A. Khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước.

B. Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước.

C. Khởi nghĩa giành chính quyền ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn.

D. Tổng khởi nghĩa trong cả nước, giành lấy chính quyền trước khi quân Đồng minh vào.

Câu 155. Đại hội Quốc dân được tiến hành ở Tân Trào (Ngày 16-8-1945) gồm những đại biểu thuộc các thành phần và các miền nào?

A. Ba xứ thuộc đủ các giới, các đoàn thể, các dân tộc tiêu biểu ý chí và nguyện vọng của toàn dân.

B. Toàn thể các tầng lớp nhân dân.

C. Giai cấp tiểu tư sản, học sinh, sinh viên, trí thức cả nước.

D. Các đảng phái đoàn thể tổ chức mặt trận trong cả nước.

Câu 156. Các đại biểu đều nhất trí tán thành quyết định Tổng khởi nghĩa, thông qua 10 sắc lệnh của Việt Minh, lập Ủy Ban dân tộc giải phóng Việt Nam (tức chính phủ lâm thời) do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu, đó là quyết định của:

A. Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào (15-8-1945).

B. Đại hội quốc dân ở Tân Trào (16-8-1945).

C. Đại hội Đảng lần thứ I ở Ma cao (Trung Quốc) năm 1935.

D. Hội nghị Quân sự Bắc Kì (4-1945).

Câu 157. Chiều ngày 16-8-1945 theo lệnh của Ủy ban khởi nghĩa, một đội giải phóng quân do Võ Nguyên Giáp chỉ huy, xuất phát từ Tân Trào về giải phóng tỉnh nào?

A. Giải phóng thị xã Cao Bằng.
B. Giải phóng thị xã Thái Nguyên.
C. Giải phóng thị xã Tuyên Quang.
D. Giải phóng thị xã Lào Cai.

Câu 158. "Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến, toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta...". Đó là lời kêu gọi của?

A. Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào (15-8-1945).

B. Quân lệnh số 1 kêu gọi toàn quốc nổi dậy khởi nghĩa.

C. Đại hội quốc dân ở Tân Trào (16-8-1945).

D. Thư Hồ Chí Minh gửi đồng bào cả nước kêu gọi nổi dậy tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

Câu 159. Quyết định Tổng khởi nghĩa trong cả nước, giành chính quyền trước khi quân Đồng minh vào Việt Nam. Đó là nội dung của nghị quyết nào?

A. Nghị quyết Hội nghị TW Đảng lần VIII.

B. Nghị quyết của Đảng tại Hội nghị toàn quốc (13 đến 15-8-1945).

C. Nghị quyết của Đại hội quốc dân ở Tân Trào.

D. Nghị quyết của Ban thường vụ TW Đảng họp ngay đêm 9-3-1945.

Câu 160. "Đồng bào rầm rập kéo tới Quảng trường Nhà hát lớn dự mít tinh do Mặt trận Việt Minh tổ chức. Đại biểu Việt Minh đọc tuyên ngôn, chương trình của Việt Minh và kêu gọi nhân dân giành chính quyền. Bài hát tiến quân ca lần đầu tiên vang lên". Đây là không khí từ cuộc mít tinh chuyển thành khởi nghĩa giành chính quyền ở:

A. Hà Nội (19-8-1945). B. Huế (23-8-1945).

C. Sài Gòn (25-8-1945). D. Bắc Giang, Hải Dương (18-8-1945).

Câu 161. Bốn tỉnh giành được chính quyền ở tỉnh lị sớm nhất trong cả nước là:

A. Hà Nội, Bắc Giang, Huế, Sài Gòn.

B. Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam.

C. Bắc Giang, Hải Dương, Hà Nội, Huế.

D. Hà Nội, Sài Gòn, Hà Tĩnh, Quảng Nam.

Câu 162. Tổng khởi nghĩa đã nhanh chóng thành công trong cả nước, chỉ trong vòng 15 ngày:

A. Từ ngày 13 đến ngày 27-8-1945. B. Từ ngày 14 đến ngày 28-8-1945.

C. Từ ngày 15 đến ngày 29-8-1945. D. Từ ngày 16 đến ngày 30-8-1945.

Câu 163. Niên đại nào có quan hệ trực tiếp với câu văn sau đây?

"Pháp chạy Nhật đầu hàng, Vua Bảo Đại thoái vị. Nhân dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để xây dựng nên nước Việt Nam độc lập. Dân ta đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỉ mà lập nên chế độ dân chủ cộng hòa"

A. 19-8-1945. B. 23-8-1945. C. 30-8-1945. D. 2-9-1945.

Câu 164. Nguyên nhân cơ bản quyết định sự thắng lợi của Cách mạng tháng Tám là gì?

A. Dân tộc Việt Nam vốn có truyền thống yêu nước, đã đấu tranh kiên cường bất khuất.

B. Có khối liên minh công nông vững chắc, tập hợp được mọi lực lượng yêu nước trong mọi mặt trận thống nhất.

C. Sự lãnh đạo tài tình của Đảng đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh.

D. Có hoàn cảnh thuận lợi của Chiến tranh thế giới thứ 2: Hồng quân Liên Xô và quân Đồng minh đã đánh bại phát xít Đức - Nhật.

Chương III. VIỆT NAM TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1954

Câu 1. Khó khăn nào lớn nhất đưa chính quyền cách mạng nước ta sau ngày 2-9-1945 vào tình thế "ngàn cân treo sợi tóc"?

A. Các tổ chức phản cách mạng trong nước ngóc dậy chống phá cách mạng.

B. Nạn đói, nạn dốt đang đe doạ nghiêm trọng.

C. Âm mưu của Tưởng và Pháp.

D. Ngân quỹ nhà nước trống rỗng.

Câu 2. Phiên họp đầu tiên của Quốc hội nước ta được tổ chức vào thời gian nào? Ở đâu?

A. Ngày 1-6-1946. Hà Nội.
B. Ngày 2-3-1946. Hà Nội.
C. Ngày 12-11-1946. Tân Trào - Tuyên Quang.
D. Ngày 20-10-1946. Hà Nội.

Câu 3. Câu nào dưới đây thuộc lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh nhằm giải quyết nạn đói?

A. "Không một tấc đất bỏ hoang".

B. "Tấc đất, tấc vàng".

C. "Tăng gia sản xuất, Tăng gia sản xuất ngay! Tăng gia sản xuất nữa!".

D. Tất cả các câu trên.

Câu 4. Nhằm khắc phục tình trạng trống rỗng về ngân sách của Chính phủ sau Cách mạng tháng Tám, nhân dân ta đã hưởng ứng phong trào nào?

A. "Ngày đồng tâm".
B. "Tuần lễ vàng".
C. "Quỹ độc lập".
D. Câu B và C đúng.

Câu 5. Chọn phương án trả lời đúng cho các câu sau đây:

A. Đến đầu tháng 3-1946, riêng Bắc Bộ có gần 3 vạn lớp học với 81 vạn học viên.

B. Đến đầu tháng 3-1946, riêng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ, có gần 3 vạn lớp học với 81 vạn học viên.

C. Đến đầu tháng 3-1946, riêng Bắc Bộ và Nam Bộ, có gần 3 vạn lớp học với 81 vạn học viên.

D. Đến đầu tháng 3-1946, riêng Bắc Bộ, Trung Bộ và Nam Bộ, có gần 3 vạn lớp học với 81 vạn học viên.

Câu 6. Cao uỷ Pháp ở Đông Dương trong thời kì từ cuối năm 1945 đến 1947 là ai?

A. Lơ-cơ-léc.
B. Bô-la-éc.
C. Đác-giăng-li-ơ.
D. Rơ-ve.

Câu 7. Sự kiện nào chứng tỏ thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta lần thứ hai?

A. Ngày 2 - 9 -1945, khi nhân dân Sài Gòn-Chợ Lớn tổ chức mít tinh chào mừng ngày độc lập, thực dân Pháp xả súng bắn làm cho 47 người chết, và nhiều người bị thương.

B. Ngày 23 - 9 - 1945, thực dân Pháp đánh úp trụ sở Uỷ ban nhân dân Nam Bộ và cơ quan tự vệ thành phố Sài Gòn.

C. Ngày 17- 11- 1946, thực dân Pháp đánh chiếm Hải Phòng.

D. Ngày 18 - 12 - 1946, thực dân Pháp gửi tối hậu thư yêu cầu Chính phủ ta giải tán lực lượng vũ trang, giao quyền kiểm soát thủ đô Hà Nội cho chúng.

Câu 8. Trước ngày 6-3-1946, Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh thực hiện sách lược gì?

A. Hòa với Tưởng để đánh Pháp.
B. Hòa với Pháp để đuổi Tưởng.
C. Hòa với Pháp và Tưởng để chuẩn bị lực lượng.
D. Câu A và B đúng.

Câu 9. Nội dung đầu tiên của Hiệp định sơ bộ ngày 6 - 3 - 1946 mà Chính phủ ta kí với Pháp là gì?

A. Chính phủ Pháp công nhận nước ta là một nước độc lập, tự do nằm trong Liên hiệp Pháp.

B. Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một quốc gia tự do, có chính phủ, nghị viện, quân đội và tài chính riêng nằm trong khối Liên hiệp Pháp.

C. Chính phủ Pháp công nhận nền độc lập, chủ quyền của Việt Nam.

D. Câu A và B đúng.

Câu 10. Tạm ước 14 - 9 - 1946, ta nhân nhượng cho Pháp quyền lợi trên nào?

A. Một số quyền lợi về kinh tế và văn hóa.

B. Chấp nhận cho Pháp đưa 15.000 quân ra Bắc.

C. Một số quyền lợi về chính trị, quân sự.

D. Một số quyền lợi về kinh tế và quân sự.

Câu 11. Chủ tịch Hồ Chí Minh kí Tạm ước 14 - 9 - 1946 với Chính phủ Pháp tại đâu?

A. Thành phố Đà Lạt.
B. Phông - ten - blô.
C. Pa-ri.
D. Thủ đô Hà Nội.

Câu 12. Hãy điền các từ đúng vào câu sau đây: "Bằng việc kí Hiệp định Sơ bộ 6-3 và Tạm ước 14-9-1946, chúng ta đã đập tan âm mưu của ....để chống lại ta".

A. Đế quốc Mĩ cấu kết với Tưởng.
B. Đế quốc Pháp cấu kết với Tưởng.
C. Tưởng cấu kết với Pháp.
D. Đế quốc Pháp cấu kết với Anh.

Câu 13. Hãy chọn nội dung ở cột B cho phù hợp với cột A sau đây:

A	B
1. Giải quyết khó khăn về kinh tế	A. "Tuần lễ vàng" Quỹ độc lập". B. "Ngày đồng tâm". C. "Tăng gia sản xuất! Tăng gia sản xuất nhanh! Tăng gia sản xuất nữa!"
2. Giải quyết khó khăn về tài chính	D. Phát hành tiền giấy bạc Việt Nam (31-1-1946). E. Nhận tiêu tiền "Quan kim" "Quốc tệ" của Tưởng. G. Thực hiện giảm tô 25%. H. Khoán ruộng đất cho nông dân cày cấy. I. Lập ngân hàng quốc gia Việt Nam.

Câu 14. Hãy ghi nội dung của các sự kiện lịch sử cho phù hợp với thời gian cho sẵn dưới đây:

TT	*Thời gian*	*Nội dung*
1	23 - 9 - 1945	A..
2	6 - 1 - 1946	B..
3	6 - 3 - 1946	C..

Câu 15. Tình hình nước ta sau Cách mạng tháng Tám phải đối phó với nhiều khó khăn như thế nào?

A. Nạn đói, nạn dốt, giặc ngoại xâm.

B. Nạn đói, nạn dốt, ngân sách nhà nước trống rỗng.

C. Nạn đói, nạn dốt, ngân sách trống rỗng, nạn ngoại xâm và nội phản.

D. Nạn đói, nạn dốt, nội phản.

Câu 16. Những thuận lợi cơ bản sau tháng Tám-1945 ở nước ta?

A. Nhân dân lao động đã giành chính quyền làm chủ, tích cực xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng.

B. Phong trào giải phóng dân tộc đang dâng cao ở nhiều nước thuộc địa phụ thuộc.

C. Hệ thống xã hội chủ nghĩa hình thành, phong trào đấu tranh vì hòa bình dân chủ phát triển.

D. A, B và C đúng.

Câu 17. Một chế độ chính trị vững mạnh phải được xây dựng toàn diện trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, quân sự..., thực sự là nhà nước của dân, do dân, vì dân. Đó là mục đích của:

A. 10 chính sách của Việt Minh nhằm đem lại quyền lợi cho nhân dân.

B. Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng tháng Tám 1945.

C. Tuyên ngôn độc lập 2-9-1945.

D. Tổng tuyển cử bầu quốc hội khóa I (6-1-1946).

Câu 18. Quốc hội khóa I (6-1-1946) đã bầu được:

A. 333 đại biểu. B. 334 đại biểu. C. 335 đại biểu. D. 336 đại biểu.

Câu 19. Ngày 2-3-1946 Quốc hội họp phiên đầu tiên đã nêu lên vấn đề gì?

A. Lập ra dự thảo hiến pháp đầu tiên của nước ta.

B. Xác nhận thành tích của Chính phủ lâm thời trong những ngày đầu nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

C. Thông qua danh sách Chính phủ liên hiệp kháng chiến do Hồ Chí Minh đứng đầu.

D. A, B và C đúng.

Câu 20. Sự kiện nào trong năm 1945-1946 khẳng định chính quyền dân chủ nhân dân được củng cố, nền móng của chế độ mới được xây dựng?

A. Tổng tuyển cử trong cả nước 6-1-1946.

B. Bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp.

C. Thành lập Ủy ban hành chính các cấp.

D. A, B và C đúng.

Câu 21. Thắng lợi của Tổng tuyển cử ngày 6-1-1946 khẳng định vấn đề gì?

A. Thể hiện tinh thần yêu nước và khối đoàn kết toàn dân.

B. Xây dựng được chế độ mới hợp lòng dân.

C. Đất nước vượt qua khó khăn thử thách.

D. A và B đúng.

Câu 22. Ý nghĩa chính trị của cuộc Tổng tuyển cử ngày 6-1-1946 và việc bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp?

A. Tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho quần chúng cách mạng, nâng cao uy tín của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

B. Khơi dậy và phát huy tinh thần yêu nước, tinh thần làm chủ đất nước, giáng một đòn vào âm mưu xuyên tạc, chia rẽ của kẻ thù đối với chế độ mới.

C. Đưa đất nước thoát khỏi tình thế " ngàn cân treo sợi tóc".

D. A và B đúng.

Câu 23. Nhiệm vụ cấp bách trước mắt của cách mạng nước ta sau Cách mạng tháng Tám là gì?

A. Giải quyết nạn ngoại xâm và nội phản.

B. Giải quyết về vấn đề tài chính.

C. Giải quyết nạn đói, nạn dốt.

D. Giải quyết nạn đói, nạn dốt và khó khăn về tài chính.

Câu 24. Để đẩy lùi nạn đói, biện pháp nào là quan trọng nhất?

A. Lập hũ gạo tiết kiệm.

B. Tổ chức ngày đồng tâm để có thêm gạo cứu đói.

C. Tăng cường sản xuất.

D. Chia lại ruộng công cho nông dân theo nguyên tắc công bằng và dân chủ.

Câu 25. Ý nghĩa thắng lợi của công cuộc chống đói?

A. Thể hiện trách nhiệm "vì dân" của chính quyền mới.

B. Làm cho nhân dân càng phấn khởi tin tưởng vào Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh.

C. Có điều kiện để đẩy mạnh phát triển sản xuất.

D. A và B đúng.

Câu 26. Biện pháp nào quan trọng nhất để chính quyền cách mạng kịp thời giải quyết khó khăn về tài chính sau Cách mạng tháng Tám?

A. Dựa vào lòng nhiệt tình yêu nước của nhân dân.

B. Chính phủ kí sắc lệnh phát hành tiền Việt Nam (31-1-1946).

C. Quốc hội quyết định cho lưu hành tiền Việt Nam trong cả nước (23-11-1941).

D. Tiết kiệm chi tiêu.

Câu 27. Chính sách nào do Chính phủ ban hành có thể thực hiện được ngay?

A. Tịch thu ruộng đất của đế quốc và Việt gian chia cho dân cày.

B. Chia lại ruộng đất công theo nguyên tắc công bằng và dân chủ.

C. Ra thông tư giảm tô.

D. Bãi bỏ thuế thân và các thứ thuế vô lý khác.

Câu 28. Chủ tịch Hồ Chí Minh kí sắc lệnh thành lập cơ quan Bình dân học vụ vào ngày tháng năm nào?

A. 7-3-1945. B. 8-9-1945. C. 9-9-1945. D. 10-9-1945.

Câu 29. Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi đồng bào thực hiện " Tuần lễ vàng" "Quỹ độc lập" nhằm mục đích gì?

A. Giải quyết khó khăn về tài chính của đất nước.

B. Quyên góp tiền, để xây dựng đất nước.

C. Quyên góp vàng, bạc để xây dựng đất nước.

D. Để hỗ trợ việc giải quyết nạn đói.

Câu 30. Chính phủ kí sắc lệnh phát hành tiền Việt Nam vào ngày tháng năm nào?

A. 28-1-1946. B. 29-1-1946. C. 30-1-1946. D. 31-1-1946.

Câu 31. Quốc hội quyết định cho lưu hành tiền Việt Nam trong cả nước ngày:

A. 23-11-1946. B. 24-11-1946. C. 25-11-1946. D. 26-11-1946.

Câu 32. Nhân dân ta đã vượt qua được những khó khăn to lớn, củng cố và tăng cường đấu tranh chống thù trong giặc ngoài. Đó là kết quả:

A. Những chủ trương và biện pháp để giải quyết nạn đói sau Cách mạng tháng Tám.

B. Những chủ trương và biện pháp để giải quyết nạn dốt sau Cách mạng tháng Tám.

C. Những chủ trương và biện pháp để giải quyết về tài chính sau Cách mạng tháng Tám.

D. Những chủ trương và biện pháp để giải quyết nạn đói, nạn dốt.

Câu 33. Ý nghĩa của những kết quả đạt được trong việc giải quyết nạn đói, nạn dốt và khó khăn về tài chính:

A. Thể hiện được bản chất, tính ưu việt của chế độ mới.

B. Cổ vũ động viên nhân dân ta quyết tâm bảo vệ chính quyền cách mạng, bảo vệ độc lập tự do vừa giành được.

C. Chuẩn bị về vật chất, tinh thần cho toàn dân tiến tới cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

D. A, B và C đúng.

Câu 34. Kẻ thù nào dọn đường tiếp tay cho thực dân Pháp quay trở lại xâm lược nước ta?

A. Bọn Việt quốc, Việt cách.

B. Đế quốc Anh.

C. Các lực lượng phản cách mạng trong nước.

D. Bọn Nhật đang còn tại Việt Nam.

Câu 35. Khi thực dân Pháp quay trở lại xâm lược nước ta mở đầu là cuộc chiến đấu của quân và dân ta ở đâu?

A. Sài Gòn - Chợ Lớn. B. Nam Bộ.

C. Trung Bộ. D. Bến Tre.

Câu 36. Lý do nào là quan trọng nhất để Đảng ta chủ trương khi thì tạm thời hoà hoãn với Tưởng để chống Pháp, khi thì hoà hoãn với Pháp để đuổi Tưởng?

A. Tưởng dùng bọn tay sai Việt quốc, Việt cách để phá ta từ bên trong.

B. Thực dân Pháp được sự giúp đỡ, hậu thuẫn của Anh.

C. Chính quyền của ta còn non trẻ, không thể một lúc chống 2 kẻ thù mạnh.

D. Tưởng có nhiều âm mưu chống phá cách mạng.

Câu 37. Bốn ghế Bộ trưởng trong Chính phủ liên hiệp mà Quốc hội nước ta đã nhường cho phái thân Tưởng đó những Bộ nào?

A. Ngoại giao, kinh tế, canh nông, xã hội. B. Ngoại giao, kinh tế, giáo dục, xã hội.

C. Ngoại giao, giáo dục, canh nông, xã hội. D. Kinh tế, giáo dục, canh nông, xã hội.

Câu 38. Lý do nào là cơ bản nhất để ta chủ trương hoà hoãn, nhân nhượng cho Tưởng một số quyền lợi về kinh tế và chính trị?

A. Ta chưa đủ sức đánh 2 vạn quân Tưởng.

B. Tưởng có bọn tay sai Việt quốc, Việt cách hỗ trợ từ bên trong.

C. Tránh trình trạng một lúc phải đối phó với nhiều kẻ thù.

D. Hạn chế việc Pháp và Tưởng cấu kết với nhau.

Câu 39. Tại sao ta chuyển từ chiến lược đánh Pháp sang chiến lược hoà hoãn nhân nhượng Pháp?

A. Vì Pháp được Anh hậu thuẫn.

B. Vì ta tránh tình trạng một lúc đối phó với nhiều kẻ thù.

C. Vì Pháp và Tưởng đã bắt tay cấu kết với nhau chống ta.

D. Vì Pháp được bọn phản động tay sai giúp đỡ.

Câu 40. Sự kiện nào sau đây là nguyên nhân làm cho Đảng ta thay đổi chiến lược từ hoà hoãn với Tưởng để chống Pháp sang hoà hoãn với Pháp để đuổi Tưởng?

A. Quốc hội khoá I (2-3-1946) nhường cho Tưởng một số ghế trong quốc hội.

B. Hiệp ước Hoa - Pháp (28-2-1946).

C. Hiệp định sơ bộ Việt - Pháp (6-3-1946).

D. Tạm ước Việt - Pháp (14-9-1946).

Câu 41. Vì sao ta kí với Pháp Hiệp định sơ bộ 6-3-1946?

A. Lực lượng ta còn yếu so với Pháp, tránh đụng độ nhiều kẻ thù một lúc.

B. Để nhanh chóng gạt 20 vạn quân Tưởng về nước.

C. Tranh thủ thời gian hoà hoãn củng cố và phát triển lực lượng cách mạng.

D. A, B và C đúng.

Câu 42. Nội dung đầu tiên của Hiệp định sơ bộ 6-3-1946 mà chính phủ ta kí với Pháp là gì?

A. Chính phủ Pháp công nhận nước ta là một nước độc lập, tự do nằm trong khối Liên hiệp Pháp.

B. Chính phủ Pháp công nhận nước VNDCCH là một quốc gia tự do, có chính phủ, nghị viện, quân đội và tài chính riêng nằm trong khối Liên hiệp Pháp.

C. Chính phủ Pháp công nhận nền độc lập, chủ quyền của Việt Nam.

D. Chính phủ Pháp công nhận nước VNDCCH là một quốc gia độc lập, có chính phủ riêng, quân đội riêng và nền tài chính riêng.

Câu 43. Việc kí Hiệp định sơ bộ 6-3-1946 chứng tỏ:

A. Sự mềm dẻo của ta trong việc phân hoá kẻ thù.

B. Đường lối chủ trương đúng đắn kịp thời của Đảng ta.

C. Sự thoả hiệp của Đảng ta và chính phủ ta.

D. Sự non yếu trong lãnh đạo của ta.

Câu 44. Điều khoản nào trong Hiệp định sơ bộ 6-3-1946 có lợi thực tế cho ta?

A. Pháp công nhận Việt Nam dân chủ cộng hoà là 1 quốc gia tự do.

B. Pháp công nhận ta có chính phủ, nghị viện, quân đội và tài chính riêng nằm trong khối Liên hiệp Pháp.

C. Chính phủ Việt Nam thoả thuận cho 15.000 quân Pháp vào miền Bắc thay quân Tưởng.

D. Hai bên thực hiện ngừng bắn ngay ở Nam Bộ.

Câu 45. Để đối phó với 2 kẻ thù Tưởng và Pháp, Đảng và Bác đã thực hiện nhiều chủ trương, biện pháp. Chủ trương biện pháp nào sau đây được xem là đau đớn nhất để cứu vãn tình hình?

A. Để tay sai Tưởng được tham gia quốc hội và chính trị.

B. Đảng Cộng sản Đông Dương tuyên bố giải tán (11-11-1945) sự thật là rút vào bí mật.

C. Nhận tiêu tiền "Quan kim" "Quốc tệ" của Tưởng.

D. Kí Hiệp định sơ bộ 6-3-1946, đồng ý cho Pháp ra miền Bắc thay thế Tưởng.

Câu 46. Nguyên nhân chủ yếu nào làm cho Hội nghị Phông-ten-nơ-blô (Pháp) không có kết quả?

A. Thực dân Pháp thực hiện âm mưu kéo dài chiến tranh xâm lược nước ta.

B. Thời gian đàm phán ngắn.

C. Ta chưa có kinh nghiệm trong đấu tranh ngoại giao.

D. Ta không có được sự ủng hộ của nhân dân thế giới.

Câu 47. Tạm ước 14-9-1946 ta nhân nhượng cho Pháp một số vấn đề gì?

A. Một số quyền lợi về kinh tế và văn hoá.

B. Chấp nhận cho Pháp đưa 15000 quân ra Bắc.

C. Một số quyền lợi về chính trị, quân sự.

D. Một số quyền lợi về kinh tế, quân sự.

Câu 48. Hãy nối các niên đại ở cột A phù hợp với sự kiện ở cột B

A	B
1. 6-1-1946	A. 20 vạn quân Tưởng kéo vào miền Bắc
2. 2-3-1946	B. Quốc hội khoá I họp phiên đầu tiên
3. Vĩ tuyến 16 trở ra	C. Hồ Chí Minh kí sắc lệnh thành lập Bình dân học vụ
4. 8-9-1945	D. Tổng tuyển cử trong cả nước
5. 6-3-1946	E. Chính phủ kí sắc lệnh phát hành tiền Việt Nam
6. 6-9-1945	F. Quốc hội quyết định cho lưu hành tiền Việt Nam
7. 31-1-1946	G. Tạm ước 14-9-1946
8. 23-11-1946	H. Hiệp định sơ bộ
9. 14-9-1946	I. Pháp quay lại xâm lược
10. 23-9-1945	K. Quân Anh đến Sài Gòn

Câu 49. Nguyên nhân dẫn đến sự bùng nổ cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp?

A. Hội nghị ở Phông-ten-blô không thành công.

B. Pháp đánh chiếm Hải Phòng (27- 11 - 1946); Pháp gây ra sự thảm sát ở Hà Nội (17 - 12 - 1946); Pháp gửi tối hậu thư (18 - 12 - 1946).

C. Pháp đã kiểm soát thủ đô Hà Nội.

D. Tất cả đều đúng.

Câu 50. Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp bắt đầu từ lúc nào?

A. Ngày 18 - 12 - 1946. B. Đêm 19 - 12 - 1946.

C. Đêm 20 - 12 - 1946. D. Ngày 22 - 12 - 1946.

Câu 51. Hiệu lệnh kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp nổ ra đầu tiên ở đâu?

A. Thái Bình. B. Hải Phòng. C. Hà Nội. D. Thanh Hoá.

Câu 52. Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp thể hiện trong các văn kiện lịch sử nào?

A. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh (19 - 12 - 1946).

B. Chỉ thị "Toàn dân kháng chiến" của ban thường vụ TW Đảng (22 - 12 - 1946).

C. Tác phẩm "Kháng chiến nhất định thắng lợi" của Trường Chinh.

D. Tất cả các văn kiện trên.

Câu 53. Trong cuộc chiến đấu ở các đô thị, thành phố nào kìm chân địch lâu nhất?

A. Hải Phòng, Đà Nẵng. B. Hải Phòng, Huế, Nam Định.

C. Hà Nội. D. Vinh.

Câu 54. Cuộc chiến đấu ở các đô thị diễn ra trong khoảng thời gian nào?

A. Từ 19 - 12 - 1946 đến 2 - 1947. B. Từ 19 - 12 - 1946 đến 10 - 1947.

C. Từ 19 - 12 - 1946 đến 12 - 1947. D. Từ 19 - 12 - 1946 đến 8 - 1950.

Câu 55. Vì sao ta phải thực hiện đường lối kháng chiến lâu dài?

A. Ta cần có thời gian để chuẩn bị lực lượng.

B. Từ đầu của cuộc kháng chiến ta yếu hơn địch.

C. Hậu phương của ta chưa vững mạnh.

D. Tất cả các lý do trên.

Câu 56. Chiến dịch Việt Bắc diễn ra trong thời gian nào?

A. Từ 7 - 11 đến 19 - 12 - 1947. B. Từ 7 - 10 đến 19 - 12 - 1947.

C. Từ 7 - 10 đến 20 - 12 - 1947. D. Từ 16 - 8 đến 19 - 12 - 1947.

Câu 57. Cánh quân đầu tiên Pháp tấn công lên Việt Bắc là cánh quân nào?

A. Một bộ phận nhảy dù xuống thị xã Bắc Cạn.

B. Một binh đoàn lính thủy từ Hà Nội dọc theo sông Hồng, sông Lô lên Thái Nguyên rồi vòng về Bắc Cạn.

C. Một bộ phận từ Lạng Sơn đến Cao Bằng rồi vòng về Bắc Cạn.

D. Một bộ phận từ Thái Nguyên đánh lên Bắc cạn.

Câu 58. Điền các địa danh trong chiến dịch Việt Bắc vào chỗ trống trong câu sau đây: "Trên sông Lô, quân và dân ta phục kích tại................".

A. Khoan Bộ, Bông Lau. B. Khoan Bộ, Đoan Hùng, Bông Lau.

C. Khoan Bộ, Đoan Hùng, Khe Lau. D. Đoan Hùng, Bông Lau, Khe Lau.

Câu 59. Chiến dịch Việt Bắc thu đông 1947 là chiến dịch ta chủ động tấn công địch, đúng hay sai?

A. Đúng. B. Sai.

Câu 60. Từ sau chiến dịch Việt Bắc thu đông 1947, Pháp tăng cường thực hiện chính sách gì ở Việt Nam?

A. "Mở rộng địa bàn chiếm đóng khắp cả nước".

B. "Phòng ngự đồng bằng Bắc Bộ".

C. "Dùng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh".

D. "Tập trung quân Âu Phi, mở cuộc tấn công lên Việt Bắc lần thứ hai".

Câu 61. Trong những năm 1947 - 1948, Đảng và Chính phủ ta đã có chủ trương gì để đối phó với những âm mưu và hành động của thực dân Pháp?

A. Mở các cuộc tấn công đánh địch trên các mặt trận chính diện.

B. Phát động chiến tranh du kích rộng rãi ở các vùng tạm chiếm.

C. Tạm thời rút vào hoạt động bí mật.

D. Câu B và C đúng.

Câu 62. Cuộc biểu tình khổng lồ của 300.000 đồng bào ở Sài Gòn diễn ra vào thời gian nào?

A. 9-1-1950. B.15-2-1950. C. 19-3-1950. D. 16-8-1950.

Câu 63. Việc hoàn thành cơ bản thống nhất hai mặt trận Việt Minh và Liên Việt vào thời gian nào?

A. Năm 1948. B. Năm 1949. C. Năm 1950. D. Năm 1951.

Câu 64. Chủ trương cơ bản nhất của Đảng và Chính phủ trong những năm 1948 - 1950 trên lĩnh vực kinh tế là gì?

A. Phát động phong trào thi đua ái quốc, đẩy mạnh sản xuất.

B. Xây dựng kinh tế kháng chiến, tự cấp tự túc.

C. Bảo vệ mùa màng.

D. Câu A và B đúng.

Câu 65. Hãy điền những thời gian vào chỗ trống ở các câu sau đây cho thích hợp:

A.................... Cách mạng Trung Quốc thành công, nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ra đời.

B.................... Các nước XHCN lần lượt công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với ta.

C. .... Uỷ ban dân tộc giải phóng Cam-pu-chia thành lập.

D. .... Chính phủ kháng chiến Lào ra đời.

Câu 66. Hai hệ thống phòng ngự mà Pháp thiết lập ở Việt Nam năm 1950 là:

A. Tăng cường hệ thống phòng ngự trên đường số 4 và thiết lập "hành lang Đông Tây" (Hải Phòng, Hà Nội, Hoà Bình, Sơn La).

B. Xây dựng hệ thống phòng ngự ở đồng bằng Bắc Bộ và Trung du.

C. Lập phòng tuyến "boong ke" và vành đai trắng" xung quanh Trung du và đồng bằng Bắc Bộ.

D. Tất cả đều sai.

Câu 67. ***- Tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch.***

- Khai thông biên giới Việt - Trung.

- Củng cố và mở rộng căn cứ địa Việt - Bắc.

Đó là 3 mục đích trong chiến dịch nào của ta?

A. Chiến dịch Việt Bắc thu đông 1947.

B. Chiến dịch Biên giới thu đông 1950.

C. Chiến dịch Hoà Bình - Tây Bắc - Thượng Lào.

D. Câu a và b đúng.

Câu 68. Chiến dịch Biên giới thu đông 1950 là chiến dịch thực dân Pháp chủ động đánh ta để thực hiện âm mưu tấn công lên Việt Bắc lần hai, đúng hay sai?

A. Đúng. B. Sai.

Câu 69. Khẩu hiệu nào dưới đây được nêu ra trong chiến dịch Biên giới thu đông 1950?

A. "Phải phá tan cuộc tấn công vào mùa đông của giặc Pháp lên Việt Bắc"

B. "Tất cả để đánh thắng giặc Pháp xâm lược".

C. "Tất cả cho chiến dịch được toàn thắng!"

D. "Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để đánh thắng".

Câu 70. Từ lúc bùng nổ đến khi kết thúc chiến dịch Biên giới thu - đông 1950, thời gian nào dưới đây là đúng?

A. 16 - 9 - 1950 đến 22 - 10 - 1950. B. 16 - 8 - 1950 đến 20 - 10 - 1950.

C. 16 - 8 - 1950 đến 22 - 10 - 1950. D. 18 - 9 - 1950 đến 20 - 10 - 1950.

Câu 71. Trận đánh nào có tính chất quyết định trong chiến dịch Biên giới thu đông 1950?

A. Trận đánh ở Cao Bằng. B. Trận đánh ở Đông Khê.

C. Trận đánh ở Thất Khê. D. Trận đánh ở Đình Lập.

Câu 72. Kết quả lớn nhất mà quân dân ta giành được thắng lợi trong chiến dịch Biên giới thu - đông 1950 là:

A. Ta đã giành thế chủ động trên chiến trường chính (Bắc Bộ).

B. Tiêu diệt và bắt 8.300 tên địch, thu trên 3.000 tấn vũ khí và phương tiện chiến tranh.

C. Giải phóng dải biên giới Việt - Trung với chiều dài 750km từ Cao Bằng đến Đình Lập.

D. Bộ đội ta đã phát triển với ba thứ quân.

Câu 73. Điền các sự kiện cho phù hợp với thời gian đã cho sẵn sau đây:

Niên đại	*Sự kiện*
1- 7 - 10 - 1947	A..
2- 9 - 10 - 1947	B. ....
3- 15 - 10 - 1947	C..
4- 19 - 12 - 1947	D..

Câu 74. Điền vào chỗ trống trong các câu sau đây cho đúng:

A. Theo kế hoạch của Pháp, Bắc Cạn là điểm gặp nhau giữa .... để tạo nên gọng kìm toàn bộ mặt sau Việt Bắc.

B. Theo kế hoạch của Pháp, Đại Thi là điểm gặp nhau giữa ....

C. Thu - đông 1947, quân Pháp bị tiêu hao nhiều sinh lực ở ....

Câu 75. Hành động nghiêm trọng trắng trợn nhất thể hiện thực dân Pháp đã bội ước tiến công ta?

A. Ở Nam Bộ và Trung Bộ, Pháp tập trung quân tiến công các cơ sở cách mạng.

B. Ở Bắc Bộ thực dân Pháp đánh chiếm Hải Phòng, Lạng Sơn.

C. Ở Hà Nội, thực dân Pháp liên tiếp gây những cuộc xung đột vũ trang.

D. Gửi tối hậu thư đòi chính phủ hạ vũ khí đầu hàng.

Câu 76. Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến vào thời điểm nào?

A. Sáng 19-12-1946. B. Trưa 19-12-1946.

C. Chiều 19-12-1946. D. Tối 19-12-1946.

Câu 77. Vạch rõ nguyên nhân gây ra cuộc chiến tranh này là do chính sách xâm lược của thực dân Pháp, chính nghĩa thuộc về nhân dân ta, nên quyết tâm chiến đấu của nhân dân ta là để bảo vệ độc lập và chính quyền giành được. Nêu lên tính chất của cuộc kháng chiến, khẳng định niềm tin của dân tộc, đó là nội dung của văn kiện nào?

A. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh (19-12-1946).
B. Bản chỉ thị toàn quốc kháng chiến của Ban thường vụ TW Đảng.
C. Tác phẩm "Kháng chiến nhất định thắng lợi" của Trường Chinh.
D. A và B đúng.

Câu 78. Văn kiện nào trình bày đầy đủ nhất đường lối kháng chiến chống Pháp của Đảng ta?
A. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh.
B. Bản chỉ thị toàn quốc kháng chiến của Ban thường vụ TW Đảng.
C. Tác phẩm "kháng chiến nhất định thắng lợi" của Trường Chinh.
D. A và B đúng.

Câu 79. Đường lối kháng chiến của Đảng ta là gì?
A. Kháng chiến toàn diện.
B. Kháng chiến dựa vào sức mình và tranh thủ sự ủng hộ từ bên ngoài.
C. Phải liên kết với cuộc kháng chiến của Lào và Cam-pu-chia.
D. Toàn dân, toàn diện, trường kì và dựa vào sức mình là chính.

Câu 80. Tính chất chính nghĩa của cuộc kháng chiến biểu hiện ở điểm nào?
A. Nội dung của đường lối kháng chiến của ta.
B. Mục đích cuộc khởi nghĩa của ta là chính nghĩa.
C. Quyết tâm kháng chiến của toàn thể dân tộc ta.
D. Chủ trương sách lược của Đảng ta.

Câu 81. Tính chất nhân dân của cuộc kháng chiến của ta biểu hiện ở điểm nào?
A. Nội dung kháng chiến toàn dân của Đảng ta.
B. Mục đích kháng chiến của Đảng ta.
C. Quyết tâm kháng chiến của toàn thể dân tộc ta.
D. Đường lối kháng chiến của Đảng ta.

Câu 82. Đường lối kháng chiến toàn diện của ta diễn ra trên các mặt trận: Quân sự, chính trị, kinh tế, ngoại giao. Vậy chủ yếu là quyết định của mặt trận nào?
A. Quân sự. B. Chịnh trị. C. Kinh tế. D. Ngoại giao.

Câu 83. Tác phẩm "Kháng chiến nhất định thắng lợi" là của ai?
A. Chủ tịch Hồ Chí Minh. B. Trường Chinh.
C. Phạm Văn Đồng. D. Võ Nguyên Giáp.

Câu 84. Nơi nào hưởng ứng "Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến" của Chủ tịch Hồ Chí Minh đầu tiên?
A. Hà Nội. B. Nam Định. C. Huế. D. Sài Gòn.

Câu 85. Trung đoàn thủ đô được lệnh rút khỏi Hà Nội ngày nào?
A. 15-2-1947. B. 16-2-1947. C. 17-2-1947. D. 18-2-1947.

Câu 86. Mục đích của cuộc chiến đấu của quân dân ta trong giai đoạn mở đầu cuộc kháng chiến toàn quốc (cuối năm 1946 đầu 1947) là gì?
A. Để vây hãm địch, đảm bảo cho việc chuyển quân của ta.
B. Ta chủ động tiến công, bao vây, giam chân tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch.
C. Để hậu phương kịp thời huy động lực lượng kháng chiến.
D. A và B đúng.

Câu 87. Ý nghĩa của cuộc chiến đấu của quân dân ta trong giai đoạn mở đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc (cuối năm 1946 đầu 1947)?

A. Đảm bảo an toàn cho việc chuyển quân của ta.

B. Giam chân địch trong các đô thị, tiêu hao nhiều sinh lực địch.

C. Đã tạo ra thế trận chiến tranh nhân dân, chuẩn bị cho cuộc chiến lâu dài, toàn dân toàn diện.

D. Tạo ra thế trận mới, đưa cuộc chiến đấu bước sang giai đoạn mới.

Câu 88. Trong thời kì đầu kháng chiến chống Pháp, thành phố nào đã kìm được chân địch lâu nhất?

A. Hà Nội. B. Nam Định. C. Huế. D. Đà Nẵng.

Câu 89. Ta đã làm gì để tích cực chuẩn bị cho cuộc chiến đấu lâu dài gì?

A. Thực hiện một cuộc tổng di chuyển (cơ quan, máy móc...).

B. Tiến hành "tiêu thổ để kháng chiến".

C. Xây dựng lực lượng về mọi mặt (chính trị, quân sự, kinh tế, văn hoá).

D. A, B và C đúng.

Câu 90. Vì sao Pháp mở cuộc tấn công lên Việt Bắc?

A. Phá căn cứ địa chính của cả nước, tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến của ta, khoá chặt biên giới Việt - Trung.

B. Phá hậu phương kháng chiến, triệt phá đường tiếp tế.

C. Giành thắng lợi quân sự quyết định, kết thúc nhanh chiến tranh.

D. Câu A, B, C đúng.

Câu 91. Thực dân Pháp huy động 12.000 quân tinh nhuệ và hầu hết máy bay ở Đông Dương, chia thành 3 cánh, mở cuộc tiến công:

A. Bắc Cạn. B. Lạng Sơn. C. Cao Bằng. D. Việt Bắc.

Câu 92. Địch tấn công lên Việt Bắc vào ngày nào?

A. 7-10-1947. B. 8-10-1947. C. 9-10-1947. D. 10-10-1947.

Câu 93. "Ở hướng đông, quân ta phục kích chặn đánh địch nhiều trận trên đường số 4, cản bước tiến của chúng, tiêu biểu là trận đánh phục kích đường...."

A. Bản Sao, đèo Bông Lau. B. Chợ Mới, chợ Đồn.

C. Đoan Hùng, Khe Lau. D. Chiêm Hoá, Tuyên Quang.

Câu 94. Chiến dịch Việt Bắc kết thúc ngày nào?

A. 17-12-1947. B. 18-12-1947. C. 19-12-1947. D. 20-12-1947.

Câu 95. Cuộc tiến công Việt Bắc của địch 1947 diễn ra trong mấy ngày?

A. 55 ngày đêm. B. 65 ngày đêm. C. 75 ngày đêm. D. 85 ngày đêm.

Câu 96. Kết quả lớn nhất của quân và dân ta đạt được trong chiến dịch Việt Bắc là gì?

A. Bảo vệ được cơ quan đầu não kháng chiến của ta.

B. Bộ đội của ta được trưởng thành lên trong chiến đấu.

C. Loại khỏi vòng chiến đấu 6000 tên địch.

D. Làm thất bại âm mưu "đánh nhanh thắng nhanh" buộc địch phải chuyển sang đánh lâu dài với ta.

Câu 97. Thắng lợi đó đã chứng minh sự đúng đắn của đường lối kháng chiến của Đảng, là mốc khởi đầu sự thay đổi trong so sánh lực lượng có lợi cho cuộc kháng chiến của ta. Đó là ý nghĩa của chiến dịch nào?

A. Chiến dịch Việt Bắc 1947. B. Chiến dịch Biên Giới 1950.

C. Chiến dịch Tây Bắc 1952. D. Chiến dịch Điện Biên Phủ 1954.

Câu 98. Sau thắng lợi quân sự ở Việt Bắc (1947) thắng lợi tiếp theo có ý nghĩa to lớn đó là:

A. Thắng lợi về kinh tế - chính trị.

B. Thắng lợi về chính trị - ngoại giao.

C. Thắng lợi về ngoại giao - văn hoá giáo dục.

D. Thắng lợi về kinh tế - ngoại giao.

Câu 99. Chủ trương cải cách giáo dục phổ thông đầu tiên được chính phủ ban hành vào thời gian nào?

A. 5-1950. B. 6-1950. C. 7-1950. D. 8-1950.

Câu 100. Nước đầu tiên công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với chính phủ Việt Nam?

A. Liên Xô. B. Trung Quốc. C. Lào. D. Cam-pu-chia.

Câu 101. Nối niên đại ở cột A với sự kiện ở cột B

A	B
1. 17-2-1947	A. Pháp gửi tối hậu thư cho chính phủ ta.
2. 7-10-1947	B. Trung đoàn thủ đô được thành lập.
3. 20-11-1946	C. Bác Hồ ra lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.
4. 19-12-1946	D. Địch tấn công Việt Bắc.
5. 19-12-1947	E. Chiến dịch Việt Bắc chấm dứt.
6. Tối 19-12-1946	F. Pháp đánh chiếm Hải Phòng, Lạng Sơn.
7. 14-1-1950	G. Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố sẵn sàng đặt quan hệ ngoại giao với các nước.
8. 7-1950	
	H. Chủ tịch Hồ Chí Minh đề ra chủ trương cải cách giáo dục.

Câu 102. "Gấp rút tập trung quân Âu - Phi, xây dựng lực lượng cơ động chiến lược mạnh, ra sức phát triển ngụy quân". Đó là một trong bốn điểm chính của kế hoạch nào?

A. Rơ-ve. B. Na - va.

C. Đờ - lat đơ Tát - xi- nhi. D. Đờ - cát - Tơ - ri.

Câu 103. Đại hội đại biểu toàn quốc lần II của Đảng họp vào thời gian nào? Ở đâu?

A. Từ 09 đến 19 - 2 - 1951. Tại Bắc Pó (Cao Bằng).

B. Từ 10 đến 20 - 2 - 1951. Tại Hà Nội.

C. Từ 10 đến 19 - 5 - 1951. Tại Tân Trào (Tuyên Quang).

D. Từ 11 đến 19 - 2 - 1951. Tại Chiêm Hóa (Tuyên Quang).

Câu 104. "Tiêu diệt thực dân Pháp và đánh bại bọn can thiệp Mĩ, giành thống nhất, độc lập hoàn toàn, bảo vệ hòa bình thế giới". Đó là nhiệm vụ được nêu ra trong văn kiện nào?

A. Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Trung ương Đảng do Chủ tịch Hồ Chí Minh trình bày.

B. Báo cáo "Bàn về cách mạng Việt Nam" do Tổng Bí thư Trường Chinh trình bày.

C. Tuyên ngôn của Đảng.

D. Chính cương và Điều lệ mới của Đảng.

Câu 105. Đại hội lần thứ II của Đảng đã nêu rõ lực lượng của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân gồm các thành phần nào?

A. Công nhân, nông dân, tiểu tư sản.

B. Công nhân, nông dân, tiểu tư sản, tư sản dân tộc.

C. Công nhân, nông dân.

D. Công nhân, nông dân, tiểu tư sản, tiểu tư sản dân tộc và địa chủ.

Câu 106. Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng lần II quyết định đổi tên Đảng thành:

A. Đảng Cộng sản Đông Dương. B. Đảng Lao động Việt Nam.

C. Đảng Cộng sản Việt Nam. D. Tất cả cùng đúng.

Câu 107. Vì sao Đại hội lần II của Đảng đánh dấu một mốc quan trọng trong qúa trình lãnh đạo và trưởng thành của Đảng ta?

A. Đưa Đảng tiếp tục hoạt động cách mạng.

B. Đảng ta tiếp tục lãnh đạo cuộc kháng chiến.

C. Đảng ta đã hoạt động công khai.

D. Đưa Đảng ra hoạt động công khai và đổi tên Đảng thành Đảng Lao động Việt Nam.

Câu 108. Mặt trận Liên Việt ra đời vào thời gian nào?

A. 19-2-1950. B. 5-6-1951. C. 3-3-1951. D. 3-6-1951.

Câu 109. Trong 7 anh hùng được chọn để biểu dương trong phong trào thi đua Ái quốc (1-5-1952), có anh hùng nào tham gia trong chiến dịch Biên giới thu - đông 1950?

A. Cù Chính Lan, Trần Đại Nghĩa. B. La Văn Cầu.

C. Nguyễn Thị Chiên, Nguyễn Quốc Trị. D. Ngô Gia Khảm, Hoàng Hanh.

Câu 110. Để thực hiện bồi dưỡng sức dân, nhất là nông dân, năm 1953 Đảng và Chính phủ có chủ trương gì?

A. Triệt để giảm tô, thực hiện giảm tức và cải cách ruộng đất.

B. Thực hiện khai hoang với khẩu hiệu "Tấc đất tấc vàng".

C. Thực hành tiết kiệm.

D. Tất cả các chủ trương trên.

Câu 111. Từ cuối năm 1950 đến giữa năm 1951, quân ta liên tiếp mở các chiến dịch đánh địch ở Trung du và đồng bằng, đó là những chiến dịch nào?

A. Chiến dịch Trung du, chiến dịch Đường số 18 và chiến dịch Hoà Bình.

B. Chiến dịch Trung du, chiến dịch Tây Bắc, chiến dịch Đường số 18.

C. Chiến dịch Trung du, chiến dịch Đường số 18, và chiến dịch Hà - Nam - Ninh.

D. Chiến dịch Đường số 18, chiến dịch Hà Nam Ninh.

Câu 112. Chiến dịch Hòa Bình diễn ra và kết thúc trong thời gian nào?

A. Từ tháng 11 - 1950 đến tháng 2 - 1951.

B. Từ tháng 11 - 1951 đến tháng 2 - 1952.

C. Từ tháng 11 - 1951 đến tháng 2 - 1953.

D. Từ tháng 11 - 1951 đến tháng 10 - 1952.

Câu 113. Trong chiến dịch Tây Bắc, quân ta đã giải phóng được các tỉnh nào?

A. Toàn bộ tỉnh Nghĩa Lộ, gần hết tỉnh Sơn La và một phần tỉnh Lai Châu.

B. Gần hết tỉnh Nghĩa Lộ, toàn bộ tỉnh Sơn La và một phần tỉnh Lai Châu.

C. Gần hết tỉnh Lai Châu, một phần tỉnh Nghĩa Lộ và Sơn La.

D. Gần hết các tỉnh Nghĩa Lộ, Sơn La, Lai Châu.

Câu 114. Trong chiến dịch Thượng Lào, quân dân Việt - Lào đã giải phóng:

A. Toàn bộ tỉnh Xiêng Khoảng, một phần tỉnh Sầm Nưa và Phong xa lì.

B. Toàn bộ tỉnh Phong xa lì, gần hết tỉnh Sầm Nưa và Xiêng Khoảng.

C. Toàn bộ tỉnh Sầm Nưa, một phần tỉnh Xiêng Khoảng và Phong xa lì.

D. Toàn bộ tỉnh Sầm Nưa, gần hết tỉnh Xiêng Khoảng và một phần tỉnh Phong xa lì.

Câu 115. Điền các niên đại vào các chiến dịch sau:

A. .... Chiến dịch Trung du.

B. ....Chiến dịch Đường số 18.

C. ....Chiến dịch Hà Nam Ninh.

D. ....Chiến dịch Hòa Bình.

E. ....Chiến dịch Tây Bắc.

F. ....Chiến dịch Thượng Lào.

Câu 116. Người anh hùng dân tộc Trần Hưng Đạo được đặt tên cho chiến dịch nào?

A. Chiến dịch Đường số 18. B. Chiến dịch Hà Nam Ninh.

C. Chiến dịch Hòa Bình. D. Chiến dịch Trung du.

Câu 117. Lực lượng vũ trang của ta ngày càng lớn mạnh với ba thứ quân: Bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích, trong thời gian nào?

A. Từ sau chiến dịch Biên giới thu - đông 1950 đến 1951 - 1953.

B. Từ sau chiến dịch Việt Bắc thu - đông 1947 đến 1953.

C. Từ những năm 1953 - 1954.

D. Câu A và B đúng.

Câu 118. Hãy cho biết tên của Đảng ta qua các thời kì cách mạng theo bảng kê sau đây.

Thời gian	*Tên Đảng ta*
2 - 3 - 1930	A.
2 - 10 - 1930	B.
3 - 2 - 1951	C.

Câu 119. Hãy nối sự kiện ở cột B cho phù hợp với thời gian ở cột A sau đây:

A	*B*
1 - 2 - 1951	A. Đại hội anh hùng và chiến sĩ thi đua toàn quốc.
2 - 3 - 1951	B. Đại hội thống nhất mặt trận Việt Minh và Liên Việt.
3 - 5 - 1952	C. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II.

Câu 120. Nối danh hiệu ở cột A cho phù hợp với những người được biểu dương ở Đại hội anh hùng và chiến sĩ thi đua toàn quốc ở cột B.

A	B
1. Anh hùng lực lượng vũ trang.	A. Ngô Gia Khảm
2. Anh hùng công nhân.	B. Cù Chính Lan, La Văn Cầu, Nguyễn Quốc Trị, Nguyễn Thị Chiên
3. Anh hùng nông dân.	C. Trần Đại Nghĩa
4. Anh hùng trí thức.	D. Hoàng Hanh

Câu 121. Sau khi chiến dịch Biên giới thu - đông 1950, quân dân ta giành những thắng lợi trên mặt trận quân sự. Hãy cho biết chiến dịch nào là thắng lợi lớn nhất?

A. Chiến dịch Trung du (Trần Hưng Đạo).

B. Chiến dịch đường số 18 (Hoàng Hoa Thám).

C. Chiến dịch Hà - Nam - Ninh (Quang Trung).

D. Chiến dịch Hòa Bình.

E. Chiến dịch Tây Bắc.

F. Chiến dịch Thượng Lào.

Câu 122. Bước vào Thu - Đông 1950, tình hình thế giới và Đông Dương có ảnh hưởng gì đến cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta?

A. Thắng lợi của cách mạng Trung Quốc 1-10-1949. Trung Quốc, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa đặt quan hệ ngoại giao với Việt Nam.

B. Cuộc kháng chiến của Lào và Cam-pu-chia phát triển mạnh.

C. Pháp lệ thuộc Mĩ, Đế quốc Mĩ can thiệp sâu vào chiến tranh Đông Dương.

D. Cả 3 ý trên đúng.

Câu 123. Đến đầu 1950, cuộc kháng chiến của ta có nhiều thuận lợi, thuận lợi nào có liên quan nhiều nhất đối với chiến dịch Biên giới?

A. 1-10-1949 nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa ra đời.

B. Đầu 1950, Trung Quốc, Liên Xô và một số nước xã hội chủ nghĩa công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với ta.

C. Phong trào phản đối chiến tranh xâm lược Đông Dương của thực dân Pháp lên cao.

D. Cuộc kháng chiến của Lào và Cam-pu-chia phát triển mạnh.

Câu 124. Yếu tố nào sau đây là mối lo sợ nhất mà Pháp - Mĩ thực hiện âm mưu "khoá cửa biên giới Việt - Trung" thiết lập "Hành lang Đông-Tây" chuẩn bị kế hoạch tấn công Việt Bắc lần thứ hai?

A. 1-10-1949 Cách mạng Trung Quốc thành công, nước cộng hoà nhân dân Trung Hoa ra đời.

B. Cuộc kháng chiến của nhân dân Lào và Cam-pu-chia phát triển mạnh.

C. Phong trào phản đối chiến tranh Đông Dương của nhân dân Pháp lên cao.

D. Mĩ càng ngày can thiệp sâu và "dính líu trực tiếp" vào cuộc chiến tranh Đông Dương.

Câu 125. Năm 1950 thực dân Pháp thực hiện kế hoạch Rơ-ve nhằm mục đích gì?

A. Mở một cuộc tiến công quy mô lớn vào căn cứ địa Việt Bắc.

B. Cô lập căn cứ địa Việt Bắc.

C. Khoá cửa biên giới Việt - Trung, thiết lập hành lang Đông Tây (từ Hải Phòng đến Sơn La).

D. Nhận được viện trợ về tài chính và quân sự của Mĩ.

Câu 126. Vì sao ta mở chiến dịch Biên giới 1950?

A. Tạo điều kiện để thúc đẩy cuộc khởi nghĩa của ta tiến lên một bước.

B. Khai thông biên giới, con đường liên lạc quốc tế giữa ta và Trung Quốc với các nước dân chủ thế giới.

C. Tiêu diệt một bộ phận lực lượng địch, khai thông biên giới Việt - Trung, mở rộng và củng cố căn cứ địa cách mạng.

D. Để đánh bại kế hoạch Rơ-ve.

Câu 127. Sau thất bại ở chiến dịch Việt Bắc (1947) thực dân Pháp quyết định mở chiến dịch Biên giới để cô lập căn cứ địa Việt Bắc đúng hay sai?

A. Đúng B. Sai

Câu 128. Chiến dịch Biên giới nổ ra vào thời gian nào?

A. 15-9-1950 B. 16-9-1950 C. 17-9-1950 D. 18-9-1950

Câu 129. Trong chiến dịch Biên giới, trận đánh nào ác liệt và có ý nghĩa nhất?

A. Đông Khê.

B. Thất Khê.

C. Phục kích đánh địch trên đường số 4.

D. Phục kích đánh địch từ Cao Bằng rút chạy.

Câu 130. Kết quả lớn nhất của ta trong chiến dịch Biên giới 1950 là gì?

A. Loại khỏi vòng chiến đấu hơn 8000 quân địch.

B. Giải phóng vùng biên giới Việt - Trung dài 750km từ Cao Bằng đến Đình Lập với 35 vạn dân.

C. Bảo vệ căn cứ địa Việt Bắc.

D. Kế hoạch Rơ-ve của Pháp bị phá sản.

Câu 131. Thắng lợi này chứng minh sự trưởng thành của quân đội ta và cuộc kháng chiến từ thế phòng ngự sang thế tiến công. Đó là ý nghĩa lịch sử của chiến dịch nào?

A. Chiến dịch Việt Bắc 1947. B. Chiến dịch Biên giới 1950.

C. Chiến dịch Tây Bắc 1952. D. Chiến dịch Điện Biên Phủ 1954.

Câu 132. Sau thất bại trong chiến dịch Biên giới, Pháp có âm mưu gì mới?

A. Nhận thêm viện trợ của Mĩ, tăng viện binh.

B. Đẩy mạnh chiến tranh, giành lại quyền chủ động chiến lược đã mất.

C. Bình định mở rộng địa bàn chiếm đóng.

D. Bình định kết hợp phản công và tiến công lực lượng cách mạng.

Câu 133. "Kế hoạch Đờ - lát đờ Tát-xi-nhi" 12-1950 ra đời là kết quả của:

A. Sự cấu kết giữa Pháp và Mĩ trong việc đẩy mạnh hơn nữa chiến tranh xâm lược Đông Dương.

B. Sự can thiệp ngày càng sâu của Mĩ vào chiến tranh xâm lược Đông Dương.

C. Sự "dính líu trực tiếp" của Mĩ vào cuộc chiến tranh Đông Dương.

D. Sự cứu vãn tình thế sa lầy trên chiến trường của Pháp.

Câu 134. "Hiệp định phòng thủ chung Đông Dương" ngày 23-12-1950 được kí kết giữa:

A. Pháp và Nhật. B. Pháp - Tưởng Giới Thạch.

C. Mĩ và Pháp. D. Mĩ và Nhật.

Câu 135. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II (2-1951) họp tại đâu?

A. Hương cảng (Trung Quốc). B. Ma cao (Trung Quốc).

C. Pắc Bó (Cao Bằng). D. Chiêm Hoá (Tuyên Quang).

Câu 136. Lúc nào Đảng ta có quyết định tạm thời rút vào hoạt động bí mật?

A. 1930. B. 1936. C. 1945. D. 1951.

Câu 137. Lúc nào Đảng ra hoạt động công khai?

A. 1936. B. 1939. C. 1945. D. 1951.

Câu 138. Nhiệm vụ chủ yếu trước mắt của cách mạng Việt Nam trong Báo cáo chính trị do Chủ tịch Hồ Chí Minh trình bày tại Đại hội Đảng lần thứ II là gì?

A. Đánh đổ đế quốc phong kiến, làm cách mạng dân tộc dân chủ.

B. Đánh đổ thực dân Pháp giành độc lập dân tộc.

C. Tiêu diệt thực dân Pháp và đánh bại bọn can thiệp Mĩ, giành thống nhất độc lập hoàn toàn, bảo vệ hoà bình thế giới.

D. Đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của Pháp có đế quốc Mĩ giúp sức.

Câu 139. Ai được bầu làm Tổng bí thư của Đảng tại Đại hội Đảng lần thứ II?

A. Hồ Chí Minh. B. Phạm Văn Đồng.

C. Trường Chinh. D. Trần Phú.

Câu 140. Đại hội lần thứ II của Đảng chứng tỏ điều gì?

A. Đảng ta ngày càng được tôi luyện và trưởng thành.

B. Mối quan hệ giữa Đảng và quần chúng được củng cố.

C. Niềm tin của quần chúng nhân dân với Đảng được nâng cao.

D. Câu A và B đúng.

Câu 141. Là mốc đánh dấu bước trưởng thành của Đảng trong quá trình lãnh đạo, đánh dấu bước phát triển mới của cuộc kháng chiến chống Pháp, là "Đại hội kháng chiến thắng lợi". Đó là ý nghĩa của:

A. Hội nghị thành lập Đảng (3-2-1930).

B. Hội nghị lần thứ nhất của Đảng (10-1930).

C. Đại hội lần thứ I của Đảng (1935).

D. Đại hội lần thứ II của Đảng (2-1951).

Câu 142. Ngày 11-3-1951 Hội nghị đại biểu của nhân dân ba nước Đông Dương đã thành lập tổ chức nào?

A. Liên minh Việt - Miên - Lào. B. Mặt trận Việt - Miên - Lào.

C. Liên minh nhân dân Việt - Miên - Lào. D. Mặt trận thống nhất Việt - Miên - Lào.

Câu 143. Để bồi dưỡng sức dân trước hết là nông dân, đầu 1953 Đảng và Chính phủ đã có chủ trương gì?

A. Chấn chỉnh chế độ thuế khoá.

B. Cuộc vận động lao động sản xuất, thực hành tiết kiệm.

C. Xây dựng nền tài chính, ngân hàng, thương nghiệp.

D. Phát động quần chúng triệt để giảm tô và cải cách ruộng đất.

Câu 144. Tháng 11-1953 Hội nghị toàn quốc của Đảng thông qua vấn đề gì?

A. Cương lĩnh ruộng đất.

B. Luật cải cách ruộng đất.

C. Quyết định cải cách ruộng đất ở vùng tự do.

D. Thực hiện giảm tô và đợt 1 cải cách ruộng đất.

Câu 145. Từ tháng 4-1953 đến tháng 7-1954 ta đã thực hiện tất cả:

A. 4 đợt giảm tô và 1 đợt cải cách ruộng đất. B. 5 đợt giảm tô.

C. 5 đợt giảm tô và 1 đợt cải cách ruộng đất. D. 4 đợt giảm tô.

Câu 146. Từ năm 1951 đến 1952, về chính trị có sự kiện gì quan trọng nhất?

A. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II (2-1951).

B. Đại hội thống nhất Việt minh - Liên Việt (3-3-1951).

C. Hội nghị thành lập "liên minh nhân dânViệt - Miên - Lào".

D. Đại hội anh hùng và chiến sĩ thi đua toàn quốc lần thứ I (1-5-1952).

Câu 147. Trong kháng chiến chống Pháp trên mặt trận kinh tế Đảng và Chính phủ đã đề ra 1 cuộc vận động lớn về sản xuất và tiết kiệm được diễn ra trong thời gian nào?

A. 1951. B. 1952. C. 1953. D. 1954.

Câu 148. Đại hội tổng kết, biểu dương thành tích thi đua yêu nước đã chọn được:

A. 5 anh hùng. B. 6 anh hùng. C. 7 anh hùng. D. 8 anh hùng.

Câu 149. Trong kháng chiến chống Pháp (1951-1953) để xây dựng hậu phương vững mạnh, sự kiện nào sau đây mang lại lợi ích cho nông dân trực tiếp và cụ thể nhất?

A. Thành lập ngân hàng Quốc gia Việt Nam (1951).

B. Ban hành chính sách về thuế nông nghiệp (1951).

C. Phát hành đồng giấy bạc Việt Nam mới (1951).

D. Chính phủ đề ra cuộc vận động lao động sản xuất và thực hiện tiết kiệm (1952).

Câu 150. Đảng và chính phủ chủ trương phát động quần chúng triệt để giảm tô, thực hiện giảm tức và cải cách ruộng đất vì nhiều lý do, lý do nào sau đây không đúng?

A. Xoá bỏ sự bóc lột của địa chủ phong kiến đối với nông dân.

B. Thực hiện khẩu hiệu "người cày có ruộng".

C. Nông dân phấn khởi, ủng hộ cuộc kháng chiến.

D. Vì giai cấp địa chủ là trở lực cho cuộc kháng chiến.

Câu 151. Tên của nhà yêu nước và anh hùng dân tộc nào sau đây được dùng để đặt tên cho cuộc chiến dịch Trung du (12-1950)?

A. Trần Hưng Đạo. B. Hoàng Hoa Thám.

C. Quang Trung. D. Ngô Quyền

Câu 152. Tháng 11-1951 địch mở chiến dịch Lô-uyt (Hoà Bình) với âm mưu gì?

A. Mở rộng địa bàn chiếm đóng.

B. Cô lập căn cứ địa Việt Bắc với liên khu III và IV.

C. Giành thế chủ động trên chiến trường chính ở Bắc Bộ.

D. Giành lại quyền chủ động, nối lại "Hành lang Đông Tây" chia cắt Việt Bắc với Liên khu III và IV

Câu 153. Ý nghĩa lịch sử của chiến dịch Hoà Bình?

A. Ta giành được thế chủ động trên chiến trường.

B. Bảo vệ căn cứ địa Việt Bắc.

C. Lực lượng của ta trưởng thành nhanh chóng về mọi mặt.

D. Căn cứ du kích của ta được mở rộng và nối liền nhau thành thể liên hoàn vững chắc.

Câu 154. Nối niên đại ở cột A với sự kiện ở cột B cho phù hợp:

A	B
1. 6-1950	A. Cách mạng Trung Quốc thành công.
2. 2-1951	B. Trung ương Đảng quyết định mở chiến dịch Biên giới.
3. 1-10-1949	C. Kế hoạch Rơ-ve bị phá vỡ.
4. 23-12-1950	D. Đại hội đảng toàn quốc lần thứ II.
5. 22-10-1959	E. "Kế hoạch Đơ-lat đơ Tat-xi-nhi".
6. 12-1950	F. Hiệp định phòng thủ chung Đông Dương.
7. 12-1953	G. Thống nhất Việt minh - Liên Việt.
8. 11-1951	H. Thành lập "liên minh Việt - Miên-Lào".
9. 11-3-1951	I. Địch mở chiến dịch Hoà Bình.
10. 3-3-1951	K. Quốc hội thông qua luật cải cách ruộng đất.

Câu 155. Na-va là một tên tướng tài của Mĩ được cử sang Đông Dương để làm cố vấn kiêm tổng chỉ huy quân viễn chinh Pháp ở Đông Dương, đúng hay sai?

A. Đúng. B. Sai.

Câu 156. Hội đồng chính phủ và Hội đồng quốc phòng Pháp thông qua kế hoạch quân sự Na-va vào thời gian nào?

A. Tháng 5 - 1953. B. Tháng 6 - 1953.

C. Tháng 7 - 1953. D. Tháng 8 - 1953.

Câu 157. Nội dung cơ bản trong bước I của kế hoạch quân sự Na-va là gì?

A. Phòng ngự chiến lược ở miền Bắc, tấn công chiến lược ở miền Nam.

B. Phòng ngự chiến lược ở miền Nam, tấn công chiến lược ở miền Bắc.

C. Tấn công chiến lược ở hai miền Bắc - Nam.

D. Phòng ngự chiến lược ở hai miền Bắc - Nam.

Câu 158. Nội dung nào sau đây thuộc về chủ trương của ta trong Đông Xuân 1953-1954?

A. Trong vòng 18 tháng chuyển bại thành thắng.

B. Tập trung lực lượng tiến công vào những hướng chiến lược quan trọng mà địch tương đối yếu.

C. Tránh giao chiến ở miền Bắc với địch để chuẩn bị đàm phán.

D. Giành thắng lợi nhanh chóng về quân sự trong đông xuân 1953-1954.

Câu 159. Việc tập trung xây dựng Điện Biên Phủ thành một tập đoàn cứ điểm mạnh có nằm trong kế hoạch ngay từ đầu của Na-va không?

A. Có. B. Không.

Câu 160. Từ cuối 1953 đến đầu 1954, ta phân tán lực lượng địch ra những vùng nào?

A. Lai Châu, Điện Biên Phủ, Sê-nô, Luông- pha-băng.

B. Điện Biên Phủ, Sê-nô, Play-cu, Luông-pha-băng.

C. Điện Biên Phủ, Thà khẹt, Play-cu, Luông-pha-băng.

D. Điện Biên Phủ, Sê-nô, Play-cu, Sầm Nưa.

Câu 161. Khẩu hiệu mà ta nêu ra trong chiến dịch Điện Biên Phủ là gì?

A. "Tất cả cho chiến dịch được toàn thắng".

B. "Thà hy sinh tất cả để đánh thắng địch ở Điện Biên Phủ".

C. "Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng!"

D. Câu B và C đúng.

Câu 162. Niên đại nào sau đây gắn với chiến dịch Điện Biên phủ?

A. 30-3 đến 26-4-1954. B. 30-3 đến 24-4-1954.

C. 01-5 đến 5-7-1954. D. Tất cả các niên đại trên.

Câu 163. Vì sao kết thúc thắng lợi chiến dịch Điện Biên Phủ ta thu toàn bộ vũ khí và cơ sở vật chất kĩ thuật?

A. Vì địch không vận chuyển kịp. B. Vì cách xa hậu cứ của địch.

C. Vì địch bị tiêu diệt và bắt sống hoàn toàn. D. Tất cả các lý do trên.

Câu 164. Hãy điền vào chỗ trống câu sau đây: "Chiến thắng Điện Biên Phủ ghi vào lịch sử dân tộc như:.......................... của thế kỉ XX".

A. Một Chi Lăng, một Xương Giang, một Đống Đa.

B. Một Ngọc Hồi, một Hà Hồi, một Đống Đa.

C. Một Bạch Đằng, một Rạch Gầm - Xoài Mút, một Đống Đa.

D. Một Bạch Đằng, một Chi Lăng, một Đống Đa.

Câu 165. Từ lúc Hội nghị Giơ-ne-vơ khai mạc đến lúc những văn bản của Hội nghị được kí kết mất khoảng thời gian bao lâu?

A. 90 ngày. B. 75 ngày. C. 85 ngày. D. 95 ngày.

Câu 166. Trong các nội dung sau đây, nội dung nào không nằm trong Hiệp định Giơ-ne-vơ?

A. Các nước tham dự hội nghị cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản là độc lập, thống nhất, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhân dân Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia.

B. Hai bên thực hiện ngừng bắn ở Nam Bộ để giải quyết vấn đề Đông Dương bằng con đường hòa bình.

C. Việt Nam sẽ thực hiện thống nhất bằng cuộc tổng tuyển cử tự do trong cả nước vào tháng 7 - 1956.

D. Trách nhiệm thi hành Hiệp định thuộc về những người kí Hiệp định và những người kế tục nhiệm vụ của họ.

Câu 167. Trong các nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mĩ (1946 - 1954) nguyên nhân nào quyết định nhất?

A. Có một đường lối chính trị, quân sự đúng đắn của Đảng.

B. Toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đoàn kết một lòng.

C. Có hậu phương vững chắc.

D. Có tinh thần đoàn kết chiến đấu của nhân dân ba nước Đông Dương.

Câu 168. "Lần đầu tiên trong lịch sử, một nước thuộc địa nhỏ yếu đã đánh thắng một nước thực dân hùng mạnh...." . Đó là câu nói của ai?

A. Võ Nguyên Giáp. B. Chủ tịch Hồ Chí Minh.

C. Trường Chinh. D. Phạm Văn Đồng.

Câu 169. Hãy nối niên đại và sự kiện lịch sử sau đây:

Niên đại	*Sự kiện*
1. 2- 1947	A. Quân ta tấn công thị xã Lai Châu.
2. 19-12-1947	B. Chỉ thị của Ban thường vụ Trung ương Đảng "Phải phá tan cuộc tấn công vào mùa đông của giặc Pháp lên Việt Bắc".
3. 15-10-1947	
4. 16-9-1950	C. Đội tự vệ của ta rút khỏi các đô thị.
5. 3-3-1951	D. Đại hội thống nhất mặt trận Việt Minh và Hội quốc dân Việt Nam.
6. 1-5-1952	
7. 10-12-1953	E. Hiệp định Giơ-ne-vơ được kí kết.
8. 3-12-1953	F. Khai mạc hội nghị Giơ-ne-vơ.
9. 26-4-1954	G. Quân ta nổ súng đánh cụm cứ điểm Đông Khê.
10. 21-7-1954	H. Đại bộ phận quân Pháp rút khỏi Việt Bắc.
	I. Đại hội anh hùng chiến sĩ thi đua toàn quốc lần thứ nhất.
	K. Na-va quyết định xây dựng Điện Biên Phủ thành tập đoàn cứ điểm

Câu 170. Nối sự kiện ở cột B cho phù hợp với nội dung ở cột A sau đây:

A	B
1. Kế hoạch quân sự Na-va bước đầu bị phá sản.	A. Địch phân tán lực lượng ở đồng bằng Bắc Bộ ứng chiến cho Điện Biên Phủ.
	B. Địch điều quân từ Bắc Bộ sang Trung Lào ứng chiến cho Sê-nô.
2. Kế hoạch Na-va bị phá sản hoàn toàn.	C. Ba đợt tấn công của ta giành thắng lợi trong chiến dịch Điện Biên Phủ.
	D. Địch điều quân từ Bình - Trị - Thiên lên tăng cường cho Tây Nguyên. E. Địch tăng cường lực lượng cho Luông Prabăng và Mường Sài.

Câu 171. Điền vào chỗ trông những câu sau đây nói về mục tiêu và các bước của kế hoạch Na-va?

A. Với kế hoạch Na-va, Pháp hy vọng trong vòng 18 tháng sẽ...............

B. Bước 1 của kế hoạch Na-va từ thu đông 1953 - xuân 1954 sẽ............

C. Bước 2 của kế hoạch Na-va là trong thời gian............................sẽ đưa quân ra Bắc thực hiện tiến công chiến lược, giành thắng lợi quyết định.

Câu 172. Vì sao tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ trở thành trung tâm của kế hoạch Na-va?

A. Điện Biên Phủ có vị trí chiến lược quan trọng bậc nhất Đông Dương.

B. Điện Biên Phủ cách xa hậu phương của ta.

C. Thực dân Pháp cho rằng bộ đội chủ lực của ta không đủ sức đương đầu với chúng ở Điện Biên Phủ.

D. Tất cả cùng đúng.

Câu 173. Hoàn cảnh ra đời của kế hoạch Na-va?

A. Lực lượng của Pháp suy yếu sau 8 năm tiến hành chiến tranh, vùng chiếm đóng bị thu hẹp, gặp nhiều khó khăn về kinh tế, chính trị.

B. Tranh thủ sự viện trợ của Mĩ cho cuộc chiến tranh của Pháp ở Đông Dương.

C. Chiến tranh Triều Tiên kết thúc.

D. Tất cả các ý trên.

Câu 174. Lý do chủ yếu nhất Pháp cử Na-va sang Đông Dương?

A. Vì sau chiến tranh Triều Tiên, Mĩ muốn tăng cường can thiệp vào Đông Dương.

B. Vì Na-va được Mĩ chấp thuận.

C. Vì phong trào phản đối chiến tranh của nhân dân Pháp lên cao.

D. Sau 8 năm tiến hành chiến tranh Pháp sa lầy, vùng chiếm đóng bị thu hẹp có nhiều khó khăn về kinh tế tài chính.

Câu 175. Để thực hiện kế hoạch Na-va, Pháp đã sử dụng lực lượng cơ động mạnh trên toàn chiến trường Đông Dương lên đến bao nhiêu tiểu đoàn?

A. 44 tiểu đoàn. B. 80 tiểu đoàn. C. 84 tiểu đoàn. D. 86 tiểu đoàn.

Câu 176. Để thực hiện kế hoạch Na-va, Pháp đã tập trung ở Bắc Bộ một lực lượng cơ động mạnh lên đến bao nhiêu tiểu đoàn?

A. 40 tiểu đoàn. B. 44 tiểu đoàn. C. 46 tiểu đoàn. D. 84 tiểu đoàn.

Câu 177. Âm mưu của Pháp, Mĩ trong việc vạch ra kế hoạch quân sự Na-va:

A. Lấy lại thế chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ.

B. Xoay chuyển cục diện chiến tranh, trong 18 tháng giành thắng lợi quân sự quyết định, "kết thúc chiến tranh trong danh dự".

C. Giành thắng lợi quân sự kết thúc chiến tranh trong vòng 18 tháng.

D. Giành thắng lợi quân sự kết thúc chiến tranh theo ý muốn.

Câu 178. Để phá sản bước thứ nhất kế hoạch Na-va, chủ trương nào sau đây của ta là cơ bản nhất?

A. Đánh vào những nơi ta cho là chắc thắng, tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch buộc chúng phân tán lực lượng.

B. Tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, phân tán lực lượng địch.

C. Phân tán lực lượng địch đến những nơi rừng núi hiểm trở.

D. Giam chân địch ở Điện Biên Phủ, Sê-nô, Plây cu, Luông-pha-băng.

Câu 179. Đông xuân 1953-1954 ta tích cực, chủ động tiến công địch ở 4 hướng nào sau đây?

A. Việt Bắc, Tây Bắc, Đồng bằng Bắc Bộ, Thanh - Nghệ - Tĩnh.

B. Tây Bắc, Trung Lào, Tây Nguyên, Thượng Lào.

C. Tây Bắc, Hạ Lào, Trung Lào, Nam Lào.

D. Tây Bắc, Tây Nguyên, Hạ Lào, Thượng Lào.

Câu 180. Hội nghị Bộ chính trị TW Đảng (9-1953) đề ra kế hoạch tác chiến Đông - Xuân (1953-1954) với quyết tâm giữ vững quyền chủ động đánh địch trên cả hai mặt trận nào?

A. Chính trị và quân sự.
B. Chính diện và sau lưng địch.
C. Quân sự và ngoại giao.
D. Chính trị và ngoại giao.

Câu 181. Phương châm chiến lược của ta trong Đông - Xuân 1953 -1954 là gì?

A. "Đánh nhanh, thắng nhanh".
B. "Đánh chắc, thắng chắc".
C. "Đánh vào những nơi ta cho là chắc thắng".
D. "Tích cực, chủ động, cơ động, linh hoạt." "Đánh chắc thắng".

Câu 182. Tập trung lực lượng mở những cuộc tiến công vào những hướng quan trọng về chiến lược mà địch tương đối yếu, nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, giải phóng đất đai, đồng thời buộc chúng phải bị động đối phó... Đó là phương hướng chiến lược của ta trong:

A. Phá sản kế hoạch Na-va.
B. Chiến dịch Tây Bắc.
C. Đông Xuân 1953-1954.
D. Chiến dịch Điện Biên Phủ.

Câu 183. Kết quả lớn nhất của cuộc tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953-1954 là gì?

A. Làm thất bại âm mưu kết thúc chiến tranh trong vòng 18 tháng của Pháp.
B. Làm thất bại âm mưu đánh nhanh thắng nhanh của Pháp - Mĩ.
C. Làm phá sản bước đầu kế hoạch Na-va, buộc quân chủ lực của chúng phải bị động phân tán và giam chân ở miền rừng núi.
D. Làm thất bại âm mưu bình định, mở rộng địa bàn chiếm đóng giành thế chủ động trên chiến trường Bắc Bộ của thực dân Pháp.

Câu 184. Vì sao Pháp, Mĩ đánh giá Điện Biên Phủ là "Pháo đài bất khả xâm phạm"?

A. Điện Biên Phủ là một tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương.
B. Đây là một hệ thống phòng ngự kiên cố.
C. Điện Biên Phủ được tập trung lực lượng đông, mạnh và trang bị vũ khí hiện đại.
D. A, B và C đúng.

Câu 185. Âm mưu của Pháp, Mĩ trong việc xây dựng tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ là gì?

A. Chọn Điện Biên Phủ làm điểm quyết chiến chiến lược với ta.
B. Điện Biên Phủ là một đầu mối giao thông quan trọng, địch sử dụng lực lượng không quân để đánh ta.
C. Với địa thế hiểm trở, khó khăn, sẽ bất lợi cho sự tấn công của ta.
D. A, B và C đúng.

Câu 186. Lý do nào sau đây không đúng khi nói về ta chọn Điện Biên Phủ làm điểm quyết chiến chiến lược với thực dân Pháp?

A. Ta cho rằng Điện Biên Phủ nằm trong kế hoạch dự định trước của Na-va.
B. Pháp cho rằng ta không đủ sức đương đầu với chúng ở Điện Biên Phủ.

C. Điện Biên Phủ có tầm quan trọng đối với Miền Bắc Đông Dương.

D. Quân ta có đủ điều kiện đánh thắng địch ở Điện Biên Phủ.

Câu 187. Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ được chia thành:

A. 45 cứ điểm và 3 phân khu. B. 49 cứ điểm và 3 phân khu.

C. 50 cứ điểm và 3 phân khu. D. 55 cứ điểm và 3 phân khu.

Câu 188. Niên đại nào sau đây gắn với chiến dịch Điện Biên Phủ?

A. 30-3 đến 26-4-1954. B. 30-3 đến 24-4-1954.

C. 01-5 đến 5-7-1954. D. Tất cả các niên đại trên.

Câu 189. Chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ diễn ra trong bao nhiêu ngày?

A. 55 ngày đêm. B. 56 ngày đêm.

C. 60 ngày đêm. D. 66 ngày đêm.

Câu 190. Nơi nào diễn ra trận chiến đấu giằng co và ác liệt nhất trong chiến dịch Điện Biên Phủ:

A. Cứ điểm Him Lam. B. Sân bay Mường Thanh.

C. Đồi A1, C1. D. Sở chỉ huy Đờ- cat-xtơ- ri.

Câu 191. Điền vào ô trống những từ thích hợp cho đoạn viết sau:

"Trong toàn bộ cuộc tiến công.......(A)....................đỉnh cao là.......(B)............, quân và dân ta loại khỏi vòng chiến đấu 128.200 tên địch, giải phóng nhiều vùng đông dân ở đồng bằng Bắc Bộ, Trung Bộ, Nam Bộ".

Câu 192. Kết quả lớn nhất của chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ 1954?

A. Làm thất bại hoàn toàn âm mưu kéo dài chiến tranh của Pháp - Mĩ.

B. Tiêu diệt và bắt sống 16200 tên địch, hạ 62 máy bay thu nhiều phương tiện chiến tranh hiện đại khác của Pháp và Mĩ.

C. Giải phóng 4000km đất đai và 40 vạn dân.

D. Đập tan hoàn toàn kế hoạch Na-va, làm xoay chuyển cục diện chiến tranh, tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc đấu tranh ngoại giao.

Câu 193. Ý nghĩa cơ bản nhất của chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ 1954 là gì?

A. Thắng lợi lớn nhất, oanh liệt nhất tiêu biểu cho tinh thần chiến đấu anh hùng, bất khuất của dân tộc ta trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mĩ.

B. Được ghi vào lịch sử dân tộc như một Bạch Đằng, một Chi Lăng, một Đống Đa của thế kỉ XX.

C. Góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc.

D. Cổ vũ các dân tộc bị áp bức đứng lên tự đấu tranh giải phóng mình.

Câu 194. Vì sao kết thúc thắng lợi chiến dịch Điện Biên Phủ ta thu toàn bộ vũ khí và cơ sở vật chất kĩ thuật của địch?

A. Vì địch không vận chuyển kịp. B. Vì cách xa hậu cứ địch.

C. Vì địch bị tiêu diệt và bắt sống hoàn toàn. D. Tất cả lý do trên.

Câu 195. Chiến thắng nào quyết định thắng lợi của Hội nghị Giơ-ne-vơ?

A. Chiến thắng Biên giới. B. Chiến thắng Tây Bắc.

C. Chiến thắng Đông Xuân 1953-1954. D. Chiến thắng Điện Biên Phủ 1954.

Câu 196. Hội nghị Giơ-ne-vơ bàn về việc chấm dứt chiến tranh lập lại hoà bình ở Đông Dương họp từ ngày nào?

A. Ngày 26-4-1954. B. Ngày 1-5-1954.

C. Ngày 7-5-1954. D. Ngày 8-5-1954.

Câu 197. Hội nghị Giơ-ne-vơ khai mạc theo quyết định của hội nghị ngoại trưởng 4 nước nào?

A. Mĩ, Anh, Pháp, Đức. B. Liên Xộ, Mĩ, Anh, Pháp.

C. Liên Xô, Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia. D. Liên Xô, Mĩ, Pháp, Việt Nam.

Câu 198. Tham dự hội nghị Giơ-ne-vơ về Đông Dương gồm có những nước nào?

A. Mĩ, Anh, Pháp, Việt Nam, Liên Xô.

B. Liên Xô, Việt Nam, Lào, Mĩ, Pháp.

C. Liên Xô, Trung Quốc, Việt Nam, Mĩ, Anh, Pháp.

D. Liên Xô, Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia, Mĩ, Pháp.

Câu 199. Hiệp định Giơ-ne-vơ là văn bản pháp lý quốc tế ghi nhận:

A. Quyền được hưởng độc lập, tự do của nhân dân các nước Đông Dương.

B. Các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân các nước Đông Dương.

C. Quyền tổ chức Tổng tuyển cử tự do.

D. Quyền chuyển quân tập kết theo giới tuyến quân sự tạm thời.

Câu 200. Nguyên nhân cơ bản nhất quyết định sự thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954)?

A. Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh với đường lối chính trị, quân sự, kháng chiến đúng đắn.

B. Truyền thống yêu nước, anh hùng bất khuất của dân tộc.

C. Có hậu phương vững chắc và khối đoàn kết toàn dân.

D. Tình đoàn kết chiến đấu của nhân dân 3 nước Đông Dương và sự ủng hộ của nhân dân tiến bộ thế giới.

Câu 201. Hãy nối niên đại ở cột A với sự kiện ở cột B cho phù hợp

A	*B*
1. 7-5-1953	A. Ta tấn công địch ở Bắc Tây Nguyên.
2. 9-1953	B. Ta mở 1 đợt tấn công địch ở Điện Biên Phủ.
3. 20-11-1953	C. Tướng Đờ-cax-tơ-ri ra hàng.
4. 2-1954	D. Đợt tấn công thứ 3 ở Điện Biên Phủ bắt đầu.
5. 13-3-1954	E. Na-va được cử làm tổng chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương.
6. 26-4-1954	F. Na-va cho quân nhảy dù xuống Điện Biên Phủ.
7. 1-5-1954	G. Kết thúc đợt 2 chiến dịch Điện Biên Phủ
8. 8-5-1954	H. Hiệp định Giơ-ne-vơ được kí kết.
9. 21-7-1954	I. Hội nghị Giơ-ne-vơ được khai mạc.
10. 17 giờ 30 ngày 7-5-1954	K. Hội nghị Bộ Chính trị TW Đảng.

Chương IV. VIỆT NAM TỪ NĂM 1954 ĐẾN NĂM 1975

Câu 1. Nối sự kiện ở cột B cho phù hợp với niên đại ở cột A sau đây:

A	*B*
1- 10 - 10 - 1954 2- 01 - 01 - 1955 3- 16 - 5 - 1955 4- 22 - 5 - 1955	A. Pháp rút quân khỏi Hà Nội, quân ta tiến vào tiếp quản Thủ đô. B. Tại quảng trường Ba Đình diễn ra cuộc mít tinh trọng thể của hàng chục vạn nhân dân Hà Nội chào mừng Trung ương Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh về Thủ đô. C. Toán lính Pháp cuối cùng rút khỏi Hải Phòng. D. Toán lính Pháp rút khỏi Cát Bà, miền Bắc nước ta hoàn toàn giải phóng.

Câu 2. Ngô Đình Diệm được Mĩ dựng lên làm thủ tướng bù nhìn ở miền Nam Việt Nam để thay cho ai?

A. Thay cho Bảo Đại. B. Thay cho Bửu Lộc.

C. Thay cho Đồng Khánh. D. Thay cho Dương Văn Minh.

Câu 3. Nhiệm vụ nào sau đây không phải là nhiệm vụ của cách mạng miền Bắc sau 1954?

A. Tiếp tục thực hiện cách mạng dân tộc, dân chủ.

B. Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa.

C. Đấu tranh chống Mĩ, Diệm.

D. Câu A và C đúng.

Câu 4. Nhiệm vụ của cách mạng miền Nam sau 1954 là gì?

A. Tiến hành đấu tranh vũ trang để đánh bại chiến tranh xâm lược của Mĩ, Diệm.

B. Tiến hành cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ.

C. Cùng với miền Bắc tiến hành công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

D. Không phải các nhiệm vụ trên.

Câu 5. Cách mạng miền Nam có vai trò như thế nào trong việc đánh đổ ách thống trị của đế quốc Mĩ và tay sai của chúng, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước?

A. Có vai trò quan trọng nhất. B. Có vai trò cơ bản nhất.

C. Có vai trò quyết định trực tiếp. D. Có vai trò quyết định nhất.

Câu 6. Thủ đô Hà Nội được giải phóng vào thời gian nào?

A. 10-10-1954. B. 25-10-1555. C. 12-12-1954. D. 18-10-1954.

Câu 7. Nhiệm vụ của cách mạng miền Bắc sau năm 1954 là gì?

A. Đấu tranh chống Mĩ - Diệm.

B. Tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

C. Chuyển sang làm cách mạng xã hội chủ nghĩa.

D. Không phải các nhiệm vụ trên.

Câu 8. Đường lối thể hiện sự sáng tạo, độc đáo của Đảng trong thời kì chống Mĩ cứu nước là gì?

A. Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc.

B. Tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam.

C. Tiến hành đồng thời cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam và cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc.

D. Tất cả các đường lối trên.

Câu 9. Miền Bắc hoàn toàn được giải phóng vào thời gian nào?

A. 10-10-1954. B. 16-5-1954. C. 10-10-1955. D. 16-5-1955.

Câu 10. Đế quốc Mĩ thực hiện ý đồ thâm độc biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới thể hiện ở sự kiện nào?

A. Mĩ ép Pháp đưa Ngô Đình Diệm lên làm thủ tướng (20-5-1954).

B. Lập khối quân sự SEATO, đặt miền Nam dưới sự bảo trợ của khối này.

C. Mĩ Diệm tổ chức bầu cử riêng lẻ, lập nước Việt Nam Cộng hòa.

D. Mĩ Diệm hô hào "Bắc tiến".

Câu 11. Thái độ nào sau đây của Ngô Đình Diệm trong những năm 1954 - 1957, làm cho nhân dân ta bất bình nhất?

A. Tiến hành bầu cử riêng lẻ, phế truất Bảo Đại lên làm Tổng thống.

B. Tuyên bố tại Oa-sinh-tơn : "Biên giới Hoa Kì kéo dài đến vĩ tuyến 17".

C. Phá hoại hiệp định Giơ-ne-vơ.

D. Thực hiện chế độ "Gia đình trị".

Câu 12. Nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam từ sau 1954 là gì?

A. Miền Bắc hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, xây dựng chủ nghĩa xã hội.

B. Miền Nam tiếp tục cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, tiến tới thống nhất nước nhà.

C. A và B đúng.

D. A và B sai.

Câu 13. Nhiệm vụ cơ bản nhất của cách mạng nước ta sau 1954 là gì?

A. Xây dựng CNXH ở miền Bắc, hỗ trợ cho cách mạng miền Nam.

B. Tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam chống Mĩ-Ngụy

C. Miền Bắc xây dựng CNXH, miền Nam tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ, tiến tới thống nhất nước nhà.

D. Miền Bắc xây dựng CNXH, chi viện cho miền Nam, miền Nam tiến hành cách mạng dân chủ nhân dân, bảo vệ miền Bắc, thực hiện thống nhất nước nhà.

Câu 14. Vì sao miền Bắc tiến hành công cuộc cải cách ruộng đất?

A. Nông nghiệp còn lạc hậu, năng suất lao động thấp.

B. Chế độ chiếm hữu ruộng đất của địa chủ phong kiến vẫn còn phổ biến.

C. Để làm hậu phương lớn cho tiền tuyến lớn ở miền Nam.

D. Tất cả các lý do trên.

Câu 15. Miền Bắc tiến hành cải cách ruộng đất và khôi phục kinh tế trong thời gian nào?

A. 1954 - 1957. B. 1954 - 1958. C. 1955 - 1958. D. 1955 - 1960.

Câu 16. Qua đợt cải cách ruộng đất ở miền Bắc đã thực hiện triệt để khẩu hiệu nào?

A. "Tấc đất, tấc vàng". B. "Tăng gia sản nhanh, tăng gia sản xuất nữa".

C. "Người cày có ruộng". D. "Độc lập dân tộc" và "Ruộng đất dân cày".

Câu 17. Thắng lợi quan trọng trong công cuộc cải cách ruộng đất ở miền Bắc là gì?

A. Đã đánh đổ toàn bộ giai cấp địa chủ phong kiến.

B. Giải phóng hoàn toàn nông dân khỏi ách áp bức, bóc lột của địa chủ phong kiến.

C. Đưa nông dân lên địa vị làm chủ ở nông thôn.

D. Tất cả đều đúng.

Câu 18. Bác Hồ đã đến thăm công trường xây dựng cầu Việt Trì vào thời gian nào?

A. 1955. B. 1956. C. 1957. D. 1958.

Câu 19. Đến năm 1960, ở miền Bắc có 85% hộ nông dân, 68% diện tích đất đai vào hợp tác xã nông nghiệp......... Đó là kết quả của:

A. Cải cách ruộng đất. B. Khôi phục kinh tế.

C. Cải tạo xã hội chủ nghĩa. D. Câu A và B đúng.

Câu 20. Đến năm 1960, miền Bắc có 172 xí nghiệp do Nhà nước quản lý, hơn 500 xí nghiệp công nghiệp địa phương ...... Đó là kết quả của:

A. Bước đầu phát triển kinh tế. B. Khôi phục kinh tế.

C. Cải tạo xã hội chủ nghĩa. D. Tất cả cùng đúng.

Câu 21. Đầu năm 1955, khi đã đứng được ở miền Nam Việt Nam, tập đoàn Ngô Đình Diệm mở chiến dịch nào?

A. "Tố cộng", "Diệt cộng" trên toàn miền Nam.

B. "Đả thực", "Bài phong" "Diệt cộng" trên toàn miền Nam.

C. "Tiêu diệt cộng sản không thương tiếc" trên toàn miền Nam.

D. "Thà bắn lầm hơn bỏ sót" trên toàn miền Nam.

Câu 22. Vụ tàn sát nào của Mĩ - Diệm diễn ra vào ngày 1-12-1958 làm chết hơn 1000 người dân?

A. Chợ Được (Quảng Nam). B. Hương Điền (Quảng Trị).

C. Vĩnh Trinh (Duy Xuyên, Quảng Nam). D. Phú Lợi (Sài Gòn).

Câu 23. Chính sách nào của Mĩ - Diệm thể hiện chiến lược chiến tranh một phía ở miền Nam?

A. Phế truất Bảo Đại điều Ngô Đình Diệm làm Tổng thống.

B. Gạt hết quân Pháp để độc chiếm miền Nam.

C. Mở chiến dịch "Tố cộng" "Diệt cộng" thi hành "Luật 10-59", lê máy chém khắp miền Nam.

D. Thực hiện chính sách " Đả thực" " Bài phong" "Diệt cộng".

Câu 24. Hình thức đấu tranh chống chế độ Mĩ - Diệm của nhân dân miền Nam trong những ngày đầu sau Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954, chủ yếu là gì?

A. Đấu tranh vũ trang. B. Đấu tranh chính trị, hòa bình.

C. Khởi nghĩa giành lại quyền làm chủ. D. Dùng bạo lực cách mạng.

Câu 25. Nguyên nhân cơ bản nhất dẫn đến phong trào Đồng khởi 1959 - 1960 là gì?

A. Mĩ - Diệm phá Hiệp định Giơ-ne-vơ, thực hiện chính sách "tố cộng" "diệt cộng".

B. Có nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 của Đảng về đường lối cách mạng miền Nam.

C. Do chính sách cai trị của Mĩ-Diệm làm cho cách mạng miền Nam bị tổn thất nặng nề.

D. Câu A và B đúng.

Câu 26. Điền vào chỗ trống câu sau: "Con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân, bằng.................. "

A. Lực lượng vũ trang nhân dân kết hợp với lực lượng chính trị.

B. Lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang nhân dân.

C. Sự kết hợp giữa đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị và ngoại giao.

D. Tất cả đều đúng.

Câu 27. Tháng 2-1959, diễn ra cuộc nổi dậy của đồng bào miền Nam ở đâu?

A. Trà Bồng (Quảng Ngãi). B. Phước Hiệp (Bến Tre).

C. Bắc Ái (Ninh Thuận). D. Chợ Được (Quảng Nam).

Câu 28. Ghi các niên đại vào các sự kiện sau đây cho phù hợp:

A. Nổi dậy ở Bắc Ái (Ninh Thuận)..........

B. Khởi nghĩa ở Trà Bồng (Quảng Ngãi) ....

C. Đồng khởi ở Bến Tre....................

Câu 29. Kết quả lớn nhất của phong trào "Đồng khởi" là gì?

A. Phá vỡ từng mảng lớn bộ máy cai trị của địch ở 600 xã ở Nam Bộ, 904 thôn ở Trung Bộ, 3200 thôn ở Tây Nguyên.

B. Lực lượng vũ trang được hình thành và phát triển, lực lượng chính trị được tập hợp đông đảo.

C. Uỷ ban nhân dân tự quản tịch thu ruộng đất của bọn địa chủ chia cho dân cày nghèo.

D. Sự ra đời của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (20 - 12 -1960).

Câu 30. Ý nghĩa quan trọng nhất của phong trào "Đồng khởi" là gì?

A. Giáng một đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mĩ ở miền Nam.

B. Làm lung lay tận gốc chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm.

C. Đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng miền Nam chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tấn công địch.

D. Câu B và C đúng.

Câu 31. Đại hội đại biểu toàn quốc lần III của Đảng họp ở đâu vào thời gian nào?

A. Ở Chiêm Hóa (Tuyên Quang) - từ 11 đến 19 - 2 - 1955.

B. Ở Tân Trào (Tuyên Quang) - từ 10 đến 19 - 5 - 1960.

C. Ở Hà Nội - từ 5 đến 12 - 9 - 1960.

D. Ở Hà Nội - từ 6 đến 10 - 10 - 1960.

Câu 32. Đại hội lần III của Đảng đã bầu ai làm Chủ tịch Đảng và Bí thư thứ nhất?

A. Hồ Chí Minh làm Chủ tịch Đảng, Trường Chinh làm Bí thư thứ nhất Ban chấp hành Trung ương Đảng.

B. Hồ Chí Minh làm Chủ tịch Đảng, Lê Duẩn làm Bí thư thứ nhất Ban chấp hành Trung ương Đảng.

C. Hồ Chí Minh làm Chủ tịch Đảng, Võ Nguyên Giáp làm Bí thư thứ nhất Ban chấp hành Trung ương Đảng.

D. Hồ Chí Minh làm Chủ tịch Đảng, Đỗ Mười làm Bí thư thứ nhất Ban chấp hành Trung ương Đảng.

Câu 33. Đại hội lần III của Đảng được Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định vấn đề gì?

A. "Đại hội xây dựng CNXH ở miền Bắc và đấu tranh hòa bình thống nhất nước nhà".

B. "Đại hội thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất ở miền Bắc".

C. "Đại hội xây dựng miền Bắc thành hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn ở miền Nam".

D. "Đại hội xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng dân tộc ở miền Nam".

Câu 34. Miền Bắc đề ra kế hoạch 5 năm lần thứ nhất vào thời gian nào?

A. 1960 - 1965. B. 1961 - 1965. C. 1965 - 1968. D. 1960 - 1964.

Câu 35. "Ba nhất" và "Đại phong" là tên phong trào thi đua thực hiện kế hoạch 5 năm lần I ở miền Bắc trong các ngành:

A. "Ba nhất": nông nghiệp; "Đại phong": Quân đội.

B. "Ba nhất": Quân đội ; "Đại phong" : Nông nghiệp.

C. "Ba nhất": Công nghiệp; "Đại phong" : Thủ công nghiệp.

D. "Ba nhất": Giáo dục ; "Đại phong" : Nông nghiệp.

Câu 36. Trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, Nhà nước đầu tư vốn cho xây dựng kinh tế chiếm tỉ lệ bao nhiêu so với thời kì khôi phục kinh tế?

A. 60% so với thời kì khôi phục kinh tế.

B. 61,2% so với thời kì khôi phục kinh tế.

C. 65,5% so với thời kì khôi phục kinh tế.

D. 67% so với thời kì khôi phục kimh tế.

Câu 37. Với phương châm: tiến lên chủ nghĩa xã hội nhanh, mạnh, vững chắc. Đó là thành tựu hay hạn chế của kế hoạnh 5 năm lần thứ nhất ở miền Bắc?

A. Thành tựu. B. Hạn chế.

Câu 38. Tổng thống nào của Mĩ đề ra chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" ở miền Nam?

A. Ai-xen-hao. B. Ken-nơ-đi. C. Giôn-xơn. D. Ru-dơ-ven.

Câu 39. "Chiến tranh đặc biệt" nằm trong hình thức nào của chiến lược toàn cầu mà Mĩ đề ra?

A. "Phản ứng linh hoạt". B. "Ngăn đe thực tế".

C. "Bên miệng hố chiến tranh". D. "Chính sách thực lực".

Câu 40. Âm mưu cơ bản của "Chiến tranh đặc biệt" mà Mĩ áp dụng ở miền Nam Việt Nam là gì?

A. Đưa quân chư hầu vào miền Nam Việt Nam.

B. "Dùng người Việt đánh người Việt".

C. Đưa quân Mĩ ào ạt vào miền Nam.

D. Đưa cố vấn Mĩ ào ạt vào miền Nam.

Câu 41. Lực lượng cố vấn Mĩ đưa vào miền Nam đến 1964 bao nhiêu tên?

A. 1.100 tên. B. 11.000 tên. C. 26.000 tên. D. 30.000 tên.

Câu 42. Chỗ dựa của "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ ở miền Nam là gì?

A. Ấp chiến lược. B. Lực lượng ngụy quân, ngụy quyền.

C. Lực lượng cố vấn Mĩ. D. Ấp chiến lược và ngụy quân, ngụy quyền.

Câu 43. Mĩ – Ngụy dự định thực hiện những mục tiêu của "Chiến tranh đặc biệt" trọng tâm là "bình định" trong vòng 18 tháng. Mục tiêu đó nằm trong kế hoạch nào?

A. Dồn dân lập ấp chiến lược. B. Sta-lây Tay-lo.

C. Giôn-xơn Mác-na-ma-ra. D. Câu B và C đúng.

Câu 44. Ghi các sự kiện vào niên đại sau đây cho phù hợp:

A. 15 - 2 - 1961..

B. 1 - 1961..

C. 2 - 1 - 1963..

D. 8 - 5 - 1963..

E. 11 - 6 - 1963..

G. 16 - 6 - 1963..

H. 1 - 11 - 1963..

I. 2 - 12 - 1964..

Câu 45. Trên mặt trận quân sự chiến thắng nào của ta có tính chất mở màn cho việc đánh bại "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ ?

A. Bình Giã (Bà Rịa). B. Ba Gia (Quảng Ngãi).

C. Đồng Xoài (Biên Hoà). D. Ấp Bắc (Mĩ Tho).

Câu 46. Chiến thắng quân sự nào của ta đã làm phá sản về cơ bản "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ ?

A. Ấp Bắc. B. Bình Giã. C. Đồng Xoài. D. Ba Gia.

Câu 47. Cuộc đấu tranh chính trị tiêu biểu nhất trong năm 1963 của đồng bào miền Nam?

A. Cuộc biểu tình của 2 vạn Tăng ni Phật tử Huế (8-5-1963).

B. Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu để phản đối chính quyền Diệm ở Sài Gòn (11- 6 -1963).

C. Cuộc biểu tình của 70 vạn quần chúng Sài Gòn (16 - 6 -1963).

D. Cuộc đảo chính lật đổ Ngô Đình Diệm (01-11-1963)

Câu 48. Thực hiện khẩu hiệu "Người cày có ruộng" Đảng ta đã có chủ trương gì?

A. Giải phóng giai cấp nông dân. B. Tiến hành cải cách ruộng đất.

C. Khôi phục kinh tế. D. Cải tạo xã hội chủ nghĩa.

Câu 49. Ý nghĩa nào là cơ bản nhất của những thành tựu đạt được trong thời kì khôi phục kinh tế ở miền Bắc (1954 - 1957)?

A. Nền kinh tế bị chiến tranh tàn phá được phục hồi.

B. Tạo điều kiện cho nền kinh tế miền Bắc phát triển.

C. Nâng cao đời sống của nhân dân.

D. Củng cố Miền Bắc, cổ vũ cách mạng miền Nam.

Câu 50. Miền Bắc tiến hành cải tạo quan hệ sản xuất trong khoảng thời gian nào?

A. 1954 - 1956. B. 1956 - 1958. C. 1958 - 1960. D. 1954 - 1957.

Câu 51. Trong công cuộc cải tạo XHCN, miền Bắc tập trung giải quyết khâu chính trên lĩnh vực nào?

A. Thương nghiệp. B. Nông nghiệp.

C. Thủ công nghiệp. D. Công nghiệp.

Câu 52. Đến năm 1960, miền Bắc có 85% hộ nông dân, 68% diện tích đất đai vào hợp tác xã nông nghiệp. Đó là kết quả của:

A. Cải cách ruộng đất. B. Khôi phục kinh tế.

C. Cải tạo XHCN. D. Câu A và B đúng.

Câu 53. Đến năm 1960, miền Bắc có 172 xí nghiệp do nhà nước quản lý, hơn 500 xí nghiệp công nghiệp địa phương. Đó là kết quả của:

A. Bước đầu phát triển kinh tế B. Khôi phục kinh tế.

C. Cải tạo XHCN. D. Thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất

Câu 54. Đến cuối năm 1960 miền Bắc có bao nhiêu hộ nông dân và số ruộng đất vào Hợp tác xã nông nghiệp?

A. 82% hộ nông dân với 68% ruộng đất.

B. 83% hộ nông dân với 68% ruộng đất.

C. 84% hộ nông dân với 68% ruộng đất.

D. 85% hộ nông dân với 68% ruộng đất.

Câu 55. Đến cuối năm 1960 miền Bắc có bao nhiêu hộ vào công tư hợp doanh?

A. 77% B. 87% C. 97% D. 100%

Câu 56. Kết quả lớn nhất của công cuộc cải tạo quan hệ sản xuất ở miền Bắc (1958-1960) là gì?

A. Thúc đẩy sản xuất phát triển, nhất là trong điều kiện chiến tranh.

B. Hợp tác xã bảo đảm đời sống cho nhân dân lao động.

C. Tạo điều kiện vật chất, tinh thần cho người đi chiến đấu và phục vụ chiến tranh.

D. Xóa bỏ chế độ người bóc lột người.

Câu 57. "Chúng ta đã phạm một số sai lầm như đã đồng nhất cải tạo với xóa bỏ tư hữu và các thành phần kinh tế cá thể, thực hiện sai các nguyên tắc xây dựng hợp tác xã là tự nguyện, công bằng, dân chủ, cùng có lợi". Đó là một số sai lầm của ta trong thời kì nào?

A. Phong trào cách mạng 1930 - 1931.

B. Phong trào cách mạng 1936 - 1939.

C. Cải cách ruộng đất 1954.

D. Cải tạo quan hệ sản xuất 1958 - 1960.

Câu 58. Trọng tâm phát triển kinh tế miền Bắc thời kì 1958 - 1960 là gì?

A. Phát triển thành phần kinh tế cá thể.

B. Phát triển thành phần kinh tế quốc doanh.

C. Phát triển thành phần kinh tế tư nhân.

D. Phát triển thành phần kinh tế hợp tác xã.

Câu 59. Năm 1960 số lượng trường đại học ở miền Bắc có tất cả là:

A. 9 trường. B. 10 trường. C. 11 trường. D. 12 trường.

Câu 60. Đảng ta chủ trương cải tạo họ bằng phương pháp hòa bình, sử dụng mặt tích cực nhất của họ để phục vụ cho công cuộc xây dựng miền Bắc. Họ là giai cấp nào?

A. Tư sản dân tộc. B. Tư sản mại bản.

C. Địa chủ phong kiến. D. Tiểu tư sản.

Câu 61. Nhiệm vụ của cách mạng miền Nam sau 1954 là gì?

A. Tiếp tục đấu tranh vũ trang chống thực dân Pháp.

B. Đấu tranh chính trị chống Mĩ-Diệm, đòi thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ, bảo vệ hòa bình.

C. Bảo vệ miền Bắc XHCN, để miền Bắc đủ sức chi viện cho miền Nam.

D. Chống "tố cộng", "diệt cộng", đòi quyền tự do, dân chủ.

Câu 62. "Phong trào ra đời với bản hiệu triệu hoan nghênh Hiệp định Giơ-ne-vơ, ủng hộ hiệp thương tuyển cử, được sự hưởng ứng rộng rãi của các tầng lớp nhân dân". Đó là phong trào nào?

A. Chống khủng bố đàn áp của Mĩ-Diệm.

B. Phong trào đấu tranh của nhân dân các thành phố lớn Huế, Đà Nẵng.

C. "Phong trào hòa bình" ở Sài Gòn-Chợ Lớn.

D. Phong trào vì mục tiêu hòa bình của nhân dân các thành phố lớn và các vùng nông thôn.

Câu 63. Mĩ - Diệm ra "đạo luật 10 - 59" vào thời gian nào?

A. Tháng 4 - 1959 B. Tháng 5 - 1959

C. Tháng 10 - 1959 D. Tháng 11 - 1959

Câu 64. Việc Mĩ-Diệm mở rộng chiến dịch "Tố cộng", "diệt cộng", ra sắc lệnh "đặt cộng sản ngoài vòng pháp luật", thực hiện "đạo luật 10 - 59". Chứng tỏ điều gì?

A. Sự suy yếu và ngày càng bị cô lập của chúng.

B. Sức mạnh về quân sự của Mĩ-Diệm.

C. Chính sách độc tài của chế độ gia đình trị.

D. Mĩ - Diệm rất mạnh.

Câu 65. Đầu năm 1955, khi đã đứng được ở miền Nam Việt Nam, tập đoàn Ngô Đình Diệm mở chiến dịch nào?

A. "Tố cộng", "Diệt cộng" trên toàn miền Nam.

B. "Đã thực", "Bài phong", "Diệt cộng" trên toàn miền Nam.

C. "Tiêu diệt cộng sản không thương tiếc" trên toàn miền Nam.

D. "Thà bắn nhầm còn hơn bỏ sót" trên toàn miền Nam.

Câu 66. Hình thức đấu tranh chống chế độ Mĩ - Diệm của nhân dân miền Nam trong những ngày đầu sau Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 chủ yếu là gì ?

A. Đấu tranh vũ trang. B. Đấu tranh chính trị, hòa bình.

C. Khởi nghĩa giành lại quyền làm chủ. D. Dùng bạo lực cách mạng.

Câu 67. Hội nghị TW Đảng lần thứ 15 (đầu năm 1959) đã xác định con đường cơ bản của cách mạng miền Nam là gì?

A. Đấu tranh chính trị đòi thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ.

B. Đấu tranh chính trị kết hợp đấu tranh vũ trang giành chính quyền.

C. Khởi nghĩa giành chính quyền bằng lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang.

D. Đấu tranh giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng.

Câu 68. Có Nghị quyết TW Đảng 15 soi sáng nhân dân Trà Bồng Quảng Ngãi đã nổi dậy vào thời gian nào?

A. 5 - 1959. B. 6 - 1959. C. 7 - 1959. D. 8 - 1959.

Câu 69. Phong trào "Đồng khởi", dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Bến Tre, bắt đầu vào ngày nào ?

A. 17-1-1959. B. 17-2-1959. C. 17-3-1959. D. 17-4-1959.

Câu 70. Chính sách nào thể hiện "chiến lược chiến tranh một phía" của Mĩ - Diệm?

A. Gạt hết quân Pháp để Mĩ độc chiến miền Nam.

B. Phế truất Bảo Đại để Diệm làm tổng thống.

C. Hiệp thương tuyển cử riêng lẻ.

D. Ra sức "Tố cộng", "diệt cộng" thi hành "Luật 10 - 59".

Câu 71. Trong nội dung cơ bản của Nghị quyết TW 15, điểm gì có quan hệ với phong trào Đồng Khởi (1960)?

A. Con đường cách mạng miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền.

B. Khởi nghĩa bằng lực lượng chính trị của quần chúng.

C. Trong khởi nghĩa, lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu kết hợp với lực lượng vũ trang nhân dân.

D. Câu A và C đúng.

Câu 72. Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời ngày nào?

A. 20-9-1960. B. 20-10-1960. C. 20-11-1960. D. 20-12-1960.

Câu 73. Ai là chủ tịch Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam?

A. Nguyễn Thị Bình. B. Nguyễn Văn Linh.

C. Nguyễn Hữu Thọ. D. Huỳnh Tấn Phát.

Câu 74. Đại hội nào của Đảng được xác định là "Đại hội xây dựng CNXH ở miền Bắc và đấu tranh hòa bình thống nhất nước nhà"?

A. Đại hội lần thứ I. B. Đại hội lần thứ II.

C. Đại hội lần thứ III. D. Đại hội lần thứ IV.

Câu 75. Để hoàn thành nhiệm vụ chung, vai trò của miền Bắc sẽ là gì?

A. Miền Bắc là hậu phương, có vai trò quyết định trực tiếp.

B. Miền Bắc là hậu phương, có vai trò quyết định nhất.

C. Miền Bắc là hậu phương, có nhiệm vụ chi viện cho cách mạng miền Nam.

D. Miền Bắc là hậu phương, có nhiệm vụ bảo vệ cách mạng miền Nam.

Câu 76. Để hoàn thành nhiệm vụ chung, vai trò của cách mạng miền Nam là gì?

A. Miền Nam là tiền tuyến, có vai trò bảo vệ cách mạng XHCN ở miền Bắc.

B. Miền Nam là tiền tuyến, có vai trò quyết định nhất.

C. Miền Nam là tiền tuyến, có vai trò quyết định trực tiếp nhất.

D. Miền Nam là tiền tuyến, làm hậu thuẫn cho cách mạng miền Bắc.

Câu 77. Trọng tâm của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965) ở miền Bắc là gì?

A. Công nghiệp nhẹ. B. Công nghiệp nặng.

C. Cải tạo XHCN. D. Xây dựng CNXH.

Câu 78. Đại hội lần III của Đảng được Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định là:

A. "Đại hội xây dựng CNXH ở miền Bắc và đấu tranh hòa bình thống nhất nước nhà".

B. "Đại hội thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất ở miền Bắc".

C. "Đại hội xây dựng miền Bắc thành hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn ở miền Nam".

D. "Đại hội xây dựng CNXH ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng dân tộc ở miền Nam".

Câu 79. Trong giai đoạn 1961 - 1965 miền Bắc đã phát triển nhiều nhà máy công nghiệp nặng đó là:

A. Khu gang thép Thái Nguyên, khu công nghiệp Việt Trì, Thượng Đình (Hà Nội).

B. Khu gang thép Thái Nguyên, nhà máy nhiệt điện Uông Bí, thủy điện Thác Bà.

C. Khu công nghiệp Việt Trì, nhà máy đường Văn Điển, sứ Hải Dương.

D. Pin Văn Điển, Sứ Hải Dương, Dệt 8-3, dệt kim Đông Xuân.

Câu 80. Thành tựu lớn nhất miền Bắc đã đạt được trong thời kì kế hoạch 5 năm (1961-1965) là gì?

A. Công nghiệp, nông nghiệp đạt sản lượng cao đủ sức chi viện cho miền Nam.

B. Thương nghiệp góp phần phát triển kinh tế, củng cố quan hệ sản xuất, ổn định đời sống nhân dân.

C. Văn hóa, giáo dục, y tế phát triển. Số học sinh phổ thông tăng 2,7 triệu.

D. Bộ mặt miền Bắc thay đổi, đất nước, xã hội, con người đều đổi mới.

Câu 81. Ý nghĩa lớn nhất của kế hoạch 5 năm (1961-1965) là gì?

A. Bộ mặt miền Bắc thay đổi khác trước rất nhiều.

B. Nền kinh tế miền Bắc đủ sức chi viện cho miền Nam.

C. Miền Bắc đủ sức để tự bảo vệ sự nghiệp xây dựng CNXH.

D. Miền Bắc được củng cố và lớn mạnh, có khả năng tự bảo vệ và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ hậu phương.

Câu 82. Hạn chế lớn nhất của miền Bắc trong thời kì tiến hành kế hoạch 5 năm (1961-1965)?

A. Chủ trương phát triển chủ yếu thành phần kinh tế quốc doanh và hợp tác xã, hạn chế phát triển các thành phần kinh tế khác.

B. Chủ trương ưu tiên phát triển công nghiệp nặng, hiện đại hóa nền kinh tế vốn bé nhỏ.

C. Xóa bỏ thành phần kinh tế cá thể, tư nhân.

D. Có những sai lầm trong cải cách ruộng đất.

Câu 83. Đâu là hạn chế trong đường lối đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội?

A. Nông nghiệp được coi là cơ sở của công nghiệp.

B. Áp dụng khoa học - kĩ thuật, sử dụng cơ khí trong công nghiệp.

C. Phương châm tiến lên CNXH nhanh, mạnh, vững chắc.

D. Từng bước nâng cao đời sống vật chất và văn hóa cho nhân dân.

Câu 84. Miền Bắc phải chuyển hướng xây dựng và phát triển kinh tế cho phù hợp với điều kiện thời chiến bắt đầu từ lúc nào?

A. 5-8-1964. B. 7-1-1965. C. 7-2-1965. D. 7-3-1965.

Câu 85. Âm mưu thâm độc nhất của "Chiến tranh đặc biệt" là gì?

A. Dùng người Việt đánh người Việt.

B. Sử dụng phương tiện chiến tranh và "cố vấn" Mĩ.

C. Tiến hành dồn dân, lập "ấp chiến lược".

D. Phá hoại cách mạng miền Bắc.

Câu 86. Nội dung nào sau đây nằm trong công thức của "Chiến lược chiến tranh đặc biệt"

A. Được tiến hành quân đội tay sai, do "cố vấn" Mĩ chỉ huy, dựa vào vũ khí, trang bị kĩ thuật, phương tiện chiến tranh của Mĩ.

B. Tiến hành hoạt động phá hoại miền Bắc, phong tỏa biên giới.

C. Đưa quân chư hầu của Mĩ vào miền Nam Việt Nam.

D. Thực hiện Đông Dương hóa chiến tranh.

Câu 87. Yếu tố nào được xem là "xương sống" của chiến lược "Chiến tranh đặc biệt"?

A. Ngụy quân B. Ngụy quyền

C. "Ấp chiến lược" D. Đô thị (hậu cứ)

Câu 88. Mĩ, Ngụy xây dựng hệ thống "Ấp chiến lược" nhằm mục đích gì ?

A. Tách cách mạng ra khỏi dân, nhằm cô lập cách mạng.

B. Hỗ trợ chương trình "bình định" miền Nam của Mĩ - Ngụy.

C. Kìm kẹp, kiểm soát dân, nắm chặt dân.

D. A, B và C đúng.

Câu 89. Chiến thuật được sử dụng trong "Chiến tranh đặc biệt" là gì?

A. Gom dân, lập "ấp chiến lược".

B. "Trực thăng vận", "thiết xa vận".

C. Càn quét tiêu diệt lực lượng cách mạng.

D. "Bình định" toàn bộ miền Nam.

Câu 90. Mục tiêu cơ bản của chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" là gì?

A. "Bình định" miền Nam trong 8 tháng.

B."Bình định" miền Nam trong 18 tháng.

C. "Bình định" miền Nam có trọng điểm.

D. "Bình định" trên toàn miền Nam.

Câu 91. Số lượng ấp chiến lược mà Mĩ - Ngụy đã xây dựng ở miền Nam năm 1963 là bao nhiêu và đến năm 1965 còn lại bao nhiêu?

A. 1963 : 7.500 đến 1965 còn : 3.250 B. 1963 : 7.512 đến 1965 còn : 2.000

C. 1963 : 7.500 đến 1965 còn : 2.200 D. 1963 : 7.515 đến 1965 còn : 3.300

Câu 92. Nguyên nhân cơ bản nhất đưa đến cuộc đảo chính của Dương Văn Minh lật đổ chính quyền Ngô Đình Diệm?

A. Do nội bộ chính quyền Ngụy mâu thuẫn.

B. Do Mĩ giật dây cho tướng lĩnh Dương Văn Minh.

C. Do chính quyền Ngô Đình Diệm suy yếu.

D. Do phong trào đấu tranh thắng lợi vang dội của nhân dân miền Nam trên tất cả các mặt trận.

Câu 93. Hãy nối niên đại ở cột A phù hợp với sự kiện ở cột B

A	B
1/ 1953 - 1957	A. "Luật 10-5 9".
2/ 1958 - 1960	B. Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời.
3/ 8 - 1954	C. Nghị quyết TW lần thứ 15.
4/ 10 - 10 - 1954	D. Miền Bắc hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế.
5/ Đầu 1959	
6/ 5 - 1959	E. "Phong trào hòa bình" ở miền Nam.
7/ 17 - 01 - 1960	F. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III.
8/ 20 - 12 - 1960	G. Miền Bắc cải tạo XHCN.
9/ 5 - 9 - 1960	H. Pháp rút khỏi Hà Nội.
10/ 2 - 01 - 1963	I. Chiến thắng Ấp Bắc.
11/ 2 - 12 - 1964	K. Đồng khởi Bến Tre.
	L. Chiến thắng Bình Giã.

Câu 94. Lực lượng giữ vai trò quan trọng và không ngừng tăng lên về số lượng và trang bị trong "Chiến tranh cục bộ" là lực lượng nào?

A. Lực lượng quân ngụy.
B. Lực lượng quân viễn chinh Mĩ.
C. Lực lượng quân chư hầu.
D. Tất cả các lực lượng trên.

Câu 95. "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ ở miền Nam (1965 - 1968) là loại chiến tranh xâm lược theo kiểu thực dân cũ?

A. Sai.
B. Đúng.

Câu 96. Điểm nào trong các điểm sau đây là điểm khác nhau giữa" Chiến tranh cục bộ" và "Chiến tranh đặc biệt"?

A. Sử dụng lực lượng quân viễn chinh Mĩ, quân chư hầu và tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc.

B. Sử dụng cố vấn Mĩ, vũ khí và phương tiện chiến tranh của Mĩ.

C. Là loại hình chiến tranh thực dân mới nhằm chống lại cách mạng miền Nam.

D. Tất cả các điểm trên.

Câu 97. Cuộc hành quân mang tên "Ánh sáng sao" nhằm thí điểm cho "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ diễn ra ở đâu?

A. Núi Thành.
B. Chu Lai.
C. Vạn Tường.
D. Ba Gia.

Câu 98. Trận đọ sức giữa bộ đội chủ lực của ta và quân viễn chinh Mĩ ở Vạn Tường (Quảng Ngãi) chứng tỏ điều gì?

A. Quân ta đã đánh bại chiến lược chiến tranh cục bộ của Mĩ.

B. Bội đội chủ lực của ta đủ khả năng đánh bại quân viễn chinh Mĩ.

C. Cách mạng miền Nam chuyển sang giai đoạn mới.

D. Tất cả các ý trên đều đúng.

Câu 99. Chiến thắng Vạn Tường (Quảng Ngãi) vào ngày 18-8-1968, chứng tỏ điều gì?

A. Lực lượng vũ trang cách mạng miền Nam đủ sức đương đầu và đánh bại quân viễn chinh Mĩ.

B. Lực lượng vũ trang miền Nam đã trưởng thành nhanh chóng.

C. Quân viễn chinh Mĩ đã mất khả năng chiến đấu.

D. Cách mạng miền Nam đã giành thắng lợi trong việc đánh bại "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ.

Câu 100. Cuộc phản công chiến lược mùa khô (1965-1966) của Mĩ kéo dài trong bao lâu, với bao nhiêu cuộc hành quân lớn nhỏ?

A. 5 tháng, với 540 cuộc hành quân. B. 6 tháng, với 450 cuộc hành quân.

C. 7 tháng, với 550 cuộc hành quân. D. 4 tháng, với 450 cuộc hành quân.

Câu 101. Trong cuộc phản công chiến lược mùa khô (1965-1966) của Mĩ đã bị quân dân miền Nam loại khỏi vòng chiến đấu bao nhiêu tên địch?

A. 68.000 tên địch. B. 104.000 tên địch.

C. 86.000 tên địch. D. 76.000 tên địch.

Câu 102. Trong mùa khô lần thứ hai Mĩ đã mở các cuộc hành quân then chốt đánh vào miền Đông Nam Bộ. Hãy cho biết cuộc hành quân nào lớn nhất?

A. At-tơn-bô-rơ. B. Xê-đan-phôn.

C. Gian-Xơn - xi-ti. D. Tất cả các cuộc hành quân trên.

Câu 103. Trong mùa khô lần hai (1966-1967), quân dân ta đã loại khỏi vòng chiến đấu bao nhiêu tên địch?

A. 140.000 tên B. 150.000 tên. C. 160.000 tên. D. 175.000 tên.

Câu 104. Vì sao vào Xuân 1968, ta chủ trương mở cuộc " tổng công kích, tổng khởi nghĩa" trên toàn miền Nam?

A. Tình hình kinh tế, tài chính của Mĩ đang khủng hoảng trầm trọng.

B. Địch bị thất bại nặng nề trong hai cuộc phản công chiến lược mùa khô.

C. Tinh thần ý chí xâm lược của Mĩ giảm sút, mâu thuẫn trong nội bộ Mĩ trong năm bầu cử tổng thống.

D. Tất cả các lí do trên.

Câu 105. Ghi thời gian ba đợt tấn công và nổi dậy của quân dân ta trong Tết Mậu Thân (1968)

A. Đợt I: ....

B. Đợt II: ....

C. Đợt III: ....

Câu 106. Trong đợt I của cuộc tổng công kích, tổng khởi nghĩa Tết Mật Thân 1968, ta đã loại khỏi vòng chiến đấu bao nhiêu tên địch?

A. 175.000 tên địch. B. 150.000 tên địch.

C. 43.000 tên địch. D. 67.000 tên địch.

Câu 107. Hạn chế lớn nhất làm mục tiêu của cuộc tổng công kích, tổng nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 không đạt được là gì?

A. Ta chủ quan trong việc đánh giá cao lực lượng của mình, đánh giá thấp lực lượng địch.

B. Do tư tưởng nóng vội, muốn giành thắng lợi lớn, kết thúc nhanh chiến tranh.

C. Chỉ đạo không chủ động, kịp thời điều chỉnh kế hoạch rút khỏi thành phố sau đợt I.

D. Lực lượng của địch còn đông, cơ sở ở thành thị còn mạnh.

Câu 108. Cuộc tổng tiến công kích và tổng nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 là thắng lợi và là bước nhảy vọt thứ mấy của cách mạng miền Nam?

A. Thắng lợi thứ ba và là bước nhảy vọt thứ hai.

B. Thắng lợi thứ ba và là bước nhảy vọt thứ nhất.

C. Thắng lợi thứ tư và là bước nhảy vọt thứ hai.

D. Thắng lợi thứ năm và là bước nhảy vọt thứ hai.

Câu 109. Ý nghĩa lớn nhất của cuộc tổng công kích, tổng nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 là gì?

A. Đã làm lung lay ý chí xâm lược của quân viễn chinh Mĩ, buộc chúng phải tuyên bố phi Mĩ hóa" chiến tranh xâm lược.

B. Buộc Mĩ phải chấm dứt không điều kiện chiến tranh phá hoại miền Bắc.

C. Mĩ phải đến Hội nghị Pa-ri để đàm phán với ta.

D. Đây là đòn đánh bất ngờ, làm cho Mĩ không dám đưa quân Mĩ và quân chư hầu vào miền Nam.

Câu 110. Mĩ chính thức gây chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất vào thời gian nào?

A. Ngày 5 - 8 - 1964. B. Ngày 7 - 2 - 1965.

C. Ngày 8 - 5 - 1965. D. Ngày 2 - 7 - 1965.

Câu 111. Âm mưu nào dưới đây không nằm trong âm mưu chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất của Mĩ?

A. Phá tiềm lực kinh tế, phá công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

B. Cứu nguy cho chiến lược " Chiến tranh cục bộ" ở miền Nam.

C. Ngăn chặn nguồn chi viện từ bên ngoài vào miền Bắc và từ miền Bắc vào miền Nam.

D. Uy hiếp tinh thần, làm lung lay quyết tâm chống Mĩ của nhân dân ta ở hai miền đất nước.

Câu 112. Cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất của Mĩ kéo dài trong thời gian nào?

A. Từ 5-8-1964 đến 1-11-1968. B. Từ 7-2-1965 đến 1-12-1968.

C. Từ 8-5-1964 đến 1-11-1968. D. Từ 2-7-1964 đến 11-1-1968.

Câu 113. Trong cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Mĩ, miền Bắc đã bắn rơi bao nhiêu máy bay Mĩ?

A. 2.343 máy bay. B. 3.234 máy bay.

C. 2.334 máy bay. D. 3.243 máy bay.

Câu 114. Các khẩu hiệu trong phong trào thi đua yêu nước, chống Mĩ cứu nước của lực lượng vũ trang, của giai cấp công nhân, của nông dân tập thể:

A. Của lực lượng vũ trang..

B. Của công nhân..

C. Của nông dân...

Câu 115. Vì sao Mĩ buộc phải tuyên bố ngừng hẳn ném bom, bắn phá miền Bắc?

A. Bị thất bại trong "Chiến tranh cục bộ" ở miền Nam.

B. Bị thiệt hại nặng nề trong chiến tranh phá hoại miền Bắc.

C. Bị nhân dân Mĩ và nhân dân thế giới lên án.

D. Bị thiệt hại nặng nề ở cả hai miền Nam - Bắc cuối năm 1968.

Câu 116. Thắng lợi của quân dân miền Bắc trong cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Mĩ đã thể hiện điều gì?

A. Khẳng định quyết tâm chống Mĩ cứu nước của nhân dân ta.

B. Góp phần làm lung lay ý chí xâm lược của Mĩ.

C. Buộc Mĩ phải rút quân về nước.

D. Câu A và B đúng.

Câu 117. Điền vào chỗ trống câu sau đây: "Nguồn lực chi viện cùng với thắng lợi của quân dân miền Bắc trong những năm 1965 – 1968 đã góp phần quyết định vào thắng lợi của quân dân miền Nam trong cuộc chiến đấu chống chiến tranh ....của Mĩ-Ngụy.

A. Chiến tranh đơn phương. B. Chiến tranh đặc biệt.

C. Chiến tranh cục bộ. D. Việt Nam hoá chiến tranh.

Câu 118. Chiến lược toàn cầu mà Nich-xơn đề ra đầu 1969 là gì?

A. "Bên miệng hố chiến tranh". B. "Phản ứng linh hoạt".

C. "Học thuyết Nich-xơn". D. "Ngăn đe thực tế".

Câu 119. Điểm khác nhau giữa "Chiến tranh đặc biệt" và "Việt Nam hoá" chiến tranh là gì?

A. Hình thức chiến tranh thực dân mới của Mĩ.

B. Có sự phối hợp của một bộ phận đáng kể lực lượng chiến đấu Mĩ.

C. Dưới sự chỉ huy của một hệ thống cố vấn quân sự Mĩ.

D. Câu A và B đúng.

Câu 120. Để quân ngụy có thể tự đứng vững, tự gánh vác lấy chiến tranh, Mĩ đã làm gì?

A. Tăng viện trợ kinh tế, giúp quân ngụy đẩy mạnh chính sách "bình định".

B. Tăng đầu tư vốn, kĩ thuật phát triển kinh tế ở miền Nam.

C. Tăng viện trợ quân sự, giúp quân đội tay sai tăng số lượng và trang bị hiện đại.

D. Mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc, tăng cường và mở rộng chiến tranh sang Lào và Cam-pu-chia.

Câu 121. Ngày 6-6-1969 gắn với sự kiện lịch sử nào của dân tộc ta?

A. Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam đến Hội nghị Pa-ri.

B. Hội nghị cấp cao ba nước Đông Dương.

C. Mĩ mở rộng tấn công phá hoại miền Bắc lần thứ hai.

D. Chính phủ lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam ra đời.

Câu 122. Đầu năm 1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã động viên tinh thần chiến đấu của quân dân ta như thế nào?

A. "Hễ còn một thằng Mĩ thì ta phải chiến đấu quét sạch nó đi".

B. "Vì độc lập tự do, đánh cho Mĩ cút, đánh cho ngụy nhào".

C. "Năm mới thắng lợi mới".

D. "Tiến lên ! Toàn thắng ắt về ta".

Câu 123. Hãy điền niên đại vào các sự kiện sau cho phù hợp:

TT	*Niên đại*	*Sự kiện*
1	24 và 25-4-1970	A..........Đập tan cuộc hành quân lấn chiếm cánh đồng Chum, Xiêng Khoảng (Lào).
2	Đông xuân 1969 - 1970	B..............Hội nghị cấp cao ba nước Đông Dương.
3	12-2 đến 21-3-1971	C..............Đập tan cuộc hành quân Lam Sơn 719, tại đường 9 Nam Lào.

Câu 124. Thắng lợi của quân dân ta phối hợp với quân dân Lào trong việc đánh bại cuộc hành quân Lam Sơn 719 tại đường 9 Nam Lào đã:

A. Loại khỏi vòng chiến đấu 22.000 tên Mĩ - ngụy, quét sạch quân Mĩ - ngụy còn lại ở đường 9 Nam Lào, giữ hành lan chiến lược của cách mạng ở Đông Dương.

B. Làm thất bại hoàn toàn chiến lược "Đông Dương hoá" chiến tranh của Mĩ-ngụy.

C. Loại khỏi vòng chiến đấu 45.000 tên Mĩ-ngụy, giữ vững hành lang chiến lược cách mạng ở Đông Dương.

D. Câu B và C đúng.

Câu 125. Phong trào đấu tranh chính trị trong thời kì chống chiến lược "Việt Nam hóa" chiến tranh của Mĩ ở miền Nam diễn ra khắp Sài Gòn, Huế, Đà Nẵng... trong đó vai trò quan trọng nhất thuộc về giai cấp nào?

A. Công nhân, Nông dân.

B. Dân nghèo thành thị.

C. Tuổi trẻ, học sinh, sinh viên.

D. Các tổ chức Phật tử.

Câu 126. Đến đầu 1971, cách mạng đã giành được quyền làm chủ thêm bao nhiêu ấp chiến lược? Với bao nhiêu dân?

A. 36.000 ấp với 6 triệu dân.

B. 3.600 ấp với 3triệu dân.

C. 6.300 ấp với 4 triệu dân.

D. 3.400 ấp với 3 triệu dân.

Câu 127. Mở đầu cuộc tổng tiến công chiến lược 1972, quân ta tấn công vào:

A. Tây Nguyên.

B. Đông Nam Bộ.

C. Nam Trung Bộ. D. Quảng Trị.

Câu 128. Cuộc tiến công chiến lược 1972, diễn ra trong thời gian nào?

A. Từ 3-1972 đến cuối 5-1972.

B. Từ 3-1972 đến cuối 6-1972.

C. Từ 5-1972 đến cuối 6-1972.

D. Từ 4-1972 đến cuối 6-1972.

Câu 129. Ý nghĩa nào dưới đây không nằm trong thắng lợi của cuộc tổng tiến công chiến lược 1972?

A. Mở ra một bước ngoặt cho cuộc kháng chiến chống Mĩ.

B. Giáng một đòn mạnh mẽ vào quân ngụy và quốc sách "bình định" của "Việt Nam hoá" chiến tranh.

C. Buộc Mĩ ngừng ngay cuộc ném bom đánh phá miền Bắc 12 ngày đêm.

D. Buộc Mĩ tuyên bố "Mĩ hoá" trở lại chiến tranh xâm lược, thừa nhận sự thất bại của chiến lược "Việt Nam hóa" chiến tranh.

Câu 130. Ních-xơn đã tuyên bố chính thức cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai vào thời gian nào?

A. 6-4-1972. B. 30-3-1972. C. 9-5-1972. D. 16-4-1972.

Câu 131. Tập đoàn Ních-xơn thực hiện cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai với ý đồ gì?

A. Cứu nguy cho chiến lược "Việt Nam hoá" chiến tranh và tạo thế mạnh trên bàn đàm phán ở Pa-ri.

B. Ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc đối với miền Nam.

C. Làm lung lay ý chí quyết tâm chống Mĩ cứu nước của nhân dân ta.

D. Phong tỏa cảng Hải Phòng và các sông, luồng lạch, vùng biển miền Bắc.

Câu 132. Quân dân ta đã bắn rơi 651 máy bay, bắn cháy và bị thương 80 tàu chiến Mĩ, bắt sống hàng trăm tên giặc lái. Đó là kết quả của sự kiện lịch sử nào?

A. Đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Mĩ ở miền Bắc.

B. Đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai của Mĩ ở miền Bắc.

C. Đánh bại cuộc tập kích chiến lược 12 ngày đêm của Mĩ ra miền Bắc.

D. Đánh bại hai lần chiến tranh phá hoại của Mĩ ở miền Bắc.

Câu 133. Cuộc tập kích bằng không quân chiến lược của Mĩ trong 12 ngày đêm của Mĩ ở miền Bắc diễn ra vào thời gian nào?

A. Từ 12-8-1972 đến 29-12-1972. B. Từ 18-12-1972 đến 20-12-1972.

C. Từ 20-12-1972 đến 20-12-1972. D. Từ 18-12-1972 đến 29-12-1972.

Câu 134. Điền sự kiện vào niên đại sau:

A. 14 - 12 - 1972..

B. 30 - 12 - 1972..

C. 15 - 1 - 1973..

Câu 135. Vì sao Mĩ chấp nhận thương lượng với Việt Nam ở Hội nghị Pa-ri?

A. Bị thất bại trong chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất.

B. Bị đánh bất ngờ trong cuộc tập kích chiến lược của ta vào Tết Mậu Thân 1968.

C. Bị thất bại trong cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai.

D. Bị thua đau trong cuộc tập kích chiến lược 12 ngày đêm đánh phá miền Bắc.

Câu 136. Cuộc thương lượng chính thức hai bên giữa đại diện Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và đại diện chính phủ Hoa Kì ở Pa-ri diễn ra vào thời gian nào?

A. 31-3-1968. B. 15-5-1968. C. 13-3-1968. D. 15-3-1968.

Câu 137. Cuộc đàm phán giữa Chính phủ ta với chính phủ Hoa Kì bị gián đoạn trong thời gian nào?

A. Từ 3 đến 9 - 1972. B. Từ 3 đến 11 - 1972.

C. Câu A và B đúng. D. Không hề bị gián đoạn.

Câu 138. Để đi đến dự thảo Hiệp định Pa-ri về Việt Nam (10-1972), Hội nghị bốn bên ở Pa-ri đã trải qua bao nhiêu phiên họp chung và bao nhiêu cuộc tiếp xúc riêng?

A. 120 cuộc họp chung và 20 cuộc tiếp xúc riêng.

B. 202 cuộc họp chung và 24 cuộc tiếp xúc riêng.

C. 150 cuộc họp chung và 15 cuộc tiếp xúc riêng.

D. 180 cuộc họp chung và 26 cuộc tiếp xúc riêng.

Câu 139. Sắp xếp lại các sự kiện sau đây theo thứ tự thời gian:

A. Hội nghị bốn bên chính thức họp phiên đầu tiên tại Pa-ri.

B. Ních-xơn tuyên bố ngừng mọi hoạt động chống phá miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra.

C. Hội nghị Pa-ri đưa ra dự thảo về việc chấm dứt chiến tranh lập lại hoà bình ở Việt Nam.

D. Văn bản Hiệp định được hoàn tất và hai bên thỏa thuận ngày ký chính thức hiệp định Pa-ri.

E. Tập đoàn Ních-xơn trở mặt, đòi xét lại văn bản Hiệp định đã được thỏa thuận.

G. Hiệp định Pa-ri được kí chính thức.

H. Hiệp dịnh Pa-ri được kí tắt giữa đại diện hai chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Hoa Kì.

I. Hiệp dịnh Pa-ri có hiệu lực thi hành.

Câu 140. Hãy xác định nội dung cơ bản của Hiệp định Pa-ri:

A. Hoa Kì và các nước cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

B. Hoa Kì rút hết quân viễn chinh và quân chư hầu về nước.

C. Các bên để cho nhân dân miền Nam Việt Nam tự quyết định tương lai chính trị của họ thông qua cuộc tổng tuyển cử tự do.

D. Các bên ngừng bắn tại chỗ, trao trả cho nhau tù binh và dân thường bị bắt.

Câu 141. Hãy điền vào chỗ trống câu sau đây cho đúng:

"Hiệp định Pa-ri về Việt Nam là kết quả của cuộc đấu tranh kiên cường, bất khuất của..."

A. Quân dân miền Bắc đánh bại chiến tranh phá hoại lần thứ hai của Mĩ.

B. Quân dân miền Nam đánh bại chiến lược "Việt Nam hóa" chiến tranh của Mĩ.

C. Quân dân ta trên cả hai miền đất nước.

D. Quân dân miền Nam trong cuộc tiến công chiến lược 1972.

Câu 142. Thắng lợi quan trọng của Hiệp định Pa-ri đối với sự nghiệp kháng chiến chống Mĩ cứu nước như thế nào?

A. Đánh cho "Mĩ cút" "ngụy nhào".

B. Phá sản hoàn toàn chiến lược "Việt Nam hóa" chiến tranh của Mĩ.

C. Tạo thời cơ thuận lợi để nhân dân ta tiến lên đánh cho "ngụy nhào".

D. Tạo thời cơ thuận lợi để nhân dân ta tiến lên đánh cho "Mĩ cút" "ngụy.

Câu 143. Thời điểm nào lực lượng Mĩ và quân Đồng minh ở Miền Nam tăng hơn 1 triệu quân?

A. 1966. B. 1967. C. 1968. D. 1969.

Câu 144. Chiến lược "Chiến tranh cục bộ", được sử dụng theo công thức nào?

A. Cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới, tiến hành bằng quân Ngụy là chủ yếu + vũ khí + trang thiết bị hiện đại của Mĩ.

B. Cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới, tiến hành bằng quân Mĩ là chủ yếu + quân Ngụy + vũ khí + trang thiết bị hiện đại của Mĩ.

C. Cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới, tiến hành bằng lực lượng quân đội Mĩ + quân Đồng minh + quân Ngụy + trang thiết bị hiện đại của Mĩ.

D. Cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới, tiến hành bằng lực lượng quân đội Mĩ + quân Đồng minh + trang thiết bị hiện đại của Mĩ.

Câu 145. Chiến lược "Chiến tranh cục bộ" có điểm gì khác cơ bản so với "Chiến tranh đặc biệt"?

A. Lực lượng quân đội Ngụy giữ vai trò quan trọng.

B. Lực lượng quân đội Mĩ giữ vai trò quan trọng nhất.

C. Sử dụng trang thiết bị, vũ khí của Mĩ.

D. Lực lượng quân đội Mĩ + quân Đồng minh giữ vai trò quyết định.

Câu 146. Điểm nào trong các điểm sau đây là điểm khác nhau giữa "Chiến tranh cục bộ" và "Chiến tranh đặc biệt"?

A. Sử dụng lực lượng quân viễn chinh Mĩ, quân Đồng minh và tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc.

B. Sử dụng cố vấn Mĩ, vũ khí và phương tiện chiến tranh của Mĩ.

C. Là loại hình chiến tranh thực dân mới nhằm chống lại cách mạng miền Nam.

D. A và B là điểm khác nhau.

Câu 147. Trận đọ sức giữa bộ đội chủ lực ta và quân viễn chinh Mĩ ở Vạn Tường (Quảng Ngãi) diễn ra vào thời gian nào?

A. 16-8-1965 B. 18-8-1965 C. 18-6-1965 D. 16-5-1965

Câu 148. Mở đầu cao trào "Tìm Mĩ mà đánh, tìm Ngụy mà diệt" trên khắp chiến trường miền Nam là ý nghĩa của chiến thắng nào?

A. Ấp Bắc B. Mùa khô 1965 - 1966

C. Vạn Tường D. Mùa khô 1966 -1967

Câu 149. Cuộc hành quân nào của quân đội viễn chinh Mĩ nhằm mục đích tìm kiếm một thắng lợi quân sự để gây thanh thế cho lính thủy đánh bộ Mĩ?

A. Cuộc hành quân của Mĩ tấn công Vạn Tường - Quảng Ngãi (18.8.1965).

B. Cuộc phản công mùa khô 1965 - 1966.

C. Cuộc phản công mùa khô 1966 - 1967.

D. Cuộc hành quân Gian-Xơn Xi-ty đánh vào căn cứ Dương Minh Châu (Bắc Tây Ninh).

Câu 150. Ý nghĩa quan trọng nhất của chiến thắng Vạn Tường (Quảng Ngãi) là gì?

A. Chiến thắng Vạn Tường được coi như là "Ấp Bắc" đối với quân Mĩ.

B. Cổ vũ quân dân cả nước quyết tâm đánh thắng Mĩ.

C. Khẳng định khả năng có thể đánh thắng Mĩ đã trở thành hiện thực.

D. Nâng cao uy tín của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

Câu 151. Trong cuộc phản công chiến lược mùa khô (1965 - 1966) của Mĩ nhằm vào hướng chính nào?

A. Miền Đông Nam Bộ.

B. Đồng bằng khu V và miền Đông Nam Bộ.

C. Đồng bằng khu V và miền Tây Nam Bộ.

D. Miền Đông Nam Bộ và miền Tây Nam Bộ.

Câu 152. Trên toàn miền Nam, quân ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 104.000 địch, trong đó có 42.000 quân Mĩ, 3.500 quân Đồng minh, bắn rơi 1.430 máy bay. Đó là kết quả của chiến thắng nào?

A. Ấp Bắc. B. Vạn Tường.

C. Mùa khô 1965 - 1966. D. Mùa khô 1966-1967.

Câu 153. Trong mùa khô thứ hai (1966 - 1967) Mĩ đã mở các cuộc hành quân vào miền Đông Nam Bộ. Cuộc hành quân nào lớn nhất?

A. At-tơn-bô-rô. B. Xê-đan-phôn.

C. Gian-Xơn-Xi-ty. D. Xê-đan-phôn và Gian-Xơn-xi-ty.

Câu 154. Nguyên nhân chủ yếu ta mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân (1968)?

A. So sánh lực lượng thay đổi có lợi cho ta sau hai mùa khô.

B. Tình hình kinh tế, chính trị, xã hội Mĩ gặp nhiều khó khăn.

C. Phong trào phản đối chiến tranh xâm lược của nhân dân thế giới lên cao.

D. Tinh thần chiến đấu của binh lính Mĩ giảm sút.

Câu 155. Đâu là yếu tố bất ngờ nhất của cuộc tiến công và nổi dậy trong Tết Mậu Thân (1968)?

A. Mở đầu cuộc tiến công vào đêm giao thừa, đồng loạt ở 37 tỉnh, 5 thành phố.

B. Tiến công vào các vị trí đầu não của địch ở Sài Gòn.

C. Tiến công vào Bộ Tổng tham mưu quân đội Sài Gòn.

D. Tiến công vào sân bay Tân Sơn Nhất.

Câu 156. Chiến thắng nào của quân dân miền Nam trong giai đoạn 1965 - 1968, tác động mạnh nhất đến nhân dân Mĩ?

A. Trận Vạn Tường (18-8-1965).

B. Chiến thắng mùa khô (1965 - 1966).

C. Chiến thắng mùa khô (1966 - 1967).

D. Tổng tiến công tết Mậu Thân (1968).

Câu 157. Âm mưu cơ bản nhất của việc Mĩ tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc?

A. "Trả đũa" việc quân giải phóng miền Nam tiến công doanh trại Mĩ ở Plâycu.

B. Phá hoại hậu phương lớn của miền Nam (phá hoại tiềm lực kinh tế, quốc phòng, công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc).

C. Ngăn chặn nguồn chi viện từ bên ngoài vào miền Bắc ?

D. Uy hiếp tinh thần, làm lung lay ý chí chống Mĩ của nhân dân ta.

Câu 158. Tội ác tàn bạo nhất của đế quốc Mĩ trong việc đánh phá miền Bắc nước ta?

A. Ném bom vào các mục tiêu quân sự.

B. Ném bom vào các đầu mối giao thông (cầu cống, đường sá).

C. Ném bom vào các nhà máy, xí nghiệp, hầm mỏ, các công trình thủy lợi.

D. Ném bom vào khu đông dân, trường học, nhà trẻ, bệnh viện, khu an dưỡng.

Câu 159. Âm mưu nào dưới đây không nằm trong âm mưu tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất của Mĩ?

A. Phá tiềm lực kinh tế, phá công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc.

B. Cứu nguy cho chiến lược "Chiến tranh cục bộ" ở miền Nam.

C. Ngăn chặn nguồn chi viện từ bên ngoài vào miền Bắc và từ miền Bắc vào miền Nam.

D. Uy hiếp tinh thần, làm lung lay quyết tâm chống Mĩ của nhân dân hai miền Nam - Bắc.

Câu 160. Nhiệm vụ cơ bản của miền Bắc trong thời kì 1965 - 1968?

A. Chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mĩ.

B. Đảm bảo giao thông vận tải thường xuyên thông suốt, phục vụ chiến đấu, sản xuất và đời sống.

C. Vừa chiến đấu, vừa sản xuất và thực hiện nhiệm vụ hậu phương lớn.

D. Hỗ trợ cho cuộc chiến đấu của nhân dân miền Nam.

Câu 161. Thời điểm nào Giôn-xơn tuyên bố ngừng hẳn chiến tranh phá hoại miền Bắc?

A. 1-9-1968. B. 1-10-1968. C. 1-11-1968. D. 1-12-1968.

Câu 162. Tinh thần chiến đấu của quân dân miền Bắc chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mĩ được thể hiện qua khẩu hiệu nào?

A. Không có gì quý hơn độc lập tự do.

B. Nhằm thẳng quân thù mà bắn.

C. Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người.

D. Thanh niên "ba sẵn sàng", phụ nữ "ba đảm đang".

Câu 163. Câu nói "Không có gì quý hơn độc lập tự do" được Bác Hồ nói trong thời gian nào?

A. Hội nghị Chính trị đặc biệt (3-1964).

B. Văn kiện Hội nghị TW Đảng lần thứ 12 (12-1965).

C. Lời kêu gọi kháng chiến chống Mĩ (17-7-1966).

D. Kì họp thứ hai Quốc hội khóa III (4-1965).

Câu 164. Khẩu hiệu "Nhằm thẳng quân thù mà bắn" là của ai?

A. Nguyễn Văn Trỗi. B. Nguyễn Viết Xuân.

C. Tự vệ mỏ than Quảng Ninh. D. 12 cô gái Đồng Lộc.

Câu 165. Thực hiện nghĩa vụ hậu phương lớn đối với tiền tuyến, miền Bắc sẵn sàng với tinh thần gì?

A. Tất cả vì tiền tuyến.

B. Tất cả để chiến thắng.

C. Mỗi người làm việc bằng hai.

D. Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người.

Câu 166. Ý nghĩa lớn nhất của việc miền Bắc đánh bại chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mĩ là gì?

A. Thể hiện quyết tâm đánh thắng giặc Mĩ của quân dân ta.

B. Làm lung lay ý chí xâm lược của đế quốc Mĩ.

C. Bảo vệ miền Bắc.

D. Đánh bại âm mưu phá hoại miền Bắc của đế quốc Mĩ, miền Bắc tiếp tục làm nhiệm vụ của hậu phương lớn.

Câu 167. Vì sao Mĩ buộc phải tuyên bố ngừng hẳn ném bom, bắn phá miền Bắc lần thứ nhất?

A. Bị thất bại trong "Chiến tranh cục bộ" ở miền Nam.

B. Bị thiệt hại nặng nề trong chiến tranh phá hoại miền Bắc.

C. Bị nhân dân Mĩ và nhân dân thế giới lên án.

D. Bị thiệt hại nặng nề ở 2 miền Nam - Bắc cuối 1968.

Câu 168. Thắng lợi của quân dân miền Bắc trong cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mĩ đã có tác dụng như thế nào đối với cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của nhân dân ta?

A. Khẳng định quyết tâm chống Mĩ cứu nước của nhân dân ta, góp phần làm lung lay ý chí xâm lược của Mĩ.

B. Buộc Mĩ phải rút quân Mĩ và quân chư hầu của Mĩ về nước.

C. Buộc Mĩ phải chấp nhận đàm phán với ta ở Pa-ri.

D. Buộc Mĩ phải chấp nhận kí kết Hiệp định Pa-ri.

Câu 169. Nguồn lực chi viện, cùng với chiến thắng của quân dân miền Bắc đã góp phần quyết định vào thắng lợi của quân dân miền Nam trong cuộc chiến đấu chống chiến lược chiến tranh nào của Mĩ -Ngụy?

A. Chiến lược "Chiến tranh một phía".

B. Chiến lược "Chiến tranh đặc biệt".

C. Chiến lược "Chiến tranh cục bộ".

D. Chiến lược "Việt Nam hóa" chiến tranh.

Câu 170. Trong giai đoạn chiến tranh phá hoại (1965 – 1968) lý do nào là cơ bản nhất miền Bắc đẩy mạnh phát triển kinh tế địa phương, nhất là chú trọng phát triển nông nghiệp?

A. Đảm bảo cho nhu cầu chiến đấu tại chỗ.

B. Đảm bảo đời sống cho nhân dân địa phương.

C. Hạn chế được sự tàn phá của chiến tranh.

D. Miền Bắc phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của hậu phương lớn, chi viện theo yêu cầu về sức người sức của cho miền Nam, cả Lào và Cam-pu-chia.

Câu 171. Tuyến đường vận chuyển chiến lược Bắc - Nam mang tên Hồ Chí Minh trên bộ, bắt đầu khai thông từ lúc nào?

A. Tháng 3 - 1959. B. Tháng 4 - 1959.

C. Tháng 5 - 1959. D. Tháng 6 - 1959.

Câu 172. Nối niên đại ở cột A với sự kiện ở cột B:

A	*B*
1. 1965 - 1966	A. Mĩ tiến hành chiến lược "chiến tranh cục bộ".
2. 5 - 8 - 1964	B. Mĩ tiến hành mùa khô thứ hai.
3. 30-1 - 25-2-1968	C. Tổng tiến công nổi dậy Mậu Thân.
4. 7 -2 - 1965	D. Mĩ tuyên bố ngừng ném bom Miền Bắc.
5. 1965 - 1968	E. Khai thông đường Hồ Chí Minh.
6. 1966 - 1967	F. Mĩ tiến hành mùa khô thứ nhất.
7. 18 - 8 - 1965	G. Đợt tấn công thứ nhất Mậu Thân.
8. 31 - 1 - 1968	H Chiến tranh phá hoại lần thứ nhất.
9. 1 - 11 - 1968	I. Mĩ dựng sự kiện "Vịnh Bắc Bộ"
10. 5 - 1959	K. Chiến thắng Vạn Tường.

Câu 173. Chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của Ních-xơn có gì giống so với chiến lược "Chiến tranh cục bộ"?

A. Về mục đích của chiến tranh. B. Về vai trò của quân đội Mĩ.

C. Vai trò quả quân đội Ngụy. D. Về vai trò của "ấp chiến lược"

Câu 174. Trong "Việt Nam hóa" chiến tranh, lực lượng nào là chủ yếu để tiến hành chiến tranh?

A. Quân đội Mĩ. B. Quân đội ngụy.

C. Quân đội Mĩ + các đồng minh. D. Quân đội Mĩ + quân đội ngụy.

Câu 175. Âm mưu cơ bản của chiến lược "Việt Nam hóa" chiến tranh là gì?

A. Rút dần quân Mĩ về nước.

B. Tận dụng người Việt Nam vì mục đích thực dân mới của Mĩ.

C. Đề cao học thuyết Ních-xơn.

D. "Dùng người Việt đánh người Việt".

Câu 176. Chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" có gì mới so với các chiến lược chiến tranh trước?

A. Tìm cách chia rẽ Việt Nam với các nước XHCN.

B. Gắn "Việt Nam hóa" với "Đông Dương hóa chiến tranh"

C. Được tiến hành bằng quân đội tay sai là chủ yếu, có sự phối hợp đáng kể của quân đội Mĩ.

D. A, B và C đúng.

Câu 177. Thủ đoạn trong chiến lược "Việt Nam hóa" chiến tranh là gì?

A. Tăng số lượng ngụy quân.

B. Rút dần quân Mĩ về nước.

C. Mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc, tiến hành chiến tranh xâm lược Lào, Cam-pu-chia.

D. Cô lập cách mạng Việt Nam.

Câu 178. Ngày 24, 25-4-1970, Hội nghị cấp cao 3 nước Đông Dương họp nhằm mục đích gì?

A. Bắt tay nhau cùng kháng chiến chống Mĩ.

B. Vạch trần âm mưu "Đông Dương hóa chiến tranh" của đế quốc Mĩ.

C. Đối phó với âm mưu của đế quốc Mĩ và biểu thị quyết tâm đoàn kết chiến đấu chống Mĩ của nhân dân ba nước Đông Dương.

D. Xây dựng căn cứ địa kháng chiến của nhân dân ba nước Đông Dương.

Câu 179. Đập tan cuộc hành quân "Lam Sơn 719" (12 đến 23-3-1971) có sự phối hợp của quân đội nước nào?

A. Quân đội Việt Nam, quân dân Lào.

B. Quân đội Việt Nam, quân dân Cam-pu-chia.

C. Quân đội Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia.

D. Quân dân Lào, Cam-pu-chia.

Câu 180. Thắng lợi của quân ta phối hợp với quân Lào trong việc đánh bại cuộc hành quân Lam Sơn 719 tại đường 9 Nam Lào đã mang lại kết quả như thế nào?

A. Loại khỏi vòng chiến đấu 45.000 tên Mĩ - Ngụy, giữ vững hành lang chiến lược cách mạng ở Đông Dương.

B. Loại khỏi vòng chiến đấu 22.000 tên Mĩ.

C. Làm thất bại chiến lược "Đông Dương hóa" chiến tranh của Mĩ.

D. Làm thất bị chiến lược "Việt Nam hóa" ra "Đông Dương hóa" chiến tranh của Mĩ.

Câu 181. Nguyên nhân nào cơ bản nhất để ta mở cuộc tiến công chiến lược 1972?

A. Ta giành thắng lợi trên các mặt trận quân sự, chính trị, ngoại giao trong 3 năm 1969, 1970, 1971.

B. Nước Mĩ nảy sinh nhiều mâu thuẫn qua cuộc bầu cử Tổng thống (1972).

C. Địch chủ quan do phán đoán sai thời gian, quy mô và hướng tiến công của ta.

D. Ngụy quyền Sài Gòn gặp nhiều khó khăn.

Câu 182. Vì sao Mĩ buộc phải tuyên bố "Mĩ hóa" trở lại chiến tranh xâm lược và thừa nhận sự thất bại của "Việt Nam hóa" chiến tranh?

A. Do thắng lợi liên tiếp của ta trên các mặt trận quân sự, trong ba năm 1969, 1970, 1971.

B. Sau đòn tấn công bất ngờ, choáng váng của ta trong cuộc tiến công chiến lược 1972 (mở đầu 30-3-1972).

C. Thắng lợi của ta trên mặt trận ngoại giao ở Pa-ri.

D. Do thắng lợi của nhân dân miền Bắc khắc phục hậu quả chiến tranh phá hoại lần nhất, tiếp tục chi viện không ngừng cho miền Nam.

Câu 183. Ý nghĩa lịch sử nào là cơ bản nhất của cuộc tiến công chiến lược 1972?

A. Đã mở ra một bước ngoặt của cuộc kháng chiến chống Mĩ của nhân dân ta.

B. Đã giáng một đòn nặng nề vào chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh".

C. Đã giáng một đòn nặng nề vào quân ngụy (công cụ chủ yếu) của Mĩ.

D. Buộc Mĩ tuyên bố "Mĩ hóa" trở lại chiến tranh xâm lược, phải thừa nhận thất bại của chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh".

Câu 184. Trong thời gian chống "Việt Nam hóa" chiến tranh (1969 - 1973) nhiệm vụ nặng nề nhất của miền Bắc là gì?

A. Làm nghĩa vụ hậu phương lớn đối với tiền tuyến miền Nam.

B. Làm nghĩa vụ quốc tế đối với Lào và Cam-pu-chia.

C. Vừa chiến đấu, vừa sản xuất, xây dựng hậu phương, bảo đảm cho cuộc chiến đấu tại chỗ và chi viện cho chiến trường.

D. Phải khắc phục kịp thời, tại chỗ hậu quả của những cuộc chiến tranh ác liệt, tiếp nhận sự việc trợ từ bên ngoài và chi viện theo yêu cầu của tiền tuyến miền Nam, Lào, Cam-pu-chia.

Câu 185. Thắng lợi lớn nhất của quân và dân miền Bắc trong trận "Điện Biên Phủ trên không" là gì?

A. Buộc Mĩ phải tuyên bố ngừng hẳn các hoạt động chống phá miền Bắc.

B. Đánh bại âm mưu phá hoại công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc.

C. Đánh bại âm mưu ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc cho miền Nam, Lào, Cam-pu-chia.

D. Buộc Mĩ kí hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam.

Câu 186. Căn cứ vào lý do chủ yếu nào sau đây để nói rằng Mĩ "đã đặt ngang hàng kẻ đi xâm lược với người chống xâm lược"?

A. Mĩ thiếu thiện chí, muốn kéo dài chiến tranh ở Việt Nam.

B. Mĩ muốn duy trì chế độ tay sai để thực hiện chủ nghĩa thực dân mới

C. Mĩ đòi "có đi có lại", nếu Mĩ rút quân khỏi miền Nam thì quân đội miền Bắc cũng phải rút quân khỏi miền Nam.

D. Mĩ muốn giữ quân chư hầu của Mĩ ở lại miền Nam.

Câu 187. Trong các điều khoản của nội dung Hiệp định Pari (trong SGK), điều khoản nào có ý nghĩa nhất đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam?

A. Hoa Kì và các nước cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

B. Hoa Kì rút hết quân đội của mình và quân Đồng minh, phá hết căn cứ quân sự, cam kết không tiếp tục dính líu quân sự hoặc can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam.

C. Các bên để nhân dân miền Nam tự quyết định tương lai chính trị của họ thông qua tổng tuyển cử tự do.

D. Các bên ngừng bắn tại chỗ, trao trả tù binh và dân thường bị bắt.

Câu 188. Tình hình nhiệm vụ của miền Bắc thời kì 1973 - 1975 có gì khác trước?

A. Khắc phục hậu quả chiến tranh.

B. Khôi phục phát triển kinh tế-văn hóa.

C. Tiếp tục chi viện cho miền Nam và chiến trường Lào, Cam-pu-chia.

D. Không làm nhiệm vụ chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của Mĩ.

Câu 189. Hoàn cảnh lịch sử nào sau Hiệp định Pa-ri có ảnh hưởng trực tiếp đến miền Bắc?

A. Quân Mĩ và Đồng minh rút hết về nước.

B. So sánh lực lượng ở miền Nam có lợi cho ta.

C. Miền Bắc trở lại hòa bình.

D. Miền Bắc tiếp tục chi viện cho miền Nam.

Câu 190. Điền niên đại thích hợp vào chỗ ô trống.

A. ...., miền Bắc căn bản hoàn thành việc tháo gỡ thủy lôi, bom mìn.

B. ...., về cơ bản miền Bắc khôi phục xong các cơ sở kinh tế, các hệ thống thủy nông.

C. ...., sản xuất công nghiệp, nông nghiệp trên một số mức quan trọng đã đạt mức năm 1964 và năm 1971.

D. ......, miền Bắc đưa vào các chiến trường miền Nam, Cam-pu-chia, Lào gần 20 vạn bộ đội.

Câu 191. Toán lính Mĩ cuối cùng rút khỏi nước ta ngày nào?

A. 25-3-1973 B. 26-3-1973 C. 28-3-1973 D. 29-3-1973

Câu 192. Âm mưu thâm độc nhất của Mĩ sau Hiệp định Pa-ri?

A. Rút quân Mĩ về nước.

B. Rút quân Đồng minh về nước.

C. Giữ lại hơn 2 vạn cố vấn quân sự.

D. Lập bộ chỉ huy quân sự, tiếp tục viện trợ cho ngụy quyền Sài Gòn.

Câu 193. Điều nào sau đây chứng tỏ chính quyền, quân đội Sài Gòn phá hoại Hiệp định Pa-ri?

A. Tiến hành chiến dịch "tràn ngập lãnh thổ", mở những cuộc hành quân "bình định - lấn chiếm" vùng giải phóng.

B. Nhận viện trợ kinh tế của Mĩ.

C. Nhận viện trợ quân sự của Mĩ.

D. Lập Bộ chỉ huy quân sự.

Câu 194. Cuối 1974 đầu 1975, ta mở đợt hoạt động quân sự Đông - Xuân, trọng tâm là đâu?

A. Đồng bằng Nam bộ. B. Đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam bộ.

C. Trung bộ và Khu V. D. Mặt trận Trị - Thiên.

Câu 195. Thắng lợi tiêu biểu nhất trong các hoạt động quân sự Đông - Xuân 1974 - 1975 là gì?

A. Chiến thắng Đường 9 - Nam Lào.

B. Đánh bại cuộc hành quân "Lam Sơn 719" của Mĩ - Ngụy.

C. Chiến dịch Đường 14 - Phước Long.

D. Chiến dịch Tây Nguyên.

Câu 196. Sau Hiệp định Pa-ri, so sánh lực lượng giữa ta và địch đã thay đổi. Điều nào sau đây không đúng?

A. Quân Mĩ và Đồng minh rút về nước, ngụy quyền Sài Gòn mất chỗ dựa.

B. Viện trợ của Mĩ về quân sự, kinh tế, tài chính tăng gấp đôi.

C. Miền Bắc hòa bình có điều kiện đẩy mạnh sản xuất, tăng tiềm lực kinh tế, quốc phòng chi viện cho miền Nam.

D. Miền Nam vùng giải phóng được mở rộng, sản xuất đẩy mạnh, tăng nguồn lực tại chỗ.

Câu 197. Thực hiện Nghị quyết Hội nghị TW lần thứ 21 của Đảng, từ cuối 1973 đến 1-1975 quân dân ta ở Miền Nam đã giành được nhiều thắng lợi. Thắng lợi nào sau đây chưa chính xác?

A. Đánh trả địch trong các cuộc hành quân "bình định - lấn chiếm".

B. Bảo vệ, mở rộng vùng giải phóng.

C. Giải phóng Đường 14, thị xã và toàn tỉnh Phước Long.

D. Giải phóng Buôn Ma Thuột.

Câu 198. Kế hoạch giải phóng miền Nam được Bộ Chính trị TW Đảng đề ra trong 2 năm, đó là 2 năm nào?

A. 1972 - 1973. B. 1973 - 1974. C. 1974 - 1975. D. 1975 - 1976.

Câu 199. Chủ trương, kế hoạch giải phóng Miền Nam khẳng định tính đúng đắn và linh hoạt trong lãnh đạo của Đảng. Hãy chỉ ra tính nhân văn trong kế hoạch đó?

A. Trong năm 1975 tiến công địch trên quy mô rộng lớn.

B. Năm 1976, tổng khởi nghĩa, giải phóng hoàn toàn miền Nam.

C. Nếu thời cơ đến đầu hoặc cuối 1975, thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975.

D. Tranh thủ thời cơ, đánh thắng nhanh để đỡ thiệt hại về người và của cho nhân dân, giữ gìn tốt cơ sở kinh tế, công trình văn hóa... giảm bớt sự tàn phá của chiến tranh.

Câu 200. Hoàn cảnh lịch sử nào là thuận lợi nhất để từ đó Đảng đề ra chủ trương, kế hoạch giải phóng miền Nam?

A. Quân Mĩ và quân Đồng minh đã rút khỏi miền Nam, Ngụy mất chỗ dựa.

B. So sánh lực lượng thay đổi có lợi cho ta, nhất là sau chiến thắng Phước Long.

C. Khả năng chi viện của miền Bắc cho tiền tuyến miền Nam.

D. Mĩ cắt giảm viện trợ cho chính quyền Sài Gòn.

Câu 201. Bất kì trong tình huống nào, con đường giành thắng lợi của cách mạng miền Nam cũng là con đường bạo lực, ngoài ra không có con đường nào khác. Hãy nêu xuất xứ câu nói trên.

A. Trong Hội nghị lần thứ 15 của Đảng (1-1959).

B. Trong Hội nghị lần thứ 21 của Đảng (7-1973).

C. Trong Hội nghị Bộ Chính trị (30-9 đến7-10- 973).

D. Trong Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng (18-12-1974 đến 8-1-1975).

Câu 202. Chiến dịch đường 14- Phước Long nổ ra vào thời gian nào?

A. Ngày 6-1-1975.

B. Ngày 8-1-1975.

C. Ngày 14-11-1974.

D. Ngày 1- 2-1975.

Câu 203. Với thắng lợi Phước Long và tình hình chiến sự sau Phước Long, đã giúp Bộ Chính trị bổ sung và hoàn chỉnh kế hoạch giải phóng miền Nam như thế nào?

A. Giải phóng hoàn toàn miền Nam ngay trong năm 1975.

B. Tiến hành tổng công kích – tổng khởi nghĩa giải phóng miền Nam trong năm 1976.

C. Nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975.

D. Đề ra kế hoạch giải phóng miền Nam trong 2 năm (1975 - 1976), nhưng nhận định kể cả năm 1975 là thời cơ và chỉ thị rõ: “Nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975”.

Câu 204. Vì sao Hội nghị Bộ Chính trị 10-1974, quyết định chọn Tây Nguyên làm hướng tấn công chủ yếu trong năm 1975?

A. Tây Nguyên có vị trí chiến lược quan trọng, lực lượng địch tập trung dày đặc ở đây để bảo vệ miền Nam.

B. Tây Nguyên có vị trí chiến lược quan trọng, lực lượng địch tập trung ở đây mỏng, bố phòng có nhiều sơ hở.

C. Tây Nguyên có một căn cứ quân sự liên hợp mạnh nhất của Mĩ - ngụy ở miền Nam.

D. Câu A và B đều đúng.

Câu 205. Ghi sự kiện vào niên đại sau đây cho phù hợp:

A. 4 - 3 - 1975:..

B. 10 - 3 - 1975..

C. 12 - 3 - 1975..

D. 14 - 3 - 1975..

E. 16 - 3 - 1975..

G. 24 - 3 - 1975..

Câu 206. Kết quả nào dưới đây thuộc kết quả của chiến dịch Tây Nguyên?

A. Tiêu diệt toàn bộ quân đoàn 2 trấn giữ Tây Nguyên, giải phóng toàn bộ Tây Nguyên rộng lớn với 60 vạn dân.

B. Tiêu diệt toàn bộ quân đoàn 4 trấn giữ Tây Nguyên và giải phóng toàn bộ Buôn Mê Thuột.

C. Tiêu diệt toàn bộ quân đoàn 3 trấn giữ Tây Nguyên và giải phóng toàn bộ Playcu, Kontum.

D. Tiêu diệt phần lớn quân đoàn 2 trấn giữ Tây Nguyên và giải phóng ½ diện tích Tây Nguyên với 4 vạn dân.

Câu 207. Ý nghĩa lớn nhất của chiến dịch Tây Nguyên là:

A. Là nguồn cổ vũ mạnh mẽ để quân dân ta tiến lên giải phóng hoàn toàn miền Nam,

B. Làm cho tinh thần địch hốt hoảng, mất khả năng chiến đấu.

C. Chuyển cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước sang giai đoạn mới: Từ tiến công chiến lược phát triển thành tổng tiến công chiến lược trên toàn miền Nam.

D. Đó là thắng lợi lớn nhất, oanh liệt nhất trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của nhân dân ta.

Câu 208. Tính từ lúc quân ta giải phóng Quảng Trị đến lúc giải phóng Đà Nẵng là bao nhiêu ngày?

A. 15 ngày. B. 20 ngày. C. 8 ngày. D.10 ngày.

Câu 209. Hãy điền niên đại vào sự kiện lịch sử dưới đây cho phù hợp:

A. ....Giải phóng Quảng Trị.

B. ....Giải phóng Thừa Thiên-Huế.

C. ....Giải phóng Đà Nẵng.

D. ....Giải phóng Quảng Ngãi.

E.......................... Giải phóng Tam Kì.

Câu 210. Sau khi thất thủ ở Tây Nguyên, Huế, Đà Nẵng, địch phải lùi về phòng thủ ở đâu?

A. Ở Cam Ranh. B. Ở Nha Trang. C. Ở Phan Rang. D. Ở Xuân Lộc.

Câu 211. "Thời cơ chiến lược mới đã đến, ta có điều kiện hoàn thành sớm quyết tâm giải phóng miền Nam. . . ". Đó là Nghị quyết nào của Đảng ta?

A. Hội nghị lần thứ 21 của Trung ương Đảng vào tháng 7-1973.

B. Hội nghị Bộ Chính trị họp từ 30-9 đến 7-10-1974.

C. Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng họp từ 18-12-1974 đến 8-1-1975.

D. Nghị quyết của Bộ Chính trị ngày 25-3-1975.

Câu 212. Tinh thần "Đi nhanh đến, đánh nhanh thắng" và khí thế "Thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng". Đó là tinh thần và khí thế ra quân của dân tộc ta trong:

A. Chiến dịch Tây Nguyên. B. Chiến dịch Huế - Đà Nẵng.

C. Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. D. Tất cả các chiến dịch trên.

Câu 213. Xuân Lộc, một căn cứ phòng thủ trọng yếu của địch để bảo vệ Sài Gòn từ phía Đông, đã bị quân ta phá vỡ vào thời gian nào?

A. 9-4-1975. B. 21-4-1975. C. 16-4-1975. D. 17-4-1975.

Câu 214. Nguyễn Văn Thiệu tuyên bố từ chức tổng thống sau ngày tổng thống Pho của Mĩ ra lệnh di tản hết người Mĩ khỏi Sài Gòn. Đúng hay sai?

A. Đúng. B. Sai.

Câu 215. Từ lúc quân ta được lệnh nổ súng mở đầu cho chiến dịch Hồ Chí Minh đến khi giải phóng Sài Gòn - Gia Định là bao nhiêu ngày?

A. 5 ngày. B. 22 ngày. C. 15 ngày. D. 10 ngày.

Câu 216. Lúc 10giờ 30 phút ngày 30 - 4 -1975, diễn ra sự kiện cơ bản nào ở Sài Gòn?

A. Dương Văn Minh kêu gọi "ngừng bắn để điều đình giao chính quyền".

B. Xe tăng ta tiến vào dinh "Độc lập" ngụy.

C. Lá cờ cách mạng tung bay trên Phủ tổng thống ngụy.

D. Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng.

Câu 217. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975: mốc mở đầu và kết thúc?

A. Mở đầu 9-4-1975, kết thúc 30-4-1975. B. Mở đầu 4-3-1975, kết thúc 30-4-1975.

C. Mở đầu 19-3-1975, kết thúc 2-5-1975. D. Mở đầu 4-3-1975, kết thúc 2-5-1975.

Câu 218. Năm đời tổng thống Mĩ nối chân nhau điều hành qua 4 kế hoạch chiến lược thực dân mới và chiến tranh xâm lược của Mĩ. Vậy tổng thống nào nếm chịu sự thất bại cuối cùng trong chiến tranh xâm lược Việt Nam?

A. Ních-xơn. B. Giôn-xơn. C. Pho. D. Ken-nơ-đi.

Câu 219. Ý nghĩa lớn nhất trong thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của nhân dân ta là gì?

A. Chấm dứt vĩnh viễn ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc trên đất nước ta, rửa sạch nỗi nhục và nỗi đau mất nước hơn một thế kỉ.

B. Mở ra một kỉ nguyên mới cho lịch sử Việt Nam: cả nước độc lập thống nhất cùng xây dựng chủ nghĩa xã hội.

C. Là nguồn cổ vũ mạnh mẽ đối với phong trào cách mạng thế giới.

D. Câu A và B là ý nghĩa lớn nhất.

Câu 220. Nguyên nhân nào có tính chất quyết định đưa tới thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước?

A. Nhân dân ta có truyền thống yêu nước nồng nàn.

B. Sự lãnh đạo đúng đắn và sáng suốt của Đảng.

C. Có hậu phương vững chắc ở miền Bắc xã hội chủ nghĩa.

D. Sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa, tinh thần đoàn kết của nhân dân ba nước Đông Dương.

Chương V
VIỆT NAM TỪ NĂM 1975 ĐẾN NĂM 2000

Câu 1. Sau đại thắng mùa Xuân 1975, nhiệm vụ cấp thiết hàng đầu của cả nước ta là gì?

A. Khắc phục hậu quả chiến tranh và phát triển kinh tế.

B. Ổn định tình hình chính trị - xã hội ở miền Nam.

C. Thống nhất nước nhà về mặt Nhà nước.

D. Mở rộng quan hệ giao lưu với các nước.

Câu 2. Điền sự kiện vào các niên đại đã cho sau đây:

TT	*Niên đại*	*Sự kiện*
1.	11 - 1975.	A.......... Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được thành lập.
2.	4 - 1976.	B...........Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam được Quốc hội thông qua.
3.	7 - 1976.	C..............Hội nghị hiệp thương đại biểu hai miền Bắc Nam tại Sài Gòn.
4.	1 - 1977.	D...........Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung cho cả nước.
5.	12 - 1980.	E.........Quốc hội nước Việt Nam thống nhất họp tại Hà Nội.

Câu 3. Từ năm 1946 đến 1980, đã ba lần Quốc hội thông qua Hiến pháp, đó là những Hiến Pháp nào?

A. Hiến pháp 1946 ; Hiến pháp 1959 ; Hiến pháp 1980.

B. Hiến pháp 1946 ; Hiến pháp 1960 ; Hiến pháp 1980.

C. Hiến pháp 1946 ; Hiến pháp 1975 ; Hiến pháp 1980.

D. Hiến pháp 1946 ; Hiến pháp 1976 ; Hiến pháp 1980.

Câu 4. Đến ngày 20-9-1977, nước ta trở thành hội viên thứ mấy của Liên Hiệp Quốc?

A.110. B.150. C.149. D.160.

Câu 5. Quân đội nhân dân Việt Nam đã giúp các lực lượng cách mạng Cam-pu-chia giải phóng thủ đô Phnôm Pênh vào thời gian nào?

A. 22-12-1978. B. 7-1-1979. C. 17-2-1979. D. 18-3-1979.

Câu 6. Tên nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua vào thời gian nào?

A. 21-11-1975. B. 25-4-1976. C. 2-4-1976. D. 18-12-1980.

Câu 7. Trường Chinh là người được bầu làm Chủ tịch nước đầu tiên của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Đúng hay sai?

A. Đúng. B. Sai.

Câu 8. Chiến thắng biên giới Tây Nam của quân dân ta có ý nghĩa như thế nào?

A. Tạo thời cơ thuận lợi cho cách mạng Cam-pu-chia giành thắng lợi.

B. Tiêu diệt hoàn toàn chế độ Pôn-pốt - Iêng-xê-ri.

C. Tăng cường tình đoàn kết của ba nước Đông Dương.

D. Tạo nên sức mạnh tổng hợp của nhân dân hai nước Việt Nam và Cam-pu-chia.

Câu 9. Sau đại thắng mùa Xuân 1975, nhiệm vụ quan trọng cấp thiết hàng đầu của cả nước ta là gì?

A. Khắc phục hậu quả chiến tranh và phát triển kinh tế.

B. Ổn định tình hình chính trị-xã hội ở 2 miền Nam-Bắc.

C. Thống nhất nước nhà về mặt Nhà nước.

D. Mở rộng quan hệ giao lưu với các nước.

Câu 10. Thuận lợi cơ bản nhất của đất nước sau 1975 là gì?

A. Nhân dân phấn khởi với chiến thắng vừa giành được.

B. Có miền Bắc XHCN, miền Nam hoàn toàn giải phóng.

C. Đất nước đã được độc lập, thống nhất.

D. Các nước XHCN tiếp tục ủng hộ ta.

Câu 11. Khó khăn cơ bản nhất của đất nước sau 1975 là gì?

A. Số người mù chữ, số người thất nghiệp chiếm tỷ lệ cao.

B. Bọn phản động trong nước vẫn còn.

C. Nền kinh tế nông nghiệp vẫn còn lạc hậu.

D. Hậu quả của chiến tranh và chủ nghĩa thực dân mới Mĩ để lại rất nặng nề.

Câu 12. Nhiệm vụ trọng tâm của miền Bắc ngay sau 1975 là gì?

A. Hàn gắn vết thương chiến tranh.

B. Khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế - văn hóa.

C. Tiếp tục làm nhiệm vụ căn cứ địa của cách mạng cả nước.

D. Tiếp tục làm nghĩa vụ quốc tế đối với Lào và Cam-pu-chia.

Câu 13. Nhiệm vụ trọng tâm của miền Nam giai đoạn đầu sau 1975?

A. Thành lập chính quyền cách mạng và các đoàn thể quần chúng ở những vùng mới giải phóng.

B. Ổn định tình hình và khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế-văn hóa.

C. Tịch thu ruộng đất của bọn phản động, xóa bỏ bóc lột phong kiến.

D. Quốc hữu hóa ngân hàng.

Câu 14. Sự kiện nào là quan trọng nhất trong quá trình thống nhất đất nước về mặt Nhà nước sau 1975?

A. Hội nghị Hiệp thương của đại biểu 2 miền Bắc Nam tại Sài Gòn (11-1975).

B. Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung trong cả nước (25-4-1976).

C. Quốc hội khóa VI của nước Việt Nam thống nhất kì họp đầu tiên (24-6 đến 2-7-1976).

D. Đại hội thống nhất mặt trận tổ quốc Việt Nam.

Câu 15. Cuộc tổng tuyển bầu Quốc hội chung của cả nước (25-4-1976) có ý nghĩa gì?

A. Lần thứ 2 cuộc tổng tuyển cử được tổ chức trong cả nước.

B. Kết quả thắng lợi của 30 năm chiến tranh giữ nước (1945-1975).

C. Là 1 bước quan trọng cho sự thống nhất đất nước về mặt Nhà nước.

D. Cả 3 ý trên đúng.

Câu 16. Quốc hội thống nhất cả nước là Quốc hội khóa mấy?

A. Khóa IV. B. Khóa V. C. Khóa VI. D. Khóa VII.

Câu 17. Người được bầu làm Chủ tịch đầu tiên của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam là ai?

A. Hồ Chí Minh. B. Tôn Đức Thắng.

C. Nguyễn Lương Bằng. D. Trần Đức Lương.

Câu 18. Kì họp thứ I Quốc hội khóa VI có những quyết định nào liên quan với việc thống nhất đất nước về mặt Nhà nước?

A. Thống nhất tên nước, xác định Hà Nội là thủ đô của cả nước.

B. Bầu các cơ quan lãnh đạo cao nhất của cả nước.

C. Đổi tên thành phố Sài Gòn-Gia Định là TP. Hồ Chí Minh.

D. A và B đúng.

Câu 19. Niên đại 25-4-1976 phù hợp với sự kiện nào sau đây?

A. Cuộc tổng tuyển cử của cả nước lần thứ nhất.

B. Cuộc tổng tuyển cử của cả nước lần thứ hai.

C. Hội nghị hiệp thương thống nhất đất nước.

D. Quốc hội khóa VI của nước Việt Nam thống nhất.

Câu 20. Ngày 25-4-1976 Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung trong cả nước có bao nhiêu cử tri tham gia?

A. 20 triệu. B. 21 triệu. C. 22 triệu. D.23 triệu.

Câu 21. Việc thống nhất đất nước về mặt Nhà nước có ý nghĩa gì?

A. Đáp ứng nguyện vọng của mọi tầng lớp nhân dân.

B. Tạo điều kiện cho sự thống nhất dân tộc ở các lĩnh vực khác.

C. Tạo điều kiện thuận lợi để cả nước cùng nhau xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tiến lên chủ nghĩa xã hội.

D. Tất cả đều đúng.

Câu 22. Từ ngày 15 đến ngày 21-11-1975, Hội nghị hiệp thương chính trị thống nhất đất nước tại Sài Gòn, đã nhất trí hoàn toàn các vấn đề gì?

A. Lấy tên nước là nước Cộng hòa chủ nghĩa xã hội Việt Nam.

B. Chủ trương, biện pháp nhằm thống nhất đất nước về mặt Nhà nước.

C. Quốc kì là cờ đỏ sao vàng, Quốc ca là bài Tiến quân ca.

D. Đổi tên Thành phố Sài Gòn-Gia Định là TP. Hồ Chí Minh.

Câu 23. Từ ngày 24-6 đến 2-7-1976 Quốc hội khóa VI của nước Việt Nam thống nhất với số lượng bao nhiêu đại biểu?

A. 462 đại biểu. B. 472 đại biểu.

C. 482 đại biểu. D. 492 đại biểu.

Câu 24. Điền niên đại vào các sự kiện sau:

A	*B*
1. 15-11-1975	A. .... Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung.
2. 24-6-1976	B. .... Quốc hội khóa VI bế mạc.
3. 2-7-1976	C. .... Hội nghị hiệp thương chính trị bế mạc.
4. 21-11-1975	D. .... Hội nghị hiệp thương chính trị tại Sài Gòn.
5. 25-4-1976	E. .... Quốc hội khóa VI họp tại Hà Nội.

Câu 25. Đại hội Đảng toàn quốc lần IV của Đảng Cộng sản Việt Nam họp vào lúc nào?

A. Từ 12 đến 18 - 12 - 1976. B.Từ 14 đến 20 - 12 - 1976.

C. Từ 10 đến 20 - 12 - 1976. D. Từ 15 đến 20 -12 -1976.

Câu 26. "Nước ta đang trong quá trình từ một xã hội mà nền kinh tế còn phổ biến là sản xuất nhỏ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa". Đó là đặc điểm lớn nhất được nêu ra trong Đại hội lần thứ mấy của Đảng?

A. Đại hội III. B. Đại hội IV. C. Đại hội V. D. Đại hội VI.

Câu 27. Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng Cộng sản Việt Nam họp vào thời gian nào?

A. 27 đến 31 - 3 - 1980. B. 27 đến 31 - 3 - 1981.

C. 27 đến 31 - 3 - 1982. D. 27 đến 31 - 3 - 1985.

Câu 28. Đại hội lần thứ V của Đảng đã khẳng định điều gì?

A. Tiếp tục thực hiện đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa đã vạch ra từ Đại hội lần thứ IV.

B. Thực hiện công cuộc đổi mới đất nước.

C. Thực hiện công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước.

D. Tất cả đều đúng.

Câu 29. Đại hội lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam là đại hội hội của:

A. Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. B. Xây dự và phát triển kinh tế.

C. Công cuộc đổi mới đất nước. D. Xây dựng và chỉnh đốn Đảng.

Câu 30. Mục tiêu của Ba chương trình kinh tế: lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, được đề ra trong Đại hội nào của Đảng?

A. Đại hội IV. B. Đại hội V. C. Đại hội VI. D. Đại hội VII.

Câu 31. Chủ trương đổi mới của Đại hội Đảng lần VI là gì?

A. Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ.

B. Thực hiện công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước.

C. Phát triển nền kinh tế theo cơ chế thị trường.

D. Phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước.

Câu 32. Điền những từ thích hợp vào câu sau đây: Đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu chủ nghĩa xã hội mà là..................................

A. Làm cho chủ nghĩa xã hội ngày càng tốt đẹp hơn.

B. Làm cho mục tiêu ấy được thực hiện có hiệu quả.

C. Làm cho mục tiêu đã đề ra nhanh chóng được thực hiện.

D. Làm cho mục tiêu đã đề ra phù hợp với thực tiễn đất nước.

Câu 33. Trong những thành tựu quan trọng bước đầu của công cuộc đổi mới, thành tựu nào quan trọng nhất?

A. Thực hiện được Ba chương trình kinh tế.

B. Phát triển kinh tế đối ngoại.

C. Kiềm chế được lạm phát.

D. Từng bước đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng kinh tế-xã hội.

Câu 34. Cách mạng Việt Nam chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội trong điều kiện như thế nào?

A. Đất nước đã hòa bình.

B. Miền Nam đã hoàn toàn giải phóng.

C. Đất nước độc lập, thống nhất.

D. Miền Bắc khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh.

Câu 35. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV (12-1976) có những quyết định quan trọng. Điều nào sau đây chưa phải là quyết định của Đại hội lần này?

A. Đổi tên Đảng Lao động Việt Nam thành Đảng cộng sản Việt Nam.

B. Đề ra đường lối xây dựng CNXH trong cả nước.

C. Quyết định phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu của kế hoạch nhà nước 5 năm (1976 - 1980).

D. Thực hiện đường lối đổi mới đất nước.

Câu 36. Nhiệm vụ cơ bản của kế hoạch 5 năm (1976 - 1980) là gì?

A. Khôi phục và phát triển kinh tế.

B. Cải thiện và nâng cao đời sống của nhân dân.

C. Vừa xây dựng đất nước, vừa cải tạo XHCN.

D. Xây dựng nền văn hóa mới.

Câu 37. Mục tiêu cơ bản của kế hoạch 5 năm (1975 - 1980) là gì?

A. Xây dựng một bước cơ sở vật chất-kĩ thuật của CNXH.

B. Cải tạo XHCN trong các vùng mới giải phóng ở miền Nam.

C. Cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân lao động.

D. A, C đúng.

Câu 38. Nền kinh tế của ta sau 5 năm vẫn còn mất cân đối, sản xuất phát triển chậm, thu nhập quốc dân và năng suất lao động thấp, đời sống nhân dân còn gặp nhiều khó khăn. Đó là những hạn chế của thời kì nào?

A. Thực hiện kế hoạch 5 năm lần 1 (1960 - 1965).

B. Thời kì khôi phục kinh tế miền Bắc (1968 - 1973).

C. Thực hiện kế hoạch 5 năm (1976 - 1980).

D. Thực hiện kế hoạch 5 năm (1981 - 1985).

Câu 39. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V (3 - 1982) có những quyết định quan trọng. Điều nào sau đây chưa phải là quyết định của Đại hội này?

A. Cả nước tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên CNXH.

B. Tiếp tục đường lối xây dựng CNXH trong phạm vi cả nước.

C. Thời kì quá độ lên CNXH ở nước ta phải trải qua nhiều chặng.

D. Phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu của kế hoạch 5 năm (1981 -1985).

Câu 40. Điểm nào chưa phải là thành tựu chủ yếu của kế hoạch nhà nước (1981-1985)?

A. Sản xuất lương thực tăng bình quân từ 13,4 triệu tấn trong thời kì 1976 - 1980 lên đến 17 triệu tấn.

B. Thu nhập quốc dân tăng bình quân hàng năm là 6,4% so với 0,4% trong thời kì 1976 - 1980.

C. Đã ổn định tình hình kinh tế-xã hội, ổn định đời sống nhân dân.

D. Hoàn thành hàng trăm công trình tương đối lớn.

Câu 41. Tình trạng khủng hoảng trầm trọng về kinh tế - xã hội của đất nước trong thời kì 1980 - 1985 được biểu hiện ở nhiều mặt. Điểm nào không đúng với thực tế nói trên?

A. Vấn đề lương thực chưa được giải quyết.

B. Đời sống nhân dân còn khó khăn, chưa ổn định.

C. Hàng tiêu dùng còn khan hiếm.

D. Văn hóa - giáo dục chưa được coi trọng.

Câu 42. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự khủng hoảng trầm trọng về kinh tế - xã hội trong những năm 1980 - 1985?

A. Do hậu quả chiến tranh.

B. Do sai lầm, khuyết điểm trong việc lãnh đạo, quản lý.

C. Do chính sách cấm vận của Mĩ.

D. Do quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc không bình thường.

Câu 43. Nguyên nhân của những khó khăn yếu kém trong việc thực hiện 2 kế hoạch 5 năm (1976 - 1980 và 1981 - 1985) là gì?

A. Do nền kinh tế nước ta vốn đã nghèo nàn lạc hậu lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề.

B. Do chính sách cấm vận của Mĩ đã làm cản trở quan hệ kinh tế giữa nước ta với các nước.

C. Sự khống chế, phá hoại của các lực lượng thù địch.

D. Cả 3 ý trên.

Câu 44. Mục tiêu của kế hoạch 5 năm (1981 - 1985) đề ra là "Về cơ bản ổn định tình hình kinh tế - xã hội, ổn định đời sống nhân dân" đã thực hiện được. Đúng hay sai.

A. Đúng. B. Sai.

Câu 45. Từ sau 30-4-1975, để bảo vệ an toàn lãnh thổ của Tổ quốc, Việt Nam phải đối đầu trực tiếp với những lực lượng nào?

A. Quân xâm lược Mĩ.

B. Tập đoàn Pôn Pốt (Cam-pu-chia).

C. Cuộc tiến công biên giới phía Bắc của quân Trung Quốc.

D. Câu B và C đúng.

Câu 46. Nối niên đại ở cột A với sự kiện ở cột B.

A	*B*
1. 17-4-1975	A. Chiến tranh xâm lược của "Khơ me đỏ" biên giới Tây Nam bắt đầu.
2. 22-12-1978	B. Trung Quốc rút quân khỏi nước ta.
3. 17-2-1979	C. Trung Quốc bắt đầu rút quân.
4. 1978	D. Tập đoàn Pôn Pốt bắn vào nhân dân ta.
5. 5-3-1979	E. Trung Quốc cắt viện trợ, rút chuyên gia về nước.
6. 18-3-1979	F. Trung Quốc tấn công ta.

Câu 47. Hoàn cảnh nào đưa đến việc Đảng ta phải thực hiện đường lối đổi mới.

A. Đất nước lâm vào tình trạng khủng hoảng.

B. Do những sai lầm nghiêm trọng về chủ trương, chính sách, chỉ đạo và tổ chức thực hiện.

C. Những thay đổi của tình hình thế giới, nhất là trước sự khủng hoảng ngày càng trầm trọng ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.

D. Cả 3 ý trên.

Câu 48. Đường lối đổi mới của Đảng được điều chỉnh, bổ sung, phát triển tại các kì Đại hội nào của Đảng?

A. Đại hội IV; Đại hội V; Đại hội VI.

B. Đại hội V; Đại hội VI; Đại hội VII.

C. Đại hội VI; Đại hội VII; Đại hội VIII.

D. Đại hội VII; Đại hội VIII; Đại hội IX.

Câu 49. Đường lối đổi mới của Đảng được hiểu như thế nào là đúng?

A. Đổi mới là thay đổi mục tiêu xã hội chủ nghĩa.

B. Đổi mới không phải thay đổi mục tiêu xã hội chủ nghĩa.

C. Mục tiêu xã hội chủ nghĩa được thực hiện có hiệu quả bằng những quan điểm đúng đắn về chủ nghĩa xã hội, những hình thức, bước đi và biện pháp thích hợp.

D. B và C đúng.

Câu 50. Đại hội lần thứ VI của Đảng cộng sản Việt Nam họp từ thời gian nào?

A. 15 đến 18-12-1985
B. 10 đến 18-12-1985
C. 15 đến 18-12-1986
D. 20 đến 25-12-1986

Câu 51. Quan điểm đổi mới của Đảng ta tại Đại hội Đảng VI?

A. Đổi mới về kinh tế.
B. Đối mới về chính trị.
C. Đổi mới về văn hóa.
D. Đổi mới toàn diện và đồng bộ.

Câu 52. Đại hội Đảng VI đã xác định rõ quan điểm đổi mới của Đảng CSVN là đổi mới toàn diện và đồng bộ, nhưng quan trọng nhất là gì?

A. Đổi mới về chính trị.
B. Đổi mới về kinh tế và chính trị.
C. Đổi mới về kinh tế.
D. Đổi mới về văn hóa.

Câu 53. Chủ trương đổi mới của Đại hội Đảng lần VI là gì?

A. Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ.

B. Thực hiện công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước.

C. Phát triển nền kinh tế theo cơ chế thị trường.

D. Phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước.

Câu 54. Đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu chủ nghĩa xã hội mà phải làm gì?

A. Làm cho chủ nghĩa xã hội ngày càng tốt đẹp hơn.

B. Làm cho mục tiêu ấy được thực hiện có hiệu quả.

C. Làm cho mục tiêu đã đề ra nhanh chóng được thực hiện.

D. Làm cho mục tiêu đã đề ra phù hợp với thực tiễn đất nước.

Câu 55. Trong những thành tựu quan trọng bước đầu của công cuộc đổi mới, thành tựu nào quan trọng nhất?

A. Thực hiện được 3 chương trình kinh tế.

B. Phát triển kinh tế đối ngoại.

C. Kiềm chế được lạm phát.

D. Từng bước đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội.

Câu 56. Mục tiêu của 3 chương trình kinh tế của kế hoạch 5 năm (1986-1990): lương thực-thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, được đề ra trong Đại hội nào ?

A. Đại hội Đảng IV. B. Đại hội Đảng V.

C. Đại hội Đảng VI. D. Đại hội Đảng VII.

Câu 57. Trong số 3 chương trình kinh tế của kế hoạch 5 năm (1986 - 1990), chương trình nào phải được đưa lên hàng đầu?

A. Lương thực, thực phẩm. B. Hàng xuất khẩu.

C. Hàng tiêu dùng.D. Câu A và B đúng.

Câu 58. Hoàn thiện các hình thức khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động nhằm mục đích gì là chủ yếu nhất?

A. Để tiện lợi cho việc sản xuất.

B. Để giải phóng sức lao động ở nông thôn.

C. Để dễ dàng loại bỏ một số hiện tượng tiêu cực.

D. Để khuyến khích sản xuất ở nông thôn.

TỔNG KẾT LỊCH SỬ VIỆT NAM 1919 - 2000

Câu 1. Dưới tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp làm cho xã hội Việt Nam có những mâu thuẫn cơ bản nào?

A. Mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp; mâu thuẫn giữa giai cấp nông dân với bọn địa chủ phong kiến.

B. Mâu thuẫn giữa nhân dân Việt Nam với thực dân Pháp.

C. Mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân và nông dân Việt Nam với thực dân Pháp.

D. Mâu thuẫn giữa công nhân Việt Nam với đế quốc Pháp.

Câu 2. So với phong trào đấu tranh của công nhân Việt Nam trong những năm 1919-1925 thì phong trào công nhân trong những năm 1926-1929 có những điểm nào tiến bộ?

A. Đấu tranh đòi tăng lương giảm giờ làm.

B. Đấu tranh đòi nghỉ ngày chủ nhật có lương.

C. Đấu tranh đòi tất cả các quyền lợi về kinh tế.

D. Đấu tranh đòi quyền lợi về kinh tế kết hợp với đòi quyền lợi về chính trị.

Câu 3. Trong những năm 1919-1925 có sự kiện lịch sử nào tiêu biểu gắn với hoạt động của Nguyễn Ái Quốc?

A. Nguyễn Ái Quốc tìm đến Cách mạng tháng Mười Nga.

B. Nguyễn Ái Quốc đến với chủ nghĩa Mác - Lênin tìm ra con đường cứu nước đúng đắn.

C. Nguyễn Ái Quốc đưa yêu sách đến Hội nghị Vecxay.

D. Nguyễn Ái Quốc thành lập Hội liên hiệp thuộc địa.

Câu 4. Đông Dương Cộng sản Đảng và An Nam Cộng sản Đảng ra đời từ các tổ chức chính trị nào?

A. Việt Nam quốc dân đảng.

B. Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.

C. Tân Việt cách mạng đảng.

D. Cả ba tổ chức trên.

Câu 5. Sự kiện nào dưới đây gắn liền với hoạt động của Nguyễn Ái Quốc ở Liên Xô trong những năm 1923-1924?

A. Tham dự Đại hội lần thứ V của Quốc tế cộng sản.

B. Thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.

C. Thành lập Hội liên hiệp thuộc địa.

D. Viết " Bản án chế độ thực dân Pháp".

Câu 6. Khi Cách mạng tháng Mười Nga thành công, Nguyễn Ái Quốc lần lượt đi đến các nước nào trong thời gian 1917-1927?

A. Pháp, Liên Xô, Trung Quốc.

B. Pháp, Liên Xô, Việt Nam.

C. Pháp, Trung Quốc, Việt Nam.

D. Liên Xô, Trung Quốc, Việt Nam.

Câu 7. Công lao đầu tiên to lớn nhất của Nguyễn Ái Quốc trong những năm 1911-1930 là gì?

A. Từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa Mác – Lênin, tìm ra con đường cứu nước đúng đắn.

B. Thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.

C. Hợp nhất ba tổ chức cộng sản.

D. Khởi thảo Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Câu 8. Từ năm 1925 đến 1930, có sự kiện nào có tác dụng trực tiếp đối với sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam?

A. Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên.

B. Ba tổ chức cộng sản được thành lập ở Việt Nam.

C. Nguyễn Ái Quốc về nước truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin

D. Sự chấm dứt hoạt động của Việt Nam quốc dân đảng.

Câu 9. Chọn câu đúng để điền vào chỗ trống câu sau đây: "Muốn cứu nước, muốn giải phóng dân tộc không có con đường nào khác...................... ...."

A. Con đường Cách mạng tháng Mười Nga.

B. Con đường cách mạng dân chủ tư sản.

C. Con đường cách mạng vô sản.

D. Con đường cách mạng thuộc địa.

Câu 10. Chọn sự kiện ở cột A cho phù hợp với cột B sau đây:

A	B
1. Phan Bội Châu	A. Bản án chế độ thực dân Pháp.
2. Phan Châu Trinh	B. Mưu sát tên toàn quyền Méc lanh
3. Phạm Hồng Thái	C. Khởi xướng phong trào Đông Du.
4. Nguyễn Ái Quốc	D. Thực hiện chủ trương cải cách dân chủ. E. Lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Yên Bái. G. Tìm con đường cứu nước sang phương Tây. H. Bị bắt ở Trung Quốc.

Câu 11. Trong các sự kiện sau đây, sự kiện nào có liên hệ trực tiếp đến việc Nguyễn Ái Quốc sáng lập ra Đảng Cộng sản Việt Nam?

A. Nguyễn Ái Quốc tham dự Đại hội Tuar của đảng Xã hội Pháp.

B. Nguyễn Ái Quốc viết Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.

C. Nguyễn Ái Quốc triệu tập hội nghị ba tổ chức cộng sản.

D. Tất cả các sự kiện trên.

Câu 12. Chủ nghĩa Mác - Lê-nin được truyền bá vào Việt Nam bằng con đường nào là cơ bản nhất?

A. Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc.

B. Hoạt động của các thủy thủ trên tàu viễn dương.

C. Thông qua sách báo từ nước ngoài gửi về.

D. Hoạt động của các tổ chức cộng sản.

Câu 13. Nội dung nào dưới đây không thuộc Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam?

A. Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của Cách mạng thế giới.

B. Cách mạng Việt Nam phải trải qua 2 giai đoạn: Cách mạng tư sản dân quyền và Cách mạng XHCN.

C. Lực lượng cách mạng Việt Nam là công nhân và nông dân.

D. Vai trò lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Câu 14. Vấn đề khác nhau giữa Cương lĩnh chính trị và Luận cương chính trị tháng 10-1930 là gì?

A. Về con đường cách mạng Việt Nam.

B. Về nhiệm vụ và lực lượng cách mạng Việt Nam.

C. Về vị trí của cách mạng Việt Nam.

D. Câu A và B đều đúng.

Câu 15. Xác định mối quan hệ cặp đôi giữa các niên đại và sự kiện sau đây:

Niên đại	*Sự kiện*
1/ 5-6-1911	A. Nguyễn Ái Quốc thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên
2/ 7-1920	B. Nguyễn Ái Quốc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.
3/ 6-1925	C. Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước.
4/ 3-2-1930	D. Nguyễn Ái Quốc đọc sơ thảo luận cương của Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa.

Câu 16. Các tổ chức chính trị sau đây, tổ chức nào của giai cấp vô sản?

A. Tân Việt cách mạng đảng. B. Việt Nam quốc dân đảng.

C. Đảng Lập hiến. D. Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.

Câu 17. Đảng Cộng sản Việt Nam đổi tên thành Đảng Cộng sản Đông Dương vào thời gian nào?

A. 3-1930. B. 8-1930. C. 10-1930. D. 3-1935.

Câu 18. Ý nghĩa lớn nhất về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là gì?

A. Là sự kết hợp tất yếu của quá trình đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp ở Việt Nam.

B. Mở ra một bước ngoặt lịch sử vô cùng quan trọng trong lịch sử Việt Nam.

C. Chấm dứt thời kì khủng hoảng về đường lối của cách mạng Việt Nam.

D. Là bước chuẩn bị tất yếu đầu tiên có tính chất quyết định cho bước phát triển nhảy vọt về sau của cách mạng Việt Nam.

Câu 19. Vì sao cách mạng Việt Nam phải đi theo con đường cách mạng vô sản?

A. Con đường phong kiến và tư sản đã lỗi thời, lạc hậu.

B. Giai cấp vô sản đại diện cho lực lượng sản xuất tiên tiến.

C. Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới.

D. Câu A và B đúng.

Câu 20. Tác phẩm nào của Nguyễn Ái Quốc nêu rõ mối quan hệ giữa cách mạng thuộc địa và cách mạng chính quốc?

A. "Người cùng khổ"

B. "Bản án chế độ thực dân Pháp"

C. "Đường cách mệnh"

D. Tất cả các tác phẩm trên.

Câu 21. Điểm nổi bật nhất của phong trào cách mạng 1930-1931 là gì?

A. Vai trò lãnh đạo của Đảng và thực hiện liên minh công – nông.

B. Tập hợp đông đảo quần chúng thành lập đội quân chính trị.

C. Đảng kiên định trong đấu tranh.

D. Tất cả cùng đúng.

Câu 22. Hai khẩu hiệu "Độc lập dân tộc" và " Ruộng đất dân cày" được thể hiện rõ nét nhất trong thời kì cách mạng nào?

A. 1930-1931. B. 1932-1935. C. 1936-1939. D. 1939-1945.

Câu 23. Hạn chế về lực lượng cách mạng mà Luận cương chính trị tháng 10-1930 đã nêu ra được sửa chữa trong thời kì cách mạng nào?

A. 1930-1931. B. 1932-1935. C. 1936-1939. D. 1939-1945.

Câu 24. Tính chất cách mạng triệt để của phong trào cách mạng 1930-1931 được thể hiện như thế nào?

A. Phong trào thực hiện sự liên minh công – nông vững chắc.

B. Phong trào đấu tranh liên tục từ Bắc đến Nam.

C. Phong trào đã giáng một đòn quyết liệt vào bọn thực dân, phong kiến.

D. Phong trào đã sử dụng hình thức vũ trang khởi nghĩa, đã giành được chính quyền ở một số địa phương thuộc Nghệ - Tĩnh và thành lập chính quyền cách mạng Xô Viết Nghệ - Tĩnh.

Câu 25. Phong trào cách mạng 1930-1931 đạt đến đỉnh cao trong thời điểm lịch sử nào?

A. Từ tháng 2 đến tháng 4.1930.

B. Từ tháng 5 đến tháng 8.1930.

C. Từ tháng 9 đến tháng 10.1930.

D. Từ tháng 1 đến tháng 5.1931.

Câu 26. Điểm hạn chế về nhiệm vụ cách mạng của Luận cương chính trị tháng 10.1930 được sửa chữa trong thời kì nào?

A.1930-1931. B. 1936-1939. C. 1939-1941. D. 1941-1945.

Câu 27. Cuộc khủng hoảng kinh tế 1929-1933 đã ảnh hưởng nặng nề nhất đối với thời kì cách mạng nào ở Việt Nam?

A. 1930-1931 và 1936-1939.

B. 1930-1931 và 1932-1935.

C. 1936-1939 và 1939-1941.

D. 1939-1945.

Câu 28. So với thời kì 1930-1931, kẻ thù trong thời kì cách mạng 1936-1939 chủ yếu, trước mắt là bọn nào?

A. Thực dân Pháp và phong kiến tay sai.

B. Thực dân Pháp và phát xít Nhật.

C. Thực dân Pháp là kẻ thù chủ yếu, trước mắt.

D. Bọn phản động thuộc địa Pháp và bọn tay sai của chúng.

Câu 29. Công tác mặt trận được xây dựng trong thời kì cách mạng 1930-1931 gọi tên là gì?

A. Mặt trận nhân dân phản đế Đông Dương.

B. Mặt trận dân chủ Đông Dương.

C. Hội phản đế Đông Dương.

D. Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương.

Câu 30. Trong các mặt trận sau đây, mặt trận nào thực hiện vai trò tập hợp quần chúng đấu tranh đòi các quyền dân sinh, dân chủ?

A. Mặt trận Việt Minh. B. Mặt trận dân chủ Đông Dương.

C. Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương.

D. Tất cả các mặt trận trên.

Câu 31. Mục tiêu đấu tranh trong thời kì cách mạng 1930-1931 là gì?

A. Chống đế quốc và phong kiến đòi độc lập dân tộc và ruộng đất dân cày.

B. Chống bọn phản động thuộc địa và tay sai của chúng đòi tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình.

C. Chống đế quốc và phát xít Pháp - Nhật đòi độc lập cho dân tộc.

D. Chống phát xít, chống chiến tranh, bảo vệ hòa bình.

Câu 32. Mục tiêu đấu tranh trong thời kì cách mạng 1936-1939 là gì?

A. Giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp.

B. Đòi các quyền tự do dân chủ.

C. Giải phóng dân tôc là mục tiêu hàng đầu.

D. Tất cả các mục tiêu trên.

Câu 33. Giương cao hơn nữa ngọn cờ giải phóng dân tộc, đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu và cấp bách hơn bao giờ hết. Đó là nhiệm vụ cách mạng trong thời kì nào?

A. 1930-1931. B.1936-1939. C. 1939-1941. D.1941-1945.

Câu 34. Chọn sự kiện ở cột B cho phù hợp với cột A sau đây:

A	*B*
1 - 1930-1931	A. Giải phóng dân tộc là nhiệm vụ hàng đầu.
2 - 1932-1935	B. Đòi tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình.
3 - 1936-1939	C. "Độc lập dân tộc" và "Ruộng đất dân cày".
4 - 1939-1945	D. Đấu tranh bí mật để củng cố lực lượng cách mạng.

Câu 35. Chọn các niên đại sau đây thể hiện vai trò của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đối với Cách mạng tháng Tám 1945?

A. 10 đến 19-5-1941; 22-12-1944; 16 đến 18-8-1945.

B. 28-1-1941; 10-5-1941; 16-5-1945.

C. 13 đến 18-8-1945; 16-5-1945; 19-8-1945.

D. Tất cả các sự kiện trên.

Câu 36. Mặt trận Việt Minh ra đời trong sự kiện lịch sử nào dưới đây?

A. Hội nghị lần thứ 6 của Đảng (11-1939).

B. Hội nghị toàn quốc của Đảng (13 đến 15-8-1945).

C. Đại hội quốc dân Tân Trào – Tuyên Quang (16 đến 18-8-1945).

D. Hội nghị lần thứ 8 của Đảng (10 đến 19-5-1941).

Câu 37. Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương ra đời vào thời gian nào?

A. 1936-1939. B. 1939-1941. C. 1941-1945. D. 1930-1931.

Câu 38. Hãy điền niên đại vào sự kiện lịch sử sau đây:

A. 12-9-1930..

B. 3-1935...

C. 1-5-1938..

D. 28-1-1941..

Câu 39. Thời kì tiền khởi nghĩa trong Cách mạng tháng Tám được tính trong thời gian nào dưới đây?

A. Từ 5-1941 đến 9-3-1945. B. Từ 9-3-1945 đến trước tháng 8-1945.

C. Từ 13-8 đến 19-8-1945. D. Từ 9-3 đến 19-8-1945.

Câu 40. Chỉ thị "Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta" được Đảng ta đề ra trong thời điểm lịch sử nào?

A. Đêm 09-3-1945. B. Ngày 12-3-1945.

C. Ngày 14-8-1945. D. Ngày 19-8-1945.

Câu 41. Thời cơ trong Cách mạng tháng Tám được xác định vào thời điểm lịch sử nào?

A. 09-3-1945. B. 12- 8-1945. C. 14-8-1945. D. 16-8-1945.

Câu 42. Khi Cách mạng tháng Tám giành thắng lợi ở Hà Nội, Bác Hồ đang ở đâu?

A. Bắc Pó - Cao Bằng. B. Hà Nội.

C. Tân Trào - Tuyên Quang. D. Quảng Châu - Trung Quốc.

Câu 43. Sự kiện nào trong Chiến tranh thế giới thứ hai có tác động tạo thời cơ khách quan thuận lợi cho Cách mạng tháng Tám giành chính quyền nhanh chóng và ít đổ máu?

A. 19-5-1945, Hồng quân Liên Xô đánh bại phát xít Đức.

B. 08-8-1945, Hồng quân Liên Xô đánh bại một triệu quân Quan Đông Nhật.

C. 14-8-1945, phát xít Nhật bị Đồng minh đánh bại.

D. 15-8-1945, phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh không điều kiện.

Câu 44. Chiến tranh thế giới lần thứ hai kết thúc trước khi Cách mạng tháng Tám giành thắng lợi. Đúng hay sai?

A. Đúng. B. Sai.

Câu 45. Hãy điền vào chỗ trống câu sau đây cho đúng: "Chiều ngày 16 tháng 8, theo lệnh của Ủy ban khởi nghĩa, một đội quân giải phóng do đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ huy, xuất phát từ ....về giải phóng thị xã Thái Nguyên.

A. Từ Bắc Pó. B. Từ Tân Trào. C. Từ Tuyên Quang. D. Từ Cao Bằng.

Câu 46. Sự kiện lịch sử nào dưới đây nằm trong Cao trào kháng Nhật cứu nước?

A. Khởi nghĩa Ba Tơ (11-3-1945).

B. Phá kho thóc Nhật để giải quyết nạn đói.

C. Khởi nghĩa giành chính quyền ở Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam.

D. Câu A và B đúng.

Câu 47. "Tôi thà làm dân nước tự do còn hơn làm vua nước nô lệ". Đó là câu nói của ai?

A. Trần Bình Trọng. B. Nguyễn Trung Trực.

C. Nguyễn Thái Học. D. Bảo Đại.

Câu 48. Mười lăm ngày Tổng khởi nghĩa thắng lợi trong Cách mạng tháng Tám được tính từ mốc lịch sử nào?

A. 14-8-1945 đến 28-8-1945. B. 15-8-1945 đến 30-8-1945.

C. 16-8-1945 đến 30-8-1945. D. 18-8-1945 đến 2-9-1945.

Câu 49. Cách mạng tháng Tám thắng lợi trên thực tế nhân dân ta giành chính quyền từ tay bọn nào?

A. Pháp - Nhật và bọn phong kiến tay sai.

B. Nhật và bọn phong kiến tay sai.

C. Bọn phong kiến.

D. Tất cả đều đúng.

Câu 50. Sự kiện lịch sử nào chứng tỏ Đảng ta đã hoàn thành việc chuẩn bị về chủ trương, đường lối cho Cách mạng tháng Tám?

A. Hội nghị TW lần thứ 6 (11-1939).

B. Hội nghị TW lần thứ 8 (5-1941).

C. Hội nghị toàn quốc (13 đến 15-8-1945).

D. Đại hội quốc dân Tân Trào (16 đến 18-8-1945).

Câu 51. Ngày 30-8-1945 ghi dấu sự kiện lịch sử nào trong Cách mạng tháng Tám 1945?

A. Cách mạng tháng Tám thành công trong cả nước.

B. Tổng khởi nghĩa giành chính quyền ở Sài Gòn.

C. Vua Bảo Đại tuyên bố thoái vị.

D. Cách mạng tháng Tám giành thắng lợi ở Hà Nội.

Câu 52. Nguyên nhân quyết định nhất của thắng lợi Cách mạng tháng Tám là gì?

A. Phát xít Nhật bị Đồng minh đánh bại.

B. Đảng Cộng sảng Đông Dương lãnh đạo.

C. Dân tộc Việt Nam có truyền thống yêu nước chống ngoại xâm.

D. Tất cả các nguyên nhân trên.

Câu 53. Sự kiện lịch sử nào chứng tỏ Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đón nhận Đồng minh vào trong Cách mạng tháng Tám?

A. Hội nghị toàn quốc (13 đến 15-8-1945).

B. Đại hội quốc dân Tân Trào (16 đến 18-8-1945).

C. Hội nghị quân sự Bắc Kì (5-1945).

D. Câu A và B đúng.

Câu 54. Đội Việt Nam giải phóng quân ra đời trên cơ sở kết hợp giữa các lực lượng nào?

A. Đội du kích Bắc Sơn và du kích Thái Nguyên.

B. Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân và đội du kích Bắc Sơn.

C. Đội du kích Ba Tơ và đội Cứu quốc quân.

D. Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân và đội Cứu quốc quân.

Câu 55. Chọn một sự kiện không đồng nhất trong các sự kiện sau đây:

A. Khởi nghĩa Ba Tơ (11-3-1945). B. Khởi nghĩa ở Hà Nội (9-8-1945)

C. Khởi nghĩa ở Huế (23-8-1945). D. Khởi nghĩa ở Sài Gòn (25-8-1945).

Câu 56. Niên đại nào dưới đây không thuộc thời kì tiền khởi nghĩa trong Cách mạng tháng Tám 1945?

A. 9-3-1945. B. 12-3-1945.

C. 14-8-1945. D. Tất cả các niên đại trên.

Câu 57. Tên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời trong thời điểm lịch sử nào?

A. Trong Hội nghị toàn quốc 13 đến (15-8-1945).

B. Trong khởi nghĩa thắng lợi ở Hà Nội.

C. Trong Đại hội quốc dân Tân Trào (16 đến 18-8-1945).

D. Trong Tuyên ngôn độc lập (2-9-1945).

Câu 58. Nội dung nào dưới đây khẳng định độc lập chủ quyền của dân tộc ta trên phương diện pháp lý và thực tiễn?

A. Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của thực dân Pháp hơn 80 năm nay..... dân tộc đó phải được tự do, dân tộc đó phải được độc lập.

B. Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do, độc lập và thật sự đã trở thành một nước tự do, độc lập.

C. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy.

D. Tất cả các nội dung trên.

Câu 59. "Hỡi quốc dân đồng bào! ...... Phát xít Nhật đã đầu hàng Đồng minh, quân Nhật đã bị tan rã tại khắp các mặt trận, kẻ thù chúng ta đã ngã gục..."

Câu nói đó thể hiện điều gì trong Cách mạng tháng Tám?

A. Thời cơ khách quan thuận lợi.

B. Thời cơ chủ quan thuận lợi.

C. Cách mạng tháng Tám đã thành công.

D. Thời kì tiền khởi nghĩa đã bắt đầu.

Câu 60. Tính chất của Cách mạng tháng Tám là gì?

A. Cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới. B. Cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân.

C. Cách mạng vô sản. D. Cách mạng cung đình.

Câu 61. Nêu khó khăn lớn nhất của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng hòa sau Cách mạng tháng Tám?

A. Giặc đói. B. Giặc dốt.

C. Khó khăn về tài chính. D. Khó khăn về giặc ngoài.

Câu 62. Đối sách của Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện sách lược mềm dẻo với quân đội Tưởng ở miền Bắc như thế nào?

A. Độc lập chủ quyền của nước ta phải được giữ vững.

B. Chủ tịch Hồ Chí Minh là người đứng đầu Đảng và Chính phủ.

C. Cung cấp lương thực cho 20 vạn quân Tưởng ở miền Bắc.

D. Tất cả các đối sách trên.

Câu 63. Vì sao Đảng ta chủ trương chuyển từ nhân nhượng với Tưởng sang hòa hoãn với Pháp?

A. Pháp - Tưởng kí hòa ước Hoa - Pháp (28-2-1946).

B. Pháp mạnh hơn Tưởng.

C. Tưởng chuẩn bị rút quân về nước.

D. Pháp, Tưởng đang tranh chấp Việt Nam.

Câu 64. Nội dung nào dưới đây thể hiện tính nguyên tắc trong Hiệp định sơ bộ ngày 6-3-1946?

A. Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một quốc gia tự do nằm trong Liên hiệp Pháp.

B. Hai bên thực hiện ngừng bắn ở Nam Bộ.

C. Nước Việt Nam có chính phủ riêng, có quân đội riêng và nền tài chính riêng.

D. Chính phủ Việt Nam chấp nhận cho Pháp đưa 15.000 quân ra miền Bắc Việt Nam.

Câu 65. Việc kí kết Hiệp định sơ bộ ngày 6-3-1946 của ta nhằm mục đích gì?

A. Chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam.

B. Phân hóa kẻ thù, tập trung đánh kẻ thù chủ yếu.

C. Tạo điều kiện để xây dựng đất nước sau chiến tranh.

D. Thể hiện thiện chí của ta trên trường quốc tế.

Câu 66. " ... Chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới..." Điều gì nói lên sự thật đó?

A. Pháp - Tưởng kí hòa ước Hoa - Pháp (25-2-1946) để Pháp mở rộng chiến tranh xâm lược ra miền Bắc.

B. Pháp đánh chiếm Hải Phòng (27-11-1946).

C. Pháp gửi tối hậu thư đòi Chính phủ ta giải tán lực lượng vũ trang, giao quyền kiểm soát thủ đô Hà Nội cho chúng (18-12-1946).

D. Câu A và B đúng.

Câu 67. Cuộc chiến đấu của quân dân ta ở các đô thị nhằm thực hiện mục đích gì?

A. Phá tan âm mưu xâm lược ngay từ đầu của thực dân Pháp.

B. Tiêu diệt sinh lực địch để kết thúc nhanh chiến tranh.

C. Tiêu hao sinh lực địch, giam chân địch trong thành phố, đảm bảo cho cơ quan đầu não của Đảng và Chính phủ rút về căn cứ cách mạng an toàn.

D. Tất cả các mục đích trên.

Câu 68. Cuộc chiến đấu ở các đô thị của quân dân ta đã phá tan được âm mưu nào của thực dân Pháp?

A. Đánh nhanh, thắng nhanh. B. Đánh úp.

C. Dùng người Việt trị người Việt. D. Lấy chiến tranh nuôi chiến tranh.

Câu 69. Trong các chiến thắng sau đây, chiến thắng nào đã đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân ta tiến lên bước phát triển nhảy vọt.

A. Cuộc chiến đấu ở các đô thị.

B. Chiến dịch Việt Bắc thu - đông 1947.

C. Chiến dịch Biên giới thu - đông 1950.

D. Câu A và B đúng.

Câu 70. Chiến dịch nào dưới đây thể hiện cách đánh du kích ngắn ngày của ta?

A. Cuộc chiến đấu ở các đô thị.

B. Chiến dịch Việt Bắc thu - đông 1947.

C. Chiến dịch Biên giới thu - đông 1950.

D. Chiến dịch Điện Biên Phủ 1954.

Câu 71. Chiến dịch nào dưới đây thể hiện cách đánh diệt viện của ta?

A. Chiến dịch Hòa Bình. B. Chiến dịch Tây Bắc.

C. Chiến dịch Việt Bắc. D. Chiến dịch Biên giới.

Câu 72. Âm mưu "đánh nhanh, thắng nhanh" của Pháp bị thất bại hoàn toàn bởi chiến thắng nào của ta?

A. Chiến dịch Việt Bắc thu - đông 1947.

B. Chiến dịch Biên giới thu - đông 1950.

C. Chiến cuộc Đông - Xuân 1953-1954.

D. Chiến dịch Điện Biên Phủ 1954.

Câu 73. Trận chiến đấu các liệt nhất trong chiến dịch Biên giới thu - đông 1950 là trận nào?

A. Thất Khê. B. Cao Bằng. C. Đông Khê. D. Đình Lập.

Câu 74. Ai là người trực tiếp nghiên cứu, phê chuẩn, chỉ đạo kế hoạch tác chiến từ Trung ương đến địa phương phục vụ cho chiến dịch Biên giới thu - đông 1950?

A. Trường Chinh. B. Võ Nguyên Giáp.

C. Phạm Văn Đồng. D. Hồ Chí Minh.

Câu 75. Ai là người nhờ đồng đội chặt cánh tay bị thương rồi tiếp tục xông lên phá lô cốt địch trong chiến dịch Biên giới thu - đông 1950?

A. La Văn Cầu. B. Trần Cừ.

C. Triệu Thị Soi. D. Đinh Thị Dậu.

Câu 76. Ai là người lấy thân mình lấp lỗ châu mai, mở đường cho đơn vị xông lên đánh địch trong chiến dịch Biên giới thu - đông 1950.

A. Trần Cừ. B. La Văn Cầu.

C. Phan Đình Giót. D. Bế Văn Đàn.

Câu 77. Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi: "Phá cho rộng, phá cho sâu, phá cho bọn Pháp không lợi dụng được...". Lời kêu gọi ấy phục vụ cho đường lối kháng chiến nào của Đảng ta?

A. Toàn dân. B. Toàn diện.

C. Lâu dài. D. Tự lực cánh sinh.

Câu 78. Tiến hành chiến tranh tổng lực, bình định cho được vùng lấn chiếm. Đó là kế hoạch nào của Pháp?

A. Đác giăng liơ.
B. Rơ-ve.
C. Đờ-Lát-đơ-Tát-xi-nhi.
D. Na-va.

Câu 79. Na-va là tướng tài của Mĩ được điều động sang làm tổng chỉ huy quân viễn chinh Pháp ở Đông Dương. Đúng hay sai?

A. Đúng.
B. Sai.

Câu 80. Ngày 3-3-1951, diễn ra sự kiện tiêu biểu nào thể hiện việc xây dựng hậu phương trong kháng chiến chống Pháp?

A. Thành lập mặt trận Việt - Miên - Lào.
B. Thành lập mặt trận Việt Minh.
C. Thành lập Hội quốc dân Việt Nam.
D. Thành lập mặt trận Liên Việt.

Câu 81. Trong các sự kiện chính trị sau đây, sự kiện nào có tính chất quyết định nhất có tác dụng đưa cuộc kháng chiến tiến lên?

A. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II (2-1951).
B. Đại hội thống nhất mặt trận Việt Minh và Liên Việt (3-1951).
C. Đại hội ảnh hùng và chiến sỹ thi đua toàn quốc (5-1951).
D. Tất cả các sự kiện trên.

Câu 82. Từ năm 1951 đến 1953, quân ta liên tiếp giành được thắng lợi trên mặt trận quân sự, hãy xác định chiến dịch quan trọng nhất trong các chiến dịch sau?

A. Chiến dịch Trung Du.
B. Chiến dịch Đường số 18.
C. Chiến dịch Hòa Bình
D. Chiến dich Tây Bắc.

Câu 83. Ai là anh hùng trí thức được biểu dương trong Đại hội anh hùng và chiến sỹ thi đua toàn quốc (5-1951)?

A. Nguyễn Quốc Trị.
B. Hoàng Oanh.
C. Ngô Gia Khảm.
D. Trần Đại Nghĩa.

Câu 84. Chiến dịch nào của ta trong cuộc kháng chiến chống Pháp đã làm phá sản kế hoạch Rơ-ve?

A. Chiến dịch Việt Bắc thu - đông 1947.
B. Chiến dịch Biên giới thu - đông 1950.
C. Chiến dịch Hòa Bình 1951-1952.
D. Chiến dịch Tây Bắc 1952.

Câu 85. Chiến dịch nào của ta trong cuộc kháng chiến chống Pháp làm phá sản hoàn toàn kế hoạch Na-va?

A. Chiến dịch Biên giới thu - đông 1950.
B. Chiến cuộc Đông - Xuân 1953-1954.
C. Chiến dịch Hòa Bình, Tây Bắc, Thượng Lào (1951-1953).
D. Chiến dịch Điện Biên Phủ.

Câu 86. Điền vào chỗ trống câu sau đây: " Bước 1 của kế hoạch Na-va từ thu đông 1953 và xuân 1954 sẽ giữ vững phòng ngự chiến lược ở..........."

A. Miền Bắc.
B. Miền Nam.
C. Cả hai miền Nam - Bắc.
D. Tây Bắc.

Câu 87. Vì sao tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ trở thành trung tâm của kế hoạch Na-va?

A. Điện Biên Phủ có vị trí chiến lược quan trọng và cách xa hậu phương của ta.
B. Điện Biên Phủ được địch chiếm từ lâu.

C. Điện Biên Phủ được Pháp xây dựng kiên cố.

D. Câu A và C đúng.

Câu 88. Hãy xác định nội dung ở cột A cho phù hợp với cột B sau đây:

A	B
1- Kế hoạch Na-va bước đầu bị phá sản.	A. Địch phân tán lực lượng ở đồng bằng Bắc Bộ ứng chiến cho Điện Biên Phủ, Sê-nô. B. Ba đợt tấn công của ta giành thắng lợi trong chiến dịch Điện Biên Phủ.
2- Kế hoạch Na-va bị phá sản hoàn toàn.	C. Địch điều quân từ Bình - Trị - Thiên lên tăng cường cho Tây Nguyên. D. Địch tăng cường lực lượng cho Tây Nguyên và Mường Sài.

Câu 89. Trong chiến dịch Điện Biên Phủ, ai là người lấy thân mình lấp lỗ châu mai của địch?

A. Phan Đình Giót. B. Bế Văn Đàn.

C. Tô Vĩnh Diện D. La Văn Cầu.

Câu 90. Hội nghị Giơ-ne-vơ về vấn đề chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Đông Dương được khai mạc vào thời gian nào?

A. 24-4-1954. B. 26-4-1954. C. 24-6-1954. D. 8-5-1954.

Câu 91. Phái đoàn của ta do phó thủ tướng Phạm Văn Đồng dẫn đầu đến Hội nghị lúc nào?

A. 26-4-1954. B. 7-5-1954. C. 8-5-1954. D. 21-7-1954.

Câu 92. Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một quốc gia tự do..... Đó là nội dung của văn bản nào?

A. Hiệp định Giơ-ne-vơ. B. Hiệp định sơ bộ.

C. Tạm ước 14-9-1946. D. Tất cả đều đúng.

Câu 93. Thời gian nào dưới đây gắn với kế hoạch Bô-la-éc?

A. 12-1946 đến 2-1947. B. 3-1947 đến 12-1947.

C. 12-1947 đến 9-1950. D. 10-1950 đến 5-1951.

Câu 94. Tên tướng nào của Pháp thực hiện kế hoạch đánh lên Việt Bắc lần thứ hai?

A. Bô-la-éc. B. Rơ-ve.

C. Đờ-Lát-đơ-Tát-xi-nhi. D. Đác-giăng-liơ.

Câu 95. Từ khi chiến dịch Điện Biên Phủ kết thúc đến khi các văn bản cuối cùng của Hội nghị Giơ-ne-vơ được kí kết là bao nhiêu ngày?

A. 21 ngày. B. 20 ngày. C. 15 ngày. D. 0 ngày.

Câu 96. Trong ba đợt tấn công địch ở Điện Biên Phủ, đợt tấn công nào gay go, quyết liệt nhất?

A. Đợt I. B. Đợt II. C. Đợt III. D. Đợt I và III.

Câu 97. Phương châm "đánh chắc, tiến chắc" của Đảng ta được được đề ra trong thời gian nào?

A. Chiến cuộc Đông - Xuân 1953-1954. B. Chiến dịch Điện Biên Phủ.

C. Chiến dịch Biên giới thu - đông 1950. D. Tất cả đều đúng.

Câu 98. Thắng lợi quyết định nhất trong cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta thể hiện trên mặt trận nào?

A. Chính trị, ngoại giao. B. Kinh tế, văn hóa.
C. Quân sự. D. Chính trị, Quân sự, văn hóa.

Câu 99. Chiến dịch Điện Biên Phủ thắng lợi được đánh giá như "Một mốc lịch sử bằng vàng". Là câu nói của ai?

A. Võ Nguyên Giáp. B. Hồ Chí Minh.
C. Phạm Văn Đồng. D. Trường Chinh.

Câu 100. ***"Chín năm làm một Điện Biên***
Nên vành hoa đỏ, nên thiêng sử vàng"

Hai câu thơ đó của nhà thơ nào?

A. Chế Lan Viên. B. Huy Cận. C. Tố Hữu. D. Tế Hanh.

Câu 101. Đời tổng thống nào của Mĩ thực hiện chiến lược chiến tranh một phía ở miền Nam Việt Nam?

A. Ken-nơ-đi. B. Ai-xen-hao. C. Giôn-xơn. D. Ních-xơn.

Câu 102. Với chiến thắng trong phong trào Đồng khởi của quân dân miền Nam đã làm phá sản chiến lược chiến tranh nào của Mĩ?

A. Chiến tranh một phía. B. Chiến tranh đặc biệt.
C. Chiến tranh cục bộ. D. Việt Nam hóa chiến tranh.

Câu 103. Chiến lược chiến tranh cục bộ là một loại hình chiến tranh thực dân cũ của Mĩ. Đúng hay sai?

A. Đúng. B. Sai.

Câu 104. Để thực hiện chiến lược "Chiến tranh đặc biệt", Mĩ đã sử dụng lực lượng nào là chủ yếu?

A. Lực lượng quân ngụy. B. Lực lượng quân viễn chinh Mĩ.
C. Lực lượng quân Mĩ và chư hầu. D. Tất cả các lực lượng trên.

Câu 105. Chiến thắng Bình Giã (12-1964) đã góp phần làm phá sản chiến lược chiến tranh nào của Mĩ?

A. "Chiến tranh cục bộ" B. "Chiến tranh đặc biệt"
C. "Chiến tranh một phía" D. "Việt Nam hóa" chiến tranh.

Câu 106. Đế quốc Mĩ tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất vào thời gian nào?

A. 1960-1964. B. 1965-1968. C. 1969-1973. D. 1965-1969.

Câu 107. Chiến thắng nào của ta chứng tỏ rằng quân dân miền Nam đủ khả năng đánh bại quân chủ lực Mĩ?

A. Chiến thắng Ấp Bắc - Mĩ Tho.
B. Chiến thắng Bình Giã - Bà Rịa.
C. Chiến thắng Vạn Tường Quảng Ngãi.
D. Chiến thắng Ba Gia - Quảng Ngãi.

Câu 108. Chiến thắng nào của ta có tính chất quyết định làm phá sản " Chiến tranh cục bộ" của Mĩ?

A. Chiến thắng Vạn Tường - Quảng Ngãi.
B. Chiến thắng hai mùa khô 1965-1966; 1966-1967.

C. Cuộc Tổng công kích tổng nổi dậy Tết Mậu Thân 1968.

D. Tất cả các chiến thắng trên.

Câu 109. Ai-xen-hao là Tổng thống Mĩ thực hiện chiến tranh đặc biệt tại Việt Nam. Đúng hay sai?

A. Đúng B. Sai.

Câu 110. Hãy xác định nội dung ở cột A cho phù hợp với cột B?

A	B
1- " Chiến tranh cục bộ" 2- "Chiến tranh đặc biệt" 3- "Việt Nam hóa" chiến tranh	Chiến thắng Ấp Bắc - Mĩ Tho (2-1-1963) Chiến thắng Vạn Tường - Quảng Ngãi (18-8-1965) Chiến thắng Bình Giã (12-1964) Cuộc tiến công chiến lược 1972 Chiến thắng hai mùa khô 1965-1966; 1966-1967.

Câu 111. Thất bại trong chiến lược chiến tranh nào buộc Mĩ phải chấp nhận ngồi vào bàn đàm phán với ta ở Hội nghị Pa-ri?

A. Trong chiến tranh đặc biệt.

B. Trong chiến tranh cục bộ.

C. Trong Việt Nam hóa chiến tranh.

D. Trong chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai.

Câu 112. Trong lúc Mĩ tiến hành chiến tranh phá hoại lần thứ nhất ở miền Bắc, Mĩ đã áp dụng loại hình chiến lược chiến tranh nào ở miền Nam?

A. Chiến tranh một phía. B. Chiến tranh đặc biệt.

C. Chiến tranh cục bộ. D. Việt Nam hóa chiến tranh.

Câu 113. Loại hình chiến tranh nào của Mĩ ở Việt Nam được tiến hành bởi hai đời tổng thống?

A. Chiến tranh một phía. B. Chiến tranh đặc biệt.

C. Chiến tranh cục bộ. D. Việt Nam hóa chiến tranh.

Câu 114. Năm đời tổng thống Mĩ thực hiện chiến tranh xâm lược Việt Nam, đời tổng thống nào nếm thất bại cuối cùng, đau đớn nhất?

A. Ai-xen-hao. B. Giôn-xơn. C. Ních-xơn. D. Pho.

Câu 115. Tổng thống nào của Mĩ gắn với sự sụp đổ của chính quyền bù nhìn Ngô Đình Diệm?

A. Ken nơ đi. B. Giôn xơn. C. Ních xơn. D. Pho.

Câu 116. Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu để phản đối chính quyền Ngô Đình Diệm vào thời gian nào? Ở đâu?

A. 11-5-1963. Ở Hà Nội. B. 11-7-1963. Ở Huế.

C. 11-6-1963. Ở Sài Gòn. D. 1-11-1963. Ở Đà Nẵng.

Câu 117. Chiến thắng lớn nhất thể hiện tình đoàn kết keo sơn chiến đấu của quân dân Việt - Lào trong những năm 1969-1972 là:

A. Chiến thắng tại cánh đồng Chum - Xiêng khoảng Lào.

B. Chiến thắng trong việc đánh bại cuộc hành quân Lam Sơn 719, tại đường 9 - Nam Lào.

C. Chiến thắng ở Sê nô.

D. Chiến thắng ở Luông pha băng.

Câu 118. Phong trào đấu tranh chính trị của đồng bào miền Nam trong những năm 1969-1973 diễn ra rầm rộ nhất ở tỉnh, thành phố nào?

A. Sài Gòn, Đà Nẵng, Nha Trang. B. Huế, Đà Nẵng, Sài Gòn.

C. Sài Gòn, Hà Nội, Huế. D. Sài Gòn, Nha Trang, Huế.

Câu 119. Thắng lợi nào của quân dân miền Nam trong những năm 1970-1972 buộc Mĩ phải thừa nhận thất bại chiến lược "Việt Nam hóa" chiến tranh?

A. Cuộc tiến công chiến lược 1972, chủ yếu đánh vào Quảng Trị.

B. Đánh bại cuộc tập kích chiến lược bằng B52 của Mĩ trong 12 ngày đêm ở Hà Nội và Hải Phòng.

C. Trong chiến dịch Đông - Xuân 1969-1970.

D. Tất cả các thắng lợi trên.

Câu 120. Quá trình diễn biến của Hội nghị Pa-ri gắn với đời tổng thống nào của Mĩ?

A. Ken nơ đi, Ních xơn. B. Giôn xơn, Ních xơn.

C. Ních xơn, Pho. D. Giôn xơn, Ních xơn, Pho.

Câu 121. Hội nghị Pa-ri diễn ra trong khoảng thời gian nào?

A. 5-1968 đến 27-1-1973. B. Cuối năm 1969 đến đầu 1973.

C. 12-1972 đến 27-1-1973. D. 1970 đến 1973.

Câu 122. Thắng lợi trong Hội nghị Pa-ri ta đã đánh cho Mĩ cút, ngụy nhào. Đúng hay sai?

A. Đúng. B. Sai.

Câu 123. Để ép ta nhân nhượng, kí một hiệp định do Mĩ đặt ra, Ních xơn đã cho máy bay B52 đánh vào đâu trong 12 ngày đêm năm 1972?

A. Hà Nội, Nam Định. B. Hà Nội, Hải Phòng.

C. Hà Nội, Thanh Hóa. D. Nghệ An, Hà Tĩnh.

Câu 124. Ngày 2-3-1973, Hội nghị quốc tế về Việt Nam được triệu tại Pa-ri, gồm đại biểu các nước nào?

A. Liên Xô, Mĩ, Trung Quốc, Anh. B. Liên Xô, Trung Quốc, Pháp, Canada.

C. Liên Xô, Trung Quốc, Anh, Pháp. D. Liên Xô, Pháp, Anh.

Câu 125. Sau khi Hiệp định Pa-ri kí kết tình hình ở miền Nam như thế nào?

A. Mĩ đã cút nhưng ngụy chưa nhào.

B. Cả Mĩ ngụy đều bị thất bại.

C. Ta đã giành thắng lợi mở màn ở Tây Nguyên.

D. Ta kết thúc thắng lợi về quân sự và ngoại giao.

Câu 126. Sự kiện nào tác động đến Hội nghị Bộ Chính trị (từ 18-12-1974 đến 9-1-1975) để Hội nghị quyết định giải phóng miền Nam trong năm 1975?

A. Chiến thắng ở Buôn Ma Thuột. B. Chiến thắng Tây Nguyên.

C. Chiến thắng ở Quảng Trị. D. Chiến thắng Phước Long và đường số 14.

Câu 127. Chiến thắng nào của ta trong năm 1975 đã chuyển cuộc tiến công chiến lược sang tổng tiến công chiến lược trên toàn miền Nam?

A. Chiến thắng Phước Long. B. Chiến thắng Tây Nguyên.

C. Chiến thắng ở Huế - Đà nẵng. D. Chiến thắng Quảng Trị.

Câu 128. Cùng thời gian với chiến dịch Tây Nguyên, ta còn mở chiến dịch đánh địch ở đâu?

A. Ở Phước Long. B. Ở Quảng Trị.

C. Ở Huế - Đà Nẵng. D. Ở Nha Trang.

Câu 129. Chiến thắng nào của ta trong năm 1975 làm cho địch phải tháo chạy về hướng đông, tìm đường rút vào miền Nam?

A. Chiến thắng ở Tây Nguyên. B. Chiến thắng ở Huế.

C. Chiến thắng ở Đà Nẵng. D. Chiến thắng ở Quảng Ngãi.

Câu 130. "Phải tập trung nhanh nhất binh khí kĩ thuật để giải phóng miền Nam trước mùa mưa ...". Chủ trương này ra đời trong thời điểm lịch sử nào?

A. Sau khi chiến dịch Tây Nguyên kết thúc.

B. Khi chiến dịch Huế - Đà Nẵng đang sôi động.

C. Ta chuẩn bị mở chiến dịch Hồ Chí Minh.

D. Khi chiến dịch Hồ Chí Minh đang tiếp diễn.

Câu 131. Sự kiện nào ở cột B gắn với cột A?

A	B
1. Nếu thời cơ đến đầu hoặc cuối năm 1975, thì giải phóng miền Nam ngay trong năm 1975. 2. Tập trung nhanh nhất binh khí kĩ thuật giải phóng miền Nam trước mùa mưa năm 1975.	A. Chiến dịch Tây Nguyên. B. Chiến dich Huế - Đà nẵng. C. Chiến dịch Hồ Chí Minh.

Câu 132. Trận chiến đấu gay go, quyết liệt nhất trong chiến dịch Hồ Chí Minh là trận nào?

A. Trận Phước Long và đường số 14. B. Trận đánh ở Phan Rang.

C. Trận đánh ở Xuân Lộc. D. Trận đánh ở sân bay Tân Sơn Nhất.

Câu 133. Thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của nhân dân ta đã kết thúc bao nhiêu năm chiến tranh giải phóng dân tộc?

A. 21 năm. B. 30 năm. C. 15 năm. D. 20 năm.

Câu 134. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của nhân dân ta đã có tác động mạnh mẽ nhất đối với phong trào giải phóng dân tộc ở khu vực nào trên thế giới?

A. Châu Á. B. Châu Phi.

C. Châu Mĩ la-tinh. D. Không phải các khu vực trên.

Câu 135. Tổng thống cuối cùng của nguỵ ở Sài Gòn là:

A. Nguyễn Văn Thiệu. B. Dương Văn Minh.

C. Trần Văn Hương. D. Nguyễn Cao Kỳ.

Câu 136. Số cử tri đi bầu Quốc hội nước Công hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1976 khoảng bao nhiêu người?

A. Trên 23 triệu người. B. Dưới 20 triệu người.

C. Trên 50 triệu người. D. Tất cả đều sai.

Câu 137. Ngày 2 tháng 7 năm 1976 gắn với lịch sử nước ta, đó là ngày:

A. Nước ta được hoàn toàn độc lập.

B. Nước ta được công nhận là thành viên của Liên hiệp quốc.

C. Ngày nước ta lấy tên là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

D. Tất cả đều đúng.

Câu 138. Vừa thành lập, nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đặt quan hệ ngoại giao với bao nhiêu nước?

A. 78 nước. B. 56 nước. C. 94 nước. D. 106 nước.

Câu 139. Đồng chí Trường Chinh là người được bầu làm Chủ tịch nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ngay lúc mới thành lập. Đúng hay sai?

A. Đúng. B. Sai.

Câu 140. Tháng 9 năm 1977, diễn ra sự kiện gì gắn với nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đáng ghi nhớ?

A. Việt Nam trở thành thành viên thứ 49 của Liên hiệp quốc.

B. Việt Nam hoàn thành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa.

C. Việt Nam gia nhập khối ASEAN.

D. Tất cả các sự kiện trên.

Câu 141. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được chính thức thành lập vào năm nào?

A. Năm 1975. B. Năm 1976. C. Năm 1977. D. Năm 1978.

Câu 142. Tháng 12 năm 1976, tại Hà Nội diễn ra sự kiện lịch sử trọng đại gì?

A. Tổ chức kỉ niệm ngày đất nước độc lập, thống nhất.

B. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng ta.

C. Tổ chức kỉ niệm ngày thủ đô Hà Nội giải phóng.

D. Không có sự kiện nào cả.

Câu 143.Thủ tướng đầu tiên của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam là ai?

A. Trường Chinh. B. Võ Nguyên Giáp.

C. Phạm Văn Đồng. D. Võ Văn Kiệt.

Câu 144. Hiến pháp nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam được thông qua trong thời điểm nào?

A. Năm 1946. B. Năm 1959. C. Năm 1975. D. Năm 1980.

Câu 145. Báo cáo về phương hướng và mục tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm lần thứ hai sau khi đất nước thống nhất được trình bày tại đại hội lần thứ mấy của Đảng ta?

A. Đại hội lần thứ V. B. Đại hội lần thứ IV.

C. Đại hội lần thứ VI. D. Đại hội lần thứ VII.

Câu 146. Vấn đề trọng tâm được nêu ra trong Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng ta là vssn đề gì?

A. Khắc phục hậu quả chiến tranh để lại.

B. Đẩy mạnh công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước.

C. Đề ra đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước và tổng kết cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của nhân dân ta.

D. Tất cả các ý trên đều đúng.

Câu 147. Mặt trận hàng đầu trên lĩnh vực kinh tế trong những năm 1981 – 1985 được Đại hội lần thứ V của Đảng xác định là gì?

A. Công nghiệp. B. Nông nghiệp.

C. Công nông nghiệp. D. Tất cả các lĩnh vực trên.

Câu 148. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng họp vào tháng 12 năm 1982 tại Hà Nội. Đúng hay sai?

A. Đúng. B. Sai.

Câu 149. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng xác định nhiệm vụ nào là nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới?

A. Bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

B. Xây dưng kinh tế đi đôi với quốc phòng.

C. Xây dựng chủ nghĩa xã hội.

D. Tất cả các nhiệm vụ trên.

Câu 150. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng ta diễn ra vào tháng 12 năm 1986. Đúng hay sai?

A. Đúng. B. Sai.

Câu 151. Trọng tâm của công cuộc đổi mới đất nước được nêu ra trong Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI là:

A. Đổi mới về kinh tế. B. Đổi mới về chính trị.

C. Đổi mới về kinh tế và chính trị. D. Đổi mới về văn hoá, xã hội.

Câu 152. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng ta đã bầu ai làm Tổng Bí thư?

A. Trường Chinh. B. Đỗ Mười. C. Nguyễn Văn Linh. D. Phạm Văn Đồng.

Câu 153. Nhiệm vụ và mục tiêu của chặng đường đầu tiên trong sự nghiệp đổi mới theo quan điểm của Đại hội Đảng lần thứ VI là gì?

A. Tăng trưởng và phát triển kinh tế nhiều thành phần.

B. Ổn định tình hình kinh tế - xã hội, tiếp tục xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hoá trong chặng đường tiếp theo.

C. Giải quyết ba chương trình, muvj tiêu kinh tế.

D. Tất cả đều đúng.

Câu 154. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng ta diễn ra vào thời gian nào?

A. Từ 24 đến 27- 12 – 1991. B. Từ 20 đến 27- 12 – 1991.

C. Từ 24 đến 30- 12 – 1991. D. Từ 24 đến 27- 11 – 1991.

Câu 155. Tại đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng ta đã thông qua cương lĩnh gì?

A. Cương lĩnh xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

B. Cương lĩnh xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần.

C. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

D. Cương lĩnh thực hiện ba chương trình, mục tiêu kinh tế.

Câu 156. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng ta đã bầu ai làm Tổng Bí thư?

A. Trường Chinh. B. Nguyễn Văn Linh. C. Võ Nguyên Giáp. D. Đỗ Mười.

Câu 157. Ổn định và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước được đề ra trong cương lĩnh của đại hội lần thứ mấy của Đảng ta?

A. Đại hội lần thứ IV. B. Đại hội lần thứ V.

C. Đại hội lần thứ VI. D. Đại hội lần thứ VII.

Câu 158. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng diễn ra trong khoảng thời gian nào?

A. Từ ngày 28 tháng 6 đến ngày 4 tháng 7 năm 1996.

B. Từ ngày 28 tháng 6 đến ngày 4 tháng 7 năm 1995.

C. Từ ngày 20 tháng 6 đến ngày 4 tháng 8 năm 1996.

D. Từ ngày 26 tháng 8 đến ngày 4 tháng 7 năm 1996.

Câu 159. Mục tiêu cơ bản đề ra trong Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII đối với nước ta là gì?

A. Đưa nước ta trở thành nước công – nông nghiệp hiện đại.

B. Đưa nước ta trở thành một nước tiên tiến trong khu vực Đông Nam Á.

C. Đưa nước ta trở thành nước trở thành một nước công nghiệp.

D. Tất cả các mục tiêu trên.

Câu 160. Nền tảng của nền công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước theo quan điểm của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII là:

A. Giáo dục và đào tạo.

B. Khoa học và công nghệ.

C. Kinh tế và quốc phòng.

D. Văn hoá và giáo dục.

Câu 161. Hãy ghi đúng (Đ) hoặc sai (S) vào các câu dưới đây:

A. Đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước được đề ra trong Đại hội lần thứ VII của Đảng.

B. Hiến pháp đầu tiên của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam được ban hành vào tháng 12 năm 1980.

C. Thứ tự tên gọi của Đảng ta theo thời gian như sau: Đảng Lao động Việt Nam, Đảng Cộng sản Đông Dương, Đảng Công sản Việt Nam.

D. Đồng chí Nguyễn Văn Linh được bầu làm Tổng Bí thư Đảng Công sản Việt Nam từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI.

Câu 162. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng xác định nhân tố có ý nghĩa quyết định thắng lợi của công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở đất nước ta là:

A. Xây dựng nề kinh tế hàng hoá nhiều thành phần.

B. Nâng cao dân trí, bồi dưỡng và phát huy nguồn lực to lớn của con người Việt Nam.

C. Tập trung mọi nguồn lực để phát triển kinh tế Nhà nước.

D. Tất cả các nhân tố trên.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Phần I
LỊCH SỬ THẾ GIỚI

CHƯƠNG I

1B
2 1) Liên Xô: Xta-lin. 2) Mĩ : F.Ru-dơ-ven 3) Anh : Sớơc-xin
3C
4 A. Liên Xô. B. Liên hợp quốc C. châu Âu và châu Á.
5C 6A 7A 8D
9 1: C, E; 2: A, B, D, F.
10 A, C, D, F, G : Đúng; B, E : Sai.
11B 12A 13C 14B 15D 16A 17A 18B 19C 20C

CHƯƠNG II

1B 2A 3D
4 2, 4: Đ; 1,3,5:S
5 1: C; 2: D; 3: F; 4: H; 5: G; 6: B; 7: A; 8: E.
6D 7C 8D 9C 10B 11D 12C 13D 14B 15A 16C 17B
18 1: B, 2: B, E 19D
20 A. An-ba-ni; B. Ba Lan. C. Bun-ga-ri;
D. Hung-ga-ri. E. Tiệp Khắc
21B 22A 23B
24 1,4: Công cuộc cải tổ. 2,3,5,6: Hậu quả.
25B 26A
27 1: B; 2: C; 3: A; 4: D
28C 29B 30A 31B
32 A. Liên Xô, An-ba-ni, Ba Lan, Bun-ga-ri, Hung-ga-ri
B. Cộng hòa Dân chủ Đức
C. Cộng hòa Nhân dân Mông Cổ
D. Cộng hòa Cu-Ba
E. Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam
33C 34D 35B 36A 37C
38 A. Đông Âu; B. Xô, Mĩ
C. "chiến tranh lạnh" D. Hiệp ước Vác-sa-va
39B
40 1 : D, 2 : C, 3 : A, 4 : B, 5: E
41 A, B, G: Sai. C, D, E: Đúng
42B 43C 44C 45D 46D 47C 48B 49D 50A
51D 52D 53A 54D 55C 56D 57D 58D 59A
60B 61C 62B 63D 64A 65D 66B

CHƯƠNG III

1B 2A

3 1: E; 2: A; 3: D; 4: B; 5: C

4 1,3: Đối với CMTQ; 2,4: Đối với CMTG.

5C

6 A, D, F, G, I: Đúng; B, C, E, H: Sai.

7B 8B

9 1: E; 2: C; 3: A; 4: B; 5: D

10B 11D 12B 13C

14 A. Thực dân Pháp quay lại xâm lược Cam-pu-chia

B. Triều đình phong kiến Cam-pu-chia kí với Pháp hiệp định công nhận sự thống trị của Pháp

C. Thành lập Ủy ban mặt trận dân tộc giải phóng Cam-pu-chia

D. Pháp kí hiệp ước "trao trả độc lập cho Cam-pu-chia".

15A 16C

17 2,4: Trung Quốc, 3,6: Lào, 1,5: Cam-pu-chia.

18B 19C

20 1: B; 2: E; 3: D; 4: A; 5: C

21 1: Phi-lip-pin; 2: Miến Điện; 3: In-đô-nê-xi-a;
4: Mã Lai; 5: Xin-ga-po.

22B 23C 24D

25 1: B; 2: A; 3: E; 4: C; 5: D.

26 A,B,D: Đ, C: S

27 1: B; 2: D; 3: A; 4: L; 5: C; 6: K; 7: G; 8: I; 9: F; 10: E; 11: H.

28A 29B 30 A. Bom bay

B. Biểu tình, tuần hành

C. Can-cut-ta, carasi, Mađơrat

D. "Tê-pha-ra"

E. Cancutta

F. Ấn Độ của những người theo Ấn Độ giáo và Pakixtan của những người theo Hồi giáo

31 A, B, D : Đúng. C, E : Sai

32C 33A 34B

35 1: G; 2: C, E; 3: D; 4: F; 5: B; 6: A.

36A

37 1: 1964-1975; 2: 1954-1960;
3: 1945-1954; 4: 1975 – nay.

38 A, C, D, F : Đúng B, E : Sai

39 1) An-giê-ri: A, B, E, F. 2) Nam phi: C, D

40C

41 1, 7, 8 với A; 2, 3, 4, 5, 6 với B;
9, 10 với C; 11 với D.

42 A, C, E, F : Đúng B, D : Sai

43A

44 1: B, 2:C, 3: A, 4: D, 5: E
45C 46C 47A 48A 49B 50B 51C 52D 53B
54D 55C 56D 57A 58D 59A 60B 61D
62 1:D, 2:E, 3: G, 4: C, 5: A, 6:B
63 A,C,D,G: Sai; B, E: Đúng.
64 S, A, E, D, G, B, C, J.
65D 66C 67D 68A
69 1: C, 2: D, 3: B, 4: A, 5:E.
70E 71D 72C 73B 74A 75D 76C
77D 78B 79C 80C 81B 82C

CHƯƠNG IV

1D 2A 3C
4 1: 1963; 2: 1974; Những năm 80.
5 B, C, E: Đúng; A, D: Sai.
6D 7D 8C 9A 10D 11B
12 A, C, E : Sai. B, D, F : Đúng.
13C 14B 15A 16D 17B 18B 19D 20C 21A 22B 23B 24B
25 1:A, 2:D,3: E, 4:G, 5:C, 6:B, 7:F, 8:H
26D 27D 28B 29A
30 1: B, C, E, F; 2: A, D, F.
31B 32A 33D 34D 35A 36A 37B 38D 39B 40A
41D 42B 43D 44D 45C 46C 47D 48B 49B 50C
51 A,C,E: Sai; B, D,F: Đúng.
52 1:C, 2:E, 3:D, 4: A, 5: B
53A 54C 55B
56 1. Anh, 2: Đức, 3: Anh, Pháp, Đức,4: Pháp, 5: Anh, 6: Đức.
57 A, D, E: Đối ngoại; B, C: Đối nội
58B
59 A. Ngày 25 - 3 - 1957
B. 6 nước gồm: Cộng hòa liên bang Đức, Pháp, Italia, Bỉ, Hà Lan, Luých xăm bua
C. Phát triển nhanh chóng nền kinh tế, ứng dụng những thành tựu khoa học- kĩ thuật hiện đại vào sản xuất, thực hiện có hiệu lực cạnh tranh kinh tế, tài chính, thương mại với các nước ngoài khối, đặc biệt với Mĩ và Nhật Bản.
D. Liên minh châu Âu (EU)
60B 61C 62C 63B 64B 65B 66C
67C 68B 69B 70D 71C 72C

CHƯƠNG V

1C 2D 3D 4C 5B 6D 7C 8B 9A
10B 11B 12C 13D 14B 15A 16C 17B 18C
19D 20A 21A 22D 23C 24C 25D 26B 27C
28 1: C, 2: H, 3: B, 4: E, 5: D, 6: I, 7: A, 8: K, 9: G, 10: F.

CHƯƠNG VI

1 1: B, D, F. 2: A, C, E.

2 A. Toán học, Vật lý, Hóa học, Sinh học.
B. Khoa học vũ trụ, khoa học du hành vũ trụ.
C. Điều khiển học, sinh vật học, phân tử
D. Năng lượng, công cụ sản xuất, vật liệu mới, chống ô nhiễm môi trường, lương thực, thực phẩm.

3 A, D, E, F : Đúng. B, C, G : Sai

4C 5C 6B 7D 8B 9A 10D 11D 12B

13B 14C 15A 16A 17B 18B 19B 20C

21 A. chói lọi trong lịch sử ttiến hoá văn minh.
B. phi thường.
C. Những thành tựu kì diệu.
D. những bước nhảy vọt về sản xuất.

22C

23 1: D; 2:E, 3: A; 4: B; 5: C; 6: F, 7: H; 8: G.

24A 25B 26C 27C 28D 29C 30A 31D 32D

BÀI TỔNG KẾT

1A 2B 3C 4B 5D

6 A, E, F : Đúng. B, C, D : Sai

7B

8 1: C; 2: A; 3: B.

9D 10B 11C 12B 13C 14A 15C 16A 17D 18B

19B 20C 21D 22D 23A 24B 25D 26C 27B 28D

29D 30A 31C 32D 33B 34C 35D 36D

Phần II
LỊCH SỬ VIỆT NAM

CHƯƠNG I

1B 2C 3B 4D 5B 6D 7D 8B 9C 10C 11D

12B 13C 14A 15C 16B 17A 18C 19A 20C 21A 22B

23C 24B 25C 26C 27D 28D 29D 30B 31D 32C 33B

34C 35B 36C 37D 38B 39C 40A 41C 42B 43C 44B

45D 46C 47A 48B 49D 50B 51C 52A 53C 54D 55B

56D 57C 58A 59B 60C 61A 62C 63A 64D 65C 66B

67C 68D 69B 70A 71A 72B 73A 74A

75 1: C, H. 2: D, H, 3: B. 4: A, G, H, I.

76 1:C, 2: D, 3: A, 4: B.

77A 78D 79C 80B 81C 82B 83B 84C 85A 86C 87B

88B 89D 90A 91B 92D 93A 94C 95B 96C 97D 98C

99B 100C 101D 102D 103A 104B 105C

106 1B; 2E; 3A; 4I; 5H; 6C; 7G; 8D ; 9L; 10M

107B 108C 109C

110 1 với B , E; 2 với A, D; 3 với C, F.

111 Nối 1 với C; 2 với A, D; 3 với B.

112D 113A 114C 115B 116C 117D 118C 119C

120B 121A 122C 123C 124B 125A 126C 127B

128C 129B 130D 131A

132 1: D, 2: E, 3: A, 4: H, 5: B, 6: C, 7: G.

133 A. "Nhân đạo", "Đời sống công nhân", "Sự thật", "Thư tin quốc tế"

B. "Chuông rè", "Người nhà quê", "An Nam trẻ"

C. "Người cùng khổ", "Thanh niên", "Bản án chế độ thực dân", Đường Cách mệnh", "Nhan đạo", "Sự thật", "Đời sống công nhân", "Thư tín quốc tế".

134C 135C 136A 137D 138A 139B 140D 141C

142B 143D 144C 145B 146D 147B 148C 149B

150D 151A 152D 153D 154C 155D

156 A. Ngô Gia Tự, Nguyễn Đức Cảnh

B. Đại hội lần thứ nhất của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên không thành công

C. Các hội viên tiên tiến trong bộ phận Hội Việt Nam cách mạng thanh niên ở Trung Quốc và Nam Kì thành lập

D. Các Đảng viên tiên tiến của Tân Việt cách mạng đảng thành lập

157 A, D: Đúng, B, C: Sai

158B 159D

CHƯƠNG II

1C 2A 3B 4C 5A 6B 7D 8D 9B 10A 11B 12D

13A 14A 15D 16C 17B 18C 19D 20A 21B 22D 23B 24B

25B 26D 27C 28A 29C 30B 31D 32D 33A 34A 35B

36 A,C,E,F,G,H: Đúng; B, D: Sai.

37C 38D 39B 40C 41D 42B 43A 44D 45B 46C 47B

48A 49A 50D 51A 52D 53C 54D 55A 56D 57B 58B

59C 60D 61A 62B 63D 64A 65B 66B 67C 68D 69D

70 A, C, D, H: Đúng; B, E, G: Sai.

71 1: D, 2: E, 3: B, 4:: A, 5: H, 6: C, 7: G.

72B 73B 74C 75D 76A 77C 78D 79A 80B 81D 82B 83C

84D 85B 86D 87B 88D 89A 90C 91C 92B 93C 94B

95A 96C 97B 98A 99B 100D 101B 102A 103B 104B 105A

106 1: C, 2: A, 3: D, 4: B, 5: E, 6: G, 7: I, 8: F, 9: J, 10: H.

107B 108C 109D 110C 111A 112B 113A 114B

115C 116C 117C 118D 119B 120B 121C

122 1: C, 2: D, 3: A, 4: F, 5: G, 6: B, 7: E, 8: H.

123B 124A 125B 126C 127B 128B 129A 130D

131C 132A 133B 134C 135B 136C 137D 138D

139C 140C 141B 142C 143C 144A 145A 146B

147B

148 1: C, 2: F, 3: G, 4: A, 5: B, 6:D, 7: E.

149B 150B 151D 152C 153B 154D 155A 156B

157B 158D 159B 160A 161B 162B 163D 164C

CHƯƠNG III

1C 2B 3C 4D 5B 6C 7B 8A 9B 10A 11C 12B

13 1: B, C, G; 2: A, D

14 A. Thực dân Pháp định áp trụ sở Ủy ban nhân dân Nam Bộ và cơ quan tự vệ thành phố Sài Gòn, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta lần thứ hai.

B. Tổng tuyên cử bầu quốc hội trong cả nước với 90% cử tri đi bầu và bầu được 333 đại biểu.

C. Chính phủ ta kí với đại diện chính phủ Pháp bản Hiệp định sơ bộ.

15C 16D 17D 18A 19D 20D 21D 22D 23D 24C 25D

26A 27D 28B 29A 30D 31A 32D 33D 34B 35A 36C

37A 38C 39C 40B 41D 42B 43A 44D 45B 46A 47A

48 1: D, 2: B, 3: A, 4: C, 5: H, 6: K, 7: E, 8: F, 9: G, 10: I.

49B 50B 51C 52D 53C 54A 55D 56B 57A 58C 59B

60C 61B 62C 63C 64D

65 A: 1-10-1949; B: 1-1950; C: 6 - 1950; D: 8 - 1950.

66A 67B 68A 69C 70A 71B 72A

73 A. Thực dân Pháp huy động 12.000 quân, mở cuộc tấn công lên Việt Bắc

B. Binh đoàn hỗn hợp bộ binh và lính thủy đánh bộ từ Hà Nội ngược sông Hồng, Sông Lô đánh lên Tuyên Quang bao vây Việt Bắc.

C. Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị : "Phải phá tan cuộc tấn công vào mùa đông của giặc Pháp".

D. Đại bộ phận quân Pháp rút khỏi Việt Bắc.

74 A. giữa binh đoàn bộ binh hành quân theo đường số 4 và nhảy xuống Bắc Cạn.

B. giữa binh đoàn hỗn hợp bộ binh và lính thủy từ Hà Nội theo đường sông Hồng lên và binh đoàn bộ binh theo số đường 4.

C. Ở Bắc Cạn, Đoan Hùng, Bông Lau.

75D 76D 77A 78C 79D 80B 81A 82A 83B 84A 85C

86D 87C 88A 89D 90D 91D 92A 93A 94C 95C 96D

97A 98B 99C 100B

101 1: B, 2: D, 3: F, 4: A, 5: E, 6: C, 7: G, 8:H

102C 103D 104A 105B 106B 107D 108C

109B 110A 111C 112B 113A 114C

115 A. 25-12-1950 đến 17-1-1951; B. 30-3 đến7-4-1951;

C. 28-5-1951 đến 20-6-1951; D.10-11-1951 đến 23-2-1952;

E. 10-1952 đến 12-1952; F. 4-1953.

116D 117A 118 A. 3-2-1930 : Đảng Cộng sản Việt Nam.

B. 2-10-1930 : Đảng Cộng sản Đông Dương.

C. 3-2-1951 : Đảng Lao động Việt Nam.

119 1: C, 2: B, 3: A.

120 1: B, 2: A, 3: D, 4: C.

121D	122D	123A	124A	125C	126C	127B	128B
129A	130D	131B	132B	133A	134C	135D	136C
137D	138C	139C	140D	141D	142C	143D	144A
145C	146A	147B	148C	149B	150D	151A	152D
153D							

154 1: B, 2: D, 3: A, 4: F, 5: C, 6: E, 7: K, 8: I, 9: H, 10: G.

155B	156C	157A	158B	159B	160B	161C	162A
163C	164D	165C	166B	167A	168B		

169 1: C, 2: I, 3: B, 4:H, 5: D, 6: K, 7: A, 8: L . 9: F, 10: E.C

170 1: A , B , D , E. 2: C

171 A. chuyển bại thành thắng.
B. giữ thế phòng ngự chiến lược ở miền Bắc, tiến công chiến lược miền Nam.
C. từ mùa thu 1954.

172D	173D	174D	175C	176B	177B	178A	179B
180B	181D	182C	183C	184D	185D	186A	187B
188A	189B	190C					

191 A. Chiến cuộc Đông xuân 1953-1954;
B. Chiến dịch Điện Biên Phủ.

192D	193A	194C	195D	196D	197B	198C	199B
200A							

201 1: E, 2K, 3: F, 4: A, 5: B, 6: G, 7: D, 8:I, 9: H, 10: C.

CHƯƠNG IV

1 1: A, 2: C, 3: B, 4: D.

2B	3D	4B	5C	6A	7C	8C	9D	10C	11B	12C
13D	14B	15A	16C	17D	18B	19C	20A	21A	22D	23C
24B	25B	26B	27C							

28 A: 2-1959 ; B: 8-1959 ; C:17-1-1960

29D	30D	31C	32B	33A	34B	35B	36B	37B	38B	39A
40B	41C	42D	43B							

44 A. Lực lượng vũ trang cách mạng thống nhất thành quân Giải phóng miền Nam Việt Nam.
B. Trung ương Cục miền Nam Việt Nam thành lập.
C. Chiến thắng Ấp Bắc - Mĩ Tho.
D. Hai vạn Tăng ni Phật tử Huế biểu tình.
E. Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu.
G. 70 vạn quần chúng Sài Gòn biểu tình.
H. Ngô Đình Diệm bị lật đổ.
I. Chiến thắng Bình Giã (Bà Rịa).

45D	46B	47C	48B	49A	50C	51B	52C	53A	54D	55C
56D	57D	58B	59A	60A	61B	62C	63B	64A	65A	66B
67C	68D	69A	70D	71D	72D	73C	74C	75B	76C	77D
78A	79B	80D	81D	82A	83C	84C	85A	86A	87C	88D

89B 90B 91C 92D
93 1: D, 2: G, 3:E, 4: H, 5: C, 6: A, 7: K, 8: B, 9: F, 10:I, 11:L.
94B 95A 96A 97C 98B 99A 100D 101B
102C 103D 104D
105 A. 30 - 1 đến 25 - 2 -1968. B. 4 - 5 đến 18 - 6 - 1968.
C. 17 - 8 đến 23 - 9 - 1968.
106B 107A 108A 109C 110B 111B 112A 113D
114 A. "Nhằm thẳng quân thù mà bắn", "Quyết tâm đánh thắng giặc Mĩ xâm lược".
B. "Chắc tay súng, vững tay búa".
C. "Chắc tay súng, vững tay cày".
115D 116D 117C 118D 119B 120C 121D 122B
123 A:2 ; B:1 ; C:3
124A 125C 126D 127D 128B 129C 130D 131A 132B 133D
134 A. Ních-xơn phê chuẩn kế hoạch đánh phá miền Bắc 12 ngày đêm.
B. Mĩ tuyên bố ngừng hoạt động đánh phá miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra.
C. Mĩ tuyên bố ngừng hoàn toàn các hoạt động chống phá miền Bắc để kí với Chính phủ ta Hiệp định Pa-ri.
135B 136C 137B 138B
139 A:1 ; B:4 ; C: 2 ; D: 3 ; E: 5 ; G:7 H: 6; I: 8.
140A 141C 142C 143D 144C 145B 146A 147B 148C 149A 150C
151B 152C 153C 154A 155A 156D 157B 158D 159B 160C 161C
162B 163C 164B 165D 166D 167D 168A 169C 170D 171C
172 1: F, 2: I, 3: G, 4: H, 5: A, 6: B, 7: K, 8: C, 9: D, 10:E
173A 174B 175D 176D 177C 178C 179A 180B 181A 182B 183D
184C 185D 186C 187B 188D 189C
190 A: (6- 1973); B: Sau 2 năm 1973-1974;
C: Cuối 1974; D: Trong 2 năm 1973-1974.
191D 192D 193A 194B 195C 196B 197D 198D 199D 200B 201B
202A 203D 204B
205 A. Ta đánh nghi binh ở Playcu, Kontum nhằm thu hút địch vào hướng đó.
B. Quân ta tấn công vào thị xã Buôn Ma Thuột.
C. Quân địch mở cuộc phản công tái chiếm Buôn Ma Thuột nhưng bị đánh bại.
D. Nguyễn Văn Thiệu ra lệnh rút khỏi Pleiku, Kontum và toàn bộ Tây Nguyên về giữ vùng duyên hải Nam Trung Bộ.
E. Quân ta được lệnh đánh chặn và truy kích địch trên đường chúng rút chạy khỏi Tây Nguyên.
G. Chiến dịch Tây Nguyên kết thúc.
206A 207C 208D
209 A (19 - 3 - 1975); B (26 - 3 -1975); C (29 - 3 - 1975);
D (25 - 3 - 1975); E (24 - 3 - 1975).
210C 211D 212C 213B 214A 215A 216B 217D 218C 219D 220B

CHƯƠNG V

1C
2 A: 4 ; B:5 ; C:1 ; D:2 ; E:3
3A 4C 5B 6C 7B 8A 9C 10C 11D 12B 13B
14B 15D 16C 17B 18D 19C 20D 21D 22B 23D
24 1: D, 2: E, 3: B, 4: C, 5: D.
25B 26B 27C 28A 29C 30C 31D 32B 33D 34C 35D
36C 37D 38C 39A 40C 41D 42B 43D 44B 45D
46 1: D, 2: A, 3: F, 4: C, 5: E, 6: B.
47D 48D 49D 50C 51D 52C 53D 54B 55A 56C 57A 58B

TỔNG KẾT LỊCH SỬ VIỆT NAM

1A 2D 3B 4B 5A 6A 7A 8B 9C
10 1: C, I. 2: D, H, 3: B. 4: A, G, H, I.
11C 12A 13C 14B
15 1:C, 2: D, 3: A, 4: B
16D 17C 18B 19D 20B 21A 22A 23C 24D 25C 26C
27A 28D 29C 30B 31A 32B 33D
34 1: C, 2: B, 3: A
35A 36D 37B
38 Cuộc nổi dậy của hơn 2 vạn nông dân Hưng Nguyên – Nam Đàn - Nghệ An.
Đại hội lần thứ I của Đảng Cộng sản Đông Dương tại Ma Cao – Trung Quốc.
Cuộc biểu tình của hơn 2 vạn quần chúng tại Nhà Đấu Xảo – Hà Nội.
Nguyễn Ái Quốc về nước tại Bắc Pó – Cao Bằng.
39B 40B 41C 42D 43C 44A 45B 46D 47D 48A 49B
50B 51C 52B 53B 54D 55A 56C 57C 58B 59A 60B
61D 62C 63A 64C 65B 66D 67C 68B 69C 70B 71D
72A 73C 74D 75A 76A 77C 78C 79B 80D 81A 82C
83D 84B 85D 86A 87D
88 1:A,C,D. 2: B
89A 90B 91C 92B 93B 94B 95C 96B 97A 98C 99B
100C 101B 102A 103B 104A 105B 106B 107C 108C 109B
110 1: B C 2: A, E, 3: D
111B 112C 113D 114D 115A 116C 117B 118B 119A 120B 121A
122B 123B 124C 125A 126D 127B 128B 129C 130C
131 1: A,B. 2: C
132C 133B 134C 135B 136A 137C 138C 139B 140A 141C
142B 143C 144D 145B 146C 147B 148B 149C 150A 151A
152C 153B 154A 155C 156D 157D 158A 159C 160B
161: A, C (Sai); B, D (Đúng). 162B.

MỤC LỤC

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
16 Hàng Chuối – Hai Bà Trưng – Hà Nội
Điện thoại: (04) 9715011; (04) 9724770. Fax: (04) 9714899

* * *

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc: PHÙNG QUỐC BẢO

Tổng biên tập: NGUYỄN BÁ THÀNH

Biên tập: MAI HƯƠNG - THƯ TRANG - NGUYỄN HẠNH
Chế bản: NHÀ SÁCH HỒNG ÂN
Trình bày bìa: NGỌC ANH

1260 CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM LỊCH SỬ 12

Mã số: 2L - 37 ĐH 2008
In 2.000 cuốn, khổ 16 × 24cm tại Công ty TNHH in bao bì Phong Tân - TP. Hồ Chí Minh.
Số xuất bản: 222 - 2008/CXB/ 02 – 37/ĐHQGHN, ngày 14/3/2008.
Quyết định xuất bản số: 37 LK/XB. In xong và nộp lưu chiểu quý II năm 2008.